




HUYỀN CHIÊU

tản văn

NHỮNG
CHUYỆN
XƯA
CỦA LÒNG

Tủ Sách T. Văn & Bạn Hữu
2022



Lương Lệ Huyền Chiêu.
Dạy học tại trường
Trung Học Bán Công Ninh Hòa
trước năm 1975.



NHỮNG CHUYỆN XƯA CỦA LÒNG

Tôi đã có thời gian buộc phải quên mình là ai và tự xóa đi quá khứ.

Rồi tôi được cầm lại cây bút, được mặc lại chiếc áo dài và được đứng trước bảng mà lòng không vui. Học trò của tôi vừa đói ăn vừa đói những kiến thức chân chính để có thể trở thành một con người tự do, tự do trong cảm xúc, tự do trong tư tưởng.

Vì nhớ thương vô cùng cuộc sống mà mình đã mất, tôi bắt đầu viết ở cái tuổi không còn trẻ. Và nhờ Internet làm dòng suối chờ những chiếc lá chữ của tôi đến với những ai muốn đọc ... (HC)

tv&bh

HUYỀN CHIÊU

NHỮNG CHUYỆN XƯA
CỦA LÒNG

tản văn

Trình Bày: T.Vấn

Tranh Bìa: Lối Cũ (Mai Tâm)

Ấn Bản Điện Tử
do
T.Vấn & Bạn Hữu

Thực Hiện

©Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu 2022

©Huyền Chiêu 2022

HUYỀN CHIÊU

NHỮNG CHUYỆN XƯA
CỦA LÒNG

tản văn

■ *Tất cả những hình ảnh sử dụng trong bài đều chỉ nhằm mục đích minh họa và chúng hoàn toàn thuộc về quyền sở hữu theo luật quốc tế hiện hành của các tác giả hợp pháp của những hình ảnh này.* ■

MỤC LỤC

Tự Sự 001

- Giữ trong tim được không? 004
- Người từ trăm năm . . . 013
- Xin giữ gìn màu lúa chín . . .023
- Đời sao buồn . . .034
- Có người lòng như . . .041
- Điệu Valse của Văn Cao . . .053
- Mùa Len Trâu 059
- Bước chân người . . .068
- Khi Thơ đi vào Nhạc 075
- Cô gái lười biếng . . .086
- Người đi trên đồng tro tàn 095
- Ngày trong thiên đường 102
- Chẳng thiếu chi nhiều . . .106
- Cảm xúc Hội An 115
- Tản mạn về Huế 127
- Điều kỳ dị của tâm hồn 138
- Bắc kỳ di cư 145
- Nỗi buồn khi đọc . . .155
- Khách trú 160
- Xe lửa ở quê tôi 168
- Hương xưa 175
- Ngày mai . . .180
- Quê hương tan nát 188

- Có người con gái. . .195
- Đi xem công viên cá Koi 200
- Đêm Sài Gòn xưa 207
- Thị trấn biển mát 214
- Chân dung người lính miền Nam 220
- Sài Gòn vui . . .228
- Nguyễn Tất Nhiên & . . .237
- Đôi khi nắng lên . . .250
- Gặp Lư ở Tuy Hòa 255
- Nhớ nhau đành tìm . . .267
- Hoàng Thi Thơ . . .275
- Về Tuy Hòa . . .282
- Nằm ngủ trên cầu 290
- Thương ai cười không nói 299
- Thương em mong manh 309
- Buồn quá hôm nay . . .320
- Cào lá sân vườn 329
- Đà Lạt nhớ 335
- Anh cho em mùa xuân 344
- Thuở ấy thơ còn non . . .352
- Sao lại là Bolero? 360
- Chuông chùa làng xa . . .367
- Đưa bạn về thăm . . .373
- Chợ quê 384

- Đọc em điên xõa tóc . . .391
- Chiến trường nào anh . . .398
- Bếp lửa chiều 404
- Nỗi buồn trong thơ . . .411
- Con chồn bông lau 421
- Ở đây êm vắng . . .430
- Có những người đi . . .435
- Nhớ Huế, thành phố . . .441
- Người thổi khẩu cầm . . .447
- Con đường kỳ lạ 457
- Chiều nay thấy hoa cười 463
- Nguyễn Nhược Pháp . . .470
- Vài cảm nghĩ . . .476
- Những mùa xuân muộn 480
- Ôi ta buồn ta đi . . .485
- Biệt Minh Kỳ 491
- Về đây mây nước 497
- Kim Tuấn, chàng thi sĩ . . .505
- Lê Trọng Nguyễn . . .512
- Phạm Thế Mỹ và tâm tình . . .517

● *Và câu chuyện đời, e ấp trong tim, đêm ước hẹn cho nhau
nụ cười. Hình bóng thương yêu anh để vào tâm tư còn
không?*

*Giữ trong tim được không,
những chuyện xưa của lòng?*

(Tàu Đêm Năm Cũ - Trúc Phương)

TỰ SỰ

Từ thuở nhỏ, tôi là đứa bé thích đọc. Trong nhà có tờ giấy nào có chữ tôi đều đọc. Sau khi thuộc lòng hết chữ nghĩa trong sách học vắn và sách tập đọc, tôi đọc tiếp từ Vô Gia đình, Tâm Hồn Cao Thượng đến Tây Du Ký, Tiết Nhơn Quý Chinh Đông, Bóng Người Xưa, Bên Dòng Sông Trẹm...

Cuộc đời chung quanh sao mà vui tươi, lộng lẫy... các nhân vật diễn ra trước mắt nhộn nhịp vui buồn, éo le, hạnh phúc... như hình ảnh trong chiếc đèn kéo quân.

Người cầm bút sao quá tài ba cho nên tôi chỉ đọc chứ chưa bao giờ tôi nghĩ mình có thể viết.

Sau năm 1975 tôi bị đuổi dạy (vì lý lịch cha là công chức trong chính quyền cũ) và có 18 năm tôi bị xếp vào thành phần công dân bị bỏ rơi (không được nhận vào bất cứ cơ quan nhà nước nào). Để sống còn và nuôi con chỉ có thể lên kinh tế mới trồng mì, đốt than hoặc lén lút ở lại phố buôn lậu gạo, cà phê cho Sài Gòn đang bị phong tỏa kinh tế hay ở nhà ra chợ buôn thúng bán mẹt.

2 | NHỮNG CHUYỆN XƯA CỦA LÒNG

Tôi có con nhỏ không thể nhảy xe lửa đi buôn lậu nên chọn “buôn thúng bán mẹt” (nghĩa đen luôn). Vì món hàng này ít vốn.

Thật may mắn, thuở ấy, im tiếng súng người dân trở về làm ruộng làm rẫy nên thúng, mủng, gióng gánh bán chạy cũng tạm sống qua ngày.

Tôi đã có thời gian buộc phải quên mình là ai và tự xóa đi quá khứ. Tôi phải sống, chung quanh ai cũng vậy thôi.

18 năm tôi không cần cầm đến cây bút vì chẳng viết thư từ cho ai. Đó là khoảng thời gian chết khi người miền Nam trong tù cải tạo hay bên ngoài đều chỉ nghĩ một điều hôm nay có gì ăn để sống đến ngày mai.

Đời người thật là quý giá mà tuổi trẻ của chúng tôi trôi qua như bọt như bèo. Năm 1993 sau khi Liên Xô sụp đổ, nhà trường bỏ môn tiếng Nga, trường cần thầy dạy tiếng Anh. Tôi được một trường Bán Công mời dạy lại theo dạng hợp đồng.

Tôi cầm lại cây bút.

Được mặc lại chiếc áo dài và được đứng trước bảng mà lòng không vui.

Tiếp xúc với chương trình dạy và học, tôi buồn và thương học trò vô hạn. Học trò của tôi vừa đói ăn vừa đói những kiến thức chân chính để có thể trở thành một con người tự do, tự do trong cảm xúc, tự do trong tư tưởng.

Lúc bấy giờ mới thấy thuở bé mình hạnh phúc biết chừng nào khi không bị nhồi nhét vào đầu những điều phi lý.

Vì nhớ thương vô cùng cuộc sống mà mình đã mất, tôi bắt đầu viết ở cái tuổi không còn trẻ.

Nhưng viết rồi gửi đi đâu, viết cho ai đọc?

Internet giống như một dòng suối chảy ngang qua khuôn viên nhà tù. Tôi như một tù nhân đang “lao động”, nhặt vội một chiếc lá, đề mấy chữ rồi thả vào dòng nước, lòng vui vui nghĩ biết đâu có người đọc được.

Và cảm động hơn khi ở đâu nguồn có ai đó cũng thả một chiếc lá và thỉnh thoảng tôi cũng đọc được một vài dòng gửi bạn triu mến.

Trang T.Vấn & Bạn Hữu là dòng suối hiền.
Cám ơn bạn, cám ơn cuộc đời, cám ơn Internet.

Huyền Chiêu

Tháng 7/2022

**GIỮ TRONG TIM ĐƯỢC KHÔNG?
NHỮNG CHUYỆN XƯA CỦA LÒNG ***



Nhạc sĩ Trúc Phương

(1933–1995)

Nhạc sĩ Trúc Phương sống cùng thời với tôi. Thuở ấy có lẽ ông là anh lính “ở miền xa”, còn tôi là cô nữ sinh áo trắng hậu phương. Chúng tôi đã có một thời được sống trong quê hương rất đời thanh bình:

“Hàng dừa cao nghiêng nghiêng soi bóng sông

*Mộng ngày mai say sưa những ước mong” **

Nhạc Trúc Phương đã từng rất hiền:

“Quê em nắng vàng nhạt cô thôn

*Dải mây trắng dật dờ về cuối trời” **

Rồi chiến tranh bỗng dưng rơi xuống đúng vào tuổi thanh xuân tươi đẹp của chúng tôi. Và nhạc Trúc Phương không còn mang giọng điệu thanh bình. Nhạc Trúc Phương bắt thành lính trở nên ai oán như những tiếng nỉ non, than khóc trong những “đêm lạc loài, giấc ngủ mò côi” của những người lính bị quăng vào cuộc chiến phi lý và dai dẳng.

Thuở ấy nhạc Trúc Phương gần gũi với quần chúng miền Nam hơn Phạm Duy và Trịnh Công Sơn. Ông nói được tiếng lòng người lính trẻ.

Người lính trẻ miền Nam là ai?

90% họ là những nông dân chân lấm tay bùn.

Những chàng trai mười tám, hai mươi ấy đáng lẽ phải được sống yên lành với ruộng đồng quê hương, bên “*mẹ quê nâu sông và người em mơ mộng*” nhưng họ buộc phải trở thành người lính, họ lóng cồng cầm súng thay cho cây cuốc, cán cày.

Họ còn là những anh học trò ốm yếu, chưa hề bước chân vào đời, vừa cởi chiếc áo sơ mi trắng đã phải khoác lên mình bộ quần áo nặng nề mang màu rừng núi cùng ba lô và súng đạn xa lạ. Nhạc Trúc Phương là tâm sự của người thanh niên miền cưỡng sống đời quân ngũ.

“đi lính xa đánh giặc từng ngày”

“*Đánh giặc từng ngày*” là mỗi ngày anh đều có thể là kẻ cầm súng giết người hoặc có thể bị người giết chết trong khi anh vẫn thèm sống, thèm yêu. Anh ngồi tính toán chi ly cho một ngày phép hiếm hoi thật tha thiết:

*“Bốn giờ đi dài thêm bốn giờ về, thời gian còn lại anh cho em tất cả em ơi” **

Người lính miền nam đi lính nhưng không nghe anh nói tới kẻ thù, chỉ thấy anh xót xa cho người con gái đang chờ anh bên sân ga:

“Tàu cũ năm xưa mang người tình biên khu về chưa

Trắng đêm tôi chờ nghe

*Tiếng tàu đêm tìm về”**

.

Tôi tìm đến nhạc Trúc Phương thật muộn màng. Thời còn trẻ, nhạc Trúc Phương vẫn vang lên hàng ngày bên tai tôi đấy thôi. Tôi biết nhạc của ông có ma lực lôi cuốn, nhấn chìm người nghe vào một nỗi buồn đau có thực. Nhưng không hiểu sao thuở ấy tôi quá vô tâm với ông. Có lẽ tôi không chịu được những sự thật quá đơn giản:

*“Người yêu ta rồi cũng xa ta nên chung thân ta giận cuộc đời”**

Tôi thích hơn những câu hát có ý tưởng lạ:

“Đôi khi thấy trên lá khô một dòng suối” (TCS)

Hoặc mang phong cách thanh lịch như thời tiền chiến:

*“mặt nhìn mặt cầm tay bâng khuâng không nói một câu”
(Tô Vũ)*

Tôi rất sợ những tội hậu thư kiểu lính:

“Đến với tôi, hãy đến với tôi

*Đừng yêu lính bằng lời”**

Và tôi đã quên Trúc Phương cho đến một ngày. Một ngày quê hương không còn tiếng súng. Một ngày tôi và mọi người tự hỏi bây giờ mình sống bằng cách gì đây. Một ngày mà cái đói đã làm chúng tôi quên cả thưởng thức mùi vị của thanh bình. Một ngày tôi ngồi trên chuyên tàu chợ đông nghẹt người làm “con buôn”.

Chuyên tàu hôm đó không “*đưa tiễn người trai lính về ngàn*” mà đưa người dân ngược xuôi tìm đường mưu sinh và trên toa xe có cả vài hành khách là bộ đội. Cái không khí ồn ào của một chuyến tàu chợ bỗng trầm hẳn xuống khi một người ăn mày mù cất tiếng hát bi thương trong tiếng đàn guitar phím lõm:

“Tôi ở miền xa

Trời quen đất lạ

Nhiều đông lắm hạ

Nói tiếp đi qua

*Thiếu bóng đàn bà”**

.....

Ngoài kia súng nổ

Đốt lửa đêm đen

*Tâm đạn thay tiếng em”**

Có lẽ vì phải sống trong bóng tối, chẳng biết gì về thế sự, người ăn mày mới dám hát “nhạc vàng”. Chuyến tàu chợ cứ lắc lư và người ăn mày được... mấy anh bộ đội nài nỉ xin nghe lại bài hát. Lúc này tôi mới thấy hết cái diệu kỳ của nhạc Trúc Phương khi nó làm lay động tất cả mọi người không phân biệt chiến tuyến và tôi nghe như có một giọt nước mắt xúc động lặng lẽ rơi xuống từ trái tim tôi.

Tôi lân la hỏi người ăn mày:

“giải phóng rồi sao bác không hát nhạc cách mạng?”.

Bác nói thật thà:

“Hát nhạc ấy người ta không cho tiền..”.

Từ đó tôi tìm lại nhạc Trúc Phương.

Nghe nhạc Trúc Phương tôi thấy lòng quặn đau, thương anh lính hiền lành nhũn nhặn và có lẽ giới hành khất thích nhạc Trúc Phương vì trong nhạc của ông “xin” và “cho” được nhắc đến rất nhiều:

*ai cho tôi tình yêu/ để làm duyên nụ cười” **

“xin đừng e ấp

*Làm tim nghẹn lời”**

Khi biên giới của sự sống và cái chết quá mong manh, thì tình yêu, dù là một tình yêu không có đoạn kết vẫn là thứ người ta khao khát nhất.

Thật khác xa với người lính ở bên kia chiến tuyến:

“Anh đang hành quân

Ra nơi tiền tuyến

Mang theo tình yêu giai cấp trong tim”

(Mỗi bước ta đi – Thuận Yến)

Họ được dạy “*nhắm thẳng quân thù mà bắn*”. Quân thù được xác định rõ ràng là “*giặc Mỹ cọp beo*”, là người Việt bên kia vĩ tuyến 17. Còn người lính của Trúc Phương:

“Tàu xa dân rồi,

Thôi tiếc thương chi

*Khi biết người ra đi vì đời”**

“*Vì đời*” là một cuộc sống tươi đẹp hơn khi hết chiến chinh hay “*vì đời*” có nghĩa là lỡ sinh ra trong cuộc chiến này, đời bất thể thì phải thế chứ chẳng biết kêu ai, oán hận ai?

Số phận bi đát, tâm trạng cô đơn, hoang mang cùng cực của anh lính học trò, được ghi lại trong hầu hết ca khúc của Trúc Phương.

“Đơn vị thường xuyên

Nằm trên đất giặc

Thèm trong hãi hùng

Tiếng hát môi em

*Tiếng hát ngọt mềm”**

Nhờ nhạc Trúc Phương hậu thế sẽ hiểu rằng trong cuộc nội chiến thảm khốc người lính miền Nam còn được tự do khóc than, trong khi người lính miền Bắc bị ném ra chiến trường với trái tim ngục tù câm nín.

Tôi rất ân hận khi đã từng nghĩ rằng lời nhạc Trúc Phương quá đơn giản. Bây giờ tôi mới ngắm được những câu chữ xé lòng của ông.

*“Đi thêm một bước trót nhớ thêm một bước”**

Theo tôi thì “trót nhớ” chứ không phải “trót nhớ”.

Và như vậy tình yêu, theo ông là thứ lên đênh vô định nhất trên đời.

“Yêu thì chưa hết

*Nên gọi tên tình chưa đỡ bền**

Và còn nhiều lắm những tâm tình tha thiết, những khát khao được sống, được yêu, được nhìn thấy đất nước thật sự thanh bình trong nhạc Trúc Phương.

Cuộc chiến 20 năm vừa qua quá ngắn ngủi so với 200 năm Trịnh Nguyễn phân tranh, nhưng oan hồn của hàng vạn anh lính trẻ thì có lẽ cho đến bây giờ vẫn chưa siêu thoát. Nỗi đau oan khuất, nỗi cô đơn ngút ngàn như vẫn còn chất chứa, vang vọng trong từng câu hát của Trúc Phương.

Có phải là định mệnh chăng, khi ông viết bài Nửa Đêm Ngoài Phố, là đã báo trước cho mình một cái chết lạnh lẽo, cô độc sau những ngày cuối đời lang thang trên đường phố Saigon.

Nhớ Trúc Phương, thương cho hàng triệu người lính trẻ đã chiến đấu trong cô đơn, buồn bã, và đã chết oan trong cuộc chiến vô cùng phy lý trên đất nước phải hứng chịu nhiều bi thảm nhất của thế giới.

Tháng 10/2011

** Lời ca khúc Trúc Phương*

NGƯỜI TỪ TRĂM NĂM, VỀ PHAI TÓC NHUỘM



Suy tư – Tranh: Hoàng Thanh Tâm

Anh K thương mến,

Ra giêng, trời thật đẹp. Hôm rằm, một trận mưa rào đổ xuống tầm tã. Sau cơn mưa, nắng trong và ấm, đồng ruộng xanh hơn và gió đượm hương xuân thơm ngát.

Các con trai em đã lần lượt chào mẹ đi về nơi chúng làm việc. Chồng em, theo lời rủ rê của một anh học trò cũ, đang chu du một nơi nào đó ở tận miền đồng bằng sông Cửu Long.

Ở nhà một mình rảnh rỗi, em đọc lại mấy quyển sách cũ và em cũng vừa mới xem xong đĩa hình chương trình nhạc của Phạm Duy diễn ở Sài Gòn.

Theo lời anh thì Phạm Duy đã không còn uy tín ở Hải ngoại. Ông bị mang danh là “Ông già hư hỏng”. Tiểu sử của ông có quá nhiều vết mờ không cách nào tẩy xóa được.

Tội nghiệp cho các thiên tài! Có lẽ kiếp người quá ngắn đối với họ và họ muốn cháy cho đến giọt nến cuối cùng. Dù sao em vẫn không thấy ghét ông ấy. Biết làm sao được khi tuổi trẻ của em đã được tưới mát, lên xanh nhờ dòng suối âm thanh vô cùng trong trẻo của Phạm Duy.

Vẫn nhớ thuở anh em mình còn nhỏ, anh đã dùng carton cắt thành một cây đàn với dây đàn làm bằng dây thun. Rồi chúng ta đã vui mừng biết bao khi ba mang về một cái máy hát đĩa cùng vài cái đĩa hát 33 tua. Em không quên được cảnh anh ôm cây đàn bằng giấy vừa nhảy vừa “hát nhép” như một nhạc công chuyên nghiệp trong khi ban The Beatles từ đĩa inh ỏi với “Love Me Do” hay “I want to hold your hand”.

Rồi đến lúc anh kiếm được một cây đàn guitar thật dù nó hơi cũ kỹ. Và ngày ấy em đã thán phục ngồi nghe anh gảy từng nốt bài “Ngày trở về” của Phạm Duy. Từ đó chúng ta lớn lên trong không gian ngập tràn nhạc Phạm Duy.

*“Tôi yêu tiếng nước tôi, từ khi mới ra đời”**

Chỉ có mười nốt nhạc rải trên một cung bậc giản dị nhưng lần nào nghe đến em đều có cảm giác trái tim mình đang chan chứa tình yêu nước.

Văn Cao, Phạm Duy, Trịnh Công Sơn là ba nhạc sĩ tài năng nhất của nước mình. Em cũng nghĩ thế nhưng Văn Cao khép kín quá. “Buồn Tàn Thu” của ông cổ kính như lời thơ

trong “Chinh Phụ Ngâm”. Sông Lô của ông thật tuyệt nhưng nó phẳng phất một nửa là sông Danube, một nửa là một dòng sông nào đó trong thơ Đường nơi người ta đến đó tiễn biệt nhau rồi ngâm “Quân hướng Tiêu Tương, Ngã hướng Tần”. Phạm Duy thì xông thẳng vào cuộc sống:

*”Nhớ, Nhớ thuở nào anh đi làm công, em thì gánh rong.
Đôi ta cùng gặp nhau dưới cầu, bóng mát dưới cầu....”**

Nghe câu hát ấy em nhớ ngay đến ngay đến Cầu Kiệu., Cầu Bông... cũng như em vẫn muốn khóc mỗi lần nghe câu hát:

*”Làng tôi, không xa kinh kỳ sáng chói. Có những cánh
đồng cát dài, có mái tranh nghèo tả tơi...”**

Xóm Rượu của mình không xa phố xá mà sao nghèo giống cái miền quê trong bài hát ấy quá !

Rồi mình lớn lên với chiến tranh, chết chóc. Thế hệ của mình ai quên được câu hát:

“Người tù trăm năm

Về ngang trường Luật

Ta hồng tú tài

Ta huyệt tình yêu

Thi hồng mắt rồi

Ta đợi ngày đi

*Đau lòng ta muốn khóc” **

Nhưng bài hát mà em thấy lạ và thích nhất là bài ”Tuổi Biết Buồn”.

Có hàng trăm bài hát hay chuyên chở nỗi buồn của một chàng trai mới biết yêu nhưng rất ít bài hát dành cho một cô gái. Tâm trạng của “Nàng” rất khác với “Chàng”. Thật khiên cưỡng và dễ dãi khi chỉ cần đổi chữ “anh” thành chữ “em” trong một bài hát. Trong “Tuổi Biết Buồn”, em thật sự kinh ngạc tự hỏi làm sao một người đàn ông lại có thể len lỏi vào tận cõi hồn kín đáo của một thiếu nữ để viết được những câu hát:

“Buồn đã tới rồi một buổi tối không trăng

Tình len lén vào cửa mở lớn tim nàng

Ôi những phút say sưa, những phút dịu dàng

*Yêu người mà sao lòng còn mãi băn khoăn”**

chữ “băn khoăn” ở đây quá là dễ thương.

Khi một cô gái bắt đầu yêu cũng là lúc cô bắt đầu đánh mất những ngày tháng vô tư rồi.

“Buồn đã tới rồi từ thuở biết thương yêu

*Tình sẽ lớn dần và buồn sẽ thêm nhiều...”**

Và em cứ thôn thốc rung rung nước mắt khi nghe câu hát :

“Buồn đã biến rồi khi chợt đến cơn vui

*Bàn chân ấu thời DŨNG MÃNH bước trên đời”**

Tại sao là “Dũng mãnh” để dành cho một người con gái. Chẳng phải khi bước vào con đường tình cô đã hoàn toàn không còn ai để nương tựa. Cha, mẹ, anh chị, bạn thân... cũng không ai giúp đỡ được gì ngoài trừ sự mách bảo của trái tim non tơ. Cô đã phải tự quyết định có nên lao tới một nơi mà cô cho rằng đó là bến bờ hạnh phúc hay không. Cô như người làm xiếc dũng mãnh bước trên sợi dây chằng ngang thác Niagara để một là cập được bến bờ vinh quang, hai là tan xác dưới vực sâu.

Trịnh Công Sơn rất nhân hậu với người nữ. Ông biết rất rõ ông trân trọng và yêu người nữ đến như thế nào nhưng ông hoàn toàn mù tịt những gì xảy ra trong lòng một người con gái khi yêu. Chính Phạm Duy mới là người đọc được trái tim đau đớn đến dường nào, yếu đuối đến dường nào mà cũng dũng mãnh đến dường nào của.....em.

Cám ơn Phạm Duy và thương quá những cô gái bắt đầu biết yêu.

Cuộc đời của Phạm Duy không bình yên. Hình như ông không chịu nổi sự ràng buộc và ông thà bị “chửi” còn hơn là sống mà không được làm theo ý mình. Vì vậy ông đã nhiều phen đi tìm tự do cho riêng mình. Đó là nói cho nhẹ nhàng, thực ra ông đã nhiều phen bị rượt chạy.

“Ta chạy vòng vòng

Ta chạy mòn chân

Nào có hay đời cạn

*Nào có hay cạn đời” **

Rồi sau mấy mươi năm:

“Ta chạy tàn đời

Ta chạy mòn hơi

Quy té trên đường rồi

*Sợi tóc vương chân người..”**

Ông lại trở về.

Và sự trở về của ông cũng thật ghê gớm:

“Người từ trăm năm

Về như dao nhọn

Dao vết ngọt đâm

Ta chết trăm năm

*dòng máu chưa kịp tràn”**

Hàng ngàn người Việt đang ngồi chật kín khán phòng để được nghe nhạc Phạm Duy với giá vé không rẻ chút nào. Dù chàng trai trẻ Đức Tuấn hát “Nương Chiều” không sánh được với Anh Ngọc, Duy Trác. Dù Thu Minh “Cô Bắc Kỳ nho nhỏ” không đẳng cấp bằng Lệ Thu trong “Thuyền Viễn Xứ”, người đi xem vẫn thấy hạnh phúc vô cùng. Trong niềm vui vì được nghe những giai điệu bay bổng có pha nỗi niềm của những con tim được trong một phút tung cánh bay về một cõi tự do dù là trong tâm thức.

Thời gian luôn là thử thách đáng sợ nhất. Sau mấy mươi năm dù “Dư Âm” bị chính tác giả ngoảnh mặt làm ngơ, nó vẫn sống mãi trong trái tim những người “*hẹn nhau từ muôn kiếp trước*”.

Còn ông Huy Cận, nếu không từng có lúc viết được câu:

“Tai nương nước giọt mái nhà

Nghe trời nắng nặng nghe ta buồn buồn”

Thì chắc mọi người đã chôn ông vào đám tro tàn quên lãng.

Cho nên tấm lòng của người đời vừa khe khát vừa độ lượng và chung thủy biết bao. Cho nên đối với em từ bỏ Phạm Duy sao mà quá khó.

...

Dù sao Phạm Duy cũng đã tuyên bố

“Tôi còn yêu

Tôi cứ yêu

Cho dù tôi đã chết rồi

Cho dù ai oán ghét tôi

*Cho dù ai xa lánh tôi”**

Phải mấy trăm năm mới có một Nguyễn Du. Không dễ có được một Phạm Duy, một Trịnh Công Sơn. Ngoài những giây phút xuất thần, họ cũng có quyền sống cuộc đời bình thường, lắm lúc u mê, sai lầm giống như anh và em. Và em

chẳng đại gì ghét hai ông rồi ghét lây nhạc của họ để rồi tâm hồn vốn đã nghèo nàn của em lại thêm cảnh túng thiếu.

“Chiều rơi trên đường vắng

Có ta rơi giữa chiều

hồn ta như vật nặng

*theo làn gió đều hiu”**

Mỗi khi nghe lại bài “Lá Rụng Đường Chiều” em lại thấy Phạm Duy thật đẹp. Có lẽ ông không biết mình giá trị đến dường nào. Nếu biết ông đã “tu thân” và đã “bình” được thiên hạ.

Mong một ngày anh trở về với ngôi nhà thời thơ ấu của anh em mình, nơi có *“vườn rau trước hè cười đón người về”**

Em gái của anh

Tháng 11/2011

() lời ca của Phạm Duy và một số câu thơ của Nguyễn Tất Nhiên do PD phổ nhạc.*

**XIN GIỮ GÌN
MÀU LÚA CHÍN QUÊ HƯƠNG**



Trịnh Công Sơn

(1939-2001)

NÀNG THỦY TINH

Năm 1967.

Nàng là cô gái mới lớn đầy mộng mơ “*qua công viên mắt em ngây tròn*”. Trong giấc mơ của nàng có công chúa và hoàng tử. Nàng sống ở một thành phố biển miền trung. Cuối tuần, nàng đi xem phim nói tiếng Pháp có Tony Perkin, Steve McQueen, Audrey Hepburn... Đất nước đang có chiến tranh nhưng nàng không quan tâm vì chiến tranh ở quá xa và vì bộ máy tuyên truyền ở miền nam quá yếu. Ở trường, nàng không được học về lịch sử Việt Nam cận đại. Nàng rất mù mờ về tình trạng của đất nước và không hiểu tại sao anh em lại cầm súng giết nhau. Nàng yếu đuối và an toàn như con sâu đo, quanh quẩn trong đám cỏ xanh, mặc cho bầu trời sấm chớp báo hiệu một cơn lũ sắp tràn qua nhấn chìm tất cả.

CHÀNG HÁT RONG VÀ CÂY SÁO THẦN

Cũng năm đó chàng xuất hiện.

Chàng là dân trường Pháp, sống ở thành thị con nhà trung lưu nhưng những ca khúc của chàng lại nói nhiều về ruộng đồng về cây lúa.

Người con gái Việt Nam da vàng

Yêu quê hương như yêu đồng lúa chín.

Ruộng đồng mà chàng nói đến không yên ả như trong truyện ngắn của Thạch Lam, trong thơ Bằng Bá Lân. Đó là những ruộng đồng rất điêu tàn, hoang vắng:

Một ruộng đồng tro đất đỏ

Một đàn bò không luống cỏ

Từ đó nàng mới nhớ rằng da nàng màu vàng, không giống màu da của Romeo và Juliette. Đất nước nàng quá nghèo, chiến tranh, chết chóc đang bao trùm, không thanh bình như thành phố Liverpool của những chàng trai đẹp như thiên thần The Beatles.

Từ đó nàng ý thức rằng, hằng ngày hằng giờ:

Hằng vạn tấn bom trút xuống đầu làng

Hằng vạn tấn bom trút xuống ruộng đồng

Cửa nhà Việt Nam cháy đỏ cuối thôn

Từ đó, trong nàng bùng lên nỗi sợ rợn người khi nhìn thấy:

Hằng vạn chuyến xe claymore lựu đạn

Hằng vạn chuyến xe mang vô thị thành

Từng vùng thịt xương có mẹ có em.

Chàng hát rong nói cho nàng biết như thế nào là “nội chiến” và lớp trẻ như nàng giật mình vì đã:

Ngủ quên, quên đã bao năm

Ngủ quên không thấy quê hương

Từ đó nàng bắt đầu đặt câu hỏi “vì sao phải có cuộc chiến này”. “Tại sao nước Việt của nàng bị thảm đến như vậy?”. Từ đó nàng hiểu như thế nào là số phận của một nước nhược tiểu.

Cám ơn chàng, những ca khúc mang tên Da Vàng đã làm cho nàng, một cô gái chưa một lần bước chân xuống ruộng hiểu được thế nào là:

Yêu quê hương như yêu đồng lúa chín .

CHỜ NHÌN QUÊ HƯƠNG SÁNG CHÓI

Trong cuộc chiến vừa qua, tôi cho rằng chưa có ai khô nước mắt khóc thương cho dân tộc một cách chân thành như Trịnh Công Sơn. Vì vậy không ngạc nhiên khi ông ngậy ngát chờ mong hòa bình.

Chờ cho lòng căm thù đến lúc chìm sâu

Chờ hòa bình đến

Chờ tiếng bom im

Chờ bước chân đi trên những đường không công mìn

Chờ đường giao thông chấp nối chuyến xe qua ba miền

Trịnh Công Sơn mơ một ngày no cơm ấm áo khi hết chiến tranh:

Chờ khô nước mắt

Chờ đá reo ca

Chờ áo cơm nuôi những trẻ con không nhà

Hòa bình đối với ông đẹp quá.

Ông hớn hở “Dừng lại người, dừng lại nhà”

Ta cùng lên đường

Đi xây lại Việt Nam

.

Nghĩ đến ngày đất nước thanh bình, lòng ông hân hoan, mắt ông rưng lệ:

Lòng mẹ ta xưa kia bao la như thái bình dương

Những đứa con lạc dòng mình hôm nay xóa hết căm hờn

BI KỊCH TRỊNH CÔNG SƠN

Chưa có người Việt Nam nào được yêu nhiều và ghét nhiều như Trịnh Công Sơn.

Người yêu ông thì đã rõ. Người ta yêu ông vì ông là người chân thật. Ca khúc của ông là những rung động thật đẹp. Đó là tiếng suối chảy tuôn ra từ một cõi lòng nhân hậu của một người.

Tôi là ai mà yêu quá đời này

Người không ưa ông thì cũng đúng thôi.

Sau chiến tranh đã có bà mẹ anh hùng và bà mẹ da vàng khóc con thảm thiết của Trịnh Công Sơn đã bị lỗi thời.

Sau thế chiến thứ hai người Nhật vẫn muôn đời không quên dấu vết chiến tranh ở Hiroshima và Nagasaki. Học sinh Nhật được sờ tận tay, nhìn tận mắt nỗi đau đớn, sụp đổ, hoang tàn, để học bài học thấm thía về chiến tranh. Ở Mỹ học sinh trong trường được giảng giải rất tường tận về sự cố 11 tháng 9. Danh sách từng người một bị thảm sát được trân trọng ghi danh với lòng thương tiếc chân thành. Nhưng ở Việt Nam nỗi đau của một dân tộc “*Một nghìn năm nô lệ giặc Tàu, một trăm năm nô lệ giặc Tây, hai mươi năm nội chiến từng ngày*” đã bị chôn vùi vào quên lãng. Trong nhà trường, học sinh Việt Nam chưa bao giờ được hát những ca khúc như “Ngủ Đi Con” “Bài ca trên những xác người”, “Người Con Gái Việt Nam Da Vàng”, “Gia Tài Của Mẹ”.....

Hai chữ “tự hào” là người dân một nước nhỏ mà đánh thắng hai cường quốc được tận dụng để tẩy xóa nỗi đau đớn của cuộc tang thương.

Trịnh Công Sơn từng khao khát:

Chỉ mong hòa bình sau đêm tăm tối

Chờ mong một ngày

Tay ấm trong tay

Sự thật là sau chiến tranh Trịnh Công Sơn đã bị ngoạn mặt làm ngơ và bàn tay của Trịnh Công Sơn chưa bao giờ được xiết chặt.

Hơn hai nghìn vòng hoa đưa tiễn ông ngày ông “về làm cát bụi” hoàn toàn là do lòng mến mộ tự phát của người dân trong nước, không hề là chủ trương của nhà cầm quyền và họ cũng quá bất ngờ không lường trước rằng có quá nhiều người dân Sài Gòn, trong giờ phút cuối, đã đến tiễn biệt Trịnh Công Sơn dù ông chỉ là một nhạc sĩ.

Lòng yêu mến của quần chúng miền Nam dành cho Trịnh Công Sơn là có thật.

Tuy nhiên, tôi vẫn nghĩ rằng bạn hữu của Trịnh Công Sơn và người dân xứ Huế quá vội vàng khi xin được đặt tên đường Trịnh Công Sơn ở Huế. Bởi vì tôi cho rằng linh hồn ông chưa siêu thoát khi ca khúc “Da Vàng” được viết từ trái tim rướm máu của ông đã bị khước từ trên đất nước này.

CÔ BÉ QUÀNG KHĂN ĐỎ

Trong khi Ca khúc Da Vàng chưa một lần được chính thức công nhận và phổ biến trong nước, thì ở nước ngoài xuất

hiện hàng trăm bài viết kết án Trịnh Công Sơn với những bằng chứng không chối cãi được.

Chính ông đã hân hoan ca ngợi một nền hòa bình mà với hầu hết người miền nam là nỗi xót xa, đớn đau, vì mất mát, tù tội, xua đuổi.

Hai mươi năm nhục nhằn đã qua

Hôm nay thấy mặt trời rực sáng

Trong tim người

Trong tim ta

Trong “Đồng Dao Năm 2000” Ông lạc quan:

Đường Việt Nam hôm nay có những bước chân tự do

Đường Việt nam hôm nay sống với nhau thực thà

Theo tôi, Trịnh Công Sơn mộng tưởng tới một ngày hòa bình giống như cô bé quàng khăn đỏ, khi cô hớn hờ mang cái bánh thật ngon bước chân trên con đường đầy hoa lá tới ngôi nhà của bà nội.

Ông không giả dối, không phỉnh gạt mọi người, nhưng ông không ngờ rằng hai chữ hòa bình mà ông hết lòng chờ mong, hết lòng ca ngợi chỉ là bà nội giả mạo.

Trịnh Công Sơn là người sâu sắc nhất khi mô tả chiến tranh nhưng lại là người vô cùng ngây thơ, nông nổi khi vẽ bức tranh hòa bình. Ông là người sai lầm chứ không phải là người nịnh nọt để mưu cầu lợi danh.

VỀ THU XÉP LẠI

Trước khi ra đi trên đường xa vạn dặm ông trần trối:

Đời tôi ngốc dại

Tự làm khô héo tôi đây

Cuối đời ông nghĩ gì khi viết:

Có điều gì gần như niềm tuyệt vọng

Rơi rất gần rơi xuống trong tôi

Mà sao không tuyệt vọng khi sau :

Hai mươi năm nội chiến từng ngày

Gia tài của mẹ một rừng xương khô

Gia tài của mẹ một núi đầy mồ

Đất nước này vẫn còn rất nhiều điều “vô hình trời buộc dân ta” và tiếng gọi “cùng lên đường đi xây lại tình thương” của Trịnh Công Sơn cũng chỉ là tiếng kêu vô vọng trong “Sa mạc nổi dài”.

Hết rồi thời hào hức: *“Cờ bay trăm ngọn cờ bay”*.

Cuối đời Trịnh Công Sơn ử rú: *“Nhìn lại đời mình đã xanh rêu”*.

Và chính ông đã kêu lên bi thiết: *“Tôi như trẻ nhỏ ngồi bên hiên nhà, nhìn xem thế kỷ tàn phai”*.

Dầu sao với riêng tôi, người sống cùng thế kỷ với ông trên đất nước Việt Nam tận cùng đau khổ, tôi vẫn biết ơn ông vì ông đã từng nhắc nhở cho tôi một điều vô cùng giản dị:

Yêu quê hương như yêu đồng lúa chín.

Tháng 8/2011

ĐỜI SAO BUỒN
CHI MẤY CỐ NHÂN OI!*



Đoàn Chuẩn

(1924-2001)

Đoàn Chuẩn, theo tôi, là nhạc sĩ được người dân miền Nam yêu mến nhất trong số những nhạc sĩ không di cư vào Nam.

Chỉ không đầy mười năm, kể từ năm 1948 đến năm 1956 ông đã sáng tác mười hai ca khúc đẹp long lanh, vẹn toàn như những viên ngọc quý.

Thuở ấy, những bài hát rất Hà Nội như Tình nghệ Sĩ, Lá Thư, Thu Quyên Rũ, Gửi Gió Cho Mây Ngàn Bay, Lá Đỏ Muôn Chiều..... luôn là khuôn mẫu cho nét lịch lãm trong tình yêu, trong cảm xúc cho người miền Nam. Vậy mà người nhạc sĩ đáng yêu ấy đã phải tự nguyện sống 31 năm im tiếng để bảo toàn phẩm chất của mình và trung thành với những ca khúc tiêu biểu nhất cho dòng nhạc lãng mạn tiểu tư sản.

Đó là một thời mà con người không có quyền sống với giấc mơ của riêng mình. Và nếu có thì cũng phải sống giả dối, giấu chặt các cảm xúc riêng tư.

“Đêm mơ Hà Nội dáng Kiều thơm”

Giấc mơ này đã trở thành tai họa cho chàng trai Quang Dũng.

Tiếng khóc vợ thảm thiết của Hữu Loan trong “Màu Tím Hoa Sim” đâu ngờ lại trở thành chiếc thuyền lưu đầy xô đuổi ông ra khỏi tập thể văn nghệ sĩ xã hội chủ nghĩa.

Người nghệ sĩ khi ấy đứng trước một chọn lựa không dễ dàng: chết ôm trái tim thuần khiết hay sống phản bội chính mình. Biết bao nhà văn, nhà thơ đã tự treo cổ tác phẩm của mình để được đứng vào hàng ngũ công thần. Quá nhiều nhạc sĩ tự đào mồ chôn những tình khúc lãng mạn của mình để chứng minh rằng não của mình đã được tẩy. Hàng ngàn người trí thức, hàng ngàn văn nghệ sĩ đã dần dà bị hòa tan giống như viên đường thả vào ly nước. Thương cho Đoàn Chuẩn. Ông kiên cường, rắn rỏi như viên đá cuội mà nước chỉ làm cho nó sạch sẽ hơn mà thôi.

Trong tình hình miền Bắc khẩn trương xây dựng xã hội chủ nghĩa, năm 1956, Đoàn Chuẩn viết ca khúc “*Gửi Người Em Gái Miền Nam*” để nhớ người yêu đã di cư vào nam, và ông vẫn gan lì với cảm xúc tràn ngập tình yêu mang màu sắc tiểu tư sản:

“Đêm tân xuân hồ Gươm sao long lanh

Hoa mai rơi rủ nhau nơi phương xa

Đường phố vắng bóng người

“chạnh lòng tôi nhớ tới người em”

“Người em” ấy vẫn mang dáng dấp của cô tiểu thư Hà Nội năm nào:

“Đôi mắt em nói nhiều

Tha thướt như dáng Kiều

Ôi ...tình yêu”

Bài hát được ca sĩ Ngọc Bảo hát trên đài phát thanh miền Bắc và tất nhiên sau đó nó bị “xét lại” và không còn được phép phổ biến.

Có lẽ đó cũng là sáng tác cuối cùng của Đoàn Chuẩn.

Nhạc Đoàn Chuẩn chỉ nói đến một đề tài duy nhất là tình yêu. Một tình yêu vô cùng đắm thắm và sang trọng. Công tử Đoàn Chuẩn giàu mà không hư. Đời chàng chỉ bị hai thứ quyến rũ. Đó là mùa thu và những tà áo thiếu nữ.

Nhạc sĩ là người lịch lãm nên người nữ của ông luôn là những cô gái ăn mặc đẹp nhưng rất đoan trang khép nép.

Thật thú vị khi nghe ông kể về nàng:

“em tôi ngập ngừng trong tấm áo nhung”

Ngoài chiếc áo sang trọng nàng còn phải trang điểm và khoác thêm chiếc khăn quàng tha thướt:

“Em tôi đi màu son lên đôi môi

Khăn san bay lả lơi trên vai ai”

It có người đàn ông nào nhỏ nhẹ, ân cần, chu đáo như ông:

“khi nào em đến với anh

Xin đừng quên chiếc áo xanh”

Yêu “tà áo xanh” nhưng ông lại cưới người vợ thích mặc áo tím. Và thật cảm động khi ông nói về vợ mình trong những ngày cách xa nhau ở núi rừng Việt Bắc.

“Chiều nay áo tím nhiều quá

Lòng thấy rộn ràng nhớ người”

Nhớ người yêu thì nhiều nhưng nhớ vợ như ông là chuyện xưa nay hiếm:

“qua bao rìng núi anh về đây

Nhớ nhau từng phút, yêu từng giây”

Cho nên không khó hiểu khi bà Đoàn Chuẩn nhiều lần thông cảm và tha thứ cho tội đa tình của chồng.

Và tôi, một người cũng rất dị ứng với thói đa tình của đàn ông cũng đã phải ước gì tất cả đàn ông trên đời này đều yêu nhiều, yêu thắm thiết nhưng trong sáng, thánh thiện như Đoàn Chuẩn.

Trong tình yêu Đoàn Chuẩn là người đối nghịch với Phạm Duy. Phạm Duy luôn thưởng thức tình yêu một cách tận tình:

“ Yêu người xong chết được ngày mai ”

Yêu chưa được, ông sẵn sàng biến thành ma quỷ:

“yêu như loài ma quái đi theo ai cuối chân trời

Đi không nguôi kêu gào...”

(Phượng Yêu)

Ông thưởng thức tình yêu như người đối chén sạch tô phở:

“Bàn tay đưa anh ra khỏi cuộc đời

Một mai kêu lên hơi thở tuyệt vời”

(Một Bàn Tay)

Đoàn Chuẩn thì khác. Ông yêu rất sáng suốt, yêu mà vẫn tỉnh táo để ngược mắt lên nhìn thấy “*trời đất kia ngả màu xanh lơ*”.

Tình yêu của Đoàn Chuẩn không nồng nàn rực rỡ như vạt nắng mùa hạ, không u buồn, lạnh lẽo như cơn gió mùa đông, không viên mãn, lộng lẫy như nụ hồng mùa xuân. Tình yêu của ông là hơi thở dịu dàng của mùa thu:

“nhớ tới mùa thu năm nao gửi em phong thư ngào ngạt hương”

Chàng công tử Hà thành tài hoa, lịch lãm, đa tình đáng yêu ấy đã phải sống như thế nào trong hoàn cảnh nhà cửa bị tịch thu, tài sản khánh kiệt, các ca khúc bị “*gửi gió cho mây ngàn bay*”?

Vậy mà ông vẫn không đầu hàng, không gục ngã, không đánh mất chính mình.

Ông sinh năm 1924 mất 2001.

Cám ơn Ông vì đã sống quá đẹp.

(*) lời bài hát của Đoàn Chuẩn

Mùa xuân 2012

CÓ NGƯỜI LÒNG NHƯ KHĂN MỐI THÊU



Vườn Khuya – Tranh: Đinh Cường

Người tình của Trịnh Công Sơn đối nghịch hoàn toàn với người tình của Phạm Duy. Ở Phạm Duy dù là “*Sống trong lòng người đẹp Tô Châu hay là chết bên dòng sông Danube*” thì người tình của ông luôn có da có thịt hẳn hoi. Còn Trịnh Công Sơn, người tình của ông được phật bà tạo hình bằng những cánh sen hồng như bà đã từng làm thế cho thái tử Na Tra. Vì vậy Trịnh Công Sơn luôn phải nhẹ nhàng với người nữ như người mẹ nâng niu đứa con yêu quý của mình. Và chúng ta không ngạc nhiên khi ông rất thích hát ru cho nàng ngủ như một người mẹ hiền.

“Rừng đã cháy và rừng đã héo

Em hãy ngủ đi

Rừng đã khô và rừng đã tàn

Em hãy ngủ đi”

Ngay cả khi nàng không buồn ngủ, nàng đang “*hong tóc bên hồ*” nàng đang đứng chơi “*bên đầu cơn gió*”, ông vẫn rộn lên niềm âu yếm và ông muốn ru nàng vào cơn mơ đẹp của “*Nụ đời oi thơm quá*”.

Nhưng người nữ của ông có bao giờ có thật?

Ông chờ đợi một người “*là cánh nhận, miệng ngọt hạt từ tâm.*”

Người nữ thánh thiện “*thơm ngát hương trầm*” ấy đâu có nhiều và luôn “*dịu dặt đến quanh đây*” như ông ao ước, vì vậy suốt đời ông cứ phải miệt mài đi tìm, miệt mài chờ đợi..

*“Tìm em xa gần, đất trời rộn ràng,
tìm trong sương hồng trong chiều bạc mệnh,
trăng tàn nguyệt tận,
chưa từng tuyệt vọng đâu em.”*

Trên đường đi tìm ông cũng từng gặp những “*đôi môi lửa cháy*” muốn trôi đời ông vào “*mùi son phấn ngời*”, nhưng rồi trong sâu thẳm trái tim, ông vẫn thấy con đường đi tìm còn ngút mắt

Người tình cô đơn lại tiếp tục lên đường.

“Trời cao đất rộng

Một mình tôi đi

Một mình tôi đi

Đời như vô tận

Một mình tôi về

Một mình tôi về với tôi”

Có lẽ người nữ mà ông đi tìm không có thực trên cuộc đời này. Ông yêu họ lắm nhưng họ không thể lấp đầy nỗi cô đơn trong trái tim mênh mông hoang vắng của ông.

“Có đường phố nào vui

Cho ta qua một ngày

Có sợi tóc nào bay trong trí nhớ nhỏ nhoi

Không còn không còn ai

Ta trôi trong cuộc đời

Không chờ không chờ ai”.

Và như thế suốt đời ông vẫn mơ hoài một bóng hình có thể cùng ông:

“có vui cùng sầu

Từ rặng đông cao

Đến đêm ngọt ngào”

Rồi một hôm

“lòng thật bình yên mà sao buồn thế”,

Ông “ngộ” ra rằng “em” chính là “đóa sen hồng một độ”
“Em” là “trăng vàng khai hội một đóa hoa quỳnh”.

“Từ đó hoa là em

Một sớm kia rất hồng

Nở hết trong hoàng hôn

Đợi gió vô thường lên”

Rồi khi “*chút tình mới chớm đã viên thành*” cũng là lúc ông đau đớn chia lìa “em” như “chia lìa” “*một chút mây phù du*”. Vì em là hoa, em chỉ “*ra đời đùa vui trong phút giây*” và thoáng chốc em sẽ “*rụng mát trong bình minh*”.

Dù sao ông cũng đã thành chánh quả trong tình yêu khi trái tim độ lượng của ông cuối cùng hát lên rằng:

“yêu em yêu thêm tình phụ

yêu em lòng chợt từ bi bất ngờ”.

Trịnh Công Sơn , ông là người tình đẹp nhất trên cõi đời này.

Tháng 1/2012

Phụ Lục: Những người nữ trong tranh của Trịnh Công Sơn (Nguồn : [VNtime](#))



“Khỏa thân” – Tranh sơn dầu Trịnh Công Sơn.



“Diễm”, sơn dầu trên giấy, năm 1963.



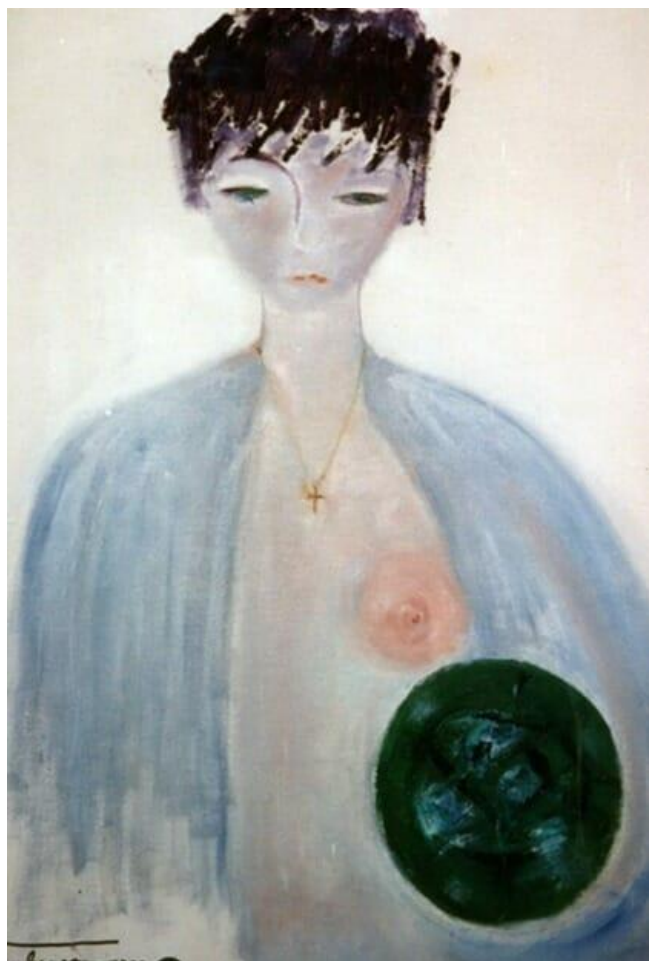
“Dao Ánh”.



“Trinh Vĩnh Trinh”.



Chân dung Thùy Hương.



Chân dung Michiko



Bà mẹ Ô Lý

ĐIỆU VALSE CỦA VĂN CAO



Văn Cao

(1923-1995)

Dù nhạc sĩ Văn Cao sống ở miền bắc, trước năm 1975, người miền nam không hề xa lạ với ông. Những Bến Xuân, Buồn Tàn Thu, Suối mơ, Trương Chi, Sông Lô... luôn được hát, được yêu mến. Và chúng tôi càng yêu ông, thương xót cho ông hơn khi biết rằng sau khi đất nước trở thành đôi bờ chiến tuyến, ông không còn sáng tác. Lý do tại sao, tôi không được rõ. Có thể ông bị cấm sáng tác, có thể tự ông muốn biến thành người câm khi biết rằng tâm hồn mình đã trở thành cung đàn lỗi nhịp.

Trong khi ở miền nam, Phạm Duy, người bạn thân của ông, như con bướm bay lượn trong tự do (có khi quá đà), thì tôi có cảm giác Văn Cao như con chim cô đơn, tàn tạ trong chiếc lồng chật chội. Ước gì thời gian đó, ông biết được rằng ở một miền đất nước cách chia có người vẫn nghĩ, vẫn nhớ rất nhiều đến ông, đến một người đã có cái nhìn vô cùng trang trọng với tình yêu đôi lứa.

“Nhà tôi sao vẫn còn ngơ ngác

Em vắng tôi một lần”

Trong ngôi nhà tình yêu, chỉ vắng nhau một lần, đã trở nên hoang vắng, buồn bã đến thế sao?

Văn Cao sáng tác không nhiều nhưng bài nào cũng hay. Với riêng tôi, tôi vẫn thích nhất Cung Đàn Xưa.

“Hồn cầm phong sương, hình dáng xuân tàn”

Ngày dài mờ trôi, sầu lắng cung đàn”

Điệu valse của Cung Đàn Xưa thật lạ kỳ. Nhịp điệu rất sang, rất “Tây” ấy không gọi cho tôi nhớ đến những điệu valse của Strauss mà lại đưa tôi vào không gian man mác buồn của Đường thi.

“Tạ từ Hoàng Hạc người đi

Tháng ba hoa khói xuôi về Giang Châu

Cánh buồm lẻ bóng khuất mau

Dòng trường giang chảy về đâu hỡi người” ()*

Cung Đàn Xưa ấy bao năm trời đành “*tắt bao thắm tươi*” và chúng ta không còn nữa được nghe tiếng sáo “*ai oán khúc ca cầm châu rơi*” của chàng “*Trương Chi*” tội nghiệp.

“Cung thương lạc phím đàn

Cung Nam lạc phím người”

Thật đau đớn khi người nghệ sĩ phải tự giam cầm trái tim chan chứa yêu thương của mình.

Một sáng tháng giêng năm 2000, ngồi bên một quán nước nhìn ra dòng sông Saigon thấp thoáng sau những rặng trúc bên bờ Thanh Đa, tôi bỗng nghe văng vẳng một điệu valse kỳ diệu như một dòng suối ngọt ngào.

“Rồi dặt dìu mùa xuân theo én về

Mùa bình thường, mùa vui nay đã về

Mùa xuân mơ ước ấy đang đến đầu tiên

Vời khói bay trên sông, gà đang gáy trưa bên sông...”

Người bạn ngồi bên nói cho tôi biết đó là bài “*Mùa Xuân Đầu Tiên*” của Văn Cao. Bài hát như một tiếng khóc mừng khi đất nước im tiếng súng.

Tại sao ông chỉ thăm vui được thấy một “*mùa bình thường*” trong khi những người chung quanh ông đang hò reo một “*mùa xuân đại thắng*”?

Có phải một chút bình thường như tiếng gà gáy trưa, một chút khói bay trên sông, một trưa nắng vui, cũng là điều

tâm hồn dịu dàng của ông khao khát trong suốt bao nhiêu năm?

Lòng ngập tràn hy vọng, ông thật thà trong niềm vui đoàn tụ:

“Từ đây người biết quê người

Từ đây người biết thương người

Từ đây người biết yêu người”

Vậy mà theo lời người bạn, không dễ để tiếng lòng chân thực của Văn Cao đến được với mọi người. Được sáng tác năm 1975, phải đến sáu năm sau bài hát mới được phép phổ biến.

Thật diệu kỳ khi con chim ử rữ, chết lặng trong lồng suốt 20 năm, bỗng một ngày hồi sinh cất cao tiếng hót lạnh lốt, tươi vui đến như vậy. Tôi nghe như có những giọt nước mắt đang lăn xuống trên đôi gò má nhăn nheo của tác giả.

Mùa Xuân đầu tiên được phép hát có lẽ là hạnh phúc cuối đời của ông và ông sớm ra đi sau đó lại là điều may mắn. Bởi nếu còn sống đến giờ này chắc chắn ông lại buồn bã, tuyệt vọng nhìn thấy điều mong ước bình thường của ông dường như càng ngày càng trở nên quá cao, quá xa.

Sau khi im tiếng súng, người có nhận ra quê người? người có yêu thương người?

Dầu sao tôi vẫn tin rằng âm nhạc của Văn Cao sẽ mãi là dòng suối mát làm dịu hồn người dường như đang nóng lên từng ngày theo nhiệt độ của trái đất.

“Tơ đàn chùng cùng với tháng năm

Rừng còn nhắc tới người

Trong chiều nào giữa chốn đây

Hồn cảm lắng tiếng đời”.

(*)

Hoàng Hạc lâu tổng Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng

*Cố nhân tây từ Hoàng Hạc lâu,
Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu
Cô phàm viễn ảnh bích không tận.
Duy kiến Trường Giang thiên tế lưu.*

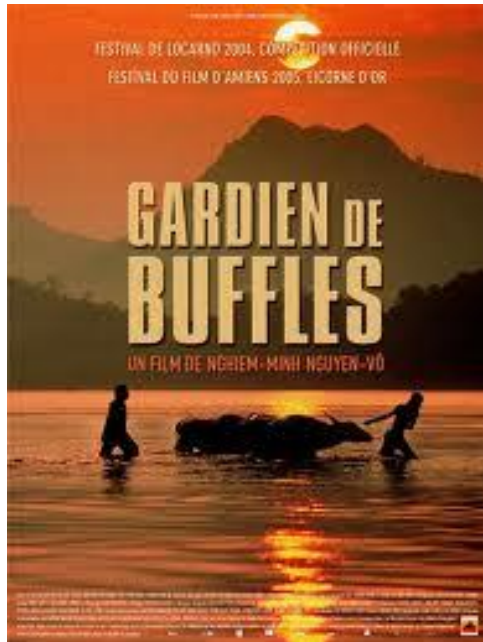
Thơ Lý Bạch

(Người viết dịch)

Tháng 2/2012

Xem phim

MÙA LEN TRÂU



Phim Mùa Len Trâu do đạo diễn Nguyễn Võ Nghiêm Minh viết kịch bản và thực hiện có lẽ là phim Việt Nam thành công nhất... ở nước ngoài. Phim do hãng 3B Production của Pháp, hãng Novak của Bỉ và hãng phim Giải Phóng Việt Nam đồng sản xuất. Phim đã tham dự 70 liên hoan phim quốc tế, được chiếu trên 60 vùng lãnh thổ và nhận được 11 giải thưởng chính thức cùng nhiều lời khen ngợi của giới làm phim quốc tế dù đây là phim đầu tay với chi phí chỉ một triệu dollars.

Vậy mà, một khán giả người Việt là tôi chỉ được xem trên youtube dù phim khởi quay từ tháng 9 năm 2003.

Ở Việt Nam, phim thuộc quyền phát hành của Hãng phim Giải Phóng và phim gần như bị bỏ quên khi không có kế hoạch quảng cáo và chương trình tiếp thị nào. Nghe nói phim cũng có được chiếu ở rạp, nhưng chiếu hồi nào không ai biết.

Sau khi xem phim Mùa Len Trâu qua internet, dù không được thưởng thức hết nét hoang dại mênh mông của phim khi được chiếu trên màn ảnh rộng, tôi vẫn thầm tiếc cho khán giả người Việt nhất là giới trẻ, đáng lẽ phải được xem phim này, thay vì dán mắt vào màn hình đầy bạo lực của games on line hay tìm vui trong K Pop.

Phim dựa trên một truyện ngắn của nhà Văn Sơn Nam trong Hương Rừng Cà Mau. “Len” tiếng Khmer có nghĩa là cho đi tự do. Mùa nước nổi kéo dài đến ba, bốn tháng, nước ngập đồng từ 1 đến 4 mét nên trâu không có cỏ ăn. Từ đó, hàng trăm con trâu nhà có tiền được giao cho một nhóm người lùa vượt qua vùng nước lũ đến nơi có núi cao, còn trâu nhà nghèo thì con cái trong nhà phải lùa theo bầy. Bối cảnh phim nằm ở thập niên 40 khi người nông dân Việt Nam phải sống vô cùng bức bách dưới ách đô hộ của pháp, sự bóc lột của địa chủ, và chiến đấu với sự nghiệt ngã của thiên nhiên khi nước lũ tràn về. Suốt thời gian ấy, người nghèo còn không có cái ăn huống gì trâu bò.

Hai con trâu là gia sản duy nhất đang đối diện với cái chết vì đói, nên nhân vật chính là Kim, dù mới 15 tuổi đã phải gia nhập vào đoàn len trâu để cứu vãn tình thế cùng quần của gia đình.

Chuyến len trâu đã đưa cậu bé Kim vào một cuộc phiêu lưu mà cuộc sống hoang dã của miệt dưới đã dạy cho cậu một bài học về sự khắc nghiệt của thiên nhiên, của những con người mà cuộc sống bị chi phối nặng nề bởi bản năng,

nhưng đồng thời cũng ban cho cậu bài ca ngọt ngào về tình người và nghĩa khí của người dân nam bộ.

Phim có tên tiếng Pháp là Gardien De Buffles và tiếng Anh là Buffalo Boy.



Xem xong Mùa Len Trâu tôi nhận ra ngay đây là một phim “Cowboy miền viễn đông”. Nếu trong phim cowboy miền viễn tây, những chàng cowboy sống cuộc đời hoang dã, lừa hàng ngàn con bò qua những sa mạc mênh mông đầy nắng gió, ai chọc giận là rút súng bắn đùng đùng... thì trong Mùa Len Trâu, các buffalo Boy lừa hàng trăm con trâu qua

những vùng mênh mông nước lũ, khi có đũa phản phé là giết chết ngay rồi quăng xác úm xuống nước. Buổi tối, năm ba anh cowboy, bên ánh lửa bập bùng ngồi nướng thịt trong cái lạnh cắt da của sa mạc, thì trong Mùa Len Trâu các buffalo boy ngồi trên những gò đất ẩm ướt, nướng trui cá lóc nhâm nhi rượu đế rồi ngân nga khúc Dạ cổ hoài lang. Ngang tàng và lãng mạn xiết bao!

Các chàng buffalo boy miệt dưới của nước Việt trong phim Mùa Len Trâu cũng y chang như các cowboy miền viễn tây một thời của đất Mỹ vì bên trong cái vẻ thô lỗ, xù xì họ vẫn có trái tim khát khao một cuộc đời êm ấm, một mảnh đất, một người đàn bà cho riêng mình. Và trong tận đáy lòng, họ vẫn mơ ước một mái nhà có tiếng cười trẻ thơ để khi về già sẽ kể câu chuyện đời mình cho các cháu nghe. Bởi vậy, xuyên suốt bộ phim là câu chuyện kể bằng giọng nói trầm đăm của một chàng Kim đã về già cho đũa cháu nội.

Nguyễn Võ Nghiêm Minh là ai mà lại có ý tưởng làm phim cowboy Việt Nam?

Vào Google mới biết con người rất đặc biệt này là một tiến sĩ Vật lý du học ở pháp năm 1974 và sống ở Mỹ từ năm 1978. Tốt nghiệp tại UCLA PhD về Physic, sau 16 năm làm nhà vật lý tại đại học California, Los Angeles, năm 1997 ông bỏ ngành Physic quay về UCLA học điện ảnh và từ đó dành hết thời gian cho điện ảnh sau khi nghiệm ra rằng “Vật lý dạy cho tôi kiến thức khoa học, không nhất

thiết phải là sự thật và hơn một nửa sự thật tuyệt đối không thể có được”.

Điều gì để một nhà vật lý lại có một “ngã rẽ tâm tình” kỳ lạ đến vậy. Theo tôi, Nguyễn Võ Nghiêm Minh bị ám ảnh bởi một giấc mơ thời thơ ấu và ông có một món nợ với quê hương mà ông chỉ có thể trả bằng ngôn ngữ điện ảnh chứ không thể bằng tấm bằng Tiến sĩ Vật lý.

Từ thuở 8,9 tuổi cậu bé Nghiêm Minh sống với bố mẹ ở Vũng Tàu. Cậu được tha hồ xem phim vì cha cậu là quản lý một rạp chiếu phim nhỏ. Vào tuổi trung học, ngoài giờ học, cậu thường chui vào rạp chiếu phim vì muốn trốn sự thực đen tối của một đất nước có chiến tranh và đói nghèo mà ở tuổi thơ dại, cậu chưa thể hiểu được là vì đâu. Cậu xem tất cả phim Hollywood, Pháp, Tàu, cao bồi Texas kể cả ca vũ nhạc Ấn Độ. Đối với cậu, xem phim không chỉ để giải trí mà còn là để được nhìn qua một cánh cửa mở rộng. Từ đó, một thế giới mới lạ, kỳ ảo hiện ra và tình người, tình đời từ phim ảnh cũng đã rung lên bao xúc cảm dạt dào cho trái tim ngây thơ của cậu. Ngoài xi nê, cậu bé Nguyễn Võ Nghiêm Minh cũng mê đọc sách và tập truyện ngắn Hương Rừng Cà Mau để lại cho cậu nhiều ấn tượng về một vùng đất nước cậu chưa hề được đặt chân tới nhưng sao mà bí ẩn, mênh mông, kỳ thú đến vậy.

Phải chăng, sau bao nhiêu năm lưu lạc xứ người, vì quá nhớ quê hương mà Nguyễn Võ Nghiêm Minh đã viết kịch bản Mùa Len Trâu và chính mình làm đạo diễn để tặng

cuốn phim đầu tay cho tuổi ấu thơ và cho quê hương vừa bát ngát ruộng đồng mà cũng mênh mông nước lũ.

“Nước là biểu tượng của sự sống và sự chết”, nhà vật lý Nguyễn Võ Nghiêm Minh nói thế. Và nhà làm phim Nguyễn Võ Nghiêm Minh đã chứng minh cho ta thấy trong Mùa Len Trâu, nước lai láng tràn về nhấn chìm tất cả. Ruộng đồng chìm trong nước, một ngọn cỏ cho trâu cũng không có. Nước lúc này không còn là ân sủng của đất trời mà chính là hiện thân của cái chết. Cỏ chết, hoa màu chết, trâu chết. Và trong làn nước lũ mênh mông như biển, cái chết của con người mới khốc liệt thê thảm làm sao. Trong phim khi cha của Kim chết, để xác không nổi trôi bập bênh làm mồi cho kền kền và cua cá, một đôi vợ chồng già đành khiêng cái cối đá, vật quý giá duy nhất trong ngôi nhà cao cảng, chênh vênh của họ để giúp Kim cột vào xác cha chìm xuống nước. Một tháng sau, khi người vợ qua đời ông lão đành phải bó xác vợ vào manh chiếu cũ rách, treo xác vợ lên cành cây, chờ khi nước rút mới có thể đưa bà về với ba tác đất.

Nhưng nước cũng là sự sống. 60 đến 70% cơ thể con người là nước. Khi mùa lũ qua đi, những con trâu sau một cuộc di cư kỳ vĩ đã hiền lành trở về với cái cày thân quen, người hùng buffalo boy dữ dội ngày nào trở lại làm người nông dân chon chắt. Trên những cánh đồng màu mỡ phủ sa, lúa lại lên xanh và “bao giờ cây lúa trở bông, thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn”.

Mùa Len Trâu là một bài ca về nước về trâu và nhất là về người nông dân nam bộ thật tuyệt vời.

Kịch bản phim Mùa Len Trâu được Nguyễn Võ Nghiêm Minh viết chỉ trong một tháng nhưng đã được vinh dự đoạt hai giải thi viết kịch bản vào năm 2000 của tổ chức IPF/West's Sreenwriters Lab (Mỹ) và Equinoxe Association (Pháp).



Đạo diễn Nguyễn Võ Nghiêm Minh và tác giả Huyền Chiêu

Con đường từ kịch bản đến hoàn tất xong phim Mùa Len Trâu của đạo diễn Nguyễn Võ Nghiêm Minh không dễ dàng khi nó được dàn dựng trên một đất nước không có nền điện ảnh chuyên nghiệp. Và dầu rất gây tiếng vang ở nước ngoài Nguyễn Võ Nghiêm Minh vẫn ao ước:

“Nếu được khán giả Việt Nam đón nhận, tôi sẽ ấm lòng hơn”.

Cám ơn nhà vật lý Nguyễn Võ Nghiêm Minh. Ông đã không dùng kiến thức Vật lý để tính toán sức nước khổng lồ của sông Mekong làm ra thủy điện mà quay về quê hương, cần mẫn thu hình vẻ đẹp hùng vĩ của dòng nước đã ngàn năm vừa là phúc thần mà cũng là hung thần đối với người miệt vườn nam bộ.

Rồi sẽ có một ngày khi nước sông Mekong khô kiệt vì bị những hồ chứa nước nhân tạo, những đập thủy điện của những quốc gia đầu nguồn cướp sạch, khi ấy, sẽ không còn lũ cho mùa len trâu và con cháu chúng ta chỉ có thể ngậm ngùi ngòì xem lại Mùa Len Trâu của Nguyễn Võ Nghiêm Minh, để nhớ về một thời huyền thoại đã mất.

Tháng 4/2012

**BƯỚC CHÂN NGƯỜI
NHỚ THƯƠNG TÔI
ĐẾN VỚI TÔI THÌ MUỘN RỒI***



Anh K Thương mến,

Ngày mai, 3 tháng 2- 2013 là ngày đưa tang Phạm Duy. Người nhạc sĩ đã từng làm rung động tuổi thơ của hai anh em mình sắp vĩnh viễn yên nghỉ trong lòng đất. Khi nghe tin Duy Quang qua đời, em linh cảm Phạm Duy cũng không còn bao ngày trên cõi đời này. Và GodFather trong làng nhạc Việt đã lặng lẽ lìa đời sau 93 năm sống cuộc đời sóng gió và gây sóng gió. Em gọi Phạm Duy là GodFather vì ông không bao giờ chịu đầu hàng số phận, ông luôn làm chủ cuộc đời mình, luôn chủ động lựa chọn, dù có đôi khi sự lựa chọn đẩy ông vào vị trí bị khinh ghét, bị trăm điều thị phi chê trách.

Thật đẹp một Phạm Duy nồng nàn yêu nước thuở ấy:

“Lúc kháng chiến xa nhà nhịp theo đời sống mới,

Người đi tìm chân trời, nơi miền xa,

lúc phá hết phố phường biệt ly đời gấm hoa

Người đi tìm áo nâu

*Quên hết bao sầu...”**

Nhưng rồi ông thức tỉnh và nhận ra sự tủi nhục của người nghệ sĩ khi họ không được quyền viết nhạc bằng con tim của mình.

Bà Mẹ Gio Linh “*Nghẹn ngào không nói một câu / Mang khăn gói đi lấy đầu...*” một thời bị cho là phản tuyên truyền.

Ca khúc “*Bên Cầu Biên Giới*” bị ghép tội lãng mạn , tiêu tư sản.

Ông bỏ cái hào quang nhân tạo của cuộc kháng chiến để thà mang danh dinh tề, phản động còn hơn ở lại với thân phận nghệ sĩ nô dịch.

Cám ơn sự dũng mãnh và sáng suốt của Phạm Duy để chỉ trong 20 năm hít thở không khí tự do, ông có thể viết được

hàng trăm ca khúc làm thăng hoa tâm hồn của hàng triệu người dân miền nam trong đó có anh và em.

Theo em, Phạm Duy khi bỏ sang Mỹ không hạnh phúc như khi bỏ vào Nam. Và giấc mộng trở về để “hát cho đồng bào tôi nghe” luôn vò xé tâm can ông.

Lần này GodFather đã phải cúi đầu chịu nhục khi trở về đối đầu với kẻ thù. Không nhục sao được khi hàng ngàn ca khúc của ông chỉ được cấp phép lần đầu khoảng 15 bài rồi mỗi năm nhỏ giọt thêm vài bài. Không nhục sao được khi ông phải sống dưới cái đạo đức giả được mang danh chiêu hiền đãi sĩ trong nước song song với sự tàn bạo của những lời nguyên rủa ở ngoài nước.

Trước đây, khi đọc những bài viết chửi Phạm Duy em cũng tủi thân lắm. Hàng triệu người Việt yêu nhạc phạm Duy trong nước không xứng đáng để một lần gặp lại người nhạc sĩ đã từng cùng mình khóc cười theo mệnh nước nổi trôi sao?

Chỉ trong vòng 3 ngày sau khi Phạm Duy qua đời, em lại đọc được cũng từ nước ngoài những bài viết vô cùng cảm động về Phạm Duy. Hóa ra người tốt, người sáng suốt trên thế gian này cũng còn nhiều. Và những con người này bình thường họ sống thật thâm lặng, thật nhẫn nhục. Họ chỉ lên tiếng khi con tim thật sự thấu hiểu, thật sự trân trọng.

Em thích Jason Gibbs với một nhận định về Phạm Duy đăng trong BBC Vietnamese:

“Phạm Duy sống cuối đời ở Việt Nam để các ca khúc của ông cày lại trong đất phù sa nơi quê hương”.

Từng sống nhiều ngày trong ngôi nhà của Phạm Duy ở thị trấn Midway, Châu đình An lại cho chúng ta biết về một con người khác của GodFather :

“Bà Thái Hằng còn cho tôi biết, những ngày bận rộn kinh tế thì thôi, còn khi về đến nhà là ông Phạm Duy nằm dài ra, thờ người đau đớn, ray rứt với bốn người con trai mà ông đang suy tính tìm cách để đoàn tụ”.

Và theo Châu Đình An:

Tôi đoán chắc là chỉ vì quá yêu thương các con, ông đã chọn về Việt Nam trong chế độ độc tài hiện hữu để có ba việc:

Thứ nhất: Cái chết của vợ là bà Thái Hằng đã làm ông hụt hẫng năm 1999, dù ai nói ra sao về cuộc đời tình ái phiêu lưu thêu dệt của người nhạc sĩ, nhưng, có lần ông cho tôi nghe ca khúc “Nặng Chiều Rực Rỡ” mà ông bảo là viết riêng cho bà, vì cả ngàn ca khúc của ông chưa có bài nào viết cho bà. Trong đó có câu “thế kỷ này, đang trong nắng ban chiều. Cho lòng mình băng khuâng nhớ nhau”. Ông bắt đầu cô độc thực sự sau ngày bà ra đi.

Thứ hai: Người già cô độc, và đơn chiếc, dễ tủi thân mũi

lòng, nếu ông mất sớm vào khoảng 70 tuổi thì thôi không có chuyện nói đến, và bây giờ Phạm Duy vẫn là thần tượng, nhưng ông sống đến trên 80 tuổi mà quê hương với ngày về thực sự vẫn xa vời vợi, chế độ cộng sản chưa sụp đổ như bao người trông chờ, không biết đến bao giờ quay trở lại có hương. Ông mất sự kiên nhẫn, ông muốn về một lần rồi nhắm mắt xuôi tay ở cái quê hương khốn khổ đã cho ông ném trái nhục vinh rồi ra sao thì ra. Thứ ba: Sau hết là cuộc sống các con, khi ông chết rồi con mình sẽ ra sao, chẳng ai có nghề nghiệp cố định, chẳng ai có bằng cấp gì cả, chỉ hoàn toàn sống bằng âm nhạc của chính ông dạy dỗ, tạo dựng. Và môi trường hải ngoại thì không đủ điều kiện để các con sinh sống, làm thầy thì không được, làm thợ thì khó, do vậy, ông lợi dụng chính sách gọi là “nghị quyết 36” hoà giải dân tộc để trở về, mở đường máu tồn tại và nuôi sống “âm nhạc của ông và các con”, bất chấp sự phản đối, bất chấp, ông biết là người ta sẽ thất vọng vì sự sụp đổ hình ảnh thần tượng nghệ sĩ quốc gia nơi ông.

Phạm Duy đã vĩnh biệt chúng ta,

Nhưng bên kia thế giới ông được gặp lại bà Thái Hằng và Duy Quang.

Ông đã nhiều lần bỏ đi và lần này chuyến đi của ông có lẽ là nhẹ nhàng nhất.

“Đi nhau sang bên kia thế giới

Đi nhau nương thân ven chín suối

Dắt dìu về chốn xa vời đời đời

*Đi nhau đưa nhau vào nghìn thu...”**

Em nói về Phạm Duy nhiều quá mà quên mất ông anh nhất định không chịu trở về với “*Vườn rau trước hè cười đón người về*”. Anh bảo chừng nào hết CS mới về nhưng sao anh không chịu hiểu như Phạm Duy rằng ở VN bây giờ chỉ có tư bản đỏ.

Còn vài ngày nữa là Tết. Gửi anh mấy câu trong bài “*Hoa Xuân*” của Phạm Duy mà thuở nhỏ anh em mình hay hát mỗi độ xuân về:

“Có một chàng thi sĩ miền quê

Ngắt bông hoa biếu người xuân thì

Có một đàn em bé ngoài đê

Hát câu I tờ đón xuân về...”

Em gái của anh.

Tháng 2/2013

KHI THƠ ĐI VÀO NHẠC



Tranh: Trần Thanh Châu

lá sẽ đổ từ vàng da mũi lệch

môi là mềm hoa mọc mật cong môi

từ bờ cồi chia xương chua là ngọt

trút lang thang từ nát mộng lên trời

Thật sự tôi không hiểu lắm ý nghĩa của mấy câu thơ trên của Bùi Giáng nhưng tôi vẫn thích đọc, thích nghe những âm thanh của những câu chữ ấy. Rồi một cách vô thức, tôi thuộc lòng chúng như thuộc một khúc nhạc không lời.

Rõ ràng, nhạc đã đi vào thơ của Bùi Giáng.

Đi ngược con đường của Bùi Giáng, Lê Thương biến nhạc thành thơ.

“Ngựa phi ngoài xa hí vang trời

Chuông trống khua trăm hồi,

Ngân ngại bên núi đôi

Rồi vọng ra khắp nơi”

Nếu một đạo diễn làm phim về cảnh người chinh phu ra trận không hiểu ông thể hiện như thế nào về sự “ngân ngại” của âm thanh ngựa hí, chuông trống khua ..

Chưa hết. Trong Hòn Vọng Phu 2 Lê Thương viết:

“Đoàn cỏ cây hãy còn trẻ thơ

Cho đến bây giờ

Đã thành đoàn cỏ thụ già...”

Có những bài thơ tự nó biến thành nhạc. Có những ca khúc chính nó là thơ. Nhưng cũng có nhiều bài thơ hay lại nằm ngủ trong rừng cho đến một hôm có chàng hoàng tử trao cho nụ hôn hồi sinh và từ đó nàng trở nên rạng ngời.

Phạm Duy là chàng hoàng tử tài năng nhất trong các chàng hoàng tử chuyên đi tìm các nàng công chúa mê ngủ.

Ngoại trừ việc làm đẹp cho các nàng “công chúa” già, đã có danh tiếng như Huy Cận (Ngậm Ngùi), Lưu Trọng Lư (Hoa Rụng Ven Sông, Người Em Sâu Mộng,..) Xuân Diệu (Mộ Khúc), Phạm Duy còn có công đưa chàng sinh viên Cung Trầm Tưởng đến với người yêu nhạc.

Một thời, hình ảnh:

“người em mắt nâu

Tóc vàng sợi nhỏ”

Bỗng trở thành nàng thơ của mấy anh chàng thanh niên Việt Nam da vàng mũi tẹt và:

“Ga Lyon đèn vàng

Cầm tay nhau muốn khóc..”

Đã trở nên rất gần gũi với người Việt còn hơn ga Hòa Hưng!

“Mùa thu không lời

Son nhạt đôi môi

Em buồn trở lại

Hòn quên, hỏi cái cuộc đời”

Ôi chao, đàn ông mà cũng “hòn” ư. “Nhu thế là yêu quá đi mất rồi” (nhại thơ Nguyễn Bính).

Cứ tưởng Phạm Duy chỉ tìm đến với các bậc thi nhân danh tiếng, thật đáng khâm phục khi ông phát hiện “Còn Một Chút Gì Để Nhớ” của Vũ Hữu Định và từ đó người yêu nhạc tạm quên người em xóm học tóc vàng sợi nhỏ ở tận Paris để trở về với:

“Em Pleiku má đỏ môi hồng”

Và con phố Pleiku “*Đi dăm phút trở về chốn cũ*”, “*ở đây buổi chiều quanh năm mùa đông*” bỗng chốc trở nên gần gũi đáng yêu hơn bao giờ.

Dường như Phạm Duy cứ càng ngày càng trẻ ra. Sau Vũ Hữu Định, Linh Phương (Kỷ Vật Cho Em), Phạm Thiên Thư (Ngày Xưa Hoàng Thị, Đưa Em Tìm Động Hoa Vàng), Phạm Duy bỗng vô cùng say đắm bước vào tình yêu khùng điên, đại khờ của tuổi học trò với Nguyễn Tất Nhiên, một nhà thơ nhí học trò lớp đệ nhị một trường nhỏ ở Biên Hòa, chưa có danh tiếng gì.

Ca khúc “Thà Như Giọt Mưa” của Phạm Duy dựa vào thơ Nguyễn Tất Nhiên là ca khúc làm cho mọi người bàng hoàng khám phá sự bí ẩn của những trái tim si tình 17 tuổi:

“Người từ trăm năm về như dao nhọn

Người từ trăm năm về như dao nhọn

Dao vết ngọt đâm

Ta chết trăm năm,

Dòng máu chưa kịp tràn...”

Những câu chữ như “*Ta chết trăm năm*”*, “*Ta ngoắc mòn tay*”* của Nguyễn Tất Nhiên nếu không đi vào nhạc Phạm Duy chắc chắn không ngân nga mãi trên cõi đời này, trong niềm tiếc thương vô hạn khi “hoàng tử bé” sâu muộn của chúng ta bay trở về tinh cầu nhỏ bé của chàng vào năm chàng 40 tuổi.

Nhưng không phải lúc nào phép thuật của phù thủy Phạm Duy cũng thiêng. Bài thơ Màu Tím Hoa Sim của người bạn thân thiết Hữu Loan, theo tôi đã không thành công khi được Phạm Duy viết nhạc. Tội nghiệp Hữu Loan. Bài thơ lừng lẫy khóc người vợ trẻ của ông không hiểu sao lại bị Phạm Duy viết lại theo nhịp quân hành hùng tráng? Bài Áo Anh Sứt Chỉ Đường Tà của Phạm Duy thua xa bài Những Đồi Hoa Sim do Dũng Chinh viết nhạc theo điệu Bolero rất bình dân và giản dị đã ra đời và rất được yêu thích trước đó.

Tôi cũng hết sức buồn ở trường hợp bài Đi Chùa Hương của Nguyễn Nhược Pháp khi đi vào ca khúc do Trung Đức soạn nhạc.

Nguyễn Nhược Pháp, nhà thơ có trái tim trong treo, đầy ắp tình yêu thương dành cho cõi đời này lại chỉ được hưởng dương 24 tuổi. Chàng như thiên thần bay về trời gửi lại chúng ta những lời chúc tốt đẹp nhất cho tình yêu đôi lứa mà nhân vật chính của những chuyện tình là những cô gái “Ngày Xưa”.

Cô gái Việt của “Ngày Xưa” sao mà trong sáng quá .

Trong bài Đi Chùa Hương, cô gái ấy chỉ mới mười lăm tuổi. Theo phong tục ngày trước, mười lăm tuổi đã là tuổi các cô đã được nhiều gia đình ngắm nghé, xin dạm hỏi cho con trai mình.

“Em tuy mới mười lăm

Mà đã lắm người thăm

Nhờ mới mai đưa tiếng

Khen tươi như trăng rằm”

Cô được mẹ dạy cho “học ăn, học nói, học gói, học mở”, dạy cho cách đi đứng, nói cười, chuẩn bị cho một ngày rất gần: làm vợ, làm mẹ, làm dâu nhà người.

Tuy nhiên, cái ngày rất gần sẽ biến cô thành một người đàn bà với biết bao thay đổi, bao khó khăn ấy không làm

mất đi nét hồn nhiên ngây thơ của cô bé mới bắt đầu biết rung động vì người khác phái.

“Em đi chàng theo sau

Em không dám đi mau

Sợ chàng chê hấp tấp

Số gian nan không giàu”

Cô gái 15 tuổi của “Ngày Xưa” ấy đã khác đi rất nhiều trong ca khúc của Trung Đức.

Từ một cô bé “Em không dám đi mau” trong bài thơ của Nguyễn Nhược Pháp, Trung Đức đã cho nhân vật của mình “Đi Chùa Hương” theo điệu Chachacha vô cùng nhí nhảnh.

“Me cười thấy nó trông

Chân đi đôi dép cong

Con tôi xinh xinh quá

Bao giờ cô lấy chồng?”

Thời đó các cô mang hài có mũi cong nhưng Trung Đức đã mua guốc mới cho cô bé:

“quần lĩnh áo the mới

Tay em cầm chiếc nón quai thao

Chân em đi đôi guốc CAO CAO”.

Mang guốc cao, đi theo điệu chachacha, cô bé Chùa Hương của Trung Đức đã không còn là nhân vật e ấp dễ thương như trong bài thơ của Nguyễn Nhược Pháp, mà trở thành cô gái tuổi teen bạo dạn, biết làm duyên, biết mình trẻ, biết mình đẹp trong khi lại rất “kịch” khi nói:

“Em còn bé lắm mấy anh ơi”

Trong trường hợp này, theo tôi nhạc đã phản thơ.

Biết bao giờ mới lại có những vần thơ đi vào nhạc buồn nhưng đẹp như sự kết hợp tuyệt vời giữa Phạm Duy và Hàn Mặc Tử:

Trước sân anh thơ thần

Đăm đăm trông nhận về

Mây chiều còn phiêu bạt

Lang thang trên đôi quê

Gió chiều quên ngừng lại

Dòng nước luôn trôi đi...
Ngàn lau không tiếng nói
Lòng anh dường đê mê
Cách nhau ngàn vạn dặm
Nhớ chi đến trăng thề
Dẫu ai không mong đợi
Dẫu ai không lắng nghe
Tiếng buồn trong sương đục
Tiếng hờn trong lũy tre
Dưới trời thu man mác
Bàng bạc khắp sơn khê
Dẫu ai trên bờ liễu
Dẫu ai dưới cành lê...
Vời ngày xanh hờ hững
Có quên tình phu- thê

Trong khi nhìn mây nước

Lòng xuân cũng nã nề...

(Tình Quê)

Tháng 4/2013

(*)Nguyên văn trong bài thơ “Khúc Tình Buồn” của Nguyễn Tất Nhiên: *Ta chết âm thầm.*

CÔ GÁI LƯỚI BIẾNG

(KỊCH)



(Courtesy of Vintage Art)

Chuyển thể từ một chuyện cổ tích của Đan Mạch

NHÂN VẬT:

- Cô gái xinh đẹp
- Bà mẹ
- Vú già
- Hoàng tử
- 2 lính hầu

Màn 1

Cảnh phòng khách một gia đình trung lưu ở nông thôn.

Bà mẹ đang ngồi đan áo thì cửa mở tung. Cô gái chạy ào vào trên tay ôm một bó hoa lys.

Cô gái: Con chào mẹ ạ. Sáng nay trời thật đẹp, hoa lys nở đầy vườn.

Bà mẹ: Này con, con đã lớn rồi đây, bao giờ con mới chịu ở nhà học thêu thùa, may vá, học nấu nướng. Nếu suốt ngày con cứ đàn hát, vẽ tranh, chạy nhảy ngoài vườn rồi chui vào phòng riêng đọc sách thì chẳng có chàng trai nào chịu cưới con đâu.

Cô gái bỏ bó hoa xuống bàn, chạy lại sau lưng mẹ. Vòng tay ôm lấy cổ mẹ cô cười vang và nói:

– Nhưng nếu con làm vợ hoàng tử thì sẽ có người hầu làm tất cả mọi chuyện mẹ ạ.

Bà mẹ: Thôi đi, con đừng mơ mộng vớ vẩn. Bây giờ mẹ phải đi chợ. Con ở nhà đan giúp mẹ cho xong thân áo này.

(bà mẹ đứng dậy, trao chiếc áo đang đan dở cho cô gái rồi bước ra ngoài).

Cô gái ngồi xuống đan áo nhưng ít phút sau cô gọi lớn:

– U già ơi!

U già xuất hiện. Cô gái ấn u già ngồi xuống:

– U đan giúp cháu đi. Đan nhanh lên đây kéo mẹ về lại mắng cháu.

Rồi cô gái ngồi xuống cạnh u già:

– Này u già, mẹ cháu bảo rồi chẳng ai thèm cưới cháu đâu !!

U già:

– Cô xinh và đáng yêu lắm. Nếu là hoàng tử, tôi sẽ chọn cô.

Cửa bỗng mở, bà mẹ bước vào:

– Này con gái yêu của mẹ, Hoàng tử sắp đến làng ta để chọn vợ. Nhưng sẽ không có chiếc giày bé xíu nào cho con thử đôi chân bé nhỏ xinh đẹp của con đâu. Hoàng tử sẽ chọn cô gái nào đảm đang, khéo tay có tấm vải dệt mà hoàng tử ưng ý nhất. Mẹ đã bảo mà. Con chẳng chuẩn bị gì cả. Ngày mai đã hết thời hạn nộp vải và các cô gái trong làng đều đã chuẩn bị xong.

Cô gái cúi đầu buồn bã.

Bỗng u già bỏ chiếc áo đang đan xuống đứng dậy.

– Thuở còn con gái tôi đã dệt cho mình một tấm vải, chuẩn bị cho ngày lấy chồng. Nhưng cho đến nay tôi vẫn chưa có dịp dùng đến. Tôi xin tặng tấm vải ấy cho cô chủ.

Cô gái chạy đến ôm lấy u già:

– U ơi, u tốt với con quá.

Màn hạ

Màn 2

Cảnh phòng khách nhà cô gái.

Bà mẹ vẫn ngồi đan áo, U già đang lau cửa sổ.

Bà mẹ:

– Từ ngày vào cung, con gái ta chưa một lần về thăm, ta nhớ và lo lắng cho nó quá.

U già:

– Tôi tin rằng mọi sự đang tốt đẹp đấy.

Cửa mở. Cô gái sang trọng trong chiếc áo công nương bước vào.

– Chào mẹ, chào u con nhớ cả nhà quá.

Cô gái chạy lại ôm hôn mẹ và u già.

Bà mẹ:

-Con vẫn bình yên đấy chứ ?

Cô gái:

– Vâng, con rất hạnh phúc. Hoàng tử rất tốt với con mẹ ạ. Nhưng con đang gặp khó khăn mẹ ạ.

Bà mẹ:

– Con cứ nói.

Cô gái:

– Sắp đến sinh nhật hoàng hậu. Hoàng tử cho đặt một khung cử trong dinh của con để con tự dệt một tấm vải tặng Hoàng hậu...Con xin mẹ cho u già vào cung ở với con. Khi Hoàng tử đi vắng u sẽ giúp con dệt tấm vải. Con hứa nhân dịp này sẽ học cách dệt, con sẽ cố mẹ ạ.

U già:

– Thưa bà, xin bà cho phép tôi vào cung với công nương.

Cô gái chạy lại ôm lấy u già

– U ơi u tốt với cháu quá

Màn hạ

Màn 3

Cảnh dinh thự của hoàng tử. Một khung cử được đặt phía sau.

Cô gái đang cắm những bông hoa vào một bình hoa.

Hoàng tử bước vào:

– Công nương xinh đẹp của ta. Hôm nay ta đi săn. Chỉ còn vài ngày nữa là đến sinh nhật của hoàng hậu. Ta biết hoàng hậu sẽ rất vui khi nhận được quà tặng của nàng. Nàng hãy cố lên nhé!

Cô gái:

– Thưa vâng. Chúc hoàng tử một chuyến săn may mắn.

Hoàng tử hôn vợ rồi đi ra.

Cô gái đi vào trong.

U già xuất hiện. Bà cặm cùi ngồi dệt bên khung cửi .

Bỗng hoàng tử bước vào:

– Công nương ơi, hôm nay con ngựa của ta bị ốm. Ta phải bỏ dở chuyến đi săn thôi.

Hoàng tử dừng nói nhìn chăm chăm vào u già đang rất sợ hãi:

– Bà là ai?

U già quì xuống trước mặt hoàng tử:

– Xin tha tội cho thân dân. Thân dân là u già của công chúa.

Hoàng tử:

– Này bà phải nói thật, nếu không ta sẽ giết chết bà. Ai đã dệt tất cả những tấm vải cho công nương ?

U già:

– Chính tôi ạ.

Cô gái bước ra sân khấu quì xuống cạnh u già:

– Tất cả lỗi là do em xin hoàng tử tha tội cho u già.

Bỗng hoàng tử nhìn u già rồi hỏi:

– Này bà lão, sao môi bà dày thế?

U già:

– Tôi suốt đời phải dùng môi để xe sợi.

Hoàng tử:

– Sao bàn chân bà to thế ?

U già:

– Tôi cả đời phải đập khung cửa.

Hoàng tử:

– Sao bàn tay bà nhăn nheo, vẹo vẹo thế ?

U già:

-Tôi đưa thoi, giặt vải biết bao năm rồi.

Hoàng tử:

– Thật khủng khiếp, quan đâu? Đưa bà lão này đi khuất mắt ta.

Nâng cô gái dậy hoàng tử nói:

– Từ nay ta cầm nàng đụng tới khung cửa đây!

Rồi hoàng tử ôm vợ vào lòng như sợ nàng tan biến theo....u già.

Màn hạ

Tháng 1/2014

**NGƯỜI ĐI
TRÊN ĐỒNG TRO TÀN ***



“Reflecting” Photography by Isadora – 2013

Anh K thương mến,

Những năm trước khi nghe anh nói năm nay anh cũng chưa về VN được, em rất buồn. Hơn 20 năm rồi còn gì. Nhưng năm nay thì em lại nghĩ khác. Anh không về hóa ra lại hay. Hãy để VN biến thành tro bụi trong ký ức. Nhưng anh không về mà cứ muốn em kể chuyện VN cho anh nghe. Em sẽ kể nhưng anh đừng khóc đấy nhé.

Em sẽ bắt đầu từ đâu nhỉ?

À. Huyện lỵ của mình bây giờ được gọi là thị xã. Nếu về anh sẽ không nhận ra đâu là đâu. Ngôi trường bé nhỏ dưới mấy gốc bàng nơi anh và em học lớp vỡ lòng, đã bị đập bỏ để xây một cung thiếu nhi nguy nga. Hai hàng tre bên sông Dinh đã được thay bằng bờ kè bằng đá. Đường sá cũng được mở rộng thay cho những con đường làng nhỏ mà thuở bé anh hay đạp xe chở em về thăm quê nội hay rong chơi đây đó. Xem ra thì đường sá cầu cống, dinh thự, trường học có khang trang hơn xưa nhưng đó là hàng mã. Tất cả đều chỉ đẹp để trong ngày khánh thành, còn sau đó nó hư hỏng nhanh chóng là điều bình thường ở xứ sở này. Trên những con đường ở đất nước gọi là thanh bình này mỗi năm có

hàng chục ngàn người chết vì tai nạn xe cộ. Không có ở nước nào mà người dân phải tự di chuyển bằng xe gắn máy. Không có ở đâu mà xe gắn máy chạy chung với xe tải, xe khách, xe chở container. Người mình chết nhiều đã đành. Cứ mỗi lần đọc báo có tin một chuyên viên nước ngoài đến VN làm việc bị xe tông chết thì em vừa xấu hổ vừa thương cho họ. Đáng lẽ họ không nên đến đây, một đất nước mà mạng người chỉ là cỏ rác.

Trong thư anh thường nói phong cảnh ở VN là đẹp nhất. Núi đẹp, rừng đẹp, những ngôi nhà nhỏ nhỏ giữa những thửa ruộng xanh tươi.

“Chiều ơi, lúc chiều về là lúc yên vui

*Trâu bò về đực mỡ xa xôi ...ơi chiều” **

Anh ơi, làng quê thì vẫn còn màu xanh như cũ nhưng nó không còn là chốn yên lành. Rượu, phim bạo lực, phim sex, thất nghiệp đã làm dậy lên men say cuồng sát và cảnh chém giết nhau anh cũng đã biết rồi trên các báo online.

Anh cũng sẽ không còn tìm ra những nàng thôn nữ

*“gánh, gánh, gánh, gánh thóc về gánh về gánh về” **

Hàng Trung Quốc bây giờ vừa rẻ vừa model đã biến cả các phụ nữ nông thôn thành những con rối hồn nhiên háo hức với “quần bò” hở rún, áo hai dây hoặc không có dây nào.

Trước đây người dân được dạy cho biết lao động là vinh quang và mọi người mọi nhà phải tăng gia sản xuất. Lúc đó cây khoai mì đã trở nên một biểu tượng được tôn sùng của đất nước. Nhưng sau đó họ sực tỉnh ra rằng những cây gỗ trăm tuổi, ngàn tuổi bạt ngàn trên rừng Trường Sơn mới là triệu triệu dollars. Và thế là một cuộc thảm sát long trời lở đất chưa từng có đã biến cho đất nước mình thảm hại như một con đại bàng bị vật trụ lông.

Anh sẽ khóc khi nhìn thấy Dalat mất gần hết rừng thông, anh sẽ thất vọng khi Dalat không còn cái lạnh đáng yêu của một châu Âu giữa lòng một đất nước chỉ có hai mùa mưa nắng. Và anh sẽ phì cười khi thấy đã có tiệm bán quạt máy ở Dalat.

Anh sẽ đau lòng khi nhìn vào đôi mắt buồn vời vợi của những người dân tộc thiểu số khi họ bị dành hết núi rừng. Thật nhẫn tâm khi họ buộc phải xa lìa rừng núi, ngôi nhà kỳ vĩ của họ để về sống trong những ngôi nhà gạch, mái tôn xây vội.

Rồi dây cáp treo sẽ đưa người lên tận đỉnh Langbian, rồi những rùa, nhím, chồn hương, nai, hoẵng sẽ bị tận diệt để phục vụ những cái bao tử khốn nạn.

Người ta cũng phát hiện ra rằng ngoài rừng, biển cũng là triệu triệu dollars.

Không biết vua Duy Tân có lỗi gì với dân tộc mà sau năm 1975 con đường tuyệt đẹp mang tên ông trải dọc biển Nha Trang đã đổi thành đường Trần Phú. Và cũng từ đó biển Nha Trang dần dần bị biến dạng. Song song với cuộc tàn sát rừng, biển cũng bị xâm lấn nặng nề. Nếu anh về thăm biển Nha Trang anh sẽ thấy biển không còn gây cho anh cảm giác mênh mông, anh sẽ không còn cái thú được thấy mình như “con ốc bơ vơ nằm trên cát” *. Biển Nha Trang bây giờ bị bao vây bởi một rừng khách sạn khổng lồ ngạo nghễ nhìn ra biển. Nằm dưới chân những gã khổng lồ khách sạn, biển Nha Trang đã biến thành một cái ao làng với rất nhiều bao ny lông nhót nhát vật vờ. Bị che chắn, gió biển không còn thổi thang ngập tràn thành phố nên Nha Trang bây giờ không gian vô cùng ngột ngạt.

Nhưng điều đau buồn nhất là một thế hệ con cháu chúng ta đã lớn lên như những con gà công nghiệp trong một chiếc lồng chật chội.

Làm sao trách chúng được khi chúng lớn lên trong một không gian mù mờ về lịch sử.

Chúng được dạy dỗ rằng chúng đang sống rất hạnh phúc trong một đất nước đã được giải phóng và chúng phải biết ơn bác, biết ơn Đảng.

Mà hạnh phúc thật đấy. Một diễn viên nổi tiếng của Hollywood tổ chức đám cưới chỉ mời không đến vài chục khách trong khi bà hai bán phở, ông Chín hiệu trưởng làm

đám cưới cho con mời 500 khách. Trong đám cưới có ông cựu binh sĩ VNCH hào hứng lên sân khấu hát bài “Năm Anh Em Trên Một Chiếc Xe Tăng” !!!

Nếu anh về đi thăm bà con anh sẽ chạnh lòng khi nghe thím hai khoe con thím đi làm ở Bưu Điện được cử đi học lớp cảm tình đảng. Điều đó có nghĩa nó có hy vọng vào đảng và lên chức. Buổi tối về nhà anh sẽ nghe mấy đứa cháu anh ê a học “đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào...”.

Không thể trách được. Dù là gà công nghiệp, con gà cũng thềm mỗ gạo, vẫn thềm sống.

Làm sao trách được người dân Việt khi trong sân bóng đá họ chỉ có một lựa chọn duy nhất là lá cờ đỏ sao vàng để cuồng nhiệt phát lên mừng đội nhà chiến thắng.

Sau năm 1955 chúng ta có một cuốn phim với một tên gọi rất hay “Chúng Tôi Muốn Sống”. Sau 1975, Trương Nghệ Mưu có phim “Phải Sống” .

Phải sống thôi.

Người dân quê mình không còn thời gian, hơi sức đâu mà buồn mà lo. Mà suy nghĩ buồn lo cũng không được với những công cụ vô hình trời buộc.

Phải chi có anh vào những ngày cuối năm, em sẽ dẫn anh đi thăm một nơi mà em rất thích vì nó yên tĩnh, đẹp và buồn.

Đó là nghĩa trang nơi có mộ ba, má, mộ cậu Sáu, dì Bốn, mộ ông Ba Cà, Bà Tám Tùng, Ông Mười Cảnh.....Những người hàng xóm thân thiết của chúng ta đều có mặt ở đây. Đến đây anh sẽ nhớ lại những ngày thơ ấu tươi vui của chúng mình những đứa trẻ nghèo, thiếu thốn nhưng tự do bay nhảy trong khu rừng nguyên sinh tuyệt đẹp của một đất nước tên gọi Việt Nam.

Em thích nhất là được ngắm nhìn những rặng núi xanh thăm buồn buồn, được nghe tiếng những hàng cây rủ rỉ trong gió chiều tịch mịch.

“Me có hay chẳng con về

Chiều nay thời gian đứng yên để nghe”.

Nói vậy, nhưng em vẫn tin rằng anh sẽ về. Anh nhé!

Em gái.

** Lời trong một số bài hát của Phạm Duy*

Tháng 2/2014

NGÀY TRONG THIÊN ĐƯỜNG

Tháng 1 năm 2014						
31						
Thứ Sáu						
Tháng Giêng (T)			Tháng Bình Dần			
1			Ngày Nhâm Dần			
Năm Giáp Ngọ			Giờ Canh Tý			
			Tiết Đại hàn			
Tết Nguyên Đán						
Giờ hoàng đạo: Tý (23-1), Sửu (1-3), Thìn (7-9), Tỵ (9-11), Mùi (13-15), Tuất (19-21)						
CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
			1 1/12Đ	2 2	3 3	4 4
5 5	6 6	7 7	8 8	9 9	10 10	11 11
12 12	13 13	14 14	15 15	16 16	17 17	18 18
19 19	20 20	21 21	22 22	23 * 23	24 24	25 25
26 26	27 27	28 28	29 29	30 30	31 * 1/1T	

*Hỏi rằng: đất trich chiêm bao.
Sá gì ngẫu nhĩ mà chào đón nhau
Thưa rằng ly biệt mai sau
Là trùng ngộ giữa hương màu nguyên xuân*
Bùi Giáng

Đó là ngày không bao giờ có mưa to, bão lớn, thường chỉ có dịu êm phơn phớt mưa phùn. Nắng cũng không bao giờ chói chang đỏ lửa. Nắng chỉ vừa sưởi ấm hồn người và gợi niềm nhung nhớ, chờ mong.

Đó là ngày mà người vợ thức dậy đã thấy nước đầy trong tất cả các lu, vò, nhà cửa không cần quét, quần áo không phải giặt. Nàng chỉ còn một việc phải làm là chải cho thật đẹp mái tóc thơm mùi bồ kết và tô một làn son mỏng lên đôi môi đã có sẵn một nụ cười. Ai đó đã đặt một bình hoa rực rỡ lên trên chiếc khăn bàn mới tinh. Nàng sẽ mặc vào chiếc áo đẹp nhất và đôi má sẽ ửng đỏ trong tia nhìn ngạc nhiên của chồng. Chắc chắn hôm nay trong nhà sẽ không có tiếng cãi cọ. Cả hai đều dành phần thua và lặng lẽ biết rằng mình thật ra là người chiến thắng.

Đó là ngày đưa trẻ ngạc nhiên, sung sướng thấy chung quanh mình cái gì cũng mới. Căn nhà đã được quét vôi mới, tường nhà đã được treo tấm lịch mới và mọi người đều được mặc áo mới. Trong ngày tuyệt diệu này đứa bé thấy mình được yêu thương chiều chuộng hơn bao giờ. Bé sẽ được ăn những món ngon nhất và sẽ không bị đánh mắng dù phạm lỗi nặng. Bé sẽ bất ngờ trở nên giàu có, túi đầy ắp tiền lì xì. Điều quan trọng nhất là bé sẽ được tự do dùng những đồng tiền ấy cho những sở thích riêng tư mà suốt cả năm trời bé ao ước. Bé sẽ đi xi nê, bé sẽ chúi đầu vào đám bầu cua, bé sẽ leo lên xe đò làm một chuyến viễn du nào đó. Một việc duy nhất bé bị bắt buộc phải làm là vòng tay nói với mọi người những lời chúc phúc nhân ngày đầu năm.

Bên song cửa có cô gái mười sáu tuổi đang soi gương. Cô hạnh phúc vì biết mình xinh đẹp và rất được mọi người yêu thương. Sáng nay mẹ cô dặn “sáng mừng một phải kiêng cử con ạ. Con không được đi đến nhà ai”. Sợ cô buồn, mẹ cô an ủi “Nhờ phong tục này mà gia đình nào cũng có một ngày sum họp bên nhau...”. Thật ra cô không buồn vì trái tim cô vẫn đang đang cất cánh hát lời yêu đương.

Trong căn nhà mái ngói âm dương cũ kỹ có ông lão đang hạnh phúc. Đứa con trai đã trở về để cùng ông thấp lên bàn thờ tô tiên những nén hương chào đón phút giao thừa. Ngày hôm nay trong không khí thiêng liêng đượm ngát hương trầm hai cha con ông sẽ đón tiếp vong hồn của những người quá cố trở về thăm cõi dương gian. Người sống và

người chết đang đoàn tụ. Ông rơi nước mắt khi biết chắc rằng bà vợ quá cố cùng cô con gái yếu mệnh đang quanh quẩn trong nhà.

Thiên đường là cõi mơ, không bao giờ có thật. Thương cho người dân quê tôi, họ sống, làm lụng vất vả cả năm, dành dụm cả năm chỉ để cùng nhau hướng về một mộng ước. Đó là được sống, dù chỉ một ngày thôi, thực sự hạnh phúc giống như đang ở trong thiên đường .

Tháng 2/2014

**CHẲNG THIẾU CHI NHIỀU
CHỈ THIẾU TÌNH YÊU ***



Tranh: Trần Thanh Châu

Cuội thì sau cuộc phiêu du

Cuội ngời thương nhớ quê nhà xa xôi

(Một Đàn Chim Nhỏ – Phạm Duy)

Anh K thương mến,

Trong thư vừa rồi anh hỏi em và cả nhà ăn tết có vui không. Tất nhiên là vui. Vui vì con cháu về đông đủ, vui vì đất trời êm ả, vui vì Tết là dịp mình có thể bắt ngờ đón tiếp những người bạn tưởng chừng không bao giờ gặp lại.

Nhưng khi Tết qua rồi, em lại thấy lo. Lo không biết năm nay cuộc sống của dân mình còn suy sụp đến đâu, các con em có kiếm đủ sống không. Ở đất nước mình sống mà không an tâm chút nào. Ra đường, lo tai nạn, cướp giật. Đi làm, lo mất việc. Đi ăn, lo thực phẩm tẩm hóa chất. Đi chơi lo bị đeo bám, chặt chém. Đi mua hàng lo bị mua trúng hàng dỏm, đi bệnh viện lo không chịu nổi viện phí...

Thư nào anh cũng hỏi quê mình, bà con mình bây giờ ra sao.

Em chẳng biết nói gì đây.

Đã nếm mùi đói khổ, chết chóc vì chiến tranh người dân mình yên phận trở về với ruộng đồng, mơ một cuộc sống bình yên.

“Ngày trở về lúa ngô vui tươi hát mừng trước ngõ

Gió mát trăng thanh,

*Ôi ngày trở về, có anh thương binh sống đời hòa bình,..”**

“Đời hòa bình”, nghe thật êm ái. Cứ tưởng im tiếng súng là có đời hòa bình, tất nhiên như hết đêm thì phải đến ngày. Nhưng thật khó hiểu khi đất nước mình hết chiến tranh rồi mà như cứ mãi chìm trong màn đêm dài tăm tối.

Mỗi lần đọc báo nghe tin giá phân bón tăng cao nhưng lúa bị ép giá phải bán lỗ, có khi bán không ai mua, lòng em quá là đau xót. Một dân tộc hơn 90 triệu dân với 70% là nông dân mà hạt lúa hai sương một nắng không mang lại hy vọng nào thì biết sống làm sao?

Ở Dalat Tết vừa rồi hoa lay ơn bị cắt cho bò ăn, bắp cải, xà lách cũng chung số phận. Trong khi ấy ở thành phố, người nghèo đi chợ không mua nổi bó rau, miếng thịt. Người trồng rau, người nuôi gà, nuôi heo lẫn người tiêu thụ không gặp được nhau khi có những bàn tay vô hình và vô cảm thao túng cả đôi bên.

Xăng, gas, điện, nước độc quyền tăng giá.

Người nghèo bị bỏ rơi như thế đó.

Miền trung quê mình mấy năm nay người dân trồng hàng ngàn hecta mía.

Bị nhà máy đường ép giá, mía khô chất đống trên đường, nông dân mất trắng.

Nhà nông không còn yêu đất. Nhà nông không còn yêu ruộng rau, thửa ruộng, mảnh vườn.

Nhà nông mơ con mình được làm sinh viên để về thành phố làm cho “công ty”.

Bao nhiêu tiền bạc, của cải, ruộng vườn nhà nông bán hết cho con đi học.

Nhưng lớp trẻ của nước Việt hôm nay bằng cấp thì thừa, năng lực thì thiếu, tư duy mù mờ về hiện tình đất nước.

Ra chốn thị thành, con nông dân sống tạm bợ trong những nhà trọ tồi tàn, ăn cơm bụi nguội lạnh với thịt ôi, rau thối kiếm tìm một tương lai mờ mịt.

Một thế hệ tiếp nối của đất nước bị bỏ rơi giữa lòng phố xá có quá nhiều tệ nạn, hiểm nguy vây bủa.

Bỏ ruộng đồng đi làm công nhân nhà máy, người nông dân biến thành những bọm nhậu ngật ngữ sau một ngày kiệt sức.

Tội nghiệp nhất là các nữ công nhân. Các chị không còn được cái hạnh phúc yên tâm gửi cháu cho bà nội như ngày còn đi cấy, đi gặt. Đứa bé bây giờ không còn được yên giấc trong vòng tay êm ái của bà:

“Cái ngủ mà ngủ cho ngoan

Mẹ mà đi cấy đồng sâu chưa về...”

Những bà mẹ trẻ ấy hàng ngày đã phải roi nước mắt vì không còn cách nào khác, gửi con cho các nhà trẻ tự phát với những người giữ trẻ ác nhon. Có những đứa trẻ mới biết bò đã bị đánh đập, tát tai dã man và đã có bé bị bảo mẫu dậm chết.

Đau đớn biết bao khi trẻ thơ bị bỏ rơi...

Hơn mười năm rồi, một tập đoàn Hàn Quốc hợp tác với VN đã chiếm cứ bờ biển tuyệt đẹp của quê mình. Nghe cho oai là sửa chữa và đóng tàu, thực chất họ biến quê mình thành một bãi rác thải công nghiệp.

Công nghệ phun hạt nix làm sạch thân tàu trước khi sơn đã để lại hàng triệu tấn bụi hóa chất. Công nghệ lạc hậu ấy các nước đã cấm, bây giờ để lại hàng núi hạt nix thải trên bờ

biển đẹp của quê mình. Đáy biển trong veo của Ninh Thủy bây giờ lắng đọng cả mét rác rến, sơn, sắt vụn. Váng dầu trôi đầy trên vịnh Vân Phong.

Vừa có nhân công giá rẻ mạt, vừa tha hồ làm ô nhiễm môi trường, Hyundai, Vinashin lại được coi là thành tích công nghiệp hóa đất nước và nhờ nó mà người dân có việc làm.

Cái giá cho miếng cơm người dân Việt rẻ đến thế sao?

Con người bị bỏ rơi,

Rừng bị bỏ rơi,

Biển bị bỏ rơi,

Ruộng vườn bị bỏ rơi,

Lịch sử bị bỏ rơi,

Văn hóa bị bỏ rơi.

Nếu anh về thị trấn của mình anh sẽ thấy có hàng trăm quán nhậu nhưng anh sẽ không tìm ra một tiệm sách.

Người Việt bây giờ gần như đã mất đi niềm hạnh phúc đọc sách.

Cũng chẳng trách. Sách ở VN vừa đắt lại vừa xa lạ.

Nếu anh về tìm lại những lăng, miếu, đình chùa, anh sẽ thấy đau lòng vì nét rêu phong, u tịch không còn. Tất cả những gì thuộc về di tích đều đã chết trong cỗ áo quan tô trét bằng xi măng sơn phết lờ lợt.

Không còn giặc ngoại xâm mà chùng như mình đã mất nước.

Em đọc được trong một tài liệu kể về nước Nhật. Khi thu hoạch lúa, khoai, đậu bắp, người nông dân luôn để lại một vạt lúa, một vạt đậu, nửa luống khoai ... dành cho sóc, chim, chuột. Một chi tiết nhỏ bé như thế nhưng biết đến bao giờ dân tộc Việt mới vươn tới.

Thật đau đớn khi nhìn thấy cảnh người dân xô đẩy nhau cướp bắt cứ thứ gì từ những chiếc xe tải chở hàng bị tai nạn, lật nhào bất kể tài xế đang quỳ xuống van xin.

Thống kê ở Nhật cho biết 40% vụ trộm cắp có liên quan đến người Việt.

Thống kê ở Mỹ cho biết mỗi năm có hàng triệu con chó bị giết làm mồi nhậu ở nước mình!

Có còn lời nào để nói cho hết những thảm cảnh ở một nơi gọi là quê hương.

Nhưng người nông dân Nhật sống bình an, tư cách như thế vì họ không bị bỏ rơi.

Nông sản từ công sức của họ làm ra được có những chính sách bảo hộ. Khoa học kỹ thuật luôn giúp sức để nhà nông vui vẻ cảm thấy mình được xã hội biết ơn.

Ngày trước người dân Việt nghèo nhưng hiền lành.

Ai cũng biết thương chàng Lục Vân Tiên nghĩa khí, quý Hón Minh, Tử Trục bạn hiền, ghét Trịnh Hâm, Bùi Kiệm.

Nét đẹp cần lao tỏa ra từ những giọt mồ hôi của người nông dân trên ruộng đồng, của người đạp xe xích lô trong hẻm nhỏ, người bán hàng rong trên hè phố...

Có ai đi theo cái ác đâu.

Có ai mong trở thành ăn trộm.

Họ sẽ không trở thành những kẻ trộm cướp, man trá, tham lam nếu họ được sống trong một xã hội không tham lam, không dối trá, không vô trách nhiệm.

Nước Nhật nhờ có một vị vua biết cái khổ, cái nhục của một đất nước lạc hậu, quyết chí canh tân xứ sở và chỉ trong 40 năm nước Nhật đã đứng vào vị trí được thế giới nể trọng.

Người dân Việt 40 năm sau chiến tranh ngày càng đi đến chỗ bị đói khổ, bị khinh khi.

Thật buồn phải không anh?

“Một chiều thái bình cô liêu

Chẳng thiếu chi nhiều chỉ thiếu tình yêu

Ổ tang tình tang, ổ tang tình tình..” ()*

Không ngờ bài hát thuở nhỏ anh em mình hay hát bây giờ lại thấm thía như vậy.

Kể cho anh những điều vui hơn.

Đỉnh núi Hòn Hèo ở phía mặt trời mọc vẫn luôn luôn quán một dải mây trắng mỗi khi trời sắp mưa.

Hòn Vọng Phu mà sự tích của nó anh em mình vẫn khóc mỗi khi mẹ kể vẫn còn đó nơi buổi chiều mặt trời đi ngủ.

Em gái

* lời nhạc Phạm Duy

Tháng 3/2014

CẢM XÚC HỘI AN



Chuyến xe lửa Sài Gòn- Huế ghé Ninh Hòa đưa tôi đến ga Đà Nẵng vào lúc 7g30 sáng. Tôi nhờ một anh xe ôm chở tôi đi xem dung nhan Đà Nẵng bây giờ ra sao. Anh xe ôm chở tôi đi lòng vòng qua 6 trong 9 cây cầu bắc qua sông Hàn. Đà Nẵng nhà cửa, cao ốc nở rộ nhưng không gọi cho tôi điều gì mới lạ cho nên khi anh xe ôm vừa cho tôi xuống xe ở Ngũ Hành Sơn tôi đã quên Đà Nẵng rồi.

Ngắm nhìn Ngũ Hành Sơn bây giờ đã trở nên bé nhỏ, nằm lọt thỏm vào khu dân cư đông đúc, mất đi nét hoang sơ thuở nào, tôi buồn bã đứng đón chuyến xe bus đi về Hội An.

Con đường từ Đà Nẵng đi Hội An chật hẹp và quang cảnh hai bên đường không khác mấy với Ninh Hòa quê tôi. Cũng những ngôi nhà nhỏ nhỏ nằm sau một hàng rào dâm bụt, bên mấy bụi chuối thấp lè tè làm tôi nôn nóng, không biết Hội An có gì đặc biệt.

Xuống xe bus, tôi hỏi thăm đường về phố cổ. Tôi đi bộ để ngắm nhìn được nhiều hơn địa danh nổi tiếng này. Chưa có gì lạ và đường phố quá giống Ninh Hòa ở những nhà cửa lô xô nhỏ bé. Đến đường Hai Bà Trưng tôi đã mỏi chân và thềm một chỗ nghỉ ngơi nên bước vào một khách sạn nhỏ nhỏ. Sau một giấc ngủ ngon tôi thông thả đi khám phá phố cổ.





Điều tôi hài lòng trước tiên là không có một ngôi nhà cao tầng nào ở thành phố Hội An, không có ngôi nhà nào được sơn quét bằng các màu sắc sặc sỡ của sơn nước hiện đại. Hầu như tất cả vách nhà đều mang màu vàng xưa cũ nằm khép nép dưới những mái ngói âm dương rêu mốc. Một vài đám cỏ dại, hoa dại ngậy thơ mọc lên trên những mái ngói quá cũ kỹ, mục nát mà chúng nhằm tưởng là mặt đất thân quen.

Không thấy tiệm bán tủ lạnh, TV, bàn ủi điện, nồi cơm điện. Không thấy tiệm bán xe gắn máy, quạt máy. Chỉ thấy rất nhiều tiệm bán quần áo, nhiều tiệm may mà du khách có thể có ngay một bộ vest sau vài tiếng đồng hồ.



Phố cổ đây rồi.

Tôi có cảm giác mình như Alice đi lạc vào một thành phố cách đây vài thế kỷ. Con đường dẫn vào phố cổ nhỏ bé và chật hẹp. Tôi không hiểu làm sao mà tất cả những ngôi nhà hai bên phố cổ đồng loạt cổ thủ với nguyên mẫu của cha ông từ hàng mấy trăm năm trước. Người Việt theo ý riêng của tôi, dễ chạy theo cái mới. Có một ít tiền người ta sẽ vội vàng xô ngã ngôi nhà cũ kỹ để xây nhà mới rồi tô quét theo phong cách hiện đại. Cho nên tôi vô cùng ngạc nhiên, vô cùng thú vị với từng cánh cửa, từng căn gác gỗ, từng ban công thấp thoáng sau khóm hoa vàng.

Du khách đến từ châu Âu, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hong Kong....thong thả đi dạo trong lòng con phố chật hẹp nhưng an toàn vì không có xe hơi, xe gắn máy.



Một chị bán bắp luộc chia một bao bắp nóng trước mặt tôi:

-Corns, corns, corns....

À, thì ra chị tưởng tôi là người Nhật.

Tôi mỉm cười:

:-Việt Nam, Việt Nam.

Ở phố cổ Hội An, tôi không bị khó chịu bởi cảm giác bị bao vây bởi những nhà giàu mới nổi. Người Hội An mang vẻ khiêm nhường của những nhà giàu suy tàn và sự nhỏ nhẹ lịch sự của họ lại làm tôi hiểu rằng đó chính là niềm kiêu hãnh của những người mà tổ tiên của họ vừa giàu có vừa rất có văn hóa.

Dưới những mái ngói cổ xưa, chủ nhân của ngôi nhà mở tiệm bán tranh, bán tượng, bán lồng đèn, bán quà lưu niệm. Trong lòng phố du khách đi bộ, đi xe đạp hay thưởng thức sự êm ái, nhẹ nhàng của vòng bánh xe xích lô.

Rất nhiều chùa chiền, hội quán cổ kính còn nguyên vẹn ở phố cổ. Thật tiếc vì tôi không đủ thời giờ và sức khỏe để đi thăm cho hết các chùa chiền, nhà thờ họ, hội quán..

Đi trong lòng phố cổ, thật dễ chịu vì không có cảnh ăn mày lê la, không có người bán dạo chèo kéo, không có tiếng

nhạc âm ã, thỉnh thoảng có tiếng piano của Clayderman đặt đều vang ra nhờ nhẹ từ một tiệm buôn nhỏ.



Vì sao Hội An còn sống sót sau mấy trăm năm lịch sử đầy chiến tranh, bom đạn?

Số phận của của Hội An là một chuỗi bi kịch của thăng trầm, kỳ lạ giữa may và rủi.

Tôi được biết, thời chúa Nguyễn, Hội An sầm uất, giàu có, nhộn nhịp hơn những gì còn lưu lại trên những dấu vết hiện nay. Cửa biển Hội An thuở ấy từng có một khu phố của người Nhật với hàng trăm ngôi nhà. Tàu buôn của Trung

Hoa, Nhật Bản, Ấn Độ... đã từng vào ra tấp nập ở cửa biển Hội An. Hội An bị tàn phá nhiều bởi loạn lạc dưới thời vua Quang Trung. Triều Nguyễn, với chính sách bế môn tỏa cảng góp sức tàn phá Hội An. Ông trời cũng nhẫn tâm đưa cát về bồi lấp cửa biển làm cho tàu thuyền phải nói lời từ biệt với điểm giao thương một thời lừng lẫy.... Hội An như nàng vương phi nhan sắc phai tàn, bị thất sủng lui về ẩn mình trong căn phòng bé nhỏ quạnh hiu.

Điều may mắn của Hội An là bom đạn của cuộc chiến vừa qua không rơi trúng phố cổ.

May mắn hơn nữa, Hội An không phải là mảnh đất “giàu tiềm năng”, “nhiều cơ hội” để người xứ khác tìm đến chiếm đất, xây nhà cao tầng, kinh doanh địa ốc. Thật dễ chịu để không nghe giọng xứ lạ ở thành phố này.

Nàng vương phi đã sống sót chính nhờ số phận bi đát của nàng.

Và Hội An vẫn nguyên chất là Hội An dù không giàu có, hiện đại.

Ở Hội An, tôi rất ít thấy người ta treo cờ. Bù lại người ta treo rất nhiều lồng đèn. Tôi được cho biết cứ mỗi tối 14 âm lịch, toàn bộ khu phố cổ sẽ được tắt hết điện để dành ánh sáng cho rất nhiều lồng đèn và của ánh trăng tròn lung linh treo trên bầu trời êm dịu.

Đi dạo trong phố cổ, tôi quên mất mình đang sống ở một đất nước xã hội chủ nghĩa vốn rất thích treo cờ.

Bước đến bờ sông Hoài, chân đã mỏi, tôi đi qua chùa Cầu về phía bên kia sông tìm xe taxi trở về khách sạn.

Nhờ thông tin của người tài xế taxi, buổi tối tôi đến nghe nhạc ở phòng trà ca nhạc Hạ Uy Cầm. Lâu lắm rồi tôi mới được nghe lại tiếng đàn guitar Hawaii, đàn Accordion, đàn Banjo. Ở đây du khách có thể nghe nhạc tiền chiến, nhạc Flamenco, nhạc semi classic nhạc rock... Sau 9 giờ khách có thể xin lên hát cùng ban nhạc.

Bỗng nhớ nhạc sĩ người Hội An, La Hối. Chàng thanh niên tha thiết yêu đời với ca khúc bất tử “Xuân Và Tuổi Trẻ” đã bị Phát Xít Nhật tra tấn dã man và bị bắn chết chôn chung cùng 10 người khác năm chàng mới 25 tuổi.

Hội An còn đây nhưng La Hối không còn. Xin một phút tưởng nhớ người nhạc sĩ tài hoa bạc mệnh.



Không khí trong phòng trà cực kỳ lịch sự. Khách yên lặng nghe nhạc và vỗ tay sau mỗi bài hòa tấu. Có hai vị khách trẻ xin phép được trò chuyện với “Cô”.

- Các cháu là du khách hay người ở đây?
- Tụi cháu người Đà Lạt. Tụi cháu làm nghề đầu bếp và làm việc trong một nhà hàng ở Hội An. Tối nào không có ca làm việc, tụi cháu đi nghe nhạc. Tuy còn trẻ, tụi cháu thích nghe nhạc xưa.

Đêm đã khuya. Ban nhạc nói lời cảm ơn và chào tạm biệt.

Hội An thật yên lặng và thanh vắng. Một trong hai đầu bếp tình nguyện chở “Cô” về khách sạn.

Cảm ơn Hội An, cảm ơn một ngày bình yên đầy cảm xúc.

Tháng 4/2014

TẢN MẠN VỀ HUẾ



Thành phố Huế nhìn từ cầu Trường Tiền – Ảnh: Bùi Oanh

Huế là nơi người ta yêu cái đẹp, trau chuốt cho mọi thứ trở nên kiêu mị. Nếu ở Sài Gòn, mọi người đã quen với những địa danh dân dã như Bà Hom, Bà Chiểu, Bà Quẹo, Ông Tạ, ông Lãnh, Chú Ía... thì điều đó khó tìm thấy ở Huế. Từ Hội An, tôi đến Huế bằng xe đò và được chỉ cho đến ngụ ở một khách sạn có cái tên rất thơ mộng là Quỳnh Xưa nằm trên đường Hàn Mặc Tử... Khách sạn nhỏ thôi nhưng ngăn nắp, sạch sẽ, thuộc phường Vỹ Dạ. Đứng trên ban công, tôi có thể ngắm cầu Tràng Tiền và có thể đi đò qua chợ Đông Ba nếu không muốn tản bộ qua cầu...

Tôi rất hài lòng với một nơi chốn yên tĩnh và có phong cảnh tuyệt đẹp như Quỳnh Xưa.



Lối vào lăng Khải Định
nguồn: nghiengvietnam.net

Ba giờ chiều, khách sạn cho người chở tôi đi thăm lăng Khải Định. Đây là lần đầu tôi đến Huế và lần đầu thăm viếng mộ một ông vua và tôi khá thất vọng. Mộ của vua Khải Định nói lên trình độ mỹ thuật không có gì đặc sắc của người Việt. Có lẽ ngày xưa người thợ xây không ai là kỹ sư, là kiến trúc sư. Họ chỉ là thợ khéo cho nên với tôi lăng Khải Định là một ngôi mộ đồ sộ và không làm tôi xúc động như khi tôi đứng trước một tháp Chăm.

Tạm biệt ngôi mộ nửa Tây nửa Ta của vua Khải Định, tôi được chở đi thăm lăng Tự Đức. Lăng Tự Đức rộng và “buồn ơi hiu hắt mênh mông là buồn”. Nhìn ngắm những hồ sen sâu và rộng mênh mông, những thành lũy kiên cố tôi nghĩ tới hàng ngàn dân công đã cực khổ, kiệt sức trên công trình này. Biết bao tiền của đã hao tổn để xây một hoàng cung u buồn dành cho một người ở cõi âm.

Xem lăng chỉ thấy lòng không vui. Xem thế đủ rồi. Ngày mai sẽ không đi xem lăng nữa.



Lăng Tự Đức
nguồn: skydoor.net

Buổi tối, đi bộ ra cuối đường Hàn Mặc Tử, qua một cây cầu, vào một quán cà phê nằm trên một cồn đất giữa sông Hương. Gió trên sông Hương dịu ngọt tràn về. Nhà hàng thông báo sẽ có chương trình ca nhạc. Một lát sau tôi thấy năm bảy cô áo dài tím Huế, tha thướt bước vào, theo sau có mấy nhạc công mang đàn thập lục, đàn cò, đàn nguyệt...

Ca nhạc cổ u!!! Tôi không chờ mong điều này. Nhưng thôi, cũng xem cho biết. May quá một lát sau các cô tím Huế cùng đàn cò, đàn nguyệt bước ra bên sông rồi trèo lên một chiếc thuyền rồng từ từ đi đâu mất hút.

Khách đến quán khá đông. Tôi rất vui nhìn các vị khách lớn tuổi, ăn mặc đẹp đến ngồi trò chuyện rủ rủ bằng giọng Huế sang trọng bên tách trà, tách cà phê bốc khói.

Sân khấu sáng đèn. Một ban nhạc gồm bốn thành viên trẻ bắt đầu dạo khúc Serenade của Schubert. Một đêm ở Huế khá dễ thương.

Sáng thức dậy mới thấy trời Huế đã vào thu, tôi háo hức đi bộ dọc sông Hương. Lang thang qua vườn tượng. Một vài người tập thể dục đang ngồi trên các ghế đá nhâm nhi ly cà phê nóng. Một “gánh” cà phê đã chiến nằm lấp ló sau một hàng rào ven sông. Tôi tò mò chọn một ghế đá gọi một ly cà phê. Chỉ năm ngàn một ly đen, sáu ngàn một ly cà phê sữa. Rẻ bất ngờ. Nhưng có lẽ họ chỉ bán nhanh, phục vụ khách đi bộ buổi sáng rồi giải tán trước khi cảnh sát đến nên mười phút sau, gánh cà phê đã biến mất khỏi công viên.

Qua khỏi cầu Tràng Tiền, có mùi sả thoang thoảng từ một quán bún bò “bệt”. Đó là một gánh bún ven đường mà thực khách sẽ được ngồi trên một ghế nhựa thấp. Nồi nước bằng gang tròn như cái bồn nuôi cá vàng, bốc khói, nổi một màu vàng đỏ bắt mắt. Tôi sà xuống thưởng thức tô bún bình dân trong cái lạnh se se đầu thu. Ngon thật! Ngon và rẻ so với tô bún nhậu nhẽo mà tôi ăn trong một tiệm sang trọng ngày hôm qua.

– Chị bán lâu chưa.?

– 50 năm rồi.

Đây mới là bún bò Huế thật. Còn hôm qua, bún trong tiệm sang trọng là bún giả.

Chị bán bún bò niềm nở giới thiệu một bác xích lô chở tôi đi thăm Thành Nội.

Đi Huế, Hội An lần này tôi không chọn cách đi theo tour, dù đi theo tour có xe chở cả đoàn đi đây đó, rất thuận tiện. Tôi thích một mình lang thang tìm hiểu và khám phá. Cung đình triều Nguyễn nhỏ bé và tiêu điều với sự đơn điệu của một màu kiến trúc,... Đến một ngôi đền thờ, tôi thấy có một nhóm người đang đứng im lặng, chăm chú lắng nghe một người đang thuyết giảng. Nếu anh ta không mặc quần híp-hóp tôi đã tưởng anh ta là một mục sư. Nhập vào đoàn người đứng dưới tôi nghe anh hướng dẫn viên du lịch nói: “Đây là Thê Tổ Miếu, nơi thờ các vua triều Nguyễn. Trong số 13 vị vua triều Nguyễn có ba ông không có bàn thờ ở đây. Đó là vua Hiệp Hòa, Kiến Phúc và Bảo Đại. Vua Bảo Đại tự giao ấn kiếm thoái vị nên bị truất quyền thi đấu. Xin lỗi, bị mất ngôi vị trong hoàng tộc. Bây giờ mời cả nhà ta sang bên đây...”

Chờ cho nhóm “nhà ta” đi xa tôi tần ngần đứng trước bài vị vua Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân. Hàm Nghi, ông rất xứng đáng để lớp trẻ noi theo, rất tiếc người ta ít khi đặt tên trường là Hàm Nghi trên đất nước rất cần lòng yêu nước này. Nghe nói ở Huế có một ngôi trường tên Hàm Nghi nhưng nó đã bị giải tán sau năm 1975 và rồi đã được tái sinh sau 30 năm biến mất. Thành Thái, cảm ơn những tư

tướng tiến bộ và bất khuất của ông với thực dân Pháp. Duy Tân, ông thật dũng cảm khi dám từ bỏ vàng son của vương quyền để hướng về một giá trị đích thực của một người dân Việt yêu nước.

Được có lần đứng trước bàn thờ và nói lời tôn kính với ba vị vua yêu nước tôi thật sự xúc động...

Tôi rời hoàng cung qua những lối đi có bóng mát của những cội sù già trăm năm. Buổi chiều cuối cùng ở Huế tôi dành cho chùa Thiên Mụ. Tôi chọn bác xe ôm lớn tuổi, mong rằng bác chạy xe cẩn thận. Đường lên chùa Thiên Mụ chạy ven bờ sông Hương đẹp quá. Nước sông không bao giờ cạn, không bao giờ đục và không bao giờ ngừng chảy. Tôi dám nói như thế vì không có một mảng bèo lục bình nào trôi trên sông. Không có nhà ổ chuột quay lưng ra sông, không có bao ny-lông, rác rến trôi lênh bênh. Cám ơn người dân Huế đã giữ gìn cho dòng sông trở thành biểu tượng cho nét đẹp xứ Huế.

Càng lên thượng nguồn, sông Hương càng đẹp. Chùa Thiên Mụ nằm trên đồi cao. Tôi dặn bác xe ôm đứng chờ còn tôi ráng trèo lên những bậc cấp dẫn lên chùa. Chùa không có gì hay hơn các lăng tẩm nhưng thật thú vị được ngắm nhìn sông Hương từ tầm cao của chùa Thiên Mụ.

Hình như có ai đang đứng sau lưng. Tôi quay lại. Bác xe ôm đã leo lên tháp từ hồi nào.

Bác lễ phép:

– Thưa cô, tôi muốn chỉ cho cô chỗ để chiếc xe hơi đã chở Hòa Thượng Thích Quảng Đức đi tự thiêu. Bác xe ôm dẫn tôi ra sau chùa để ngắm nhìn chiếc xe màu xanh được cất giữ cẩn thận như một vật chứng lịch sử. Giữa đường trở về, bác xe ôm bỗng dừng xe. Bác lôi trong giỏ xe ra một chai nước trà:

– Mời cô uống nước.

Ngậm nước mát của bác xe ôm thật ngon. Cảm ơn những người Huế chơn chất.

Đi ngang nhà trưng bày tranh Lê Bá Đảng, tôi nhờ bác tài xế dừng lại để tôi vào xem tranh. Nơi triển lãm là một biệt thự màu trắng nằm trên đường Lê Lợi, ven bờ sông Hương. Không gian nội thất tĩnh lặng với rất nhiều tác phẩm nửa như tranh, nửa như phù điêu. Không hiểu nhiều về hội họa tôi vẫn thích thú với cách trưng bày vô cùng sang trọng, vô cùng quý phái ở bảo tàng Lê Bá Đảng.



Đường Trịnh Công Sơn ở Huế
(nguồn: <http://news.zing.vn>)

Bỗng dưng, tôi nhớ đến Trịnh Công Sơn và tôi xin bác xe ôm chở tôi qua cầu Gia Hội để thăm con đường Trịnh Công Sơn.

Cũng giống như đường Hàn Mặc tử được ưu ái nằm trên bờ sông Như Ý, đường Trịnh Công Sơn là một con đường thơ mộng nhìn ra một dòng sông lộng gió. Tôi trả tiền xe và nói với bác xe ôm:

– Tôi sẽ tìm một quán cà phê và ngồi nghỉ ở đây khá lâu, cảm ơn bác, bác có thể về được rồi.

Chắc sẽ có nhiều quán cà phê trên con đường này... Chắc sẽ có những sân vườn xanh mát để bạn bè và những người yêu nhạc ngồi lặng ngắm sông nước, mây trời nghe lại những ca khúc quen thuộc:

*“Chiều trên quê hương tôi
Nắng phơi trên màu ngói non tươi
Gió sẽ mang một mùa sẽ tới
Sẽ mưa lâu hoặc cơn nắng dài”.*
(TCS)

Nhưng quá là thất vọng. Ở đây toàn là quán nhậu. Một dãy hàng quán tạm bợ vắng tanh vào ban ngày nhưng chắc chắn sẽ vô cùng ầm ĩ vào buổi tối... Máy ông chủ mặc quần xà lỏn đang nằm ngủ trưa trên bàn, dưới đất chai thùng, lăn lóc. Chợt thấy tấm bảng “Diễm Xưa”. Hỡi ơi! dưới hai chữ Diễm Xưa có hình đầu con cọp nhe răng và hàng chữ Biere Larue.

Đi gần hết con đường mà chẳng tìm đâu ra một chỗ ngồi nghe nhạc, tôi đành tìm một góc cây ngồi nhìn ra bờ sông lô xô mấy chiếc thuyền rồng.

Đặt tên đường Trịnh Công Sơn là quá sớm chăng? Không cho phép phổ biến ca khúc Da Vàng mà lấy tên ông đặt cho một con đường thì thật là mỉa mai. Dường như có ai đứng sau lưng. Tôi quay lại. Bác xe ôm lễ phép:

– Thưa cô, tôi chờ chờ cô về.

Lần này tôi thấy bác lấy trong túi ra một cái ống trợ thính.

– Tôi bị nặng tai cô à.

Trời ơi, hóa ra cả một buổi chiều tôi đã ngồi sau lưng một bác tài khiếm thính!!!

Nhưng bác hiền lành, tử tế quá. Bác xe ôm, chị bán bún bò, cô chủ khách sạn Quỳnh Xưa... đã cho tôi những cảm tình đẹp về người Huế.



Tác giả tại Ngõ Môn Quan

Tôi rất hài lòng với chuyến thăm Huế. Sẽ đáng tiếc nếu tôi không được một lần trong đời nhìn ngắm dòng sông Hương, những đồi thông tuyệt đẹp ở thượng nguồn và những “đường phượng bay mù không lối vào”.

Nhớ câu thơ của Bùi Giáng:

*“Thưa rằng xứ Huế bây giờ
Vẫn còn núi Ngự bên bờ sông Hương”.*

Tháng 4/2014

ĐIỀU KỶ DỊ CỦA TÂM HỒN



Tranh: Trần Thanh Châu

– Ông ngoại là một phù thủy. Ông có thể bước đi trên than hồng. Một lần cùng ông ra sông Dinh tắm, giặt, cậu thấy ông đưa tay “bắt quyết ” tóm được một con ma da đang bám theo một đám rong định quấn vào chân ông. Con ma da biến thành một con chó rái lặn mất !!! Nhiều lần bọn ma, quỷ bị ông bắt nhốt vào cái hồ lô kia.

Vừa nói cậu Sáu tôi vừa chỉ lên trái bầu khô treo trên xà nhà.

Tôi nhắm mắt lại không dám nhìn lên mái nhà. Một cảm giác rờn rợn làm tim tôi đập nhanh. Tôi là cháu của một ông phù thủy ư ? Chắc chắn lũ ma quỷ sẽ để ý đến tôi nhiều hơn những đứa trẻ khác !!!

Ông ngoại cũng là người giỏi nhạc. Hầu như ông có thể sử dụng được tất cả các loại đàn, sáo. Ông cũng diễn tuồng, vai ông Trương Bình Định hay vai ông Trương Sài Gòn ông đều diễn thật hay.

– Ông Trương là ông nào hả cậu?

– Là ông Trương Phi chứ ông nào nữa. Ở Ninh Hòa ông ngoại là người được hâm mộ nhất. Khi ông ngoại diễn tuồng bi không ai khỏi rơi nước mắt. Khi ông kể chuyện hài mọi người cười lăn cười bò. Một lần có đám cúng ở ấp Đông Thành người ta dựng một sân khấu bằng tre để ông ngoại diễn tuồng. Đêm ấy dân làng nườm nượp kéo đến ấp Đông Thành để xem ông thầy Chín. Lũ trẻ nhỏ bu đen như kiến trên sân khấu. Một hồi trống thúc, ông thầy Chín từ trong sân khấu bước ra. Ông chưa nói câu nào chỉ mới xàng tới xàng lui mấy bước, mặt nghĩnh lên trời, tay vuốt chòm râu rậm nhưng chỉ vừa nhìn bộ dạng của ông mọi người đã ôm bụng cười ngặt nghẽo. Lũ trẻ nhỏ bám trên sân khấu cười rung đến nổi sân khấu từ từ sụm xuống. Đám trẻ buông tay chạy mất nhanh như khi. Mọi người nháo nhào la hét. Buổi biểu diễn đành kết thúc sớm.

– Ông ngoại là kép hát ?

– Không, ông là thầy cúng. Ở đâu có đám cúng, ông ngoại và ban nhạc được mời đến để tế lễ. Ông ngoại có dịp đi đến tất cả các thôn làng xa xôi. Ở đó mọi người háo hức chờ ông thầy Chín đến để sau khi lễ tất được nghe ông thầy Chín kể chuyện. Các cậu, các dì là con ruột của ông ngoại mà cũng nghe chuyện của ông mê mết. Một lần có Bà Hai ở Phú Thứ đi chợ về vào nhà ông xin nước uống. Thấy ông đang kể chuyện, bà cũng ngồi lại nghe. Khi bà đứng dậy rõ

cá đã ươn.. Bà Hai len lén trút mớ cá ươn vào bụi tre bên đường trước khi về đến nhà.

Ông ngoại rất thương các con nhưng không cho gọi bằng cha. Các cậu và các dì gọi ông ngoại bằng “anh” Tôi thật ngạc nhiên vì chi tiết này.

– Tại sao vậy cậu ?

– Ông ngoại muốn đánh lừa ma quỷ. Ông không muốn bọn chúng để ý đến các con của mình.

-Ông ngoại là người được mọi người yêu mến. Ông luôn đem niềm vui và tiếng cười đến cho mọi người. Trừ một người.

Năm ấy tôi không còn là một đứa trẻ. Một lần về thăm cậu, tôi được nhìn thấy người ấy. Bà là người vợ đầu của ông tôi.

Chiều hôm ấy, một bà lão bước vào khi tôi đang giúp cậu tôi cắm những bông điệp vàng vào chiếc lọ cổ để chuẩn bị đám giỗ ông tôi vào ngày mai .

Cậu tôi đơn đả ra tận công nắm tay bà:

– Con chào mẹ.

Bà lão chống gậy, run run lần bước vào bên trong căn nhà. Mùi nhang trầm thơm lừng gian nhà cũ kỹ. Tôi nhìn thấy đôi môi khô héo của bà mấp máy. Bà đứng khá lâu trước bàn thờ ông. Sau khi thắp lên bàn thờ nắm nhang bà chậm chạp quay gót. Cậu tôi ân cần đưa bà ra tận ngõ.

Lần đầu tiên tôi nghe cậu tôi kể một câu chuyện về ông tôi mà không phải là chuyện vui.

Ông ngoại là con trai út trong một gia đình khá giả nên từ nhỏ ông đã được cho đi học chữ Nho tận Bình Định. Năm ông 20 tuổi các kỳ thi của triều Nguyễn đều bị bãi bỏ nên ông trở về Ninh Hòa để sống cùng mẹ. Bà cố vui mừng đón đứa con khi ra đi chỉ là một cậu bé nay đã là một chàng trai có học. Bà cố nói “gia đình ta nay được sum họp như vậy là phúc lắm rồi. Nay con đã trưởng thành. Mẹ đã hỏi vợ cho con. Mấy mẫu ruộng cũng đủ cho các con sinh sống. Con hãy ở bên mẹ lúc tuổi già “.

Cô gái mà bà cố chọn cho ông ngoại là một cô gái ngoan hiền cùng xóm. Từ đó ông tôi sống cuộc đời bình thường theo như ước nguyện của bà cố.

Ông tôi là người có chữ nên ông thường được mời viết văn tế, điều văn trong các cuộc tế lễ ở các đình, chùa, đám tang. Ông cũng có thể chữa bệnh bằng thuốc Nam và chữa bệnh tà nên được gọi là thầy phù thủy.

Mọi sự trở nên không bình thường khi bà cố thấy rằng đã ba năm rồi mà người vợ của ông tôi vẫn không sinh con.

Một hôm bà cố kêu cô con dâu vào buồng trong nhỏ nhẹ hỏi han và bà kinh ngạc khi cô con dâu thú thật rằng cô vẫn còn là con gái.

“Mỗi tối ông ấy đi đánh cờ, đi đàn hát với bạn bè tới khuya rồi về ngủ trên bộ ván ngoài chái !!!”

Bà cố để ý thấy con trai vẫn vui vẻ, dịu dàng với vợ nên chưa hết hy vọng. Một hôm bà cố xếp đặt để cô con dâu ra nằm ngủ ở “bộ ván ngoài chái”.

Đêm hôm đó, ông tôi về nhà và phát hiện có người đã chiếm chỗ ngủ của mình. Không biết ông có biết người đó là ai hay không mà ông đã cố ý lẩn cho người ấy rơi bịch xuống đất.!!!

Đến nước này thì bà cố đành an ủi cô con dâu rồi tặng cho cô hết tất cả các nữ trang và cho phép cô về lấy chồng khác.

Bà ấy có buồn không cậu?

– Có. Bà ấy buồn lắm. Bà ấy rất yêu ông ngoại.

Sau đó ít lâu có người đàn ông khác cưới bà. Họ sống rất hạnh phúc. Mỗi khi con cái đau ốm bà lại đưa chúng đến cho ông ngoại chữa bệnh. Ông ngoại thương bọn trẻ như con của mình.

Chưa đến 50 ông tôi đã qua đời nên tôi không được nhìn thấy ông. Thuở nhỏ tôi cứ mơ ước phải chi mình được nhìn thấy, được sống bên người ông có quá nhiều điều lạ lùng.

Tháng 5/2014

BẮC KỲ DI CƯ



Tôi sinh ra ở miền trung, nơi có rặng Trường Sơn chồm ra sát biển. Dòng sông nghèo phù sa cũng cố nuôi dưỡng những cánh đồng nho nhỏ. Cuộc sống ở quê tôi thật lặng lẽ..Mỗi buổi chiều nhìn đàn cò trắng bay về núi, nhìn những đám mây trắng đùn lên phía chân trời tôi vẫn mơ ước được biết bên kia núi có gì vui hơn.

Ngôi nhà của mẹ tôi nằm trên con đường dẫn đến một ngôi nhà thờ cổ kính rất đẹp do người Pháp xây. Hồi đó người ta gọi là nhà thờ Gò Muồng.

Mỗi sáng chủ nhật , tôi thường đứng trước nhà nhìn người có đạo đi xem lễ.

Thích nhất là được xem lễ rước kiệu vì trong lễ rước kiệu luôn có nhiều thiên thần.

Các thiên thần đầu mang vòng hào quang, vai có hai cánh nhưng không bay được. Dầu sao hình ảnh của thiên thần thật đẹp đối với tôi thuở ấy. Tôi cũng thích thú ngắm nhìn đội kèn và người nhạc sĩ mang một cây đàn rất to trước ngực. Cây đàn ấy có thể xếp lại như cái lồng đèn xếp. Mẹ tôi nói đó là đàn phong cầm.

Một sáng chủ nhật năm 1954, có một sự kiện lạ lùng từ trước đến giờ tôi chưa từng nhìn thấy. Đoàn người đi xem lễ bồng rất lạ và đông nghẹt con đường trước nhà tôi. Mẹ tôi nói họ là người Bắc di cư. Họ không muốn sống chung với Cộng Sản nên họ đã phải bỏ nhà, bỏ cửa, bỏ xóm, bỏ làng vào Nam tìm đất sống. Họ dừng chân ở quê tôi nhằm ngày chủ nhật nên họ đi lễ cầu Chúa ban phúc.

Thật là một cuộc phiêu lưu kỳ thú!

Mà họ cũng là người Việt ư? Sao họ ăn mặc lạ quá. Phụ nữ mặc áo nâu có hai tà cột phía trước, có người vắn khăn nhưng đen, có người bịt khăn mỏ quạ. Răng của người già đen như than.

Đó là lần đầu tôi nhìn thấy người “Bắc Kỳ Di Cư”.

Mẹ tôi nói vậy là từ nay nước mình bị chia đôi từ sông Bến Hải.

Một nước bị chia làm hai nước ư? Tôi sẽ không bao giờ được bước qua, được nhìn thấy phần đất bên kia. Lạ thật!

Năm đó tôi lên năm.

Năm sau tôi được cấp sách đến trường.

Có lẽ người soạn sách giáo khoa là người Bắc nên tôi được học tiếng Việt như học ngoại ngữ.

“Cô Sa cho ta ba quả na”.

Thầy giáo của chúng tôi giảng:

-Quả na là trái mãng cầu. Rồi thầy nói to cho chúng tôi đồng thanh đọc theo:

-Quả muỗm là trái xoài.

-Cá quả là cá tràu.

-Con lợn là con heo.

-Cái môi không phải là cái miệng. Nó là cái vá múc canh...

Cuối năm, tôi cũng đã đọc được bài thuộc lòng in ở trang cuối quyển tập đọc lớp năm:

“Kỳ nghỉ hè

Ta về quê

Nhà ta ở mé bờ đê

Ở nhà có

Mẹ cha ta

Cô và bà

Quý ta quá

Khi thư thả

Ta ra đê

Đi thả bê

Nghĩ mà thú.”

Vậy ở miền bắc có bờ đê để trẻ nhỏ ra chơi.

Con đê ra sao nhỉ?

Lên lớp ba tôi đã bắt đầu hiểu tiếng Bắc.

“Bu ơi con đói lắm rồi

Con vào trong bếp bung nồi com ra

Bu đang thái dở đĩa cà

Hay con gượng tí đội cha con về”

Thầy hỏi:

“em nào biết “bu” có nghĩa là gì

Tôi giơ tay:

-Thưa thầy “bu” là má ạ.

-Tại sao em nghĩ vậy.

-Tại khi đói mình thường nói điều đó với má.

Thầy khen:

-giỏi, ngồi xuống.

Thầy chỉ trò khác:

“đĩa cà” là gì?

-Dạ là trong quả cà có con đĩa ạ.

Thầy lại phải giảng cho chúng tôi biết đĩa là cái đĩa.

Tôi rất thích những quyển tập đọc mà tôi đã được học suốt những năm tiểu học.

Biết bao điều lạ lẫm, thú vị về một miền quê hương xa khuất ẩn chứa trong từng câu chữ.. Tôi biết món ăn của người Bắc thường có đậu phụ kho tương, tép ram, canh rau cà pháo, canh thiên lý nấu cua đồng...thật khác với bữa cơm quê tôi và nghe...ngon quá.

Thật thanh bình cho miền quê êm đẹp ấy.

“Chiều hôm đón mát công làng

Gió hiu hiu thổi mây vàng êm trôi”

Giữa năm lớp đệ thất, một đứa con trai Bắc Kỳ Di Cư vào học lớp tôi.

Bạn cùng tuổi với chúng tôi nhưng ăn nói chững chạc, lưu loát hơn chúng tôi nhiều.

Giờ học về ca dao, thầy hỏi. Em nào biết có câu ca dao nào có hai chữ Bát Tràng.

Chúng tôi chịu thua.

Bạn Bắc Kỳ Di Cư xin đọc.

Lần đầu tôi nghe một giọng đọc bài lên bổng xuống trầm thật cuốn hút:

“Chên chời”có đám mây xanh

Chính giữa mây “chằng” chung quanh mây vàng

Ước gì anh lấy được nàng

Thì anh mua gạch” Bát Chàng” về xây..”

Sao bạn giỏi vậy bạn Bắc Kỳ.

Một buổi chiều tôi được mẹ sai đi chợ mua thêm ít rau. Tôi ngạc nhiên nhìn thấy anh bạn Bắc Kỳ cũng xách giỏ đi chợ. Bạn ăn mặc sạch sẽ và đã thay đôi săng đan bằng một đôi guốc xuồng bằng gỗ.

Bạn giỏi thật.

Năm lớp đệ lục tôi rời xa quê nhà để chuyển trường học ở Tuy Hòa. Tôi sẽ sống với ba tôi đang làm công chức ở đó. Tôi tiếp tục học Việt văn bằng những trích đoạn trong Tự Lược Văn Đoàn. Bờ đê Yên Phụ bây giờ có thêm bóng cô Loan với chiếc khăn san bay phơ phất. Tôi rất thích cảnh vật núi đồi miền trung du nơi anh chàng Ngọc đạp xe lên thăm ngôi chùa Long Giáng trong Hòn Bướm Mơ Tiên.

Ở ngôi trường tôi học có nhiều thầy là người Bắc. Các thầy đều dạy giỏi và lắm tài. Thầy Q dạy toán nhưng hát thật hay. Và thầy chỉ hát duy nhất bài “Giấc Mơ Hồi Hương”

“Nghẹn ngào thương nhớ em

Hà Nội ơi”

Hà Nội chắc đẹp lắm nếu không thầy Q chẳng ghen ngào đến vậy.

Thầy Đỗ dạy âm nhạc. Thầy dạy chúng tôi bài “One Day”.

Sau khi dạy chúng tôi xướng âm từng nốt nhạc thầy dạy chúng tôi hát :

“One day when we were young

One wonderful morning in May.

You told me you love me..

When we were young one day...”

.....

“nói với nhau câu yêu thương

Trong một ngày tuổi mới đôi mươi”

Thầy có giọng hát ấm, thường chỉ có nơi người phát âm giọng Bắc.

Nhờ các thầy Bắc tài hoa, Bọn học trò quê mùa chúng tôi bắt đầu tập mơ màng những giấc mơ lãng mạn.

Nhưng vẻ đẹp của xứ Bắc mà những “Bắc Kỳ Di Cư” gửi gắm vào giọng hát, tiếng đàn, tác phẩm văn chương đã từng làm tôi yêu mến có lẽ cũng chỉ là những hoài niệm.

Miền quê ấy nay đã không còn giống như những gì tôi mừng tượng.

“Lá đào rơi rắc lối thiên thai

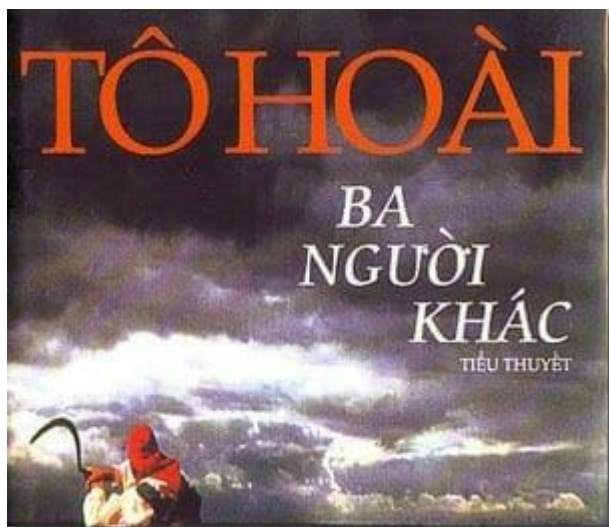
Suối tiễn oanh đưa những ngậm ngùi”

(Tản Đà)

(Trong bài có một số bài thơ trong sách tập đọc mà vì hồi đó sách không ghi tên tác giả nên tôi không nhớ để ghi lại).

Tháng 6/2014

NỖI BUỒN
KHI ĐỌC “BA NGƯỜI KHÁC”
CỦA TÔ HOÀI



Trước năm 1975, nếu người dân miền Bắc không được phổ biến bất cứ văn hóa phẩm nào của miền Nam, thì người dân miền Nam vẫn được tự do hát những ca khúc của Văn Cao, Lưu Hữu Phước, Đoàn Chuẩn... Bọn trẻ nhỏ chúng tôi vẫn được đọc Những Ngày Thơ Ấu của Nguyễn Hồng và rất nhiều chuyện viết cho thiếu Nhi của Tô Hoài.

Tất nhiên Dế Mèn Phiêu Lưu Ký là truyện ghi dấu ấn sâu đậm trong lòng trẻ em. Nhưng với tôi, truyện U Tám mới là câu chuyện khiến tôi xúc động sâu xa và nhớ mãi .

Chuyện U Tám ghi lại tình cảm của một cậu bé con nhà khá giả với một người giúp việc mà cậu gọi là U Tám. Mẹ cậu đi buôn bán nên cậu bé quần quít với người U hiền lành. Ngày đầu tiên đến lớp, nhất định phải có U Tám ngồi cạnh, cậu mới chịu học. Và U phải ngồi học cùng cậu mấy ngày liền cho đến khi cậu quen thầy, quen bạn.

Một hôm, đi học về, cậu ngạc nhiên và khó chịu khi thấy có một đứa bé (tôi quên là trai hay gái) sợ hãi nấp sau chân U trong nhà bếp. Đứa bé ốm yếu, đen đúa và bản thủ, không dám ngược mắt nhìn cậu chủ.

Nhân vật cậu chủ xưng “tôi” cảm thấy căm ghét đứa bé vì nó dám dành U Tám, dù nó chính là con ruột của U. Cậu bé chưa đủ lớn để hiểu rằng thật đáng thương cho người đàn bà nghèo khổ đã phải bỏ đàn con nhỏ ở nhà đi chăm sóc con người khác..

Một lần, U Tám về thăm nhà và không bao giờ trở lại nữa. Năm ấy nước lũ tràn về húng bạo. Đê vỡ và làng quê của U đã chìm dưới bể nước trắng xóa. Từ đó, chiều chiều, cậu đứng nhìn xa xăm về hướng ngôi làng của U, lòng bồi hồi thương nhớ người đàn bà gân gũ, chăm sóc, yêu thương cậu còn hơn cả mẹ ruột.

Rất tiếc Chuyện U Tám và Cu Lặc không thấy hiện diện trong danh mục truyện ngắn của Tô Hoài dành cho độc giả miền Bắc.

Sau năm 1975, tôi biết Tô Hoài là một nhà văn có địa vị cao. Nhưng tôi không tìm đọc truyện của ông. Tôi không mạn mà với những nhà văn được trọng dụng ở miền Bắc.

Nhưng khi hay tin ông qua đời, tôi tìm đọc một tác phẩm được nhắc tới nhiều nhất, có tựa đề Ba Người Khác, do nhà xuất bản Đà Nẵng ấn hành năm 2007, và tôi vô cùng thất vọng với Tô Hoài đã khác quá nhiều với những ấn tượng tốt đẹp trong lòng tôi.

Tôi luôn kính trọng những nhà văn viết truyện cho trẻ em. Và chắc cả thế giới cũng thế. Hàng triệu người tuy đã già vẫn không quên được Sans Famille của Hector Malot, Pinocchio của Carlo Collodi. Và những câu chuyện cổ của Andersen đã nuôi dưỡng biết bao tâm hồn của trẻ em thế giới. Tôi rất hãnh diện vì trẻ em Việt có Dế Mèn Phiêu Lưu Ký và những truyện loài vật của Tô Hoài.

Viết truyện cho thiếu nhi rất khó.

Muốn có tác phẩm được các em say mê, tác giả phải là người rất yêu trẻ em, hiểu trẻ em, tâm hồn đầy tính nhân bản.

Buồn thay, đọc “Ba Người Khác” tôi thấy tình người của Tô Hoài đã cạn. Chẳng những cạn mà còn trở nên tầm thường, nếu không muốn nói là ác độc.

Ở đây tôi không muốn nói nhiều đến “mục đích yêu cầu” của tiểu thuyết này. Rõ ràng tác giả muốn nói đến cái sai, cái ác, cái xấu của đám cán bộ đi làm cải cách.

Điều làm tôi vô cùng chán quyển truyện này và thất vọng về Tô Hoài là ông đã quá khai thác đề tài hủ hóa một cách quá đáng, không cần thiết.

Có hai nhân vật nữ điển hình trong “Ba Người Khác” thì cả hai đều là những thiếu nữ khao khát tình dục đi đến chỗ gần như bạo dâm.

Tôi thật đau lòng khi tác giả ở tuổi trên tám mươi mà còn ngồi viết được những dòng mô tả tỉ mỉ bản năng tình dục của các nhân vật nữ, là những đứa con gái đáng tuổi cháu nội của ông.

“Ba Người Khác” là một tác phẩm mà phía phản diện thì quá tệ mà phía chính diện cũng chẳng đẹp đẽ gì..

Lẽ ra, bằng lương tri của một nhà văn, ông phải làm cho độc giả đau đớn cho một làng quê dưới trận cuồng phong mang tên Cải Cách Ruộng Đất, xót thương cho những:

“em bé lên sáu tuổi

Lũn thối tìm miếng ăn

Bố cường hào nợ máu*

Thì ông lại say sưa viết về những Đơm, những Duyên với những con động tình.

Đọc “Ba Người Khác” tôi mang nỗi buồn của những đứa trẻ bị hụt hẫng. Chú đế mèn đáng yêu, chú mèo mướp sinh động, đôi chim Gi dễ thương, anh Cu Lặc thật thà, U Tám nhân hậu đã bị ông dấu biến đi, để rồi thay thế bằng những con rối tục tũ, bần thủ.

Ông vừa mới mất ở tuổi chín mươi lăm. So với Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, ông đã được trời và đời cho hưởng quá nhiều lộc. Nhưng nếu ông biết rằng đôi với thế hệ trẻ em chúng tôi ông đã biến thành “một người khác” ông đã ra đi không thanh thản.

Thật thương (mà không tiếc) cho ông.

**Em Bé lên Sáu Tuổi (Hoàng Cầm)
Tháng 7/2014*

KHÁCH TRÚ



Ông Năm Trần và Thím Sáu (tác giả vẽ lại theo ký ức)

Vịnh Vân Phong cách đèo Cổ Mã và biển Đại Lãnh không xa nhưng hàng trăm ngọn đồi cát nối tiếp như thành như lũy điệp trùng đã ngàn năm ngăn bước chân người tìm đến. Bây giờ thì mọi sự đã đổi khác. Vân Phong không còn là một điều bí ẩn.

Tôi đến thăm Vân Phong khi con đường độc đạo mới bắt đầu khai phá và được tận mắt ngắm nhìn nàng hoang sơ và tuyệt đẹp. Những đồi cát cao ngất ngưỡng của Vân Phong không chan chát nặng như những đồi cát ở Phan Thiết mà loang lổ những vạt cây rừng dũi dàng xanh mát. Biển như một vũ công thoát ẩn thoát hiện trên sân khấu. Có khi biển mênh mông sóng vỗ rập rờn bên trái rồi bỗng nhiên biển hóa thành một hồ nước phẳng lặng bên phải rồi biển biến mất tăm để rồi đột ngột xuất hiện như một đại dương kỳ vĩ bên bờ cát vàng hoang vắng như chưa bao giờ biết đến loài người.

Các bãi biển ở Khánh Hòa tuyệt đẹp. Trên đất nước Việt Nam các bãi biển tụ hội về Khánh Hòa như các cô gái ở vòng chung kết Hoa Hậu. Mới nhìn qua các người đẹp chúng ta bị choáng đến rối mù không biết ai là người đẹp nhất. Nhưng định thần nhìn lại chúng ta vẫn phân biệt được ngôi thứ nhờ vào trực giác của trái tim khi nó bị lay động bởi cái hồn của cô gái.

Với tôi Cát là linh hồn của bãi biển. Biển Dốc Lết sóng nhẹ gió êm nhưng cát ở đây quá mịn để dễ dàng hóa thành những hạt bụi bay theo gió bám vào da thịt ta. Chúng cũng chẳng ngần ngại gì mà không bám luôn vào miếng ghe luyệt ta đang cầm trên tay hay lon bia để trước mặt. Ngồi ở biển Dốc Lết ta nghe rõ trong không gian có mùi.... ruộng muối. Cho nên dù được tô thêm son phấn biển Dốc Lết cũng sẽ không bao giờ quý phái như biển Nha Trang. Thật không có ngọn gió nào trong lành hơn gió biển Nha Trang. Khi những hạt cát trắng thông minh yên lành nằm im dưới gót chân ta, biển Nha Trang đã trở thành con gà đẻ trứng vàng cho ngành Du Lịch. Nhưng khi đến bãi biển của vịnh Vân Phong biển Nha Trang đối với tôi đã trở thành mờ nhạt. Biển Nha Trang lịch lãm quá. Nàng đã đón tiếp quá nhiều vương tôn công tử, nụ cười của nàng bây giờ mang đầy tính xã giao. Đứng bên bờ biển Vân Phong tôi vô cùng hạnh phúc vì tôi biết chắc chỉ có mình tôi đang đứng bên bờ cát vàng óng màu kim loại, ngắm nhìn nàng với tất cả cô đơn và tự do.

Rồi tôi lại bước chân đi. Thuê một chiếc thuyền của người dân làng chài Đàm Môn tôi đã đến thăm một hòn đảo kỳ lạ của người Đăng Hạ. Da đen, tóc quăn tít, nói tiếng Việt lơ lớ người Đăng Hạ chắc chắn là khách trú của xứ này. Có thể họ là những thuyền nhân Philippines hay Indonesia bị bão đánh dạt vào đây cách đây nhiều thế kỷ. Sống sót và sinh tồn như những con cheo, con hoẵng trong rừng. Những con người bí mật ấy đã không còn nhớ gì về nguồn gốc của mình. Xóm của người Đăng Hạ chỉ có khoảng

mười nóc nhà được làm từ cây chà rang và họ sống được là nhờ vào một phép màu. Ở đây cách mặt biển chỉ một mét chúng ta có thể dùng hai bàn tay moi cát và tìm thấy nước ngọt.

Lần sau cùng đến thăm Vịnh Vân Phong tôi có thấy một phòng học mới xây. Trong lớp có một anh bộ đội biên phòng còn rất trẻ đang dạy cho mười đứa trẻ. Đăng Hạ ê a học tiếng Việt. Có lẽ chẳng có thầy cô nào chịu nhận nhiệm sở này. Đối với tôi hình ảnh một ông thầy nghèo đứng trong một lớp học eo sèo luôn là một hình ảnh đẹp. Lòng bỗng nhớ câu thơ của Phạm Thiên Thư:

” Dù là đóa hoa quý nơi thượng uyển hay đóa sơn cúc chân đồi đều có vẻ đẹp riêng. Đã là công quả thì bất kỳ từ giai cấp nào cũng đều đáng trân trọng.

Người thợ vườn có thể cặm cụi nắng mưa, săn sóc cho những đóa hoa – Vì họ thương khóm hoa như đàn con của mình “.

Có lẽ ông thầy bất đắc dĩ cũng chỉ dạy cho bọn trẻ đọc được vắn ngược vắn xuôi và mười con số nhưng cái kỷ niệm được ngồi trong một lớp học chẳng phải là một kỷ niệm đẹp nhất đời người sao ?

Đã mấy năm nay tôi không đến Vân Phong nhưng tôi biết nàng đang lột xác để trở thành một cô gái thành thị với nhiều hotels, nhà hàng và rất nhiều dự án. Rồi những đời

cát đẹp như thiên đường sẽ bị ủi bằng, rồi đất đai sẽ bị chia chác, san nhượng, rồi con người sẽ tràn đến Vân Phong kiếm tìm cơ hội.

” Có sinh ắt có diệt ” Nhớ lời Phật dạy tôi tự an ủi mình cho nguôi lòng thương tiếc Vân Phong.

oOo

Thuở ấy cuộc sống của người dân Ninh Hòa rất bình dị cho nên hình ảnh của ông Năm Trần cứ như tù trong chuyện cổ tích bước ra. Mỗi lần ông Năm Trần có dịp đi ngang con đường xóm Rượu bọn trẻ chúng tôi lại nín thở trở mắt nhìn. Lúc nào cũng chỉ mặc một cái quần cộc thùng thùng dài tới đầu gối phơi tẩm lưng trần rám nắng, Ông Năm Trần đối với chúng tôi là một dị nhân. Cái mũ rộng vành được đan bằng tre của ông làm cho ông thêm giống một kiếm khách. Tất nhiên là ông đi chân đất. Mẹ tôi nói ông Năm Trần là người Tàu và các con của ông rất giàu có. Ông nhất định không chịu mặc áo dù các con của ông đã may cho ông nhiều bộ y phục đắt tiền. Có lẽ ông có những lý do riêng. Tôi mong các bậc cao niên từng sống ở Ninh Hòa sẽ cho biết nhiều hơn về người đàn ông kỳ lạ này.

Trái ngược với ông Năm Trần, ông Albert bạn của ba tôi luôn lịch lãm trong bộ âu phục sang trọng. Ông Albert là người Pháp. Ông sống cùng hai cô con gái nhỏ trong một ngôi nhà gần chùa Cát. Mỗi lần ba tôi về thăm nhà ông Albert thường được hai cô gái dắt lên thăm ba tôi vì dù ông

có đôi mắt xanh đẹp như hai viên bi thủy tinh nhưng chúng không cho ông ánh sáng. Ba tôi kể ông Albert là nhân viên của ngành công chánh Pháp. Khi đang đứng trong hầm đào Cả ông bị chấn thương vì tiếng nổ của mìn phá núi. Rồi người vợ Việt của ông bỏ đi và từ đó ông Albert sống cô đơn, nghèo túng. Ông lên thăm ba tôi vì tình bạn và cũng để nhờ giúp đỡ. Sau này ba tôi nhận được thư thăm của ông Albert. Ông cho biết ông đã về Pháp và hai cô gái nhỏ đã vào học trong tu viện để trở thành Soeur. Từ đó hình ảnh ông Albert, nhẹ nhàng, thanh thoát với đôi mắt xanh vert thật buồn, lần bước theo tay nắm của hai đứa con gái nhỏ thỉnh thoảng cứ hiện lên trong ký ức của tôi.

Người khách trú dễ thương nhất là một người đàn bà mà tôi gọi là thím Sáu. Chú Sáu và ba tôi cùng là thủy thủ trên một chiếc tàu của quân đội Pháp. Ba tôi là trung sĩ hải quân, chú Sáu là đầu bếp. Trên bước đường phiêu lãng chú Sáu gặp và yêu một cô gái nghèo trên bến Hồng Kông. Rồi chú Sáu nhân danh tình yêu đã làm được một việc phi thường mà ngay cả hạm trưởng cũng không thể làm được. Chú Sáu đã dấu người yêu vào một giỏ cần xé trên phủ đầy xà lách, cà chua rồi khiêng vào bếp của chiến hạm. Thím Sáu đã bí mật nấu nướng trong nhà bếp như cô Tấm ẩn mình trong trái thị suốt cả hải trình. Ba tôi nói luật nhà binh cấm mang theo phụ nữ trên chiến hạm. Nhà chú Sáu ở gần núi Hòn Hèo. Cô dâu mới được chú dẫn về trình diện họ hàng. Thím sáu là một người đàn bà xinh đẹp, nhân hậu và thông minh. Vì tình yêu, thím đã nhanh chóng hòa nhập với gia đình chồng, với bốn phận của một người con dâu hiếu

nghĩa. Thím Sáu nói tiếng Việt rất lưu loát và thím được mọi người trong làng yêu quý, giúp đỡ.

Một hôm thím Sáu tìm gặp ba tôi và mét “Anh Chín à, nó là đũa khôn nạn, rất khôn nạn...!!!” Chao ôi! câu chữ từ đôi môi xinh đẹp của thím Sáu nghe thật dễ thương và ngộ nghĩnh. Ba tôi nói chú Sáu đã bỏ thím đi theo một người đàn bà khác!!! Từ đó mỗi lần nhìn thấy thím Sáu mặc chiếc áo tàu cấp rỏ đi chợ ngang nhà, tôi lại nhìn theo lòng đầy thương cảm.

Có một người khách trú khác cũng thật dễ thương dù tôi chưa một lần gặp mặt. Cha Tàu mẹ Việt, sinh ra và lớn lên ở quê ngoại nhưng tôi vẫn gọi ông là khách trú vì hồn mộng ông luôn gửi về cố quốc

” Tô Châu lóp lóp Phù Kiều

Trăng đêm Dương Tử, mây chiều Giang Nam

Ông là nhà thơ Hồ Dzếnh. Lòng đau đau hướng về quê cha nhưng trái tim ông cũng ngập tràn tình yêu dành cho quê mẹ:

“Cô gái Việt Nam ơi

Từ thuở sơ sinh lặn đân rồi

Tôi biết tình cô u uất lắm

Xa nhau đành chỉ nhớ nhau thôi

Cô chẳng bao giờ biết bướm hoa

Má hồng mỗi tiết mỗi phai pha

Khi cô vui thú là khi đã

Bồng bé con thơ, đón tuổi già “

Xin cảm ơn người “lữ khách, màu chiều khó làm quên”.

Tháng 8/2014

XE LỬA Ở QUÊ TÔI



(Hình: Courtesy of tongdaivatve.vn)

Ngày xưa ông bà mình đi Nha Trang bằng xe gì hả mẹ?

-“Đi bộ. Ông ngoại con đi ra Bình Định học cũng đi bộ. Khi qua đèo Cả, sợ cộp , phải chờ những người buôn trâu dẫn trâu qua đèo, ông đi theo. Đến thời của mẹ, muốn đi Nha Trang mẹ được đi xe ngựa. Phải mất một ngày mới đến được Nha Trang”.

Như vậy, tôi đã hưởng được một nền vận tải văn minh khi tôi được đi Nha Trang bằng xe lửa.

Khác với bên xe ngựa hôi hám, bên xe ò chật hẹp, ồn ào, ga xe lửa là nơi sang trọng có cảnh quan đẹp nhất ở quê tôi.

Tôi không biết Ga xe lửa Ninh Hòa được khánh thành từ năm nào, chỉ biết các ga và tuyến đường rầy đều do người Pháp xây.

Thuở ấy xe lửa chạy bằng đầu máy hơi nước. Sợ hãi nhưng thích thú nhìn đoàn tàu tới gần với đầu máy nặng nề tỏa khói đen sì là một cảm giác khó quên của bọn trẻ nhà quê chúng tôi thời đó. Tiếng bánh xe nghiêng âm ỉ trên đường rầy, tiếng còi tàu lạnh lạnh cũng thật kỳ vĩ.

Ga Ninh Hòa là một trong những nhà ga hiếm hoi còn nguyên vẹn sau chiến tranh và có cảnh quan vô cùng ấn tượng...



Đê pô ga xe lửa Ninh Hòa

Ga có vị trí thoáng mát với bốn bề núi non, ruộng đồng xanh ngát. Đứng trên sân ga chúng ta có thể nhìn thấy một kiến trúc uy nghi và có dáng dấp của một ngôi nhà kiểu đền đài Hy Lạp, thực ra nó là đê pô, nơi sửa chữa đầu máy. Cái bồn nước trên cao để tiếp nước vào nồi súp de cũng thật lạ mắt và còn cả một cái lô cốt chắc là nơi ngày trước quân đội Pháp canh gác cho an ninh của ga...

Chiếc cầu dành riêng cho xe lửa bắt qua sông Dinh cũng rất quen thuộc với người dân Ninh Hòa mặc dù hình ảnh con tàu âm âm vượt qua cây cầu bằng sắt thật tương phản với phong cảnh êm đềm hai bên bờ sông .

Nói đến chuyện đi xe lửa, thú vị nhất là được chui qua hầm.

Tôi thui, ngộp thở, kinh hoàng vì tiếng bánh xe nghiêng trên đường rầy bất ngờ nghe như tiếng núi lở, nhưng cũng thật ngây ngất.

Rồi bóng tối nhạt dần báo hiệu ...hết hầm. Không khí mát rượi tha hồ tràn đầy buồng phổi, ánh sáng chói chang làm lóa mắt và dù mặt mũi có thể dính đầy bụi than bọn trẻ con vẫn chờ đợi nhất được hưởng giây phút xe lửa chui qua hầm.

Thập niên 50, cuộc sống không nhiều biến động và người nông dân ít có lý do di chuyển. Ga xe lửa luôn vắng vẻ với năm ba người khách mỗi lần tàu vào ga.

Cuối tuần, tàu nhiều khách hơn nhưng những vị khách ấy cũng chỉ là đám học trò đi học ở Nha Trang về thăm nhà và hầu hết là khách đi cộp!

Dầu sao truyền thống của một ngành hỏa xa văn minh cũng còn lưu dấu trên bộ đồng phục của sếp ga, của nhân viên soát vé, của người gác ghi với lá cờ hoặc chiếc đèn có mặt kính nhiều màu mà ông ta cầm lắc lư báo hiệu cho tàu ra vào ga trong đêm tối.

Từ năm 1964 hệ thống hỏa xa miền Nam ngưng hoạt động. Đường rầy ở nhiều nơi bị phá dỡ, xe lửa bị đặt mìn. Từ Nha

Trang muốn đi Saigon phải đi bằng máy bay vì không ai dám đi xe đò qua Rừng Lát. Từ Tuy Hòa vào Nha Trang chỉ có thể đi bằng ghe bầu.

Sau năm 1975, ngành hỏa xa được tái thiết và được gọi là Đường Sắt Việt Nam.

Không còn dáng vẻ văn minh năm nào, đường Sắt Việt Nam đã trở thành một phương tiện giao thông thô sơ chưa bao giờ có và sẽ không bao giờ lập lại.

Xe lửa đã trở thành phương tiện để người ta bầu víu vào kiếm sống.

Những năm ấy, những chiếc xe đò cũ kỹ lại càng thêm kỳ dị khi phải gắn một thiết bị phía sau để chạy bằng than. Giá tiền đi xe đò lại đắt nên người ta ùn ùn rủ nhau đi buôn bằng xe lửa.

Đường sắt trở nên quá tải và chen được một chân lên xe lửa là một kỳ công.

Đường cát trắng hồi đó biến mất và người dân quê tôi theo xe lửa ra tận La Hai để buôn loại đường vàng làm từ mật mía, cô lại thành bánh. Người đi củi cũng biến gон xe lửa thành xe chở củi. Xe lửa không dừng lâu nên người đi củi cứ quăng bừa các thân củi vào cửa sổ toa xe. Rồi hàng chục bao gạo, bao bắp, bao khoai mì tiếp tục được nhồi nhét, rồi cá khô, mắm muối, đậu mè từng bao tới tấp quăng lên mặt

cho những tiếng chửi rửa não động cả toa tàu. Khi tàu chuyển bánh, hàng chục người vẫn thản nhiên chạy nhảy ...trên mui xe để di chuyển từ toa này sang toa khác. Đã có mấy em bé bán nước trà đá đã rơi xuống đường rầy khi tàu chuyển bánh. Và không ít dân nghèo đã mất mạng vì không tiền mua vé phải nhảy tàu khi tàu đã tăng tốc.

Nhớ lại những ngày khốn khổ ấy mà thương cho người dân của thời hòa bình thống nhất.



Ga xe lửa Ninh Hòa (Lý trình 1280+560)

Ngày nay ga Ninh Hòa không còn hỗn loạn như thế nữa. Sân ga, nhà ga được tu sửa sạch sẽ hơn và đầu máy hơi nước đã được thay bằng đầu máy diesel.

Tuy nhiên khách nước ngoài đến Việt Nam rất ngạc nhiên vì hàng trăm năm rồi sao Việt Nam vẫn còn sử dụng đường ray có chiều ngang 1 mét.

Riêng tôi, tôi rất sợ một ngày nào những đường tàu cũ kỹ ấy biến mất.

Và tôi sẽ không còn được bồi hồi ngắm nhìn những đường tàu trăm năm chạy song song rồi giao nhau ở đầu sân ga như lời nhắc nhở cho con tàu rằng bạn đã về tới bến.

Tháng 9/2014

HƯƠNG XƯA



Tranh: Huyền Chiêu

Trong ngôi nhà của ông Ba Cà có ba thứ làm tôi bị mê hoặc: Cái hòn non bộ, cái xường làm kẹo cau và cái máy hát đĩa hiệu Asia.

Cái hòn non bộ đứng trong sân nhà ông Ba Cà có lẽ lớn tuổi hơn tôi. Nó đứng uy nghi giữa một bể nước tĩnh lặng xanh ngắt màu rêu. Trong cái bể nước màu rêu ấy có một con rùa bé xíu trú ngụ. Những buổi trưa hè oi nồng, tôi vẫn ngồi hăng giờ bên bể nước ấy, kiên trì như cô Tấm ngồi chờ con cá bống thân yêu. Và trong những giờ phút thật yên lành ấy tôi đã thả hồn mình đi dạo trên những con đường cô tịch dẫn lên đỉnh ngọn núi hòn non bộ...

Tôi yêu biết bao những con đường đi qua những vách núi cheo leo, những cây cầu mảnh mai rồi đột ngột ghé vào một ngôi chùa. Ngôi chùa ấy chính mắt tôi đã nhìn thấy ông Ba Cà đẻo gọt ra từ một cục đá san hô màu trắng. Cũng giống như tôi, ông Ba Cà rất thích nhặt nhạnh những thứ đồ chơi nằm rơi bên đường. Tôi thì dùng chúng để bày hàng xén còn ông Ba Cà thì gắn tất cả những thứ ấy lên cái hòn non bộ, Cho nên chẳng lạ gì khi có hai ông tiên ngồi đánh cờ bên cạnh có anh lính chì đứng bồng súng gác hay có ông lão đang ngồi câu bên cạnh chiếc xe mô tô bằng thiếc.

Dầu sao đối với trẻ con niềm vui quan trọng hơn tất cả và chúng sẵn sàng tha thứ cho mọi sự phi lý trên đời này.

Ở ngôi nhà của ông Ba Cà còn có một niềm vui khác còn ngọt ngào hơn nữa. Đó là cái xưởng làm kẹo cau của ông. Gọi là xưởng cho oai, thật ra đó chỉ là một cái chạc cây bóng láng được cột chặt vào thân cây ổi đứng bên hông nhà. Đường đen sau khi được nấu cô lại, được để nguội và được bôi bóng bằng dầu dừa sẽ trở thành món kẹo dòn rụm dưới bàn tay chế biến của ông Ba. Đã nhiều lần tôi say mê nhìn ông Ba quật tảng đường cô đặc ấy lên chạc cây rồi lại kéo xuống hàng trăm lần. Và như có phép màu, tảng đường càng lúc càng trắng ra và dòn hơn. Món kẹo cau ấy sẽ được bà Ba trộn với bột năng và mỡ sáng đem bán ở chợ Dinh và là món quà rẻ tiền mà các bà mẹ vẫn thích mua về cho bọn trẻ.

Ông bà Ba Cà không có con cái. Chăm chỉ làm ăn, ông bà đã trở nên những người khá giả cho nên ông Ba là người duy nhất trong xóm sắm được máy hát đĩa. Cái máy hát đĩa hiệu Asia của ông Ba có hình vuông và gọi cho tôi liên tưởng tới một cái va-li. Bên hông cái va-li ấy mọc ra một cái tay quay. Khi ông Ba Cà mở nắp cái “va-li” lũ trẻ nhỏ chúng tôi sung sướng nhìn thấy những thiết bị kỳ lạ làm nên âm nhạc. Ngoài cái mặt đưng đĩa hát nằm khoanh trong góc va-li là một cái cần bằng kim loại màu sáng bóng có hình dạng một cái cổ cò. Khi đĩa hát quay ông Ba Cà sẽ nhẹ nhàng nhắc cái cần có gắn kim ấy đặt lên đĩa hát và thế là đĩa bắt đầu hát. Dầu rằng có lúc đĩa nhảy lập cập và tiếng

hát bị cà lăm nhưng đối với lũ trẻ con chúng tôi thời ấy sự kiện một cái va li biết hát đã là một điều kỳ diệu.

Nhờ cái máy hát đĩa của ông Ba Cà tâm hồn thơ trẻ của tôi đã thấm đẫm một niềm thương cảm kỳ lạ với anh bán chiếu Út Trà Ôn, cô bán đèn lồng Thanh Hương

Tôi chưa từng nhìn thấy cảnh vật miền Nam nhưng qua những câu hò trong những bài Vọng cổ từ những cái đĩa hát bằng đá màu đen ấy lòng tôi man mác yêu thương:

“hò ơ...chợ Tầm Vu quân thù chiếm đóng

Đồng Tháp Mười gió lộng mây giăng..”

Năm tháng qua, tôi đã phải rời xa ba điều kỳ diệu ở ngôi nhà của ông Ba Cà. Không biết từ lúc nào tôi đã quên đi anh bán chiếu cùng điệu hò mênh mông trên những dòng sông tưởng tượng.. Tâm hồn tôi đã đi qua một ngã rẽ khác. Trong trái tim tôi thấp thoáng những chàng công tử có bước chân sỏi dãi theo điệu Valse mộng mơ, đài các của Strauss hao hao như Mel Ferrer trong phim Chiến Tranh và Hòa bình. Tôi không còn say mê những câu vọng cổ nào nữa. Dòng nhạc châu Âu dặt dìu hơn, quyến rũ hơn đã chiếm lĩnh tâm hồn tôi. Tuy vậy tôi vẫn buồn bã nhận ra rằng đâu là Mozart, Debussy, Tchaikovsky hay Rachmaninoff cũng không thể nào làm lay động hồn tôi, cho tôi cái cảm giác xao xuyến đến kỳ lạ như khi còn bé

được nghe những âm thanh phát ra từ cái máy hát cũ kỹ của ông Ba Cà.

Hình ảnh cuối cùng của ông Ba Cà mà tôi ghi nhớ cũng thật khó phai mờ. Năm ấy ba tôi đã 70 tuổi vừa từ trại “cải tạo” về đến nhà. Ông Ba Cà là người hàng xóm đầu tiên đến thăm ba tôi. Ông đã khóc vì mừng vui. Ông nghẹn ngào không nói được lời nào, trong khi tay vẫn còn bung một đĩa khoai mì luộc.

Nay thì ông Ba Cà và ba tôi đều đã qua đời. Ông Ba Cà không bao giờ biết rằng ngôi nhà của ông từng có những điều kỳ diệu đã làm cho tuổi thơ của tôi thêm phần lộng lẫy.

Tháng 11/2014

**NGÀY MAI
TA KHÔNG CÒN THẤY NHAU ***



Tranh: Huyền Chiêu

(Viết ngắn – nhân xem trực tiếp truyền hình Lê Uyên hát ở Việt Nam)

Trong lịch sử loài người các cuộc chiến xảy ra triền miên. Kẻ thắng giết chết, cầm tù kẻ bại trận cũng đã nhiều. Nhưng bên thắng cuộc cầm dân chúng hát những bài hát được sáng tác từ những nhạc sĩ sống ở phần đất của bên thua cuộc thì chắc chỉ có ở đất nước tôi trong cuộc chiến gọi là “giải phóng miền Nam”.

Sau năm 1975, tất cả các đĩa hát, băng nhạc phát hành trước 1975 bị cấm lưu hành. Nhạc trước 1975 bị gọi là nhạc Vàng. Ngay cả nhạc hòa tấu cổ điển, bán cổ điển cũng bị cho là sản phẩm của tư bản, cấm nghe.

Để bù lại, trong nhà trường, trên nông trường, trong các buổi biểu diễn văn nghệ các bài hát “cách mạng” được gọi là nhạc đỏ được hát vang một cách say sưa.

Các em bé hồi đó rất ưa bài hát Tiếng Chày Trên Sóc Bom Bò:

“cắc cụp cum, cắc cum cum cụp cum

Đuốc lò ô bập bùng lên ánh lửa

Sóc Bom Bo rộn rã tiếng chày khoa...”

Mặc cho cái đói kéo đến kèm theo cái rách là bạn đồng hành, các đội văn nghệ xung kích được các thanh niên trong phường khóm, thôn làng hưởng ứng nhiệt tình.

Cũng vui vẻ, mới lạ đấy chứ.

Đề tài lao động được ưa chuộng nhất.

“Tay anh phá đá, tay em đào sỏi

Ngồi trong xe ủi em nhớ những ngày hè...”

(Người Đi Xây Hồ Kẻ Gỗ - Nguyễn Văn Tý)

Không được phép nghe, không được phép hát, không được phép sáng tác, dòng nhạc vàng lạng lẽ bị chôn vùi trong huyết mộ thời gian.

Những ca sĩ hát nhạc vàng, các nhạc sĩ sáng tác nhạc vàng bị hắt hủi, xa lánh như tội đồ. Nhạc sĩ Trúc Phương tác giả những câu ca đau buốt tim gan:

“Đường thương đau đầy ải nhân gian

Ai chưa qua chưa phải là người

Trong thói đời cười ra nước mắt...”

đã nằm chết còng queo trên manh chiếu rách trong một nhà trọ tồi tàn không một người thân bên cạnh. Những người yêu nhạc của ông đã phải quên ông, quên những ca khúc nói lên nỗi đau khổ, bất hạnh trong cuộc đời này.

Unhappy trong Xã Hội Chủ Nghĩa là điều cấm kỵ.

Hai chữ “tự hào” được nhắc đến rất nhiều trong nhạc đỏ.

Cái không khí âm nhạc hùng hực tinh thần “cách mạng” được bùng cháy mạnh mẽ trong một thời gian dài.

Một hôm, bất ngờ như những cây bồ đề mỏng manh, bé xíu mọc ra từ những vách nứt của ngôi nhà cũ kỹ, một vài ca khúc tình cảm nhẹ nhàng len lén ra đời và được mọi người ngầm ngầm ủng hộ.

“Này cô bé có chiếc răng khểnh

Sao thừa một cái chắc để làm duyên

Làm lòng anh từng đêm mơ ngẩn

Để mộng mơ sao nhớ quá nụ cười..”

(Nguyễn Thiết Hùng)

Thật là động trời. Cái răng khểnh thì có ích chi cho Xã Hội Chủ Nghĩa? Nhưng dường như bài hát đó đã lọt lưới kiểm duyệt. Có lẽ nhà nước đang lo làm kinh tế và nhu cầu vót chông giết “Mỹ cọp beo” không còn bức thiết.

Nhìn trước nhìn sau không thấy Cô Bé Có Chiếc Răng Khểnh bị phê bình, Thế Hiển cho ra đời ca khúc “ Cô Bé Có Mái Tóc Đuôi Gà”

“Này cô bé có mái tóc đuôi gà

Đạp xe trên phố, phố đông người qua

.....

Tóc em...đuôi gà... la là la”

(Tóc Em Đuôi Gà)

Một hôm, như trời nắng hạn đổ xuống cơn mưa rào mát rượi, một dòng nhạc *Boléro* xuất hiện làm thốn thức những trái tim cần cỗi. Dòng nhạc ấy có cái tên rất lạ “Nhạc Gò Công”. Và khi Bảo Yên với chất giọng trầm rất riêng, cất tiếng hát “Chiều Hạ Vàng” người ta lập tức hiểu ngầm rằng nhạc “Cắc cụp cum” đã phai mờ trong tâm hồn trữ tình của người miền Nam chưa bao giờ hiểu chiến.

Sau 1975 nhạc Trịnh Công Sơn bị xếp vào đội ngũ Nhạc Vàng. Nhạc của ông không được chính thức hát trên truyền hình cho đến khi ông mất năm 2001.

Tội nghiệp cho ông. Sau khi ông qua đời, bỗng dưng những đêm nhạc Trịnh Công Sơn được các bầu sô ưu ái “tưởng nhớ”. Rồi các ca khúc của Văn Cao được phép hát. Phần lớn dân chúng không được nghe những Suối Mơ, Bến Xuân, Cung Đàn Xưa ... của ông từ lâu lắm rồi, có người tưởng ông là nhạc sĩ trẻ. Một MC đã giới thiệu: “Nhờ ca sĩ Ánh Tuyết, các ca khúc của Văn Cao được mọi người biết đến”.

Phạm Duy được cho phép về biểu diễn ở Việt Nam là một thông tin chấn động.

Như nước vỡ bờ, người dân miền Nam lại được tắm gội trong dòng âm thanh thân quen ngày nào.

Làm sao không rơi nước mắt khi hơn ba mươi năm rồi mới được nghe câu hát :

“Tôi yêu tiếng nước tôi

Từ khi mới ra đời người ơi”

Đối với riêng tôi, Phạm Duy là ông Hoàng của tiếng Việt.

Nếu các ca khúc của Phạm Duy biến mất như tro bụi trên cõi đời này thì đó là điều tôi tiếc nuối khôn nguôi.

Rồi Lê Thu, Khánh Ly, Bạch Yến, Lê Uyên lần lượt xuất hiện trên sân khấu của đất nước tưởng chừng nghìn trùng xa cách. Các cô bị phê phán nhưng tôi thích câu trả lời của Lê Thu “*Tôi muốn hát ở nơi nào có người muốn nghe tôi hát*”.

Những đêm nhạc của các ca sĩ đã gần 70 lúc nào cũng đông khán giả.

Người miền Nam không phải đi nghe nhạc. Họ muốn đến để sống lại xô xao một thời kỷ niệm, để “*Chạnh nhớ câu thề tim tái tê.*”

Dù phục trang rất đẹp, trang điểm khéo, các giọng ca dĩ vãng không dấu được nét phai phôi trong tia nhìn, trong giọng hát. Dầu sao, lòng bao dung và yêu mến các cô của người miền Nam vẫn như ngày nào. Khán giả, hầu hết là những mái đầu bạc trắng, những người ngồi đó, đã từng sống với các cô chỉ vài năm trong bầu trời được hát ca rất tự do của miền Nam, và đã xa các cô đến gần 40 năm, nhưng gặp lại nhau mắt vẫn còn có đuôi. Những đuôi mắt ấy không phải là đuôi mắt tình tứ của ông già Phan Khôi. Những đuôi mắt ấy là những vết chân chim đã hằn lên vì những giây phút tuyệt vọng, vì những tháng ngày gian nan đau đớn, tủi cực. Những đuôi mắt ấy bây giờ đã nhấp nhem nhưng nhìn ngắm lại người xưa đang đứng kia, trên sân

khẩu, đuôi mắt cũng đã nhập nhòa, chẳng cần cô hát hay hay dở, họ cũng vẫn bồi hồi thương nhớ lắm những tháng ngày xưa cũ, những tháng ngày tự do rung động, yêu thương những gì trái tim mạch bảo.

“Giờ này còn gần nhau

Gần thăm thiết trong môi sầu

Gần bối rối biên giới từ niềm đau

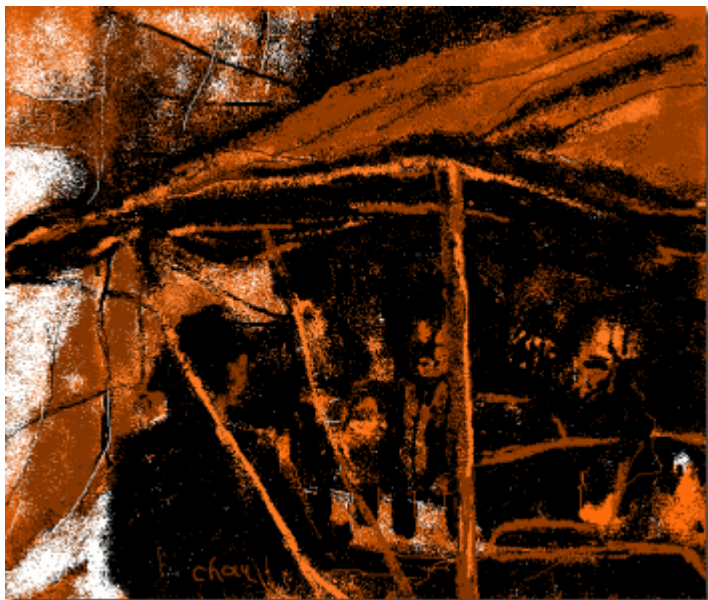
.....

Ngày mai ta không còn thấy nhau”()*

Tội nghiệp cho người dân miền Nam. Để một lần “thấy nhau”, để một lần nghe lại một Lê Thu say đắm mà trầm tĩnh, một Khánh Ly bạt mạng nhưng cô đơn, một Bạch yến tiếng hát như “*Mây xám về ngang lưng trời*”, một Lê Uyên nồng nàn thăm thiết họ đã phải chờ đợi từ thuở tóc còn xanh.

** Cho Làn Cuối, ca khúc của Lê Uyên Phương*

QUÊ HƯƠNG TAN NÁT



Tranh: Trần Thanh Châu

Dân tộc tôi là một dân tộc yêu cuộc sống thanh bình. Nếu dân Mông Cổ cần phải biết cưỡi ngựa cho hay, bắn cung cho giỏi để có thể sống đời du mục, thì ông cha của chúng tôi quanh năm suốt tháng chỉ biết quanh quẩn với mảnh ruộng trước nhà, lũy tre đầu ngõ. Con trâu, con bò của người Việt cũng bước đi chậm rãi. Người Việt không quen với tốc độ, cuộc sống của chúng tôi từng trôi đi như ánh nắng dịu êm của buổi chiều:

“Chiều ơi lúc chiều về rợp bóng nương khoai

Trâu bò về dục mả xa xôi ơi chiều”

(PD)

Vác cuốc trên vai, thong dong bước đi trên cánh đồng thơm mùi lúa chín, cuộc sống của chúng tôi tan vào màu xanh của đất trời từ hàng ngàn năm rồi.

Không có gì khó hiểu khi người Việt yêu thi ca, trọng văn khinh võ.

Ngày xưa người học giỏi là người làm thơ hay. Làm thơ hay sẽ thi đậu và được làm quan.

Thuở nhỏ tôi cũng thích môn học thuộc lòng hơn môn khoa học thường thức.

Tôi thích suy nghĩ đến nước như một “*ao thu lạnh lẽo nước trong veo*” còn nước là H₂O thì chán quá. Với tôi, mặt trăng gọi bao xúc động, thương cảm khi nó là nơi chốn cô đơn của hai kẻ lưu đây là chú Cuội, chị Hằng. Và tôi đã xiết bao thất vọng khi các nước hùng mạnh, văn minh nhất đã bỏ công sức tiền của ra để tranh nhau đưa phi thuyền bay tới mặt trăng để rồi khám phá ra mặt trăng là một hòn đá lớn khô khan và rỗ mặt.

Hỡi ôi!:

“Từ ngày có vệ tinh bay

Bay có ba ngày đã tới mặt trăng

ố tang tình tang

ố tang tình tình

Cuội đành mang chị Hằng Nga

Viễn xứ xa nhà chẳng biết ở đâu

Ố tang tình tang ố tang tình tình”

(PD)

Không có gì ngạc nhiên khi người Việt chúng tôi rất yêu các nhà thơ.

Chúng tôi yêu và biết nhiều về Nguyễn Du, Hàn Mặc Tử, Tagore, Gibran... chứ không nhớ tên các nhà toán học.

Chúng tôi thích chậm rãi đi sau cái cày. Chúng tôi thích thú tát nước bằng gàu sòng rồi ngâm nga:

“Hỡi cô tát nước bên đàng

Sao cô múc anh trăng vàng đi đi”.

Nếu mọi dân tộc đều sống như dân Việt thì trái đất mãi xanh, tầng ozon không thủng.

Nếu mọi chính phủ đều cho các nhà thơ làm quan như nước tôi thì làm gì có xe tăng, tàu ngầm, máy bay rải thảm, bom nguyên tử...

Nhưng trời không thương dân tộc tôi.

Trong khi dân Tahiti yêu cuộc sống thanh bình, được suốt ngày ca hát bên bờ biển thì dân Việt hiền lành, dịu dàng không được sống yên lành bên bờ ruộng.

Vì sao chúng tôi lại bị chọn là dân tộc phải hứng chịu tang tóc, đau thương nhất thế kỷ với gần sáu triệu người chết vì đói năm Ất Dậu, chết vì Cải Cách Ruộng Đất, chết vì chống Pháp, Chống Mỹ, vì Điện Biên Phủ, Mậu Thân ...

Sử của Việt Nam hiện nay làm lơ với tổn thất nhân mạng sau hai cuộc chiến gọi là chống Pháp, chống Mỹ. Nhưng tôi tin rằng hậu thế sẽ vẫn biết được sự thật qua câu hát:

“Gia tài của mẹ

Một rừng xương khô

Gia tài của mẹ

Một núi đầy mồ”

(TCS)

Tại sao chủ nghĩa thuộc địa chọn quê hương tôi? Tại sao Mỹ và Cộng Sản Liên Xô, Cộng Sản Trung Quốc chọn đất nước tôi làm bãi chiến trường cho máu chảy thành sông, xương chất đầy đồng?

Tại vì nước tôi quá đẹp, tôi nghĩ vậy. Không những đẹp vì rừng núi chập chùng, sông ngậm đầy phù sa, biển nhìn ra Thái Bình Dương bát ngát, nước tôi đẹp vì đứng ở vị trí mặt tiền. Cô gái vừa đẹp vừa có của hồi môn đã trở thành miếng mồi ngon cho nhiều tên cường hào, ác bá.

Thế sự thay đổi, nhưng lòng tham và cái ác không thay đổi.

Bốn mươi năm im tiếng súng, người dân quê tôi chờ mãi, chờ mãi chỉ thấy quê hương ngày càng kiệt sức như con bệnh ung thư máu.

Không chết vì súng đạn, mỗi năm hơn mười ngàn người đã chết vì tai nạn giao thôn.

Biết bao dân nghèo đã chết vì không có tiền đi bệnh viện.

Biết bao cánh đồng đã chết cho chương trình “công nghiệp hóa, hiện đại hóa” chỉ mang lại ô nhiễm cho đất nước.

Biết bao cánh rừng đã tan hoang, biết bao mỏ than, mỏ sắt, mỏ vàng... đã thành bình địa.

Biết bao người con gái Việt Nam da vàng đi bán mình ở Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc...

Biết bao nhiêu thanh niên Việt Nam bị vắt kiệt sức với đồng lương chết đói ở các khu công nghiệp.

Biết bao dòng sông đã qua đời vì thủy điện tràn lan.

Và đau lòng nhất vẫn là cái chết tập thể của những trái tim Việt dưới một nền văn hóa giáo dục nô dịch không tính nhân bản.

Buồn xiết bao khi nhìn thấy hầu hết tuổi trẻ Việt Nam mất dần nhuệ khí, không còn nhớ gì đến quá khứ đau thương,

sống bé nhỏ như bầy kiến trong chén đường mang tên Xã Hội Chủ Nghĩa.

Dải đất hình chữ S vẫn còn nhưng người Việt có còn là người Việt?

Ở đất nước này người dân Việt, thực chất là những nông dân từ ngàn đời, rất cần được sống hạnh phúc yên lành với mảnh đất thân yêu đang không còn chậm rãi:

“lúc chiều về là lúc yên vui

Qua đường mòn người lúa thơm ngời”

(PD)

nữa.

Bị bóp nghẹt trong bầu không khí thiếu tự do, dân chủ, mọi người đang hôi hã lẫn lút, chà đạp lên nhau mà thở chút oxy còn lại.

Và đất nước “*Bốn ngàn năm rờng rã buồn vui*” của chúng tôi đang dần tàn lụi như ngọn nến đang leo lét trong cái ly úp ngược.

Lời ai điều cho đất nước tang thương!

Mùa Xuân 2015

CÓ NGƯỜI CON GÁI BUÔNG TÓC THỀ



Tranh: Huyền Chiêu

*Tóc em dài em cài bông hoa lý
Miệng em cười anh để ý anh thương*

Thực ra, ngày xưa ít khi người đàn ông nhìn thấy được suối tóc mượt mà của các cô gái. Có lẽ tác giả của câu ca dao trên tưởng tượng đấy thôi. Người con gái Việt Nam ngày xưa kín đáo lắm. Tóc của các cô luôn được giấu trong vành khăn mỏ quạ hoặc trong chiếc khăn vành nhung đen. Mỗi sáng sớm việc đầu tiên của các cô thiếu nữ là giấu kín mái tóc của nàng:

*“hôm nay đi chùa Hương
Hoa cỏ mờ hơi sương
Cùng thầy mẹ em dậy
Em vấn đầu soi gương”
(Nguyễn Nhược Pháp)*

Cho nên, thật ngây ngất khi nghe Lưu Trọng Lư mô tả hình ảnh một mái tóc xô tung trên nền gôi trắng:

*Còn đâu đêm sang lá đỏ rộn ràng
còn đâu sương tan trắng nội mơ màng
còn đâu em ngoan tóc rối ngón ngang
tuổi em đôi mươi xuân mới vừa sang .*

Phải đến đầu thế kỷ 20, mái tóc của các thiếu nữ mới rón rén lộ diện nhưng vẫn được kẹp lại bằng chiếc kẹp ba lá sau khi đã được thả rơi một chút đủ để phủ hờ trên đôi vai

thon nhỏ mà chúng ta thường được chiêm ngưỡng trong những bức tranh thời Tô Ngọc Vân, Bùi Xuân Phái...

Từ đó mái tóc thiếu nữ trở thành nguồn thơ vô tận.

Nhạc sĩ Nguyễn Hiền và Thi sĩ Đinh Hùng đã từng đồng lòng ca ngợi một mái tóc tỏa hương thơm ngát như một loài hoa nở trong đêm:

*“Từ giã hoàng hôn trong mắt em
Tôi đi tìm những phố không đèn
Gió mùa thu sớm bao dư vị
Của chút ân tình vương tóc quen”*

(Mái Tóc Dạ Hương)

Trong sân trường, không hiểu sao mái tóc dài của nữ sinh lại được gọi là “tóc thề” dù các nàng có thề thốt gì với ai đâu. Mái tóc ngây thơ ấy chẳng dành cho riêng ai nhưng nó đã làm xao xuyến cho biết bao chàng trai đi theo sau các nàng mỗi bận tan trường.

Mái tóc thề của cô bé trong sân trường có khi được “thắt bím nuôi dưỡng thêm ngây thơ”.

Cho đến một ngày, chàng trai ngỡ ngàng thấy mái tóc thề của nàng đã biến mất để lại một mái tóc cụt ngắn vô cùng tân kỳ, vô cùng ngộ ngáo với một cái tên ngoại nhập “*demi garcon*”.

Nhưng dù tóc thề hay tóc demi garcon nàng vẫn làm đau buốt trái tim của những cậu bé lần đầu tiên biết yêu.

Nhà thơ thất tình Nguyễn Tất Nhiên đã có những câu thơ chẳng có gì đặc biệt nhưng nó được nhiều người ngâm nga vì có nhắc đến một mái tóc:

*“Này cô em Bắc kỳ nho nhỏ
Này cô em tóc demi garcon”*

Nhưng hiếm có khi nào hai cô cậu cùng chung mái trường thành vợ thành chồng. Khi chàng trai vẫn còn đang: *“Lính quỳnh giữa sân trường trao thư”* (NTN) thì nàng đã đi lấy chồng.

Rồi chiến tranh cuốn chàng trai vào nỗi đau thân phận.

Bao năm rồi chàng không gặp lại người xưa ấy. Dưới đóm mắt hỏa châu, có đôi khi chàng mơ thấy một mái tóc demi garcon, một tà áo dài trắng mini trong sân trường loang nắng.

Một hôm từ chiến trường về, chàng gặp lại nàng bên cạnh chồng trên phố, chàng trai thấy tim mình đau thắt. Mái tóc demi garcon đã đổi thành mái tóc uốn quăn từng lọn. Trông nàng quý phái kiêu kỳ và hạnh phúc nhưng vô cùng xa lạ.

Thôi thì hãy nhủ lòng như Hoàng Trúc Ly:

*“Tôi đứng bên này bờ dĩ vãng
Trông về con nước ngậm ngùi xuôi
Những người con gái bên kia ấy
Ai biết chiều nay có nhớ tôi”*

Những chàng trai thất tình ấy cứ tưởng nhớ người trong mộng của mình với mái tóc thề dịu dàng, với mái tóc ngắn xinh xắn ngây thơ. Chàng đâu biết cuộc chiến dai dẳng và cuộc bể dâu đã xô ngã nàng mệnh phụ, biến nàng thành người đàn bà bơ vơ giữa “chợ trời” với mái tóc bết mồ hôi kiếm cơm nuôi con, nuôi chồng cải tạo.

“Tóc mai sợi vắn, sợi dài” ấy đã trở thành những nàng Tô Thị một mình ôm rất nhiều con chờ chồng trong gian khổ và đói khổ.

Thời gian cùng bao nỗi gian truân cũng đã lạnh lùng rắc muối tiêu lên mái tóc ngày xưa ấy.

Lẽ ra mái tóc nhuộm màu sương khói của rất nhiều người đàn bà miền Nam sau 1975 phải được gọi là “tóc thề” phải không hỏi các chàng thi sĩ?

Xuân 2015

ĐI XEM CÔNG VIÊN CÁ KOI



Ao cá Koi – Rin Rin Park (Sài Gòn- Hóc Môn)

(Ảnh: Huyền Chiêu)

Rằm tháng giêng, cô con dâu rủ tôi đi thăm công viên Cá Koi.

Công viên Cá Koi là tên thường gọi của Rin Rin Park, một công viên vườn đồi suối ao của Nhật tọa lạc ở ...Hóc Môn.

So với Suối Tiên, Đầm Sen, công viên Rin Rin không rộng lắm với chỉ 20.000 mét vuông nhưng ở đây có nhiều điều lạ.

Điều lạ thứ nhất là ý tưởng bê cả một công viên từ Nhật sang đặt trên một cánh đồng nắng cháy dù đang ở vào mùa xuân của một nơi chốn mang nét ô hợp, đặc trưng của ngoại thành Sài Gòn.

4.000 tấn đá đã được mang từ Nhật sang kể cả những viên sỏi lát trên đường đi.

Rất nhiều loại cây xanh, có cây tùng đến 800 năm tuổi đã được nhập cảnh và trở thành cư dân Hóc Môn, Bà Điểm.

Những ngọn tháp mang tên đền Mặt Trăng, đền Mặt Trời vươn cao trên nền trời xanh, một cây cầu sơn đỏ làm cho bước chân du khách phải nhẹ nhàng từ tốn khi đặt bàn chân trên mặt cầu hình bán nguyệt.

Một dòng thác đổ từ trên cao rót nước xuống một dòng suối rồi êm đềm hòa vào hồ nước trong vắt dưới chân cầu.

Không có tượng rồng khạc lửa, không có sư tử đá nhe nanh, không có những tượng Phật mà tay được nhét rất nhiều tiền lẻ.

Điều lạ thứ hai là quang cảnh khoảng 200 chú cá Koi màu sắc lộng lẫy, linh hồn của công viên Rin Rin, đang bơi lội dưới làn nước trong mát.

Những chú cá Koi, một loại cá chép cảnh của Nhật có chú già đến 60 tuổi, có chú trị giá 400 triệu đồng, đã hy sinh cuộc sống quen thuộc miền ôn đới quê nhà, để đến làm cư dân của một miền đất mà cái nóng thiêu đốt mọi thứ hầu như suốt cả năm.

Ngắm cá Koi, tôi thấy tội nghiệp cho chúng dầu công viên đã xử lý, để lúc nào nước suối cũng dưới 20 độ.

Thăm công viên cá Koi, tôi cảm phục cho lòng yêu nước của người Nhật.

Phải yêu đất nước của mình lắm, phải thật sự hãnh diện về những gì là vẻ đẹp truyền thống Nhật lắm, người Nhật mới bỏ công sức, tiền của ra xây dựng công viên này.

Điều lạ thứ ba là công viên rất vắng khách.

Dù vé vào cửa chỉ 50.000đ cho người lớn và 20.000đ cho trẻ em, công viên không thu hút được du khách Việt.

Phải chi họ treo bảng “gỏi Cá Koi, cháo cá Koi hay cá Koi bầy mún” thì chắc sẽ nườm nượp dân nhậu bu tối.

Công Viên Cá Koi đến Việt Nam sớm quá. Chắc phải vài trăm năm nữa người Việt mới hiểu được tại sao người Nhật lại hạnh phúc được ngồi ngắm một vài chú cá bơi lội dưới dòng suối trong, tại sao người Nhật lại nghiêm trang đến thế khi nâng một tách trà.

Trước đây rất lâu, đọc trong “Xứ Tuyết” của Kawabata, tôi rất thích đoạn văn ông kể về chuyến đi của nhân vật chính về một nơi nào đó chỉ để ngắm lá trường khế rụng.

Tôi cũng biết người Nhật có lễ hội Hoa Anh Đào. Và mỗi mùa hoa chắc người Nhật đã tạ ơn đất trời đã không quên mang về cho họ những niềm hạnh phúc, những xúc cảm khi nhìn ngắm những cánh hoa đào hàng ngàn năm rồi gắn bó với lịch sử dân tộc họ.

Cũng may là người Saigon chỉ thờ ơ với cá Koi chứ không lén mang theo vợt để bắt cá Koi về nhậu thử như người Hà Nội đã từng chen lấn chụp giựt, bẻ cành hoa anh đào trong một lần người Nhật nâng niu đem hoa qua thủ đô nước Việt triển lãm.

Cám ơn cá Koi, cám ơn những cây tùng trăm tuổi, cám ơn cây cầu và những tảng đá mang linh hồn Nhật.

Các bạn là một công viên nhỏ bé nhưng các bạn đáng yêu như một bài thơ Haiku huyền ảo.

Xin Chào nhé!

Sài Gòn xuân Ất Mùi 2015

**Vài hình ảnh của Rin Rin Park (Sài Gòn – Hóc Môn)*





(Ảnh trong bài của tác giả)

ĐÊM SÀI GÒN XƯA



Ban Hợp Ca Thăng Long

Tôi chủ nhật, mở chương trình VTV, tình cờ tôi xem được một vài tiết mục trong một chương trình ca nhạc có tên Phòng Trà Đêm Sài Gòn. Tôi ít khi nghe nhạc từ TV nhưng hai chữ “ Sài Gòn “ được chính thức xuất hiện trên VTV đã gọi cho tôi một chút tò mò.

Chương trình được trực tiếp truyền hình từ một phòng trà nào đó. Khá đông khán giả ngồi nghe nhạc bên ly nước ngọt, tách cà phê. Không khí của phòng trà khá lịch sự, không ồn ào chen chúc như ở các tụ điểm ca nhạc. Phòng trà mang tên Sài Gòn vì ở đây khán giả sẽ được nghe lại dòng nhạc khi thành phố này còn mang tên Sài Gòn.

Tôi vào mạng xem thêm một vài chương trình đã phát sóng trong các chủ nhật trước. Chương trình được biên tập theo những đề tài như: Tình Gần Xa, Nhớ, Đường Xưa Lối Cũ, Chuyện của Mùa Đông, Mưa và nỗi Nhớ...

Các ca khúc của Đoàn Chuẩn, Văn Cao, Y Vân, Phạm Duy, Trúc Phương... được hát lại trên sân khấu phòng trà.....Chủ phòng trà bắt mạch đúng khao khát của khán giả Sài Gòn lớn tuổi. Họ muốn tạo dựng không khí nghe lại dòng nhạc lãng mạn của một thời.

Không hiểu khán giả trong phòng trà có hài lòng với bữa tiệc âm nhạc Đêm Sài Gòn này không, với tôi, dừng lại một cái gì đã chết không dễ.

Những bài hát cũ thì còn đó như một cái xác nhưng ca sĩ, người thổi hồn vào xác thì dường như chưa hiểu hát ở phòng trà khác với biểu diễn ở sân khấu lớn, ở tụ điểm ngoài trời như thế nào.

Tôi đã muốn bật cười khi có ca sĩ hát nhạc Ngô Thụy Miên đến cuối bài lại hú lên vài tiếng như muốn kích động cho các khán giả đáng tuổi cha chú ngồi dưới hú theo. Các ca sĩ gốc nhạc viện thì thật sự không hợp với không khí phòng trà vì dù giọng hát cực kỳ khỏe như cơ bắp của lực sĩ, họ quá thiên về phô trương kỹ thuật làm hỏng đi chất giọng riêng, điều cốt lõi để gây không khí quyến rũ, mê hoặc của phòng trà.

Và tôi đã hiểu vì sao những lão ông, lão bà như Chế Linh, Tuấn Ngọc, Trịnh Nam Sơn, Lê Thu, Khánh Ly, Lê Uyên, Ý Lan... dù giọng hát đã “phều phào” (chữ dùng của nhạc sĩ Tuấn Khanh) vẫn còn được người Sài Gòn chừa một chỗ trong trái tim hoài cổ của họ.

Bao giờ những phòng trà của Sài Gòn về đêm mới trở lại như thuở ấy?

Đó là thuở mà phòng trà là chôn ma mị làm mê dại lòng người. Đó là nơi ca sĩ không phải hát theo chủ đề. Không

phải cứ chủ đề mùa đông thì Thái Thanh, Lệ Thu buộc phải hát một bài nào đó về mùa đông, bởi vì “Đêm Đông” đã dành riêng cho Bạch Yến.

Không ca sĩ nào đại dốt hát “Dòng Sông Xanh” vì tổ đã giao bài hát ấy cho Thái Thanh và “Thuyền Viễn Xứ” dường như là ngôi đền thiêng mà chỉ có Lệ Thu mới dám đặt chân vào.

Người đến phòng trà vì mê không khí nơi ấy chứ không phải để tìm hiểu xem mùa Thu, mùa xuân... có bao nhiêu bài hát.

Các ca sĩ thời ấy rất kiêu hãnh. Không ai có thể bắt họ phải hát bài hát họ không thích và có khi chủ phòng trà phải chấp nhận việc cả tháng trời họ đến phòng trà chỉ để hát một bài hát. Chấp nhận, bởi vì có cả khối đàn ông chấp nhận đến phòng trà chỉ để ngắm nàng và nghe nàng hát chỉ một bài hát ấy.

Chẳng phải có thời người ta đến phòng trà nghe Bích Chiêu hát “Nỗi Lòng” mãi mà không chán.

Khi nàng hát bài hát ấy, các bậc nam nhi trong phòng trà cảm thấy đau đớn, thôn thức như thể chính mình là thủ phạm đã làm trái tim nàng tan nát.

Tất nhiên cũng có Nam ca sĩ làm cho phòng trà đậm chất say đắm như Jo Marcel khi hát “Mộng Dưới Hoa”, “Thôi”

nhưng dường như Nữ ca sĩ làm chủ không khí phòng trà nhiều hơn, điều dễ hiểu khi thời đó hầu như đàn ông chiếm gần hết không gian phòng trà.

Vậy đó. Phòng trà là một nơi mà ca sĩ và người nghe như được cùng nhau bước vào một không gian mộng ảo, hư hư, thực thực trong âm thanh rã rời của kèn saxo, trong tiếng bập bùng của contrebass. . .

Mọi người thường phê phán rằng khác với ngày trước, ca sĩ Sài Gòn ngày nay ăn mặc quá hở hang, người đi nghe nhạc thì nhìn thay vì nghe ca sĩ hát. Làm vậy. Ngày xưa ở phòng trà, người ta mê ca sĩ, say đắm ngắm ca sĩ, nghiện không khí huyền hoặc đầy kịch tính của phòng trà hơn ngày nay rất nhiều.

Thuở ấy, các nữ ca sĩ của phòng trà Sài Gòn hầu hết đều mặc áo dài khi đứng trên sân khấu, nhưng dưới ánh đèn mờ ảo, đôi mắt sâu thẳm, vờn vờn buồn của các nàng quá là cuốn hút. Đôi mắt ấy chắc ban ngày cũng bình thường như mắt của vợ mình thôi, nhưng trong bóng tối, chúng được tô đậm ở viền mắt rồi nhạt dần sang màu khói nhang đã làm cho khán giả có cảm giác như đang nhìn ngắm một nỗi niềm u uẩn. Và trái tim đàn ông Sài Gòn ngày ấy vẫn hay bị chấn thương vì một ánh mắt u buồn, hờn trách hơn là vì một thân hình hở hang nóng bỏng.

Chàng học trò nghèo Trịnh Công Sơn chắc phải nhịn ăn mới có đủ tiền vào phòng trà ngắm mái tóc “che nửa mặt

hoa” của Thanh Thúy và khi một giọt nước mắt ứa ra từ khóe mắt được tô vẽ rất kỹ của nàng thì chàng học trò mười bảy tuổi đã thất điên bát đảo, xuất thần viết nên ca khúc “Uớt Mi” nổi tiếng.

Nhà thơ Hoàng Trúc Ly cũng là gã si tình chốn phòng trà khi viết:

“Từ em tiếng hát lên trời

Tay xoa dòng tóc, tay vờ âm thanh”

Nhà văn Mai Thảo thì hầu như là “con ma” của “nhà hát” Đêm Màu Hồng khi tối nào cũng xuất hiện ở nơi mà ông chỉ cần nghe mỗi tiếng hát của Thái Thanh.

Và chắc mọi người không quên mối tình si của ký giả Hồng Dương dành cho ca sĩ Lệ Thu.

Khác với tình yêu của chàng trai mới lớn *“Em tôi va đứng nhìn trời xanh xanh”* (Em Tôi-Lê Trạch Lựu).

Tình yêu của người đàn ông ở phòng trà dành cho ca sĩ là sự si mê như mê thuốc lã *“Đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên”*.

Và họ nghiện cảm giác mê dại ấy dù họ biết quá rõ ban ngày trông nàng xanh xao, rũ rượi, nàng luôn ngủ nướng đến 12 giờ trưa, nàng không hề xách giỏ đi chợ nấu cơm,

khi rảnh nàng đánh tứ sắc, xì phé chứ không ủi quần áo cho ta, khi chùi hết son phấn nàng chẳng đẹp gì hơn vợ ta....

Nhạc sĩ Trường Sa mô tả hay nhất tình yêu rất lênh đênh dành cho một giọng hát:

“Tình trong cơn ngủ mê

Rồi phai trên hàng mi

Chợt khi mình nhớ về

Mộng thành mây bay đi

Còn gì trên đôi tay

Nên thâm hờn dối mình

Cho tình càng thêm say”

Phòng trà là như vậy, và chắc còn lâu lắm Sài Gòn bây giờ mới lại có được những phòng trà là nơi mà âm nhạc làm cho người ta “phê” như ngày xưa.

Tháng ba 2015

THỊ TRẤN BIỂN MẮT



Thở bé tôi vẫn nhìn về phía núi Vọng Phu để lòng bồi hồi thương cho hai bóng người hóa đá. Bà tôi cũng kể rằng vùng núi ấy có kẻ ngậm ngãi tìm trầm, đi lạc trong rừng mấy mươi năm, khi tìm về được quê nhà thì đã hóa thành con vượn không còn nói được tiếng người. Thỉnh thoảng, ở chợ Ninh Hòa tôi rất sợ khi nhìn thấy có một vài người da đen thui, tóc quăn tít, đàn ông mặc khố, đàn bà địu con trên lưng. Chắc họ từ núi Vọng Phu xuống. Có người nói họ là người Thượng ở Buôn Sim.

Buôn Sim chỉ cách thị trấn Ninh Hòa khoảng 14 km theo hướng quốc lộ 21. Người dân quê tôi không gần gũi với vùng đất này bởi khí hậu nơi ấy vô cùng khắc nghiệt. Nằm trong lòng chảo của nhiều rặng núi, buôn Sim là một vùng khô cằn, sỏi đá, đêm quá lạnh, ngày quá nóng.

Sau hiệp định Geneve vài năm, Buôn Sim bỗng biến thành một quân trường khổng lồ gồm ba trung tâm huấn luyện Pháo Binh, Biệt Động, Lam Sơn.

Và cái tên Dục Mỹ ra đời.

Khác với thời chống Pháp mà người lính là những “áo anh rách vai, quần tôi có hai miếng vá”, các quân nhân miền Nam được huấn luyện và trang bị rất quy củ với các doanh trại khang trang, bề thế.

Với số lượng quân nhân trong ba trung tâm huấn luyện kèm theo gia đình của sĩ quan, hạ sĩ quan, binh sĩ, thị trấn Dục

Mỹ mọc lên giữa bốn bề núi non, tuy nhỏ bé nhưng vô cùng nhộn nhịp.

Cũng giống như những thị trấn mới toanh trong phim cowboy miền viễn tây, Dục Mỹ là nơi quy tụ của quá nhiều người tứ xứ về đây mang theo các giọng nói vùng miền.

Người có máu làm ăn cũng vội vàng tìm về đất hứa.

Chợ Dục Mỹ cung cấp đủ để nấu được các món ăn đặc trưng kiểu Sài Gòn, Bắc, Huế... “Vợ Lính” thong dong chẳng cần làm việc, chỉ lo cơm nước và nuôi con...

Những chuyến xe lam như con thoi nối liền Ninh Hòa – Dục Mỹ. Người dân Ninh Hòa bây giờ hướng về thị trấn mới như một thị trường hấp dẫn, nơi họ có thể làm giàu nhờ nghề cung cấp thực phẩm.

Nhà Thờ và nhà chùa đã được xây. Các xe schoolbus được chế biến từ xe GMC của ba quân trường chở con quân nhân xuống Ninh Hòa học ở các trường trung học. Những cô cậu học trò đã từng ngồi trên những chiếc GMC cải tiến này, nay đã trên dưới sáu mươi và tôi tin rằng dầu ở chân trời góc bể nào họ không bao giờ quên những chuyến xe chở học sinh kỳ lạ nhưng đầy ắp niềm vui một thuở.

Chủ nhật, con phố Dục Mỹ “Đi dăm phút trở về chốn cũ” có bóng dáng của những “thiếu úy”, “trung úy” trẻ trung, quân phục thẳng nếp, thong thả dạo gót rồi ghé vào một

tiệm sách có cô bán hàng xinh xinh. Bên con suối Dục Mỹ vài quán cà phê ra đời có tiếng nhạc hòa trong tiếng âm ào thác đổ.

Người lính miền Nam thở ấy vẫn còn mang vẻ thư sinh lãng mạn. Ra trận, thay vì nhìn tới trước “nhắm thẳng quân thù mà bắn”, (*) họ quay nhìn lại phía sau “Người đi khu chiến, thương người hậu phương” (**)

Biến cố 1975 như một cơn động đất dữ dội làm sụp đổ hoàn toàn trung tâm huấn luyện. Toàn bộ cư dân gồm quân nhân từ ba trung tâm huấn luyện cùng gia đình họ đều chạy khỏi Dục Mỹ, tan tác hải hùng như mảnh vỡ của một trái phá...

Thị trấn bỗng chốc như bị thần đèn mang đi đâu mất.

Dục Mỹ trở lại là buôn sim hoang vắng thưở nào.

Cũng còn một số người ở lại vì họ không biết đi đâu về đâu và họ trở thành dân của một vùng kinh tế mới mang tên Ninh Sim.

Và người dân Ninh Sim đã phải làm gì để tồn tại khi 100% mang trên đầu bản án lý lịch xấu, con cái chắc chắn không được vào đại học, người thân không biết còn sống hay đã chết trong các trại cải tạo?

Nếu người Ninh Hòa khi ấy kiếm sống bằng cách bám vào bến xe đò và ga xe lửa với các chuyến đi buôn lậu gạo, đường, thuốc lá, đập xe ba gác, làm phu khuân vác ...thì người dân Ninh Sim Dục Mỹ kiếm sống bằng cách bám vào núi rừng. Họ lên núi đào khoai mài, cắt tranh, lấy đót. Họ “ngậm ngãi tìm trầm” và có người đã mất xác trong rừng sâu núi thẳm. Họ chặt củi, hái trái rừng, trồng khoai mì, trồng mía. Họ tìm cách sống trong im lặng, chịu đựng mặc cho loa phường ngày ngày vang lên giọng tự hào chiến thắng giặc Mỹ để toàn dân xây dựng thiên đường Xã Hội Chủ nghĩa.

Và tượng đá bông con trên non cao kia chắc đã nhiều lần rơi lệ thương cho cảnh con người bức hại con người.

Năm ngoái, anh Phạm Văn Nhân trở về Ninh Hòa, rủ vợ chồng tôi đi thăm lại Dục Mỹ, nơi anh có thời gian rất lâu là sĩ quan của quân trường Lam Sơn.

Xe ghé lại núi Đeo, nơi vẫn còn tháp huấn luyện của quân trường Biệt Động nằm bên Khu Mưu Sinh.

Khu Mưu Sinh được dựng bên một dòng suối đã biến mất nhưng ngôi tháp vẫn còn.

Anh Nhân muốn chụp một tấm hình có người lính già trở về thăm ngọn đồi kỷ niệm.

Qua khỏi Dục Mỹ chúng tôi nhìn thấy những đồng mía bạt ngàn, những đàn bò gầy ốm đang gặm cỏ trên những cánh đồng nắng cháy.

Đến khoảng cây số 17 anh Nhàn cho dừng xe.

“Hình như trung tâm Lam Sơn hồi trước ở đây mà sao tui không còn nhìn thấy gì hết?”.

Rồi anh ghé vào hỏi thăm một cô hàng nước:

“Cô ơi trung tâm Lam Sơn ở đâu hả cô?”.

Cô hàng nước mỉm cười, chỉ tay xuống đất:

“- Dạ ở ngay đây này”

Anh Nhàn nhìn quanh. Chẳng còn gì là dấu vết của một địa danh lừng lẫy! Anh bước thêm vài bước, chẳng thấy phố, thấy người chỉ thấy toàn mía là mía.

Hơn mười năm tồn tại, Dục Mỹ của ba quân trường bây giờ chỉ là cát bụi thời gian.

() lời của một người lính miền bắc.*

*(**) Chiêu Mưa Biên Giới-Nguyễn văn Đông*

CHÂN DUNG NGƯỜI LÍNH MIỀN NAM



Người lính già và cây kèn Harmonica – Tranh: Mai Tâm

Có lẽ họ là những chiến binh gầy ốm nhất trong lịch sử các cuộc chiến.

Tôi đã xem hình người lính Y Uyên, Trần Hoài Thu, Vũ Hữu Định, Nguyễn Bắc Sơn...

Và sự nhớ ra thuở ấy so với lính Mỹ, lính Đại Hàn người lính miền Nam quá nhẹ ký.

Mà làm sao cao lớn được khi người dân Việt sống bằng những bữa cơm quá đạm bạc với ngày nào cũng chỉ một bát canh rau, đĩa dưa cà và một vài con cá kho mặn.

Bù lại việc làm của người dân Việt thuở ấy cũng khá thanh nhàn.

Không bao giờ phải gấp gáp, người nông dân mỗi sáng vác cuốc :

“Lững thững đi vào nắng mai” (1)

Cái cuộc trên vai cũng khá nhẹ nhàng so với sức vóc của người Việt.

Trẻ em nông thôn thì:

“Ngôi mình trâu phát.

ngọn cờ lau

Và miệng hát nghêu ngao”.(2)

Những cô cậu được cấp sách đến trường cũng lững thững đi bộ với cây bút và vài quyển vở trên tay.

Người dân thành phố mỗi chiều cũng chậm rãi dạo gót và có rất nhiều thời gian để nhìn thấy nhau:

“Phố chiều bao tà áo trắng

Lượn trên hè phố nắng

Những cô nàng xinh

Đang tròn trăng.

Có chàng đi tìm quá khứ (6)

Bỗng nhiên chiến tranh ập tới như cơn lốc, cuốn hút cái dân tộc gầy ốm và “lững thững” ấy vào một trận cuồng phong khủng khiếp.

Những cậu bé 18 tuổi gầy nhom bỗng trở thành người lính và được trang bị vũ khí, quân dụng mà người chế tạo không dành cho những thanh niên chỉ nặng trên dưới 40 kí lô.

Đôi súng đạn mòn vẹt nhẹ hều đã được thay bằng đôi bốt nặng đến mấy ký, rồi mũ sắt rồi lựu đạn, rồi súng đạn rồi ba lô...

Người lính miền Nam bị tung ra chiến trường mà không biết tại sao mình phải làm lính.

Hãy nghe người lính Nguyễn Bắc Sơn phát biểu:

“ta vốn hiền khô, ta là lính cậu

đi hành quân rệu để vẫn mang theo

mang trong đầu những ý nghĩ trong veo

xem chiến cuộc như tai trời ách nước” (3)

người lính Nguyễn Bắc Sơn được phát cho cây súng nhưng anh cũng mù mờ về kẻ địch. Trong lòng anh lúc nào cũng phân vân:

“Ta bắn trúng người vì người bạc phước

Vì căn phần người xui khiến đó thôi

Chiến tranh này cũng chỉ một trò chơi “ (3)

Thật nhẫn tâm khi bắt con người hiền khô chơi trò chơi giết chóc.

Và người thư sinh ngày nào đã trong cơn tuyệt vọng, trở thành kẻ du côn nổi loạn sau khi nhận ra:

“Lũ chúng ta sống một đời vô vị

Nên chọn rừng sâu núi cả đánh nhau” (3)

Nguyễn Bắc Sơn có câu thơ cảm động:

“Mai ta đụng trận ta còn sống” ()*

Thật đáng thương cho một thế hệ thanh niên mà sự sống được tính từng ngày:

Không “du côn”: “Về ghé Sông Mao phá phách chơi” như Nguyễn Bắc Sơn, Trúc Phương buồn bã, đau đớn trong thân phận người lính:

“Đơn vị thường xuyên

Nằm trên đất giặc

Thèm trong hũ hù

Tiếng hát môi em

Tiếng hát ngọt mềm”

Thật thấm thiết nghe người lính Trúc Phương kêu gào:

“Đến với tôi

Hãy đến với tôi

Đừng yêu lính bằng lời”

Thương cho những chàng trai đang tuổi thanh xuân:

“không thèm đánh giặc

Thèm uống chai bia thèm châm điếu thuốc” (3)

Sau:

“Bốn chuyến du hành một ngày một ngát”

Dừng chân giữa chốn núi rừng tươi đẹp, người lính miền Nam mơ mộng:

“hãy tựa gốc cây, hãy ngắm mây trời

Hãy tưởng tượng mình đang đi picnic”(3)

Ngày các chàng lính miền Nam khoảng trên dưới 20 tuổi, tôi khoảng đôi tám trăng tròn.

Nhưng thưở ấy tôi ngây thơ về chiến tranh và rất sợ những chàng lính “phá phách”.

Tôi vẫn thích hơn được:

“Chiều chiều đi trong nắng nhạt hoa rơi ép vào trang giấy”, (4)

Tôi sống ở thành phố, rất xa “những đóm mắt hỏa châu” nhưng lại gần với “Mùa Thu Paris” của Cung Trầm Tưởng, Tôi chưa biết buồn vì vận hạn của dân tộc chỉ biết bâng khuâng khi “mùa thu vàng tới, là mùa lá vàng rơi” trong mùa Thu Vàng của Cung Tiến.

Nhưng nay tôi đã là mẹ của những đứa con trai. Tôi đã thấm nỗi đau của người mẹ:

“Đưa con về trần tử nhục chung thân”(5)

Hàng triệu người lính trẻ gầy gò, vô vọng đã bị quăng vào một cuộc chiến phi lý, nơi người ta:

Mang bom đạn chơi trò chơi pháo tét

Và máu xương làm phân bón rùng hoang (3)

Nơi “đàn con ra lính đi rồi không về” (5)

Hơn 40 năm qua rồi tôi vẫn khóc khi nghe câu hát:

”Đưa con của mẹ da vàng

Ru con ru đạn nhuộm hồng vết thương”

“Ôi vết thương nào đục sâu da nòng

Thịt xương này mẹ nhọc nhằn hôm mai” (5)

Tháng tám 2015

(1) Thơ Bằng Bá Lân

(2) Nhạc Phạm Duy

(3) Thơ Nguyễn Bắc Sơn

(4) Nhạc Hoàng Trọng

(5) Nhạc Trịnh Công Sơn

(6) Nhạc Hoàng Thi Thơ

SÀI GÒN VUI TRONG PHÚT GIÂY THÔI*



Cà Phê Sài Gòn – Tranh: Trần Thanh Châu

Thật lạ. Mỗi khi nhìn vào tấm ảnh của một người đã chết, dù đang được đặt trên bàn thờ hay được treo trên vách, dù đang cười hay đang nghiêm nghị, tôi vẫn thấy đôi mắt của họ nhìn tôi buồn khôn tả. Và mỗi lần bước chân trên đường phố Sài Gòn, thành phố đã qua đời từ năm 1975, tôi cũng có cảm giác như có tiếng thở dài đâu đó trên từng phiến đá, từng gốc cây, từng chiếc lá.

Tôi không là người Sài Gòn nhưng cũng đã được nhìn ngắm thành phố này 20 năm, cho đến ngày nàng tử nạn. Cuối tháng Tư năm ấy, nàng đã bị xe tăng húc chết tại cánh cổng sắt của dinh Độc Lập. Có cần phải cư xử côn đồ đến thế, khi Sài Gòn đã đầu hàng, không hề chống cự? Thuở bé tôi sinh ra và lớn lên ở miền Trung. Tôi không phân biệt được Sài Gòn và những tỉnh miền Tây. Sài Gòn đối với tôi là miền đất cuối cùng của đất nước. Mỗi khi vẽ bản đồ miền Nam Việt Nam tôi vô cùng hài lòng chấm dứt công việc bằng một dấu chấm đen với hai chữ Sài Gòn.

“Sài Gòn đẹp lắm Sài Gòn ơi, Sài Gòn ơi!” (Y Vân).

Sài Gòn chắc lạ lắm, nhộn nhịp lắm vì có “đèn ngọn xanh, ngọn đỏ”. Sài Gòn chắc vui lắm nên mới có *“ai đang đi trên Cầu Bông, té xuống sông...”*.

Năm tôi 15 tuổi, sau khi đậu trung học, tôi được đi Sài Gòn lần đầu không phải bằng tàu lửa hay xe đò mà trên chiếc tàu thủy to nhất của Hải Quân VNCH mang số hiệu 500.

Nhờ có quen với hạm trưởng, gia đình đã xin cho các cô cháu gái và tôi được làm một chuyến du lịch Sài Gòn như một phần thưởng.

Sau hai ngày bồng bênh trên biển, con tàu khổng lồ bắt đầu rẽ vào cửa sông Sài Gòn.

Đứng trên boong, tôi choáng ngợp khi ngắm nhìn dòng sông quá mênh mông bát ngát so với những dòng sông nhỏ bé ở miền Trung. Và tôi không khỏi ngạc nhiên vì dòng nước ở đây không trong trẻo mà ngẫu đục phù sa cùng từng mảng lục bình trôi nổi dập dềnh.

Sài Gòn đẹp và tráng lệ đến bất ngờ.

Tôi đã tận mắt nhìn thấy Dinh Độc Lập, Dinh Gia Long, nhà thờ Đức Bà, được dạo chơi trong Sở Thú, chợ Bến Thành, đường Catinat.

Trở về làm cô học trò đệ nhị cấp, tôi mơ một ngày được sống và đi học tiếp ở Sài Gòn.

Cô học trò đã đến tuổi mơ mộng. Buổi tối cô mở radio, chờ nghe giọng Bắc ngập ngừng rất hay của nhà văn Nguyễn

Đình Toàn trong chương trình Nhạc Chủ Đề từ đài phát thanh Sài Gòn.

Cô cũng chịu khó đọc báo Văn phát hành từ Sài Gòn để mong trở thành người “Ham đọc, hiếu học, ưa suy nghĩ”.



Tạp chí Văn của Sài Gòn cũ, tờ tạp chí của những người “Ham đọc, hiếu học, ưa suy nghĩ” (tiêu chí của tạp chí Văn thời Trần Phong Giao là chủ bút)

(Ảnh: Huyvespa)

Rồi không biết từ lúc nào, cô nhận ra rằng thành phố Sài Gòn với dòng sông mệnh mông bát ngát đã bị “xâm lăng” một cách đáng yêu bởi một tầng lớp người Bắc di cư.

Món phở Bắc chắc chắn đang cạnh tranh không khoan nhượng với món hủ tiếu. Trong những ngôi chợ lớn nhỏ đã xuất hiện màu xanh của rau kinh giới bên cạnh rổ giá sống trắng phau.

Cô cảm thấy yêu tiếng Việt hơn qua các ca khúc của Phạm Duy. Và tiếng hát của Anh Ngọc, Sĩ Phú, Thái Thanh, Lệ Thu đã làm cô không còn mẫn mà với những bản vọng cổ rất mùi của Út Trà Ôn mà thuở nhỏ cô rất ưa thích...

Cô tìm đọc các nhà văn, nhà thơ Bắc di cư.

Cô rất muốn biết vì sao hàng triệu người miền Bắc đã nghẹn ngào từ bỏ một miền quê hương yêu dấu đến thế, tươi đẹp đến thế để vào với Sài Gòn xa lạ.

*“Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát
Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông.
(Nguyễn Sa)*

Câu thơ ấy sẽ ra sao nếu được viết:

*“Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát
Bởi vì em mặc áo lụa Nam Vang”.*

Sài Gòn sau cuộc di cư năm 1954 đã được pha phách như cốc cà phê đen cho thêm chút sữa và một chút bơ Bretagne để trở nên một hỗn hợp đậm đà hương vị.

Năm 18 tuổi, tôi vào Sài Gòn để ghi danh ở Đại Học Văn Khoa.

Và Sài Gòn dưới mắt cô sinh viên nghèo không hoa mộng như những gì cô đã từng tưởng tượng.

Cô nhận ra Sài Gòn không là Hòn Ngọc Viễn Đông.

Chẳng vinh dự gì để nhận danh hiệu ấy khi những dinh thự, nhà thờ, phố xá, nhà hàng, khách sạn sang trọng của Sài Gòn là do người Pháp xây dựng và để lại.

Và chỉ một số rất ít, rất ít người dân Sài Gòn được sống trong những dinh thự nguy nga ấy, được ngồi uống rượu ở Continental, Givral, hay có đủ tiền mua sắm ở thương xá Tax, Eden...

Người dân Sài Gòn thuở ấy vẫn rất nghèo.

Họ là những công tư chức, thầy giáo và người lao động tự do làm thợ thuyền, làm nghề buôn bán nhỏ, kiếm sống trong những ngôi chợ tồi tàn, hay trên gánh chè, gánh bún...

“Nhớ thuở nào, anh đi làm công, em gánh rong.

Đôi ta cùng gặp nhau dưới cầu, bóng mát dưới cầu.”
(Phạm Duy).

Đường phố Sài Gòn đông thật nhưng nhìn dòng xe đạp, xe mobillet, xe xích lô máy... chen chúc nhau, người ta vẫn cảm nhận được cái nghèo của thị dân nơi đây.

Chính quyền Sài Gòn thời ấy hầu hết là những công chức xuất thân từ một nền hành chính Pháp thuộc hoặc từ thành phần con cháu quan lại triều Nguyễn. Họ mù tịt với các chiến lược kinh tế, và lơ đãng nhìn gần như toàn bộ nền sản xuất, thương mại nằm trong tay người Tàu ở Chợ Lớn.

Và mấy ông Ba Tàu thì chưa khi nào muốn cho nền kỹ nghệ VN tiến bộ.

Từ bao năm trời, cái hũ đựng chao, cái bóng đèn hột vịt, cái tấm lịch Tam Tông Miếu vẫn thế.

Mà thay đổi làm gì khi người tiêu thụ chẳng đòi hỏi và túi tiền của họ vẫn ngày càng đầy.

Từ lưu xá Phước Hải trên đường Trần Quốc Toản xuống quận 1 đi làm thêm ở văn phòng một hãng sản xuất hóa chất, tôi đã chen chúc cùng người dân Sài Gòn trên những chuyến xe bus chật chội, những chiếc xe lam nòng nặc mùi khói . . .

Ngọc thì không được có tí vết. Nhưng ngay cạnh vế lộng lẫy của trung tâm Sài Gòn là những con hẻm ngập bùn sau mỗi cơn mưa, là những khu nhà ổ chuột chen chúc trên những dòng kinh nước đen hôi thối, nhớp nhúa.

Sài Gòn theo tôi là một thành phố tự phát trên cái nền sẵn có của người Pháp để lại và rất thiếu vắng sự quản lý của một chính quyền chuyên nghiệp.

Nhưng dầu sao người dân Sài Gòn thưởng ấy rất hạnh phúc theo cách của riêng mình.

Họ sống đời thị dân của một thành phố ô hợp một cách hồn nhiên, vui vẻ.

Trẻ con Sài Gòn đã lớn lên, gắn bó với ngõ hẻm thân quen.

Và tôi bắt đầu yêu Sài Gòn với những cơn mưa bất chợt.

Sáng Chủ Nhật tôi đã cho phép mình quên đi nỗi cô đơn trong thành phố quá đông người này, để một mình đặt bước chân ngại ngần trên lề đường Lê Lợi, tìm lấy niềm vui vô định và để thấy cuộc sống thật nhẹ nhàng mỗi khi nhìn ngắm những balcon kiểu Pháp thấp thoáng sau vòm lá me xanh ở khu Nhà Thờ Đức Bà.

Dầu sao người Sài Gòn thưởng ấy hoàn toàn tự do trong suy nghĩ, trong cảm xúc.

Sau một ngày cực nhọc, họ có thể chọn lựa đi xem Thanh Nga, Bạch Tuyết ở các rạp cải lương. Họ có thể say mê nghe Hùng Cường, Mai Lệ Huyền hát Túp Lều Lý Tưởng hay vào rạp xem Audrey Hepburn trong Vacance Romaine.

Họ có thể đọc thơ Quang Dũng, Huy Cận, Xuân Diệu, hát nhạc Đoàn Chuẩn, Văn Cao... chẳng cần biết mấy ông đó đang ở chức vụ nào bên kia chiến tuyến.

Người Sài Gòn không phải hợp hành, hô khẩu hiệu.

Người Sài Gòn có thể đứng nghiêm ngả mũ chào đám tang một người không quen nhưng không khóc tổng thống Mỹ Kennedy khi ông qua đời.

Sài Gòn không có lãnh tụ.

Hầu hết người miền Nam và người Sài Gòn coi cuộc chiến vừa qua là “Tai trời ách nước” (Nguyễn Bắc Sơn).

Đi lính, người Sài Gòn vẫn có thể nói “tôi chán cuộc chiến này” nếu họ thật sự nghĩ thế...

Và ký ức về Sài Gòn vì vậy vẫn còn là những nỗi nhớ ngọt ngào.

Tháng 9-2015

** Mượn ý thơ Nguyễn Đình Toàn.*

**NGUYỄN TẮT NHIÊN & DUY QUANG,
HAI CHÀNG “KHỜ” ĐÁNG YÊU
CỦA THẾ KỶ**



Tôi nhìn thấy Duy Quang lần đầu trên màn hình TV đen trắng khoảng năm 1971.

Chàng con trai đầu của nhạc sĩ lừng lẫy Phạm Duy đang ngêu ngao hát khúc Bình Ca của cha mình:

“mang giày vớ tốt

mang khăn áo lành

tôi chào đất nước tôi nay thái bình

tôi cúi lưng tôi chào anh

tôi đứng lên tôi chào em

tôi vói lên cao chào đức tin

.....”

Bỗng đứng tôi thấy tôi tội cho chàng trai này.

Chàng bị lu mờ trước cái bóng quá lớn của người cha Phạm Duy, người Bác Phạm Đình Chương, người cô Thái Thanh.

Vóc dáng chàng gầy yếu, khuôn mặt buồn bã, giọng hát không hay, không dở.

Tôi nghĩ ông bố Phạm Duy chắc phải khổ công lắm mới “gò” được chàng hát được đến mức đó.

Phạm Duy không là người chồng chung thủy nhưng là người chủ gia đình rất có trách nhiệm. Những nghệ sĩ thực sự thường quá mơ mộng và hay lâm vào cảnh nghèo túng.

Phạm Duy thì không. Thuở ấy ông là một nhạc sĩ biết cách kiếm tiền và có xe hơi riêng.

Các con ông được nuôi dạy đầy đủ. Chỉ tiếc rằng vợ ông thì đẹp mà con thì không xinh bằng mẹ, không tài bằng cha (cảm nhận riêng của người viết).

Dù sao, làm con Phạm Duy sung sướng thật. Được đi học ở những trường danh tiếng, được học viết nhạc, học hát và được bố sắm sửa nhạc cụ, tập dợt để thành lập ban nhạc trẻ The Dreamers. Rồi bố lại còn sáng tác những ca khúc dành cho các cô gái tuổi mới lớn cho con cái cung Thái Hiền. Có lẽ khi phổ nhạc thơ Nguyễn Tất Nhiên, Phạm Duy cũng

muốn cùng con trai sống lại những cảm xúc tuyệt đẹp của tình yêu thuở mới lớn.

Tình yêu thương của Phạm Duy dành cho các con thật mệnh mông.

Nhưng trông Duy Quang vẫn cứ buồn bã và yếu đuối.

Sau năm 1975, nhạc Phạm Duy bị cấm hát. Rồi tôi không còn nhớ gì về Duy Quang và cũng chẳng biết đại gia đình Phạm Duy đi đâu, về đâu.

Lịch sử đang nhấn chìm người dân Việt xuống vũng bùn của cái đói và dần mất đi những nhu cầu tinh thần.

Cho đến một hôm tôi nghe lại giọng ca Duy Quang ở hải ngoại qua một băng cassette.

“năm năm rồi không gặp

Từ khi em lấy chồng

Anh dậm trường mê mãi

*Đời chia những nhánh sông”(****)*

Không ngờ bây giờ giọng Duy Quang chững chạc và hay đến vậy.

Ngoài bài “Lời Tình Buồn” do Phạm Duy phổ thơ Phạm Văn Bình, giọng ca nhũn nhặn, thủ thỉ của Duy Quang như được sinh ra để kể lể tâm trạng của những chàng trai mới lớn, hoang mang, tuyệt vọng vì những mối tình đầu đầy bất trắc trong những ca khúc phổ thơ Nguyễn Tất Nhiên.

“Em bây giờ có lẽ

Toan tính chuyện lọc lừa

Anh bây giờ có lẽ

*Xin làm người tình thua” (**)*

Duy Quang mang dáng vẻ hiền lành, nhút nhát. Chàng gần với Nguyễn Tất Nhiên hơn người cha tự tin, mạnh mẽ.

Và chắc Phạm Duy cũng không ngờ rằng cuộc đời của Duy Quang, tâm trạng bi thương của Duy Quang dường như cũng bị thơ của Nguyễn Tất Nhiên vận vào.

Trong ca khúc Kiếp Đam Mê, Duy Quang đã thổ lộ:

“tôi không cần và nghi ngại chi

Ai chê bai thân tôi khờ dại” ().*

Công nhận chàng “khờ dại” là rất thương Duy Quang. Thực ra người đàn ông này “ngu” lắm và cũng chân thật lắm mới dám nói rằng:

“Tôi xin người cứ gian dối

Khi tôi hỏi người có yêu tôi

May ra còn được thấy đời vui

.....

Tôi xin người cứ gian dối

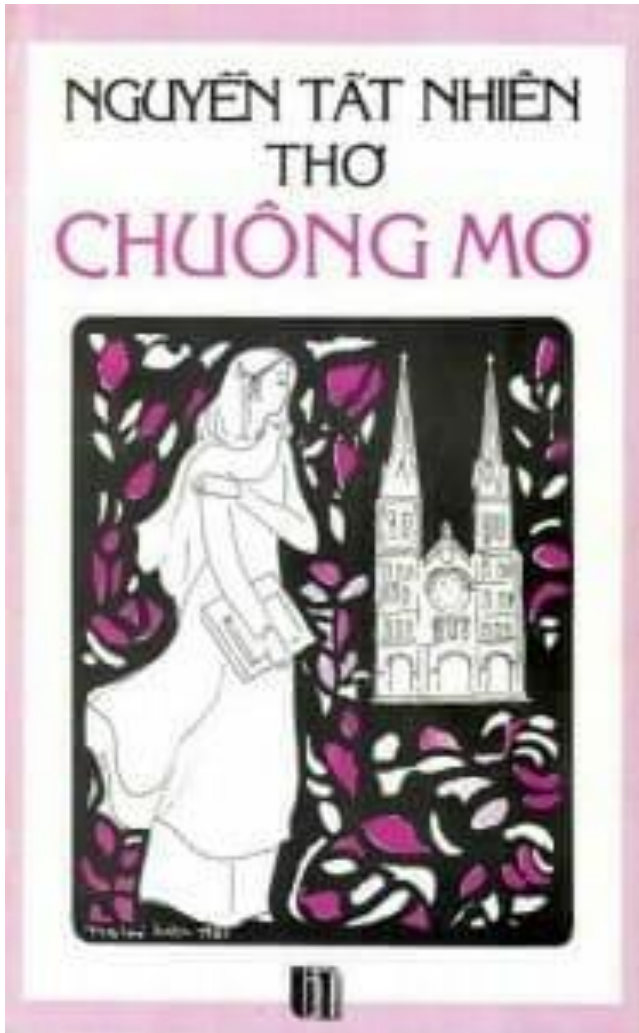
Nhưng xin người đừng lìa xa tôi” ()*

Mà đâu có sao.

“Khôn đừng cờ bạc là khôn dại

Dại chón yêu đương ấy dại khôn”

(nhại thơ Nguyễn Bình Khiêm)



Cái “ngu” dễ thương của Duy Quang chỉ có thể sánh với cái “khùng” của Nguyễn Tất Nhiên.

Duy Quang sinh năm 1950, Nguyễn Tất Nhiên sinh năm 1952. Tuy là vai đàn em nhưng Nguyễn Tất Nhiên cuồng si, khủng điên vượt xa đàn anh.

Đọc thơ của Nguyễn Tất Nhiên ai cũng hiểu được câu chuyện lòng vòng của một cậu học trò ở Biên Hòa yêu một cô Bắc di cư.

Cô rất ngây thơ, trong sáng, chưa biết yêu và chẳng để ý gì đến chàng thi sĩ “vô đạo” (***)).

Nàng kính yêu Chúa, siêng đi nhà Thờ.

Vậy là chàng thi sĩ ghen với Chúa.

Ghen quá phát rồ.

Chàng hùng hồn phân tích:

“dù sao thì Chúa cũng

Một thời làm trai tở

Dù sao thì Chúa cũng

*Là đàn ông...dại khờ” (**)*

Cũng giống như họa sĩ Đinh Cường thích vẽ nhà thờ hơn vẽ chùa, hình ảnh liên quan đến nhà thờ, tượng chúa, thánh

giá được nhắc nhiều trong thơ Nguyễn Tất Nhiên dù các cô gái mà chàng si mê không phải cô nào cũng có đạo. Chàng thích nhìn người yêu của mình trong hình ảnh một ma soeur và Nguyễn Tất Nhiên có lúc là linh mục.

“Vi tôi là linh mục

Tưởng đời là hạnh phúc

*Nên tin vào thiếu nữ”(**)*

Linh mục “khùng” này chỉ có một tín đồ và tín đồ ác ôn đó đã giam hãm chàng trong tín đồ:

“Tín đồ là người tình

*Có ngờ đâu người tình là ác quỷ”(**)*

Làm linh mục chưa vừa ý chàng lại đòi trèo lên làm:

“cây thánh giá

*Trên nóc cao nhà thờ”(**)*

Trong bài thơ “Duyên Tình Con Gái Bắc” Nguyễn Tất Nhiên đã làm cho chúng ta phải bật cười vì tính trẻ con của một chàng trai đang chịu đựng nỗi đau của một tình yêu vô vọng.

Chàng không dấu được vui mừng khi nghe nàng thi rớt trường luật (vì chàng đã thi hỏng tú tài 2):

Nghe nói em vừa thi rớt luật

Môi trâm anh tàn héo nụ xa vời

Mắt công nương thâm khép mộng chân trời

Xin tội nghiệp lần đầu em thất vọng

(Dù thật sự cũng đáng đời em lắm

Rớt đi Duyên, rớt để thương người)

Ta-thằng ôm hận tú tài đôi

Không biết tìm ai mà kể lẻ.

Nhưng đằng sau những khùng điên, dại dột và trẻ con, Nguyễn Tất Nhiên đã làm ta kinh ngạc về một cõi hồn ngập tràn cô đơn, bi thiết và hoảng loạn.

“người từ trăm năm

Về qua sông rộng

Ta ngoắc mòn tay

*Trùng trùng gió lộng” (**)*

Sau khi ngoắc mòn tay mà chẳng ai dừng lại, chàng bèn chạy theo:

“ta chạy lòng vòng

Ta chạy mòn hơi

Quy té trên đường đời

*Sợi tóc vương chân người. (**)*

Tưởng tượng cảnh chàng thi sĩ chạy té lên, té xuống mà thương.

Để xem chàng sẽ làm gì sau khi té rất đẹp, rất khôn, té mà để tóc quấn lấy chân người ấy như các nam diễn viên chuyên nghiệp trong kịch của Shakespeare.

Nhưng chàng không chịu đứng dậy, chàng nằm vạ và khao khát được nàng đâm mình một nhát cho xong đời:

“người từ trăm năm

Về như dao nhọn

Ngọt ngào vết đâm

Ta chết âm thầm

*Máu chưa kịp đỏ. (**)*

Nhiều nam ca sĩ hát “Thà Như Giọt Mưa”, “Hai Năm Tình Lận Đận” do Phạm Duy phổ thơ Nguyễn Tất Nhiên nhưng với tôi chưa ai hát hay như Duy Quang.

Hai chàng “khùng” này làm tôi nhớ đến tác phẩm “Tình Sầu Của Chàng Werther” của Goethe. Chìm đắm trong cơn mê tình yêu, chàng Werther cuối cùng quyên sinh trong buồn đau, tuyệt vọng.

Nhưng tôi không nghĩ rằng Werther hay Nguyễn Tất Nhiên quá bi lụy vì tình đến không đứng vững nổi trong cuộc đời này. Nỗi đau vì tình chỉ là một cửa sổ nhỏ nhỏ cho ta nhìn vào trái tim dư thừa cảm xúc của họ.

Tôi cho rằng kiếp người không phù hợp với một số người. Và họ chọn ra đi sớm để được trở về một tình cầu bình yên hơn.

Còn Duy Quang, chàng vẫn muốn sống cuộc đời bình thường được mãi hát ca cùng trái tim yêu đuối.

Vì vậy, khi Duy Quang già biệt cõi đời, chắc chắn Phạm Duy, ông già chẳng biết sợ ai, đã suy sụp.

Tôi tin rằng nếu Duy Quang chưa ra đi, Phạm Duy vẫn còn rón sổng đề nâng đỡ đứa con trai mà ông yêu thương nhất.

Bây giờ, chỉ còn lại chúng ta và những tác phẩm âm nhạc là sự kết hợp tuyệt vời của Phạm Duy, Nguyễn Tất Nhiên và Duy Quang.

Tháng Giêng 2016

() Trong Kiếp Đam Mê của Duy Quang*

*(**) Thơ Nguyễn Tất Nhiên*

*(***) Chữ dùn của Nguyễn Tất Nhiên*

*(****) Trong Chuyện Tình Buồn Ca khúc Phạm Duy phổ thơ Phạm Văn Bình*

ĐÔI KHI NẮNG LÊN PHỐ XƯA LÀM TÔI NHỚ *



Nha Trang của tôi thuở ấy nhỏ bé, yên tĩnh, nằm lọt thỏm vào một vùng mênh mông cát trắng. Nha Trang thật đẹp nhưng đó không phải là vẻ đẹp của một cô thôn nữ.

Dầu nằm ngay khúc eo khô cạn của miền Trung, Nha Trang không là quê hương của:

“Xứ dân gầy

Ôi bông lúa

Con sông xưa

Thành phố cũ”

(Về Miền Trung – Phạm Duy)

Nha Trang là một thành phố mới, rất mới. Đó là một thành phố không có lũy tre làng bao quanh. Thành phố ấy không có tiếng ếch, nhái kêu khi đêm về. Nha Trang kỳ lạ như được thần đèn, một đêm nào đó, mang từ châu Âu về đặt trên bãi biển đẹp nhất miền Trung.

Nha Trang rất “Tây” . Tây từ cái nhà ga xe lửa đến cái nhà thờ nằm chênh vênh trên vách đá. Tây từ Viện Pasteur đến nhà hàng Fregate, Tây trên những mái nhà, trên những ô cửa theo kiến trúc Gô-tích, trên những cánh cổng có màu hồng của hoa ti gôn khép hờ trước những căn nhà âm cúng.

Nha Trang Tây nhưng không ồn ào, bởi người Nha Trang thuở ấy biết yêu quý thành phố của mình và họ rất sợ bất cứ sự thay đổi nào làm mất đi vẻ nhã nhặn, duyên dáng của một thành phố thanh lịch. Biển Nha Trang, linh hồn của

thành phố này là niềm hãnh diện thầm kín của người dân nơi đây. Biển Nha Trang mang màu xanh kỳ ảo tuyệt đẹp. Có ai quên được những giây phút ngồi trên bãi biển ngắm những con sóng bạc đầu xô vào bờ cát, ngắm cánh chim hải âu bay vút về hướng những ngọn đảo ngoài khơi xa. Con đường Duy Tân trải dài theo bờ biển thật yên tĩnh. Khép nép nhìn ra biển sau khu vườn cây cỏ, hoa lá xinh tươi có ngôi nhà ai sao quá bình yên.

Nha Trang Tây trong ngôn ngữ. Bán cho tôi ký đậu “vert”, ký cà “tomate”, hộp “beur Bretagne...”. Rạp xi nê treo bảng bằng tiếng Tây: “Tant Qu’Il Y Aura Des Hommes”, “Les Trois Mousquetaires”, “Giant”...

Đường phố Nha Trang như dành riêng cho người đi bộ. Một vài chiếc vespa chạy thong dong, một vài chiếc xích lô chậm rãi lăn bánh. Đi dạo phố thời đó là một thói quen thú vị, nhàn nhã của người Nha Trang, dù chỉ ghé tiệm vải của người Ấn xem qua một vài khúc vải đẹp, dù chỉ bước vào tiệm sách giả vờ xem vài tờ báo để có cơ nhìn trộm cô hàng sách, dù đi lên, đi xuống con phố Độc Lập, Phan Bội Châu chỉ để mong gặp được một ai đó. Người Nha Trang luôn thấy lòng băng khuâng khi bước chân xuống phố. Đang bước đi vô định, lòng bỗng bồi hồi nghe có tiếng hát rất chậm, rất khẽ từ chiếc radio nhà ai:

*“Phố chiều bao tà áo trắng
Lượn trên hè phố nắng
Những cô nàng xuân tròn trắng.*

.....
*Có chàng đi tìm quá khứ
Lần theo đường phố vắng
Nắng hanh vàng đan chiều mơ*
(Phố Chiều – Hoàng Thi Thơ)

Nha Trang thuở ấy là như thế. Không giàu có nhưng cuộc sống thật lãng mạn, yên bình và quý phái.

Còn bọn trẻ chúng tôi, con đường thân quen nhất cũng mang một cái tên rất Tây, đường “Bá Đa Lộc”. Trường Võ Tánh nằm trên con đường ấy. Đó là một ngôi trường có vẻ bề ngoài rất uy nghiêm với mái ngói rêu phong, tường vàng, cửa sổ màu nâu sậm nhưng lại chứa bên trong một lũ học trò trẻ trung, vui nhộn, nghịch ngợm, phá như quỷ. (Ở lớp Đệ Nhất C, nữ sinh Nữ Trung Học được học gửi chung với nam sinh Võ Tánh).

Bọn chúng tôi thuở ấy sao vô tình quá. Mãi đến khi xa tất cả, mất tất cả mới thấy lòng bồi hồi thương yêu quá đỗi. Mười tám tuổi, rời trường đi học xa, sắp phải làm người lớn rồi, cuộc sống bọn bề ầu lo phía trước làm tôi ra đi không nhiều lưu luyến.

Tôi bỏ lại Nha Trang những ngày áo dài trắng đến trường, bỏ lại chàng trai lóc cóc xe đạp theo sau, bỏ lại những lần hồn nhiên vui mừng nghe tin thầy bệnh được nghỉ học kéo nhau ra biển ngồi chơi, bỏ lại tiệm sách hình ngũ giác nằm giữa chợ Đầm, bỏ lại rạp Tân Tân những lần đi ngang

ngước nhìn tấm bảng quảng cáo phim đang chiếu, thèm
lắm mà không có tiền mua vé.

Ở một nơi rất xa Nha Trang, thoáng chốc nghe trong tim có
chút gì thổn thức khi nghe tiếng ai hát:

*“Nha Trang, ngày về
Mình tôi, trên bãi khuya
... Khóc người tình”*
(Nha Trang Ngày Về – Phạm Duy)

Xa Nha Trang nhưng không mất Nha Trang.

Cho đến ngày ngôi trường Võ Tánh bị bức tử. Cho đến
ngày đường Bá Đa Lộc biến thành đường Lý Tự Trọng.
Cho đến ngày đường biển Duy Tân, linh hồn của Nha
Trang, biến thành đường Trần Phú.

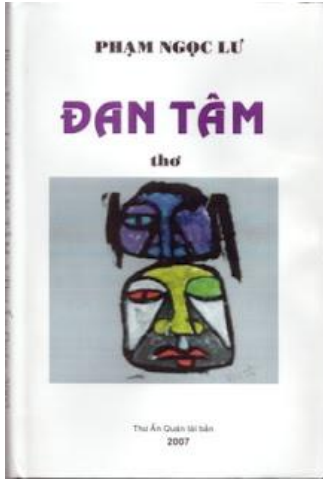
Có đôi khi tôi thấy lòng quặn đau, nhưng đó là những cái
chết đẹp và đúng lúc. Cũng có khi trở lại Nha Trang.

Cầu Xóm Bóng vẫn còn, Tháp Bà vẫn còn, Cầu Đá vẫn còn
và biển vẫn xanh nhưng tất cả đều trở nên phô trương,
huyền ảo, lố lẹt.

Còn đâu Nha Trang xưa!

** lời nhạc Trịnh Công Sơn*

GẶP LƯỞI Ở TUY HÒA





Nhà thơ Phạm Ngọc Lưu

(Ảnh: Phovanblog)

Thuở trai trẻ, Lu từ Huế vào dạy học ở Củng Sơn, xứ ấy ít ai dám đến nhận nhiệm sở..

Củng Sơn là một quận miền núi, heo hút, nằm dựa lưng vào dãy Trường Sơn cách Tuy Hòa khoảng ba mươi cây số:

“Bốn phía rừng xanh màu nước độc

Đông tây nam bắc núi chặn đường

Một lũng đất bằng khu chén nhỏ

Trời chân ta vào chân Trường Sơn (1)

Thời đó, ít ai dám xuôi con đường độc đạo từ Củng Sơn xuống Tuy Hòa.

Chiến tranh đang hồi ác liệt và thầy giáo Phạm Ngọc Lu đành:

“Bỏ đời ta trong manh chiếu rách

Đêm nằm mộng lớn nuốt mộng con

.....

Nằm chi đây, thân tàn đất trích

Chờ ai đây, đôi lã chết mòn (1)

Nhưng cũng nhờ cái xứ “Canh khuya cạp gằm vang núi Lá” (1) ấy mà chúng ta có được tuyệt tác Biên Cương Hành của Phạm Ngọc Lư.

Trong phim Cầu Sông Kwai, ở cuối phim, hình ảnh người bác sĩ quân y gầy gò, đứng thẫn thờ, lặng nhìn dòng sông loang máu hàng trăm xác lính, những xác người mà ông đã từng tận tụy cứu chữa trước đây khi họ bị thương cứ làm tôi nhớ mãi.

Lư không cầm súng, nhưng nơi đất trịch Củng Sơn, chúng kiến thảm kịch máu đổ vì bom đạn cứ tiếp diễn ngày nọ qua ngày kia một cách phi lý, trái tim anh đã nghẹn ngào nhỏ lệ:

“Đây biên cương ghê thay biên cương!

Tử khí bốc lên dày như sương

Đá chảy mồ hôi rừng ứa máu

Rừng núi ơi, ta đến chia buồn

Buồn quá giả làm con vượn hú

Nào ngờ ta con thú bị thương”

.....
Máu đã nuôi rừng xanh xanh ngắt

Núi chập chùng như dãy mô chôn

Góm, gió Lào tanh mùi đất chết

Thối lúp rùng già bặt núi non” (2)

Thơ Lu thật buồn và... khổ nữa.

Lu muốn đời mình trôi đi như dòng nước nhưng dòng sông của Lu lúc nào cũng như muốn ngừng lại ở những bến sông buồn bã nhất:

“Chảy đi chảy đi

Hỡi sông buồn lắm

Nước thôi chờ chi

Thuyền xưa đã đắm

.....
Chảy mau chảy mau

Đời nông tình cạn

Mà nước quá sâu

Trăm chiều khổ nạn

.....

Đưa ai tiễn ai

Phai hình mất bóng

Khổ lắm người ơi

Qua sông mất nón (3)

Sau 1975, dòng sông của Lư lên đênh đưa Lư vào tận Long Khánh.

Chàng quyết chí:

“Ra đi mưu cầu y thực” (5)

Chợ Long Khánh là nơi Lư thử thời vận:

“Ngày mấy bận áo khô áo ướt

Trời trở trêu chợ nắng chợ mưa

.....

Ma xui quỷ khiến ra ngồi chợ

Bán gió rao trăng một núi dừa!

.....

Bán mua mua bán người đen trắng

Hơn thiệt thiệt hơn thối lợc lừa.

Không thành công trên đường kinh doanh ...dừa, Lư chán
ngán ngồi uống rượu:

“Uống say ném áo ..lên nóc quán

Hết nợ hết duyên vĩnh biệt dừa” (4)

*Lang thang mấy bận, lần này trở về Phá Tam Giang lòng
Lư nặng trĩu:*

“Mười năm dong ruổi mòn đất khách

Về có hương chiều xé nắng tàn

Bỏ nón, tháo giày, xắn tay áo

Rửa phong trần thẹn với Tam Giang”

.....

Mưa miền Nam nắng miền Nam

Trông mây thấp thỏm, nghe gió bàng hoàng

Mười mấy mùa trôi qua không nhớ

Quá đổi mưa đau

Quá nhiều nắng khổ

Lẽ nào trời bỏ ta chẳng?

.....

Thôi rửa hết phong trần nơi bến vắng

Để trở về đứng khóc dưới hương quan” (5).

Anh Khuất Đầu và tôi gặp Lư lần đầu ở nhà Nguyễn Lệ Uyên.

Nhà Nguyễn Lệ Uyên ở tận Hòa An cách ga xe lửa gần năm cây số.

Anh Nguyễn Lệ Uyên đón và chở tôi, một ông xe ôm chở anh Khuất Đầu.

Xe chạy băng băng qua những cánh đồng lúa chín vàng. Xa xa núi Chóp Chài in bóng.

Xe ngừng đã thấy Phạm Ngọc Lư đứng đón trước cổng nhà. Lư dáng thư sinh nho nhã, áo sơ mi trắng cài khuy trịnh trọng. Trong không gian thoảng mùi hương lúa, dưới bóng cây mận già, trong nếp nhà cổ kính, mọi người vui mừng như đã quen nhau từ lâu.

Chị Hoa, vợ anh Nguyễn Lệ Uyên rủ tôi đi chợ. Bữa cơm có đậu rồng hái trong vườn nhà, có rau lang luộc mọc đầy dưới gốc mai, có cá lóc um chuối non.

Chiều xuống có thêm vài người bạn của Nguyễn Lệ Uyên đến đến chơi bàn luận chuyện văn chương ngày tháng cũ, uống rượu với nem Ninh Hòa và nghe Phạm Ngọc Lư ngâm thơ.

Lư vốn con nhà nho, giỏi thơ Đường, biết làm bài Hành, bài Phú vì vậy giọng ngâm mang vẻ hào sảng của một “nho sinh lỗ vận”:

“Ta mím môi chỉ Tam Giang thề hẹn

Không là Trương Như mà khí khái dâng tràn”

Bước xuống thuyền nhìn trời cao đồng dục:

Gõ mạn thuyền ngâm khúc Hành Phương Nam”

.....

Phá Tam Giang ôi Phá Tam Giang!

Gió hiu hiu sóng gợn mơ màng

Nước vẫn mặn môi mây quen thuộc

Sao lòng ta sóng ly tan” (5)

Trời khuya, rượu cạn, chàng nho sinh bỗng biến thành
cuồng sĩ:

“Cô hồn một lũ nơi quan tái

Có khi đã hóa thành thú muông

Cô hồn một lũ nơi đất trich

Vỡ đá mà ca ngông hát cuồng”

.....

Sát khí đằng đặng rùng rợn tóc

Ma thiêng còn ngán bọn cô hồn” (2)

Lư có bề ngoài hiền lành, nhỏ nhẹ nhưng trò chuyện lâu
mới hiểu tính anh rất cương trực, ghét thói xu thời.

Mờ sớm, mọi người đã dậy, cùng ngồi bên nhau dưới gốc mận trong sân vườn, ăn chén cháo nóng chị Hoa nấu, uống với Nguyễn Lệ Uyên chén trà tạm biệt.

Xe taxi đón Lư anh Khuất Đầu và tôi xuống bên xe đò.

Đưa tay vẫy chào chúng tôi, Lư bước vội về hướng bên xe Đà Nẵng.

Sáng hôm ấy Tuy Hòa cuối tháng giêng trời thật đẹp.

Ngồi trên xe, tôi lật vài trang trong tập thơ Đan Tâm mà Lư vừa tặng.

Gặp mấy câu thơ đọc thấy lòng rung rung:

“Chong đèn thức với mưa khuya

Hồn thơ xác chữ đằm đìa mưa xanh

Mộng con mộng lớn tan tành

Chỉ còn bút mực đan thanh tươi màu” (6)

Ninh Hòa 4 tháng 5 2016



Chú Thích :

1-Đất Trích

2-Biên Cương Hành

3-Bên Sông

4-Ngôi Chợ

5-Trở Về Phá Tam Giang

6-Chỉ Còn Đan Tâm

NHỚ NHAU ĐÀN HỒI TRONG TIẾNG HÁT [1]



(Ảnh: Như Hoa)

Đọc tin trên báo: “Bình Nhưỡng đã tử hình 3 người ở tỉnh Yangang vì tội dùng điện thoại di động lên xem phim của đài truyền hình Nam Hàn”, bỗng nhớ vụ án ngày 27 tháng 3 năm 1968, Hà Nội xử:

- Phan Thắng Toán 15 năm tù
- Nguyễn Văn Đắc 12 năm tù
- Nguyễn Văn Lộc 10 năm tù

Vì tội... hát Nhạc Vàng.

Nhạc Vàng là dòng nhạc Cộng Sản miền Bắc ám chỉ các ca khúc được sáng tác trước năm 1954.

Dòng nhạc ấy được viết ra khi tâm hồn của các nhạc sĩ chưa được thấm nhuần tư tưởng Mác-Lê, chưa được “*Mặt trời chân lý chói qua tim*” [2].

Vì vậy, nhà nước Cộng Sản miền Bắc lúc bấy giờ muốn xóa sổ dòng nhạc mà họ cho là vong nô, đồi trụy, vết tích của một nền văn hóa phản quốc.

Vậy mà có ba thanh niên, mỗi tôi vẫn tụ tập một số bạn bè, đóng cửa, lên lút như hội kín, kẻ đàn người hát những ca khúc của Văn Cao, Lê Thương, Nguyễn Văn Khánh, Hoàng Giác, Tô Vũ, Đoàn Chuẩn – Từ Linh...

Họ ngồi bên nhau ngậm ngùi cất tiếng hát thương tiếc Hà Nội năm nào.

*“Mây bay về đây cuối trời
Mưa rơi làm rụng lá vàng
Duyên ta từ nay lỡ làng
Còn đâu những chiều
Dệt cung đàn yêu” [1]*

Victor Hugo nói: “Có hai thứ không thể giấu được. Đó là tình yêu và sự nghèo túng”.

Các chàng trai Hà Nội yêu nhạc vàng, một ngày nọ bị phát hiện, theo dõi và bắt giam ở Hỏa Lò ba năm trước khi bị đem ra xử án như những tội đồ phản động, phá hoại nền văn hóa Xã Hội Chủ Nghĩa.

Đốt một quyển sách thì dễ nhưng làm sao tẩy xóa được những kỷ niệm êm đềm trong lòng một con người?

Cộng Sản biết rất rõ điều này.

Và họ ghét nhất những não bộ bất trị.

Sau khi ra tù, ông Phan Thắng Toán không còn nhà cửa, gia đình, sống lây lất đầu đường xó chợ và gục chết ngoài hè phố.



Ông Lộc Vàng đang mời thuốc cho ông Phan Thắng Toán
Nguồn: Internet

Ông Nguyễn Văn Lộc may mắn hơn vẫn còn cô người yêu chờ ngày ông ra tù.

Bị kết án 10 năm, được tha tù trước hai năm, ông Nguyễn Văn Lộc nói trong một cuộc phỏng vấn:

– “Trong thời gian ở tù tôi bị hỏi cung không dưới 2.000 lần, mỗi lần không dưới bốn tiếng”.

Dù được ra tù sớm hơn thời hạn nhưng với bốn năm mất quyền công dân cuộc sống bên ngoài nhà tù vẫn đầy cay nghiệt.

Đi tù năm 23 tuổi, ngày trở về của ông sao mà u ám.

Nhớ tới số phận bi thương của những người bạn “hội kín” năm nào chắc lòng ông khôn nguôi bàng hoàng, thương xót:

*“Ơi đàn xưa, còn vang nhắc chi tới người
Lòng ta tắt bao thắm tươi
U hoài duyên đưa*

.....

*Giờ còn mong chi người hát theo đàn
Giờ còn mong chi hợp cánh hoa tàn”* [3]

Trong thời gian người miền Bắc đau đớn, ngậm ngùi chôn Nhạc Vàng vào huyết mộ thì người miền Nam vẫn vô tư ca hát bất cứ ca khúc nào mà họ thích.

Từ 1954 đến 1975, tất cả các ca khúc lãng mạn bị cấm đoán ở miền Bắc vẫn được trân trọng lưu truyền một cách tự do, phơi phới ở miền Nam.

Lớp trẻ miền Nam chúng tôi thời bấy giờ không tương tượng nỗi kiếp sống đớn đau tủ nhục của những người Hà Nội còn lại bên kia giới tuyến.

Chúng tôi chỉ biết Hà Nội chắc đẹp lắm nên nhạc sĩ Vũ Thành mới viết rằng:

“Nghe ngào thương nhớ “em” ... Hà Nội ơi!”

Ông Nguyễn Văn Lộc (bây giờ được mọi người gọi là ông Lộc Vàng) nói:

“Làm sao tôi không yêu được những ca khúc có lời văn sâu sắc, ý nhạc mượt mà”.

Hát dưới giá treo cổ mà vẫn cứ hát. Tôi gọi những người trong vụ án Lộc Vàng là những người bất khuất.

Sau khi vợ qua đời và sau khi nhạc trước 1954 được phục dựng và được gọi là “di sản văn hóa”, là dòng nhạc “Còn Mãi Với Thời Gian”, ông Lộc Vàng bây giờ đã bước sang con dốc của cuộc đời lại bán nhà, thuê một chỗ ở gần hồ Tây để mở phòng trà Lộc Vàng.

“Tôi luôn muốn giữ gìn, phổ biến Nhạc Vàng. Đó là dòng nhạc quý, có giá trị vĩnh viễn”.

“Tôi rất vui vì những ai yêu Nhạc Vàng, đến quán của tôi nghe Nhạc Vàng, đều là những người trí thức và có tâm hồn đẹp”.

Nhưng người thực sự yêu Nhạc Vàng ở Hà Nội bây giờ đâu còn nhiều nên quán của ông không đông khách. Và dù đã phải bù lỗ cả tỷ đồng rồi, ông thề quyết giữ phòng trà cho đến khi túi không còn xu nào.

Vì yêu nhạc vàng mà thời nào ông cũng dững cảm làm người thiệt thòi.

Mà ông cũng cực đoan lắm. Ông không bao giờ nhận ca sĩ quốc doanh, ca sĩ được đào tạo từ nhạc viện vào hát ở phòng trà của ông.

Ông nói: “Họ hát nhạc tiền chiến theo giọng Liên Xô (opera) nghe không có hồn”.

50 năm trôi qua, người tha thiết với Nhạc Vàng ở Hà Nội lần lượt qua đời.

Dù Nhạc Vàng được cho hát lại, thế hệ sinh ra và lớn lên trong Xã Hội Chủ Nghĩa có mấy ai thật sự hiểu và hát Nhạc Vàng với trái tim thuần Việt?

Và ông Nguyễn Văn Lộc bây giờ đã trở thành người gác đèn thiêng cô đơn.

Tôi vẫn tưởng tượng, hằng đêm có ông già ngồi chờ tri kỷ đến để nghe ông hát khúc nhạc mà vì nó ông phải bị tù tội, phải sống bên lề xã hội, phải hết của hết tiền.

Cái tình với Nhạc Vàng, lòng kiên cường bảo vệ những giá trị đẹp của quê hương đất nước của Lộc Vàng thật đáng kính trọng.

*“Cung thương là tiếng đàn
Cung nam là tiếng người
Ai oán khúc ca cầm châu rơi
Tình duyên lãng đãng nhớ thương dần pha phôi” [3]*

Đối với tôi, có thể ông không là ca sĩ, nhưng ông thật sự là một nghệ sĩ.

Tôi cũng biết ông còn có một niềm vui rất cảm động.

Mỗi khi có bài viết về Lộc Vàng ông đều mang ra mộ đọc cho vợ nghe.

Tôi mong bài viết này có cơ duyên đến được với ông.

Tháng 8/2016

Chú Thích:

[1] Lời trong ca khúc của Đoàn Chuẩn – Từ Linh

[2] Thơ Tố Hữu

[3] Lời trong Cung Đàn Xưa – Văn Cao

Ghi thêm: Bài viết có tham khảo bài phỏng vấn Lộc Vàng của Trần Thiện Tùng.

Tôi chưa bao giờ đến Quảng Trị nhưng hình ảnh của làng Bích Khê nơi huyện Triệu Phong qua các nhạc phẩm của Hoàng Thi Thơ luôn làm tôi xao xuyến.

Một làng quê có “bóng tre che thôn nghèo”, có “em tôi áo nâu in đường trắng”, có mẹ già “run run đi tìm con” (1) người dân miền Trung ai mà quên được.

Thuở ấy người dân quê nước mình nghèo nhưng cái nghèo sao quá dễ thương, có lẽ vì mảnh ruộng bé nhỏ vẫn là của mình và chưa có hợp tác xã:

“Ai nhớ chẳng ai

Ai nhớ chẳng những ngày

Những ngày rau cháo với dưa cà

Quê nghèo vui sống trong mặn mà

Đời vang lên ngàn câu ca

Mà tình thấy càng bao la

Ngàn lòng như chan hòa””(2)

Đó là thuở chưa có đấu tranh giai cấp, dù cuộc sống đạm bạc, trái tim yêu vẫn vô cùng giàu có:

“Ai nhớ chẳng ai

Ai nhớ chẳng những chiều

Những chiều gặp gỡ nhau trên cầu

Nước trời xanh ngắt in một màu

Lặng nhìn nhau hồi lâu lâu

Rồi tình ta càng ăn sâu sâu

Mối duyên ban đầu” (2)

Nền tân nhạc Việt Nam thật may mắn khi lịch sử đưa đây thế nào để Hoàng Thi Thơ không tập kết ra Bắc mà lại vào Nam để chúng ta có được hơn 500 ca khúc thật chất lượng.

Vậy mà cái tên Hoàng Thi Thơ cùng với Phạm Duy đã bị chôn sống sau 1975 đến mấy mươi năm. Một thế hệ người trẻ ở VN không có may mắn được tươi mát tâm hồn bằng những khúc nhạc nồng nàn của hai vị nhạc sĩ lỗi lạc.

Rồi thời thế lại thay đổi. Ca khúc của hai ông lại đội mồ sống dậy.

Sáng nay, trời đã vào thu, trong cái se lạnh của tuổi già, ngồi nghe lại một ca khúc của Hoàng Thi Thơ bỗng mỉm cười nghiêm ra nhiều điều thú vị.

Tôi muốn nhắc đến bản “Một Lần Cuối”.

Người đàn ông tên Hoàng Thi Thơ khi rời khỏi ngôi làng có “khói chiều vương vấn mái tranh nghèo” (2) xuất hiện sáng chói nơi ánh đèn đô thị, ông đã trở thành một Don Juan thứ thiệt.

Ca khúc “Một lần Cuối” của ông theo ý riêng của tôi lướt lướt bằng mười bài Không Tên của Vũ Thành An gộp lại.

Hãy nghe Hoàng Thi Thơ kể lể:

“Anh vuốt tóc em

Anh vuốt tóc em

Một lần cuối cùng rồi thôi”

Không tưởng tượng được lời văn hoa mỹ của ông:

“anh hốt trắng thanh

Trên áo em xanh

Một lần cuối

Như những lần đó xa xôi”

Rồi ông tiên thêm một bước:

“Anh nắm tay em

Anh nắm tay em

Để thấy đời êm lần cuối

Một lần cuối cùng thôi em ơi”

Bước thứ ba là tận dụng sở trường:

“Anh hát cho em nghe

Anh hát cho em nghe

Một lần cuối cùng rồi thôi”

Bước thứ tư là hãm dọa:

“Anh chết trong mắt em

Anh chết trong mắt em

Một lần cuối như những lần đó xa xôi”

Cuối cùng nếu nàng vẫn chưa ngã gục ông dùng tuyệt chiêu ít ai nghĩ ra:

“anh khóc trên vai em

Anh khóc trên vai em

Một lần cuối cùng rồi thôi”

Tôi tin rằng khó có người con gái nào mà không xiêu lòng trước người đàn ông quá nhiều kinh nghiệm tình trường này.

Tôi đã nghe Quang Dũng, Quang Lê hát bài này nhưng đến khi nghe bản thu Chế Linh hát “Một Lần Cuối” trước 1975 (3) thì mới thấy Quang Dũng và Quang Lê chỉ là những anh con nít chẳng biết gì về đàn bà.

Ai cũng biết câu “Đàn ông yêu bằng mắt, đàn bà yêu bằng tai”.

Dễ hiểu tại sao các nhà văn, các nhà thơ, các họa sĩ khó chinh phục được trái tim của các giai nhân.

Các giai nhân thường thích đi shopping chứ ít chịu khó ngồi đọc sách, ngâm thơ hay đi xem tranh ở các gallery.

Lợi thế thuộc về những lời nỉ non lọt vào tai nàng.

Ngày xưa nàng My Nương ở chốn lầu cao, dinh thự của cha nàng năm tầng bảy lớp tường rào nhưng không ngăn nổi tiếng sáo của chàng Trương Chi nương theo không khí chạm vào trái tim nứt nở của nàng.

Nghê Chế Linh hát “Một Lần Cuối” của Hoàng Thi Thơ, tôi nghĩ hai ông đã làm tan nát trái tim không phải chỉ một nàng My Nương.

Miền Nam Cộng Hòa tồn tại chỉ 20 năm nhưng đã đủ dưỡng khí để cho hàng ngàn bài hát ra đời trong tự do, không bị định hướng. Những ca khúc thuở ấy có hay, có dở, có cao sang, có bình dân, có nghiêm chỉnh đằm thắm, có lãng lợ tình tứ, có nói thật, có nói láo, nhưng sống động, đầy màu sắc như chính cuộc đời.

tháng 9- 2016

(1) Đường Xưa Lối Cũ -HTT

(2) Ai Nhớ Chẳng Ai – HTT

VỀ TUY HÒA

THĂM ĐẬP ĐỒNG CAM



Đập Đồng Cam (Ảnh: Thân Trọng Minh)

Tuy Hòa luôn là thành phố tôi nhớ đến nhiều nhất, dù tôi đã từng đi học xa ở Nha Trang, Phan Rang, Sài Gòn... nhưng không nơi nào để lại nhiều tình cảm bằng Tuy Hòa, dù Tuy Hòa là một thành phố nghèo, cảnh quan không có gì đặc biệt.

Vì sao lại thế? Có lẽ vì tôi đã sống với Tuy Hòa ở lứa tuổi giàu cảm xúc nhất. Vào lớp đệ lục ở trường Nguyễn Huệ cũ năm 12 tuổi, tôi như con bướm lột xác từ cái kén bé xíu để trở thành một thiếu nữ 16 tuổi trước khi ngậm ngùi rời xa thành phố đầy kỷ niệm.

Tuy Hòa không có gì đặc biệt nhưng con đường xe lửa 82 km từ Ninh Hòa thật sự quá lộng lẫy. Nó đã làm cho đứa bé lần đầu xa mẹ bị mê hoặc và tạm thời nguôi ngoai cơn sầu não. Sau khi con tàu có đầu máy chạy bằng hơi nước chậm chạp bò qua cung đường đèo Cả chênh vênh như có thể làm rơi cả đoàn tàu xuống biển, trời bắt đầu tắt nắng.

Nhìn những tảng đá xám buồn bã ẩn sau những chòm cây rừng heo hút, nước mắt tôi lại ã ã rơi.

Thương ba tôi làm việc và sống một mình ở Tuy Hòa tôi đồng ý chuyển trường để ở gần ông và quyết định đó quá sức với chính tôi.

Qua khỏi đèo Cả, tàu chui vào bóng đêm của địa phận Tuy Hòa và mỗi lần tàu ngừng ở một ga xép vắng vẻ, tôi lại thò đầu ra cửa sổ để chỉ nhìn thấy cây đèn dầu leo lét của người sắp ga đong đưa trong tiếng còi tàu thét vang.

Đèo Cả quá dài so với đèo Rù Rì ở gần quê tôi và cây cầu Đà Rằng thì cứ như bất tận.

Sao điều gì ở Tuy Hòa cũng mệnh mông và điều này càng làm cho nỗi sầu khổ của tôi thêm bao la.

Trời đã tối hẳn khi tàu vào ga. Trời ơi! Ga Tuy Hòa đây sao? Khác với ga Ninh Hòa đẹp đẽ sang trọng, ga Tuy Hòa là một tấm vách đen thui, lỗ chỗ vết đạn.

Tay xách cặp, tay xách một giỏ nhỏ lúi thủi theo bước chân cha, tôi tự hỏi ngày mai tôi sẽ sống như thế nào đây ở một nơi thăm nảo như thế này?

Ngôi nhà của ba tôi quay mặt về hướng nam nên sáng hôm sau tôi cũng sẽ nhìn thấy một ngọn núi mọc ngay trước mặt, giữa phố, trên đỉnh lạ lẫm một cái tháp Hời.

Rồi tôi quen dần với những bụi gai bàn chải mọc trên những đồi cát hoang. Nhiều lần tôi cặm cụi lần từng bậc thang trèo lên đỉnh núi Nhạn để từ đó ngóng về những đám mây trắng nơi xa lắm có quê nhà của tôi.

Cái nắng gay gắt của Tuy Hòa, mùa gió Lào thổi cát vào mắt, những cơn mưa bão kinh hồn không làm héo úa nổi những bụi gai bàn chải và không thể ngăn được tóc cô bé xanh mướt, mắt cô to ra và da cô trắng hơn. Tháp Nhạn vẫn thế nhưng cô đã thay đổi.

Cho đến khi phải rời Tuy Hòa năm 16 tuổi cô mới biết mình thân thiết với nơi này xiết bao.

Năm mươi năm trôi qua. Tháp Nhạn vẫn thế nhưng cô đã thay đổi.

Không có nắng gắt, không gió Lào, mưa bão nhưng tóc cô đã nhiều sợi bạc, mắt cô phải đeo kính và làn da đã nhiều nếp nhăn.

Và cô vẫn nhớ thành phố Tuy Hòa.

Cho nên khi vợ chồng anh bạn từ Sài Gòn ra thăm rủ đi chơi Tuy Hòa cô rất vui mừng.

Bạn tôi, anh Thân Trọng Minh, muốn về Tuy Hòa thăm anh bạn Nguyễn Lệ Uyên và rủ anh cùng lên thăm đập Đồng Cam. Anh Thân Trọng Minh nói: “Cách đây 60 năm

khi tôi 13 tuổi, ba tôi làm thanh tra nông nghiệp khu vực miền Trung, đã một lần dẫn tôi và đưa em trai lên tận đập Đồng Cam. Lúc đó thời ông Diệm, đập Đồng Cam vừa sửa chữa lại. Tôi muốn nhìn lại nơi ba tôi đã từng đến công tác bây giờ ra sao.”.

Sau khi ghé Hòa An thăm nhà anh Nguyễn Lệ Uyên, chúng tôi phải vượt 23 km nữa để đến đập Đồng Cam. Trong đầu của tôi luôn ám ảnh mấy bụi gai bàn chải của thành phố Tuy Hòa nên tôi vô cùng ngạc nhiên trước quang cảnh kỳ vĩ của đồng quê Tuy Hòa.



Từ trái: Nguyễn Lệ Uyên, Khuất Dầu, Huyền Chiêu, Thanh Hằng & Thân Trọng Minh (LK).

Màu xanh của núi non ruộng đồng xinh tươi trải dài trước mắt. Con đường lên cao dần, một bên là con mương dẫn thủy rung rinh ngập nước, chạy men theo những sườn đồi

thơ mộng, bên trái là con sông Ba mùa hè cát phơi trắng xóa, ẩn hiện những nương bắp, nương khoai trừ phú.

Nhìn không chán mắt, tôi mong con đường dài thêm nhưng xe đã đến nơi muốn đến.

Chúng tôi lặng người nhìn dòng nước sông Ba chảy tràn như một con thác khổng lồ trên gần 700 mét bờ đập.

Anh Thân Trọng Minh nói: “Minh phải kính trọng lương tâm nghề nghiệp của các kỹ sư Pháp. Con đập này người Pháp xây cách đây gần 100 năm, cho đến giờ vẫn còn nguyên vẹn.”

Tôi vẫn nhớ hình ảnh ba tôi dẫn tôi đi trên con đập, ba tôi nắm tay thẳng em còn tôi phải đi một mình, cảm giác sợ bây giờ như vẫn còn.”



Từ trái: Nhà văn Lữ Kiều, Nguyễn Lệ Uyên và Khuất Đẩu

Đề ghi nhớ một chuyện đi có thể không bao giờ lặp lại, quý ông trong đoàn ngồi bệt ngay tại đập rót rượu tây ra nhắm với nem Ninh Hòa trong khi quý bà ... chụp ảnh.

Trên đường về tôi nói với Nguyễn Lệ Uyên: “Quê anh đẹp quá chừng!”

Anh Nguyễn Lệ Uyên trả lời giọng buồn buồn: “Chị thấy vậy chứ miền quê Việt Nam đã bị bỏ rơi, dưới những mái nhà êm đềm thơ mộng kia hầu như chỉ còn mấy ông bà già. Ngày trước có em bé chăn trâu còn bây giờ chỉ có mấy ông lão chăn trâu.”

– “Người trẻ đi đâu?”

– “Hột lúa không nuôi nổi dân làng, bọn trẻ tha phương cầu thực, đi làm công nhân ở đâu đó...”

Chiều xuống dần, làng quê càng thêm lặng lẽ. Khói đã tỏa trên những mái nhà cheo leo trên sườn đồi.

Một chuyện đi thì vui mà về thì cũng nhiều nghĩ ngợi.

Ước gì người dân Việt được sống với mảnh đất của mình một cách an tâm, no đủ như người nông dân Hà Lan.

Bỗng nhớ câu hát của Phạm Duy hồi đó:
“Chiều ơi! Lúc chiều về mọc ánh trăng tơ
Cho ngày mùa bài hát nên thơ, ơi chiều...”
(Nương chiều – Phạm Duy)

Ngậm ngùi thương cho người dân Việt có Hòa Bình nhưng chưa có hạnh phúc.

Tháng 9-2016



Từ trái: Thanh Hằng & Huyền Chiêu

NĂM NGỦ TRÊN CẦU



Họa Sĩ Hoàng Lập Ngôn

Thuở bé, đọc Tây Du Ký tôi rất thích đoạn tả vua khi Mỹ Hầu Vương (Tôn Ngộ Không sau này) nắm dựa thành cầu ngủ say sưa trên đường về, sau một châu nhậu với bạn bè gồm vua của các loài thú. Trong giấc ngủ, Mỹ Hầu Vương bỗng thấy có hai tên quỷ sứ đến mời đại vương khi đi châu...Diêm Vương.

Gặp Diêm Vương, vua khỉ hỏi: “Diêm Vương mời ta đến đây có chuyện chi?”.

Diêm Vương đáp: “Đại vương đã tới ngày tận số nên không còn được sống trên dương thế. Đại vương phải xuống âm ty để chờ xét xử. Nếu đại vương ăn ở hiền đức, đại vương sẽ được tiếp tục đầu thai làm khỉ. Nếu ăn ở ác nhân, ác đức, đại vương sẽ bị trừng trị ở chín tầng địa ngục, sẽ bị cưa hai, bị nấu dầu, bị cắt đuôi, cắt lưỡi...”.

Mỹ Hầu Vương rụng rời tay chân trầm nghĩ: “Chẳng lẽ từ nay ta không còn được đánh đu, rong chơi, bơi lội ... làm vương làm tướng nữa khi nhỏ nơi Thủy Liêm Động thân yêu?”.

Bọn Diêm Vương này là ai mà dám xét xử ta. Vốn thông minh, Mỹ Hầu Vương biết lúc này mình phải tỏ ra nhún nhường:

“Có gì làm bằng chứng rằng ta đã tới số ?”

Diêm Vương sai thư ký mang ra cho Mỹ Hầu Vương xem một quyển sổ dày ngoài bìa ghi “Hộ Tịch Loài Khi”, trong đó có ghi rành rành Mỹ Hầu Vương ngày, tháng đó là phải chết.

Vua khi giả bộ liếc ngang qua rồi bất ngờ xé toang quyển sổ.

Mỹ Hầu Vương nằm ngủ trên cầu mấy ngày bỗng tỉnh dậy. Bọn khi nhỏ vui mừng hò reo khi Đại Vương của chúng kể lại câu chuyện chầu Diêm Vương và cho biết rằng từ nay loài khi được miễn dịch với cái chết.

Mấy ngàn năm sau có một người cũng nằm ngang thành cầu mà ngủ, mặc cho người qua kẻ lại dòm ngó, mặc cho nắng chiếu xiên trên mặt. Người ấy tên là Bùi Giáng. Có lẽ những câu thơ sau được làm trong những lúc ông thơ thối nằm ngủ bên cầu:

“rụng rời dĩ vãng xô ngang

Kết thành tổ mạch đôi đàng chia nhau

Nửa xin để lại bên cầu

Nửa xin trường mộng nhiệm màu mang đi” (1)

Từ ngàn xưa thi nhân đã luôn trải hồn thơ lên những chiếc cầu:

Cảnh tiền đưa bên cầu lúc nào cũng buồn và đẹp hơn ở siêu thị hay bến xe đò:

“Ngòi đầu cầu, nước trong như lọc,

đường bên cầu cỏ mọc còn non

Đưa chàng lòng dặc dặc buồn

Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền” (2)

Buổi chiều trong thơ Nguyễn Du sao êm dịu đến vậy khi có bóng dáng một cây cầu:

“Dưới cầu nước chảy trong veo

Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha”.

Nhưng các nhạc sĩ mới là những người mê cầu nhất.

Hãy nghe Văn Cao mô tả niềm hạnh phúc lần đầu đón bước chân nàng tìm đến:

“nhà tôi bên chiếc cầu soi bóng

Em đến tôi một lần

Bao lũ chim rừng

Hợp đoàn trên khắp bến xuân” (3)

Bài hát “Bên Cầu Biên Giới” của Phạm Duy thì lại mang đến cho ông tai họa.

Theo lời ông kể trong một hồi ký, Bên Cầu Biên Giới được sáng tác tại Chợ Neó, năm 1948, mô tả mối tình say đắm của ông với một cô ca ve tuyệt đẹp đã hoàn lương. Vì bài hát này ông bị kiểm điểm tội tả và có lẽ vì không được tự do sáng tác, ông bỏ kháng chiến, tìm cách vào Nam.

Chẳng phải bài “Trăng Rụng Xuống Cầu” đã đưa Nguyễn Hữu Thiệt lên hàng nhạc sĩ được yêu thích một thời?

Ngày xưa chưa có nhiều sắt thép, chưa phát minh ra xi măng nên loài người chỉ có thể bắc những nhịp cầu nhỏ nhỏ. Những cầu ván cũ kỹ, những cầu tre lắc lẻo gập ghình khó đi thân quen, gần gũi với khách bộ hành biết bao.

Cầu thường cao hơn mặt đường nên khi đi qua cầu người ta thường đi chậm lại và được nhìn thấy nhau nhiều hơn. Cầu bao giờ cũng là nơi mát mẻ nên các chàng trai, cô gái

thường hay ra cầu để hóng gió hay để chờ đợi ai đó, làm sao mà biết được.

“Ngày đó trên chiếc cầu, em nhớ chẳng?”

Một chiếc áo dài màu trắng xinh xinh

Một nụ cười, mời anh, đưa em vào đời

Và từ đó hai đứa mình quen nhau” (4)

Những cây cầu dài đến mấy cây số thời văn minh hầu như không mặn mà với thơ nhạc như thời “Vĩ dầu cầu ván đóng đinh”.

Thật lạ. Những cây cầu dây văng lộng lẫy và tuyệt đẹp mới mọc lên ở nước tôi không gọi cho người ta một niềm tự hào dân tộc mà khiến cho người ta nghĩ đến cái chết.

Tin trên báo, cho đến nay đã có 42 người nhảy cầu Cần Thơ tự tử.

Buồn quá!

Không còn cảnh chờ phà để có cơ chuyện trò rôm rả, không còn nữa những giây phút được thấy cuộc đời trôi đi bình yên, chậm rãi.

Xe chạy vun vút trên cầu đưa ta về nhà nhanh hơn nhưng biết đâu cũng đưa ta về quá sớm với những tuyệt vọng, rồi ren chưa kịp phân giải.

Tôi vốn sợ tốc độ. Một thời báo đăng tin, Việt Nam dự tính mua tàu siêu tốc của Trung Quốc để người dân có thể ăn sáng, uống cà phê ở Hà nội rồi ăn trưa ở Sài Gòn

Nghe mà ớn lạnh.

Bỗng nhớ và ngưỡng mộ họa sĩ Hoàng Lập Ngôn với chiếc xe ngựa đưa ông cùng gia đình và bạn bè lãng du từ Bắc chí Nam. Chiếc xe ngựa được họa sĩ thiết kế như một ngôi nhà gọi là “Nhà Lăn Mê Ly” vừa là phương tiện di chuyển, vừa là phòng triển lãm di động vừa là nơi hội họp bạn bè.

Ôi! Một thời lãng mạn, đáng yêu quá chừng:

“Ồ mê Ly đời sống với cây đàn

Tình tình tang dạo phím rồi ca vang” (5)

Rồi mấy cái hầm nữa chứ!

Trời ơi! Tôi ghét mấy cái hầm quá đi thôi.

Khi những cây cầu dây văng thay thế cho phà Mỹ Thuận, phà Rạch Miễu, tôi tiếc cái cảm xúc khi đứng trên phà,

nhìn những mảng bèo lục bình trôi trên dòng nước mênh mông.

Nhưng đầu sao khi xe qua cầu, mình vẫn còn nhìn thấy trời nước, làng mạc xa xa.

Chuyên lữ hành còn ý nghĩa gì khi xe chui qua hầm chứ không chạy ngang qua đèo Cả, Đèo Hải Vân, Đèo Ngang?

Chẳng lẽ ngày nay người ta tắt bật kiếm tiền để được hẹn nhau ở Thái Lan, Singapore chứ không còn muốn hẹn nhau ở Cầu Ngói Thanh Toàn (6)? Chẳng lẽ ngày nay người ta ngồi với nhau ở Cà Phê tầng 68 chứ không còn thích ngồi “Bên Dòng Sông Trẹm”? (7)

Chẳng lẽ ngày nay người ta chỉ biết chúm mũi nhìn vào màn hình Ipad chứ không thèm nhìn nhau để thấy lòng rung rung khi cùng nhau nhìn ngắm những con đường cây cỏ chen nhau, cheo leo qua vách núi khi chiều nắng xế, rồi nhìn thấy mấy chú tiều lom khom gánh củi, rồi ngâm nga:

“Nhớ nước đau lòng con “Quốc Quốc”?” (8)

18 tháng 9- 2016

Chú Thích:

(1) *Hôm Qua Mộng- Thơ Bùi Giáng*

(2) *Trích Chinh Phụ Ngâm*

(3) *Bến Xuân- Văn Cao*

(4) *Ngày đó (Nhạc và lời của Jo Marcel)*

(5) *Ô Mê Ly- Văn Phụng*

(6) *tên một cây cầu cổ nhỏ bé ở Huế.*

(7) *Tên một tác phẩm của nhà văn Dương Hà (1952)*

(8) *Thơ Bà Huyện Thanh Quan*

THƯƠNG AI CƯỜI KHÔNG NÓI



*Ảnh – Réhahn**

Năm nay lũ lụt miền trung kinh hoàng hơn bao giờ, trong khi lượng mưa cũng chưa phải là cao nhất trong lịch sử. Hình ảnh hàng vạn nhà dân ở Hà Tĩnh, Quảng Bình, nước ngập đến nóc tràn ngập trên báo chí. Hàng triệu người dân nghèo ngày thường đã rất khôn khéo bây giờ lại bị đẩy vào tình trạng không nhà cửa, không chăn màn, không tài sản, không heo gà, bò, chó, không củi, không gạo để nấu cơm và không nước sạch để uống.

Người bệnh không thể đến bệnh viện. Người chết không thể đem chôn.

Nhiều bài báo tố cáo nguyên nhân của lũ và gọi đó là nhân tai.

Nhà báo Đức Hoàng ở Vnexpress viết:

“Và cứ mỗi trận lũ lớn, người ta lại chỉ tay về phía những cánh rừng. Từ lâu, một trong những nguyên nhân quan trọng nhất của lũ lụt, đặc biệt ở miền Trung đã được chỉ ra là diện tích rừng phòng hộ; rừng đầu nguồn bị thu hẹp. Thảm thực vật bị suy kiệt làm tăng tốc độ dòng chảy mặt nước.”

Ngoài lý do rừng đầu nguồn bị chặt phá gây ra lũ lụt một nguyên nhân khác còn đau lòng hơn là các nhà máy Thủy Điện nhân nhiên xả lũ nhấn chìm làng mạc phía hạ nguồn chỉ trong vài tiếng đồng hồ, làm người dân không kịp thoát thân.

Lạ thay, hầu như nạn nhân không hề phản ứng trước cách cư xử ngang ngược, coi thường sinh mạng người dân của các nhà máy thủy điện. Hình như họ đã quen cam chịu mọi nỗi khốn khổ từ hàng trăm năm rồi.

Trong những tấm hình chụp người dân vùng lũ ngồi trên mái nhà, trong ô cửa sổ rầm rộ, trong khi nước lũ vẫn dâng mãi miết, có người đã mỉm cười khi nhìn thấy máy ảnh của phóng viên.



Thật muốn khóc khi nhìn nụ cười của người được trao cho 10 ký gạo cứu trợ. Khi ăn hết số gạo này, ngày mai của họ sẽ ra sao? 22 người đã chết trong cơn lũ này và còn nhiều người mất tích và chắc chắn năm tới lũ lại về...

Xem trên TV, hình ảnh người dân Sài Gòn, sau một ngày làm việc vất vả đang hí hục đẩy chiếc xe chết máy trên đường phố ngập nước nhưng họ không cúi kính oán hận chửi rủa, Khi thấy máy quay, họ mỉm cười và phân bua “chung quanh đây, ai cũng thế thôi, tất cả xe cộ đều chết máy”. Nước mưa không ngõ thoát vì thành phố phát triển vô tổ chức, kênh rạch bị lấn chiếm, các hồ nước bị lấp đất san nền, và chỉ cần một cơn mưa rào, đường phố biến thành sông.

Có người mẹ ở Bình Dương ngồi gục đầu lặng im bên miêng công, nơi đứa con trai 8 tuổi của bà bị trôi tuột vào đó và 2 ngày rồi không tìm được xác.

Rừng đầu nguồn bị tàn phá với tốc độ khủng khiếp, những sông hồ biển cả bị đầu độc bởi hàng ngàn ống xả thải từ các nhà máy không qua xử lý, đồng bằng miền Nam đang biến dần thành một vùng đất chết khi nước sông Cửu Long bị chặn dòng cho thủy điện của Lào, Thái Lan, Trung Quốc.

Người dân Việt vẫn chỉ biết mỉm cười cam chịu những gì đã, đang và sẽ đến với họ.

Nhưng có một người đã quá ngạc nhiên không hiểu nổi và từ đáy lòng, anh ta cảm thấy xót thương cho những nụ cười Việt Nam.

Anh tên Réhahn, một thanh niên Pháp sinh năm 1979.

Anh Réhahn sang Việt Nam vừa đi du lịch vừa làm người chụp ảnh .

Từng đi qua 35 quốc gia trước khi đến Việt Nam nhưng có lẽ Réhahn nhìn thấy ở Việt Nam có quá nhiều điều kỳ lạ và hình như điều kỳ lạ nhất là sức cam chịu của người dân. Trong trí tưởng tượng của một thanh niên châu Âu, cuộc chiến vừa qua với số người chết nhiều hơn thế chiến thứ hai, với số lượng bom đạn khủng khiếp của các siêu cường trút xuống, với một nền kinh tế bị kìm hãm bởi định hướng xã hội chủ nghĩa, hẳn ở đây anh sẽ gặp một dân tộc đang ôm nhau ngồi khóc.

Nhưng anh đã không nhìn thấy những điều như anh nghĩ.

Một hôm anh bước lên một chiếc thuyền trên dòng sông Hoài ở phố cổ Hội An và anh làm quen với một bà lão chèo đò.

Bà lão gầy yếu như bao bà lão khác ở Việt Nam. Bà không có lương hưu, không có trợ cấp cho người già, không có bảo hiểm y tế.

Có thể bà có vài đứa con trai thuộc bên này hay bên kia đã chết trong trận chiến vừa qua. Có thể nhà của bà đã từng bị cháy và bà đã từng gánh con đi chạy loạn?

Nhưng bà vẫn mỉm cười khi khua mái chèo đưa khách sang sông.

Réhahn đã chụp được nụ cười của bà lão Bùi Thị Xong trên sông Hoài và tác giả đặt tên tấm ảnh là “Nụ Cười Ẩn Kín”. (The Hidden Smile)

Nụ Cười Ẩn Kín được Rehahn chọn làm bìa cho tập sách ảnh “Việt Nam- Những Mảnh Ghép Tương Phản” (Vietnam, Mosaic of Contrasts) gồm 145 trong số hàng ngàn bức ảnh mà anh chụp được ở Việt Nam.

Tấm ảnh bìa ấy được báo chí MỸ bầu chọn là “Bà Cụ Đẹp Nhất Thế Giới”

Réhahn nói “Nụ cười ẩn dấu này là một nụ cười không tuổi”.

Bà Xong tuy đã già nhưng bà ấy luôn can đảm, mạnh mẽ, dễ thương...”

Rồi anh nói thêm: “Người Việt Nam là những người lạc quan và tích cực nhất mà tôi từng gặp trong đời”. (*)

Khi tập sách ảnh của Réhahn với ảnh bìa có nụ cười của bà lão Việt Nam già nua móm mém, chèo đò trên sông Hoài nổi tiếng khắp thế giới, nhiều tờ báo ở Việt Nam hoan hỉ loan tin rằng hình ảnh của người phụ nữ Việt Nam đã được cả thế giới biết đến, nụ cười của bà Xong nói lên rằng đất nước Việt Nam đang rất đáng sống!

Tôi thì lại cảm thấy rất buồn khi cảm nhận được nỗi xót xa, thương cảm của một người ngoại quốc khi anh ta ngắm nhìn nụ cười của một bà lão người Việt ở tuổi phải được nghỉ ngơi, được chăm sóc, đang ngày ngày phải làm việc kiếm sống.

Ở đất nước tôi, các bà mẹ già luôn phải “mạnh mẽ, can đảm, lạc quan” trong nghèo đói, trong chiến tranh và cả khi đất nước hòa bình.

Có phải vì vậy mà Réhahn đã dùng chữ “Tương Phản (contrast)” trong tựa đề tập sách ảnh của anh?

20 tháng 10, 2016

(*) Những câu nói của Réhahn được trích từ một bài viết về Réhahn trên báo Dân Trí.

***Chú Thích:**

Réhahn là một nhiếp ảnh gia tài năng người Pháp. Mùa hè năm 2011, Réhahn du lịch Việt Nam. Đến thành phố Hội An, trong lúc đi dạo dọc theo bờ sông Hoài, anh bắt gặp một bà cụ Việt Nam làm nghề chèo đò đưa khách trên sông. Bằng bản năng nhạy bén của một nhiếp ảnh gia có tài, khi nhìn thấy bà cụ anh biết mình có thể sẽ có được những tấm ảnh để đời nên không ngần ngại bước xuống

thuyền của bà cụ. Đây chính là bà cụ Bùi Thị Xong nhắc đến trong bài của Huyền Chiêu. Trước thái độ niềm nở, cởi mở của bà cụ, Réhahn xin phép cụ được chụp vài bức ảnh chân dung. Bà cụ tuy chưa biết vì sao ông khách Tây này lại muốn chụp hình bà, nhưng cũng gật đầu bằng lòng.

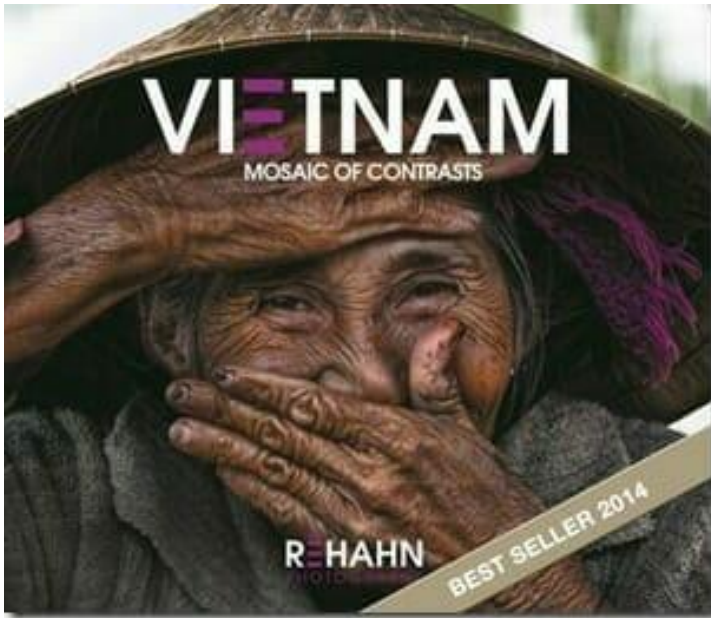
Khi được Réhahn cho xem bức hình anh vừa chụp, bà cụ thích thú cười khúc khích và lấy tay che miệng mình lại khi cười. Cử chỉ bất ngờ của bà cụ khiến Réhahn không bỏ lỡ cơ hội, chụp bức hình bà cụ dùng một tay che miệng cười như dưới đây.



Thế rồi sau đó, có lẽ với sự đạo diễn của Réhahn, bà cụ đã dùng một tay che miệng, một tay che trán ra vẻ như bà muốn trốn không để cho người ta chụp hình mình.



Những bức hình khởi đầu này đã đủ sức thúc đẩy Réhahn bắt đầu dự án chụp những bức hình với chủ đề “Nụ cười ẩn dấu”. Vào lúc này, cả Réhahn lẫn bà cụ Bùi Thị Xong chưa biết rằng rồi đây cả hai sẽ nổi tiếng khắp thế giới khi Réhahn cho ra đời tập sách ảnh “VietNam, Mosaic of Contrasts” vào tháng 1 năm 2014, ngay lập tức tập sách đã trở thành best-seller trong nhiều tuần.



Tháng 11 năm 2015, thừa thắng xông lên, Réhahn đã xuất bản “Vietnam, Mosaic of Contrasts – Volume II”. Bộ sách ảnh này đã góp phần đưa Réhahn lên đứng hàng thứ nhì trong số những nhiếp ảnh gia được yêu thích nhất của thế giới trong bảng xếp hạng tháng 1 năm 2016 của Hiệp hội các Nhiếp ảnh gia chuyên nghiệp. Nếu có dịp, chúng tôi sẽ quay trở lại dự án “Nụ Cười Ẩn Dấu” của Réhahn với những ý nghĩa đặc trưng của Văn Hóa Việt Nam thể hiện qua những tác phẩm của Réhahn (Chú thích của TV&BH).

**THƯƠNG EM MONG MẠNH
NHƯ MỘT CẢNH LAN***



Phong Lan – Tranh: Mai Tâm

Hồi còn nhỏ, mỗi khi gần tết tôi vẫn thường thấy cảnh những cặp vợ chồng mới cưới ở thôn quê dẫn nhau về thăm cha mẹ vợ. Tôi hay ngắm nhìn họ bởi là vợ chồng nhưng họ không đi chung với nhau. Anh chồng ngượng ngùng đi trước, cô vợ bẽn lẽn theo sau cách chồng mười bước chân, tay lóng cồng xách một giỏ quà. Từ đó tôi nhận ra một điều: đàn ông ngày xưa không muốn phụ nữ ngang hàng với mình.

Dân tộc Việt rất trọng văn thơ. Những khoa thi đều có mục đích chọn người có văn tài ra làm quan, giúp nước. Nhưng các vị trí thứ khoa bảng ngày xưa khi rảnh rỗi thường cùng nhau ngâm vịnh những câu thơ ca ngợi phong cảnh thiên nhiên mai, lan, cúc, trúc chứ không làm thơ kể chuyện tình yêu. Vua Lê Thánh Tông có cả trăm bà vợ đẹp như tiên nhưng ông chỉ làm thơ tả cái chổi, cái cối xay, con cóc, con gà...

Có phải người đàn ông ngày xưa không biết tình yêu là gì?

Chắc không phải vậy. Đọc ca dao chúng ta nhận ra người đàn ông ngày xưa cũng biết nhớ nhưng, thờ thần vì yêu:

“Đêm qua ra đứng bờ ao

Trông cá cá lặn, trông sao sao mờ

Buồn trông con nhện giăng tơ

Nhện ơi nhện hỡi nhện chờ mối ai”

Tâm trạng buồn bã khi yêu thời nào cũng vậy:

“Môt mình mình một bơ thờ

Dựa cây cây ngã, dựa bờ bờ xiêu”

Và khi yêu, thời nào người ta cũng trở nên lẩn thẩn:

“Núi cao chi lắm núi ơi

Núi che mặt trời không thấy người thương”

Theo tôi người nông dân ít học không thể sáng tác được những câu thơ bay bướm đến thế. Tác giả của những câu ca dao trữ tình này chắc chắn là của các bậc văn nhân.

Nhưng họ không dám thú nhận tình yêu của mình với một người nữ nào đó và những câu thơ tình rất hay ấy mãi mãi là khuyết danh, được truyền khẩu và biến thành ca dao.

Yêu mà phải dấu diếm khôn khéo đến vậy? Có lẽ vì tình yêu sẽ làm cho người nữ trở thành ngang hàng với mình. Điều này là không thể được trong một xã hội phu xướng phụ tùy.

Ngoài chuyện Bích Câu Kỳ Ngộ có anh chàng Tú Uyên chỉ gặp nàng một lần mà về ốm tương tư, chúng ta không có nhiều thơ tình trong kho tàng văn chương cổ.

Tội nghiệp cho người đàn bà ngày xưa. Chỉ đến khi họ chết oan ức như Vợ Chàng Trương hoặc chết trẻ như bà phi Thị Bằng dưới triều Tự Đức thì mới có được vài câu thơ thương tiếc.

Người Pháp đô hộ chúng ta nhưng cũng chính họ đã giải phóng cho con tim bị đè nén của thanh niên Việt Nam. Nền văn chương lãng mạn pháp đã mang đến cho giới trẻ một làn gió mới.

Khi bài thơ “*Tình Tuyệt Vọng*” của Felix Avers do Khải Hưng dịch xuất hiện, những quan niệm cổ lỗ sĩ về tình yêu bị tháo xiềng. Nỗi đau khổ vì yêu mà không được yêu bỗng trở nên một tâm trạng cần được la to lên cho mọi người biết.

“Lòng ta chôn một khối tình

Tình trong giây phút mà thành thiên thu

Tình tuyệt vọng, nỗi thâm sâu

Mà người gieo thâm như hâu không hay”

Un Secret

Mon âme a son secret, ma vie a son mystère

Un amour éternel en un moment conçu:

Le mal est sans espoir, aussi j'ai dû le taire,

Et celle qui l'a fait n'en a jamais rien su.

Các nhạc sĩ trẻ cũng bắt đầu mạnh dạn viết những ca khúc trữ tình hay không kém bài thơ *Un Secret* của Felix Avers:

Nếu các bạn xem clip ca sĩ Bích Chiêu hát “Nỗi Lòng” của Nguyễn Văn Khánh các bạn sẽ thấy đâu phải đàn ông Việt Nam không biết đau khổ vì yêu.

Hạt mầm văn chương lãng mạn Pháp khi được gieo trồng ở Việt Nam đã lớn nhanh như cây đậu trong chuyện cổ tích “*Jack và cây đậu thần*”. Thơ tình lãng mạn mọc lên tươi tốt. Những Xuân Diệu, Huy Cận, Lưu Trọng Lư, Hàn Mặc Tử, Bích Khê... đã trở thành hoàng tử của một nền thơ văn lãng mạn.

Hàng loạt tình khúc tuyệt diệu của Văn Cao, Phạm Duy, Đoàn Chuẩn, Tô Vũ, Hoàng Quý, Nguyễn Văn Khánh... đã đưa xã hội Việt Nam tiến một bước dài trong xu hướng công nhận người nữ là đối tượng làm cho đàn ông hạnh phúc nhất và cũng đau khổ nhất.

Không cần pháp luật thừa nhận, không cần phụ nữ đấu tranh, nhờ ảnh hưởng của nền văn chương lãng mạn Pháp, bình đẳng giới đã được thiết lập một cách ngoạn mục.

Người nữ thời gian này đã ngồi ngang hàng với người mình yêu:

“Mặt nhìn mặt, cầm tay bâng khuâng không nói một câu”
(2)

Trong ca khúc “Đường về Việt Bắc” Đoàn Chuẩn đã gửi về cho vợ mình những lời âu yếm rất Tây:

“Nhớ nhau từng phút, yêu từng giây”

Cứ tưởng hạnh phúc của tình yêu đôi lứa từ nay sẽ được cởi trói được tôn vinh được hít thở miễn phí như khí trời.

Nhưng sau khi đất nước bị chia đôi, tình yêu đôi lứa ở miền Bắc lại bị coi là điều cấm kỵ. Toàn dân, nam, phụ lão, ấu đều chỉ có một tình yêu duy nhất dành cho lãnh tụ.

Nhà thơ Quang Dũng khôn khờ vì câu thơ “Đêm mơ Hà Nội dáng Kiều thơm”.

Và tất cả các ca khúc, các tác phẩm văn chương lãng mạn trước 1955 bị gọi tên là Nhạc Vàng, là thơ văn đồi trụy, bị cấm hát, cấm phổ biến.

Tội nghiệp nhất là số phận bi đát của bài thơ “Màu Tím Hoa Sim” của Hữu Loan.

Trong xã Hội Chủ Nghĩa người ta chỉ được quyền sống với “niềm tin và hy vọng”. Không ai được đau khổ, than khóc dù rằng trước cái chết của người vợ trẻ mới cưới nhau tròn ba tháng.

*Những đôi hoa sim ...,
Những đôi hoa sim dài trong chiều không hết
Màu tím hoa sim
Tìm cả chiều hoang biệt . . .*

Cho nên bài thơ bị cấm phổ biến nhưng nó vẫn được chuyền tay, được cất dấu trong đáy ba lô của nhiều người. Và cuối cùng nó đưa tác giả của nó vào hoàn cảnh bị cách ly với chủ nghĩa và phải thò đá kiếm sống qua ngày.

Trong khi đó nền văn chương lãng mạn tiếp tục nảy nở tươi tốt ở miền Nam.

Sau dòng thơ như nhung như gấm của Đinh Hùng và Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Sa xuất hiện như một ngôi sao đại diện cho dòng thơ văn minh, hiện đại.

Ông dám kêu đích danh người yêu của mình chứ không thềm gọi là “*Nàng*” là “*Người Ấy*”...

“Sáng nay Nga buồn như một con chó ốm

Như con mèo ngái ngủ trên tay anh..”

Tự do trong ngôn từ, tự do trong suy nghĩ và tự do trong thể hiện cũng được các nhạc sĩ noi theo.

Tên của các đối tượng lần lượt được các nhạc sĩ mạnh dạn đưa vào ca khúc.

Ấn tượng nhất hồi đó là “*Thúy Đã Đi Rồi*” của Y Vân. Khi ông Y Vân qua đời, có người hỏi ông Y Vũ (em của Y Vân) rằng Thúy có phải là người yêu của Y Vân. Ông Y Vũ nói “*Không phải đâu. Hồi đó ông Nguyễn Long si mê ca sĩ Thanh Thúy và khi thấy bạn mình quá si tình, Y Vân cảm hứng viết ca khúc ấy*”. Nghệ sĩ vốn đa đoan và hay gánh lấy những truân chuyên của cuộc đời!

“*Diễm Xưa*” rất nổi tiếng của Trịnh Công Sơn không có câu nào có chữ Diễm nhưng ai cũng biết bài hát ấy dành cho một người con gái Huế tên Diễm.

Phần nhạc của “*Diễm Xưa*” khá hay nhưng với tôi lời bài hát trau chuốt quá hóa “điệu”..

“*Dài tay em mấy thuở mắt xanh xao*”, “*dài thêm nỗi đau*” hay “*chợt hôn xanh buốt cho mình xót xa*” nghe hơi sáo. Trong *Diễm Xưa*, Trịnh Công Sơn vừa yêu vừa suy tư, triết lý. Có lẽ “điệu” là thói tật của những người còn quá trẻ và đang cố làm cho mình già đi.

Tôi rất thích bài hát “*Gọi Người Yêu Dấu*” của Vũ Đức Nghiêm. Tình yêu “*nghe ngào*” trong ca khúc này nhẹ nhàng, giản dị, rất thật và dường như phần “*thương*” nhiều hơn phần “*yêu*” .

“Gọi người yêu dấu muôn đời

Nghe ngào không nói thành lời

Tình yêu xưa ngày tháng phai phôi

Biết bao giờ nguôi”.

Bài *Ngày Xưa* Hoàng Thị Phạm Duy phổ thơ Phạm Thiên Thư muốn nhắc đến cô nữ sinh Hoàng Thị Ngọc. Bài hát này dành cho những cô cậu học trò tuổi teen nhưng nó lại được sáng tác bởi một nhạc sĩ già từ thơ của một nhà sư và nổi tiếng khi được hát bởi một ca sĩ đáng tuổi mẹ của tuổi teen. Tôi vô cùng thán phục giọng ca Thái Thanh và thật

ngạc nhiên khi bài hát tuổi teen này không ai hát hay hơn bà.

Nhà thơ tuổi teen thứ thiệt Nguyễn Tất Nhiên cũng đã cùng Phạm Duy đi vào lịch sử những tình khúc hay nhất với “*Thà Như Giọt Mưa*”. Thật ra trong bài thơ được phổ nhạc của Nguyễn Tất Nhiên không có nhắc đến tên Duyên, nhưng có lẽ vì nhiều người biết nhờ cô Duyên mà chúng ta có được những bài thơ rất dễ thương của cậu học trò xứ Biên Hòa, vì vậy Phạm Duy đã ung dung đưa tên Duyên vào “*Thà Như Giọt Mưa*”.

Nhạc sĩ đa tình Hoàng Thi Thơ cũng khuấy đảo quần chúng với “*Chuyện Tình Nàng Trinh Nữ Tên Thi*”:

“Thi ơi, Thi ơi Thi có biết biết không Thi?”

Có lẽ bài hát này chiếm giải quán quân với số lần nhắc lại nhiều nhất tên một người trong một bài hát.

Chuyện Tình Nàng Trinh Nữ Tên Thi cho đến nay vẫn là bài được hát nhiều nhất trong đám cưới, trong đám Karaoke...Người dân quê vẫn thích những bài hát có lời dễ hiểu kể lại một câu chuyện.

Nhưng “*Mai*” là bài hát tôi thích nghe. Bài hát được Quốc Dũng viết theo điệu valse nên tình cảm trong bài được thể hiện trẻ trung, nhẹ nhàng và dịu dặt không u sầu, ảm đạm như những tình khúc viết theo điệu slow.

Không hiểu sao bài *Mai* gợi nhớ cho tôi rất nhiều không khí rất dễ thương của Sài Gòn khoảng từ năm 1970. Khi ấy Sài Gòn vẫn còn yên tĩnh và lòng người còn vô tư trong sáng lắm.

Bây giờ hai miền Nam Bắc đã không còn chia cắt. Các nhạc sĩ cũng đã được tự do viết tình khúc nhưng xúc cảm của người Việt bây giờ có điều gì rất khác xưa, và có quá ít ca khúc để lại ấn tượng cho người nghe.

Nếu bảo rằng thơ nhạc thể hiện tâm trạng của một thế hệ thì thế hệ trẻ của ngày hôm nay yêu thương gì, khát vọng gì, mờ mịt quá tôi không hiểu nổi.

Tháng 10/2016

Chú Thích:

*Trong ca khúc *Gọi Người Yêu Dấu*- Vũ Đức Nghiêm

**Tất cả những chữ *in nghiêng (italic)* trong bài đều là tên tác phẩm (âm nhạc), những đoạn trích trong ca dao, trong những tác phẩm viện dẫn trong bài.

BUỒN QUÁ HÔM NAY XEM TIỂU THUYẾT (1)



Hoa Ti Gôn (Ảnh: Duyên)

Trời mưa không dứt đã hơn một tuần. Buồn quá nhưng không xem tiểu thuyết.

Chọn một phim để xem lại.

Psycho.

Psycho là phim kinh dị của Hitchcock mô tả tâm lý kỳ quặc của chàng trai mảnh khảnh Norman Bates. Chàng trai yếu đuối thiếu vắng hình ảnh của bố và trút hết tình thương vào người mẹ có tính cách không mấy dịu dàng. Khi mẹ có nhân tình, Norman Bates đã giết mẹ. Nhưng khi mẹ chết rồi, lòng ân hận dày vò khiến chàng đào mộ, đem xác mẹ về để ở tầng hầm và phân thân sống hai nhân cách. Norman Bates bình thường vẫn là chàng trai khao khát yêu đương nhưng đồng thời trong con người chàng còn có lòng thù ghét của một người mẹ khó tính với bất cứ người con gái trẻ trung nào dám chiếm đoạt con trai bà.

Norman say mê một cô gái xinh đẹp đến trú ngụ tại nhà trọ của chàng nhưng bị ám ảnh bởi nhân cách của người mẹ đã chết, Norman đã cầm dao giết chết cô gái khi cô đang tắm dưới vòi sen.

Phim được thực hiện năm 1960 và gây tiếng vang lớn.

Xem xong phim, tôi bỗng nhớ đến một Psycho khác ở Việt Nam xuất hiện còn sớm hơn Psycho của Hollywood.

Chuyện xảy ra năm 1937 ở đất Hà Thành.

Tôi muốn nói đến sự ra đời của nghi án bốn bài thơ của tác giả TTKH.

Những suy nghĩ của tôi có thể sai nhưng cũng kể lại cho mọi người nghe chơi cho qua một đêm buồn mưa dầm gió bắc.

Cho đến bây giờ vẫn chưa có ai xác định tác giả TTKH là ai.

Nhiều câu chuyện được kể, nhiều nhà thơ thời ấy tự nhận TTKH là người yêu của mình.

Với tôi thì tôi tin lời kể của ông Nguyễn Vũ trong “Văn Thi Sĩ Tiền Chiến” mà ông đã xuất bản ở Sài Gòn năm 1970.

Theo ông Nguyễn Vỹ, trong một lần uống rượu với nhau, nhà thơ Thâm Tâm đã thú nhận chính mình là tác giả bài thơ “Hai Sắc Hoa Ty Gôn”.

Thâm Tâm bảo rằng vì bạn bè nhạo báng ông về chuyện người yêu bỏ đi lấy chồng nên ông làm bài thơ ký tên TTKH chứng minh rằng cô Kh tuy đi lấy chồng nhưng vẫn nhớ thương người yêu cũ. Ông đã nhờ một người em gái họ mang bài thơ đến tòa soạn Tiểu Thuyết Thứ Bảy.

Tôi cho điều này là đúng vì một người đàn bà trẻ chưa từng có kinh nghiệm cầm bút không thể viết một bài thơ như “Hai Sắc Hoa Ty Gôn”.

Thâm tâm vừa giận đời, giận cho số phận, vừa đau khổ vì yêu vừa khao khát được hóa thân thành con người phụ bạc và hoang tưởng rằng nàng đang sống khốn khổ trong cuộc hôn nhân không tình yêu.

Trước năm 1940, một người đàn bà trẻ chưa đến 20 tuổi, xuất thân từ một gia đình lễ giáo, ”cha mẹ rất nghiêm” (2), dẫu có buồn khổ vì không lấy được người mình yêu không bao giờ dám viết tách bạch ra rằng:

“Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời

Ái ân lạt lẽo của chồng tôi” (1)

Nếu không có ý định bỏ chồng, bỏ cả gia đình, bỏ cả xóm làng, lời thố lộ ấy sẽ trở thành lưỡi gươm giết chết cả cuộc đời người vợ, làm tan hoang thanh danh, khi người đời phát hiện người vợ nào đã viết hai câu thơ chết người ấy, huống gì theo lời Nguyễn Vỹ người yêu tên KH của Thâm Tâm rất... hạnh phúc trong hôn nhân.

Trong bài thơ “Đan Áo Cho Chồng” sự hoang tưởng của Thâm Tâm còn bị đẩy lên tột bậc:

“Hay chăng chị, giữa chiều đông

Đáng thương những kẻ có chồng như em

Vẫn còn giá lạnh trong tim

Đan đi đan lại áo len cho chồng

Như con chim nhót trong lồng

Ngày ngày thương tiếc ánh hồng nơi nao” (3)

Theo Nguyễn Vỹ sau khi những bài thơ ký tên TTKH xuất hiện trên báo, kẻ lẽ tâm sự của một người đàn bà sống với chồng nhưng trái tim vẫn đau khổ nhưng nhớ:

“Người xa xăm quá tôi buồn lắm

Trong một ngày vui pháo nhuộm đường” (1)

Cô người yêu của Thâm Tâm đã rất giận ông. Cô có gửi một bức thư kết tội, phản đối chuyện ông mạo danh cô để viết những câu thơ không đúng với hoàn cảnh, tâm trạng của cô.

Nhưng cái điên của nhà thơ chưa chấm dứt. Ông đã chuyển dịch bức thư thành “Bài Thơ Cuối Cùng”.

Bài thơ này ý tứ rất mâu thuẫn với ba bài thơ trước gồm “Hai Sắc Hoa Ty Gôn”, “Bài Thơ Thứ Nhất”, “Bài Thơ Đan Áo”.

“Bài Thơ Cuối Cùng” mới chính là bài thơ thật của TTKH:

“Trách ai mang cánh ty gôn ấy

Mà viết tình em được ích gì”

Rồi nàng cay đắng:

“Bài thơ đan áo nay rao bán

Cho khắp người đời thóc mách xem

Là giết đời nhau đây biết không

Dưới giàn hoa máu, tiếng mưa rung

Giận anh em viết dòng dư lệ

Là chút dư hương điệu cuối cùng”

Khen cho ông Thâm Tâm vì ở giây phút cuối, ông đã biết lỗi, đã thoát khỏi Psycho và lời thơ là một bản án ông tuyên cho chính mình:

“Tôi oán hờn anh những phút giây

Tôi run sợ viết bởi rồi đây

Nếu không yên được thì tôi chết

Đêm hơi làm sao tối thế này”

Tội của Thâm Tâm to tày trời và ông tự cứa vào tim mình bằng những vết dao ứa máu:

“Từ nay anh hãy bán thơ anh

Còn để yên tôi với một mình”

Từ đó những bài thơ ký tên TTKH chứa đựng những yêu đương điên cuồng hoang tưởng xuất phát từ một nội tâm rối loạn, đã được tác giả chôn vùi vào huyết mệ của im lặng.

Bỗng nhớ tiêu thuyết “Người Cuồng Mã Lai” của Stefan Zweig, vị bác sĩ vì yêu mà làm chuyện điên rồ, rồi vì yêu

mà đã chết để cứu lấy thanh danh của người đàn bà mình yêu.

Mưa đã nhỏ hạt:

“Cô vọng ngôn chi cô thính chi

Đậu bằng qua giá vũ như ti” (4)

Chúc mọi người ngon giấc,

Chú Thích:

(1) Hai sắc hoa ty gôn- TTKH

(2) Cô KH chỉ gặp Thâm Tâm hai lần và lần nào cũng nói “Cha mẹ em rất nghiêm” (Theo Nguyễn Vỹ)

(3) Bài Thơ Đan Áo- TTKH

(4) Thơ Vương Ngự Dương. Đây là bài Thất ngôn Tứ Tuyệt của Hình Bộ Thượng Thơ lúc bảy giờ (đời Thanh) là Vương Sĩ Trinh 王士禎 (tên thật của Vương Ngự Dương), 4 câu thơ kết thúc cho bài Bình về quyền Liêu Trai Chí Dị 聊齋誌異 của Bồ Tùng Linh 蒲松齡 mà

Vương rất thích, chỉ vồn vẹn 4 câu thôi mà nêu hết được cái ý chính và chủ đích của tác giả về tác phẩm bất hủ ” Liêu Trai Chí Dị 聊齋誌異 “.

Nguyên văn:

姑妄言之姑聽之	Cô vọng ngôn chi cô thính chi.
豆棚瓜架雨如絲	Đậu bằng qua giá vũ như ti.
料應厭作人間語	Liệu ưng yếm tác nhân gian ngữ,
愛聽秋墳鬼唱詩	Ái thính thu phần quỷ xướng thi !

Bản diễn Nôm của cụ Đào Trinh Nhất:

“Nói láo” mà chơi, nghe láo chơi
Dàn dưa lún phún hạt mưa rơi
Chuyện đời đã chán không buồn nhắc
Thơ thần nghe ma kể mấy lời.

(Nguồn: Đỗ Chiêu Đức – <http://tongphuochiep-vinhlong.com>)

CÀO LÁ SÂN VƯỜN



Thân Trọng Minh, Khuất Dầu, Huyền Chiêu và Ngọc Sương – Dalat 2017 (Photo by Thanh Hằng)

Lần này trở lại, con dốc như có vẻ cao hơn. Chầm chậm, kiên nhẫn như những con ốc sên, cuối cùng anh Khuất Đầu và tôi cũng xuống được tới cổng nhà. Dừng lại một chút để thở và để ngắm nhìn tấm bảng quen thuộc “Thân Trọng Điền Trang”. Một chút bồi hồi khi nhìn thấy cảnh cũ, một chút ấm áp khi nhìn thấy người xưa. Chủ nhân đang cào lá trong sân, nữ chủ nhân đang phơi mền trên ban công ngôi nhà gỗ.

Cây bơ trước sân nhà vươn những cành hoa trắng lấm tấm lên nền trời màu xám. Những cây tùng trong vườn cũng lớn nhanh, xanh non như trẻ dậy thì. Trong khi ngôi nhà như người mẹ già yên phận, lặng lẽ nhìn những đứa con lớn lên theo từng mùa xuân.

– A lô. Tết dương lịch tụi tôi lên Dalat để sống vài ngày trong ngôi nhà kỷ niệm sắp phải phá bỏ để xây lại. Nhà hư cũ lắm rồi. Ông bà có khỏe lên chơi.

Anh Thân Trọng Minh gọi từ cách đây mười ngày. Cứ tưởng có cả anh chị Đỗ Hồng Ngọc và vợ chồng Lê Ký Thương, Kim Quy. Tiếc, các anh chị đã có chương trình ở Lagi.

May là ngoài chúng tôi, lần này trong nhà có thêm một bóng hồng khuê các. Ngọc Sương, giọng Huế dịu dàng, nghe tiếng chào đã thấy lòng ấm áp.



Huyền Chiêu và Ngọc Sương –

Dalat 2017 (Photo by Thanh Hằng)

Lá rụng đầy sân. Chắc lâu lắm rồi chủ nhân mới từ Sài Gòn lên thăm lại Điền trang. Trong khi Thanh Hằng, Ngọc Sương tíu tít trong bếp, chúng tôi cào lá khô, khiêng củi chuẩn bị nhóm lửa dưới cội bơ già.

Cũng tại góc vườn này biết bao lần ngọn lửa đã bùng cháy. Biết bao lần anh em, bạn hữu của chủ nhà đã cùng nhau ngồi quanh đây.

Và mùa xuân năm nay, có người không bao giờ còn trở lại. Chiều xuống nhanh, cả nhà xuống phố đón ngày đầu năm

mới.

Vào Palace, anh Thân Trọng Minh và anh Khuất Đầu uống rượu ngoài ban công. Thanh Hằng, Ngọc Sương và người viết ngồi gần để nghe tiếng đàn dương cầm của Võ Chí Hiền. Hiền cũng là người quen của Điền trang Thân Trọng. Đêm đêm, Hiền ngồi sau chiếc piano của La Palace đã hơn 20 năm.



Nghe đàn ở La Palace. (Photo by Thanh Hằng)

Ngày đầu một năm sắp tàn. Chia tay, Hiền hẹn tôi mai ghé lại Điền trang.

Về nhà, ngọn lửa rục rở khi chiều chỉ còn lại những đóm than hồng giữa màu tro tàn buồn bã.

Chúng tôi lại cào lá để ngọn lửa bùng lên.

Sáng.

Ở đây có tiếng gà gáy.

Cả nhà co ro mặc thêm áo ấm để ra phố.

Lần này mới thấy leo dốc cao giúp bớt lạnh.

Cả nhà ngồi cà phê.

Cả nhà đi chợ.

Cơm trưa hôm nay có đọt hoa cải xào thịt bò.

Chiều xuống dần.

Các ông già lại cào lá, khiêng củi.

Các quý bà chuẩn bị món bún thang.

Khi trăng thượng tuần mỉm cười nhìn xuống, ngọn lửa lại bùng lên.

Tối nay trời quá lạnh. Chúng tôi chỉ dám ngồi trong nhà nhắc chuyện xưa, nhìn ngọn lửa qua khung cửa kính.

Khách đã tới. Hiền bước vào với hộp đàn Violin trên vai.

Khúc serenata của Hiền làm cho những trái tim già thổn thức.

“Nhạc Chiều Của Chúng Ta” – câu hát này có lẽ gợi nhớ một điều gì nên anh Thân Trọng Minh cứ ca ngợi mãi.

Và có lẽ lâu lắm rồi mọi người mới được nghe anh hát khúc *Les Feuilles mortes*.



Anh Thân Trọng Minh hát Les Feuilles mortes, Võ Chí Hiền kéo violon (Photo by Thanh Hằng)

Trời khuya.

Cám ơn chàng nhạc sĩ với những khúc nhạc chiều êm ái. Trong bóng đêm lạnh buốt, chàng nhạc sĩ làm lụi một mình lên dốc.

Khúc nhạc đã tắt, chỉ còn ánh lửa bập bùng.

Đầu năm 2017

DALAT NHỚ



*Huyền Chiêu
chì than, theo trí nhớ
đình cường*

Dalat sương mù giăng mắc
Có một người đi không về
ngôi nhà thờ xưa chuông đổ
nhớ người mấy dặm sơn khê

Dalat những chiều mây xám
chú ngựa già như lắng nghe
có người đang ngồi đầu đó
vội vàng trên những chuyến xe

Dalat mặt hồ lặng lẽ
In bóng một hàng thông xanh
Màu xanh ngập tràn nhưng nhớ
những ngày vui rất mong manh

Dalat có nàng áo trắng
tóc buồn nghiêng trên vai xinh
nàng đang đi vào xa vắng
dấu chân còn lại chút tình

Dalat pha màu xanh mực
huyền hoặc như đêm Noel
nhớ ngôi sao buồn nở muện
long lanh trong tranh Đình Cường.

vẫn nhớ một ngày nắng đẹp
bạn hẹn mùa xuân sẽ về
bây giờ bạn đi đi mãi
Dalat chiều buồn lê thê.

QUÊ NGHÈO



Quê Nghèo – Tranh: Huyền Chiêu

Tôi sinh ra ở một làng quê nghèo.

Mẹ và tôi sống chung với bà ngoại trong một ngôi nhà cũ kỹ. Ngôi nhà ấy dành phần tốt nhất gọi là nhà trên để thờ ông bà. Đàn bà và trẻ nhỏ sống ở nhà dưới là một gian nhà tranh vách đất.

Tôi không có ý niệm về giàu nghèo vì chung quanh tôi nhà nào cũng nghèo.

Đứa bé nghèo lớn lên bên gốc khế, bụi chuối, khóm tre và cảm thấy cuộc sống thật tươi vui. Tôi hay theo bà tôi vào bếp nhóm lửa nấu cơm để được nhìn những cây củi khô hóa kiếp thành một bếp lửa hồng. Khi lửa bắt đầu reo tí tách, tôi thường chạy ra ngoài nhìn những làn khói len lỏi chui ra từ mái tranh rồi lan tỏa lên bầu trời xanh trong.

Năm tôi lên sáu, mẹ cho tôi đi học.

Đứa trẻ nào cũng vậy, ngày đầu đến trường luôn là một ngày thiêng liêng.

Tôi run run bước chân vào lớp học như bước vào một ngôi đền thiêng và khi vòng tay cúi đầu chào thầy, tâm hồn tôi xao xuyến dâng lên một nỗi kính yêu chưa từng có .

Mẹ tôi nói “đứa nào không chịu đi học thì phải đi chăn bò”.

Trẻ chăn bò và trẻ đi học hồi đó địa vị thật cách biệt.

Tôi yêu thầy tôi, tôi kính phục và biết ơn thầy tôi. Thầy giỏi thật, chỉ một năm học với thầy tôi đã biết đọc, biết viết, đường hoàng bước vào một thế giới xán lạn, không phải là thế giới của chẵn bò.

Ngoài giờ học, tôi thích nhất được đi long rong trong xóm để ngắm sự sống sinh động trôi qua từng phút, từng giây.

Thật thú vị khi nhìn ngắm những dăm bào cuộn tròn, tuôn ra từ cái bào của chú thợ mộc.

Thật vui khi được phép phơi chiếc bánh vừa tráng xong lên chiếc vỉ tre ở lò tráng bánh.

Tôi hay lén nhìn mâm cơm nhà hàng xóm xem hôm nay họ có gì trong bữa cơm đạm bạc.

Đọc đến đoạn văn trời rét căm căm không ai thuê mướn, nhà mẹ Lê với đàn con nhỏ nhít không còn hạt gạo nào để nấu, tôi đã khóc.

“Quê Nghèo” của Phạm Duy là bài hát ưa thích của tôi hồi đó.

“Ruộng khô có những ông già rách vai,

cuộc đất bên đàn trẻ gầy,

có người bừa thay trâu cày”

Ông Phạm Duy giỏi thật, ông đã làm tôi rung rung nhớ đến những chiếc áo vá của bà tôi, mẹ tôi và của nhiều đứa bạn trong xóm.

Ở nhà trên, trong nhà ngoại, cậu tôi có để trên bàn một tập nhạc. Cậu đi học xa nhưng cây đàn violon của cậu vẫn treo trên tường. Cây đàn làm tôi biết rằng có một điều gì đó làm cho gia đình tôi khác với những nhà trong xóm.

Mỗi ngày tôi đều rón rén bước lên nhà trên, nhẹ nhàng mở tập nhạc, say mê nhìn ngắm từng bản nhạc. Những nốt nhạc như đang nhảy múa trên những dòng kẻ. Tôi tưởng tượng ra nhiều thứ từ những nét vẽ lập thể ngộ nghĩnh trên bìa nhạc của họa sĩ Duy Liêm và tôi đặc biệt thích những bài hát mô tả làng quê nghèo.

Dần dần tôi hiểu ra người dân quê tôi nghèo vì luôn có chiến tranh. Chiến tranh đồng nghĩa với chết chóc, điêu tàn, xác xơ, nghèo khó.

“Về đây nhìn mây nước bơ vơ

Về đây nhìn cây lá xác xơ

Về đây đâu còn bóng chiều mơ

Đâu còn mái tranh chờ

đâu tìm thấy người xưa

(Trở Về- Châu Kỳ)

Và Phạm Duy đã dạy cho tôi bài học hay nhất về sự tang thương:

“Người đi trên đống tro tàn

Thương em nhớ mẹ muôn vàn về đâu

Chiều khô nước mắt rụng sâu

Thương thân thiếu phụ, gục đầu hài nhi”

(Về Miền Trung-Phạm Duy)

Khi súng đạn im tiếng trên quê hương tôi, ai cũng mong quê hương sẽ được an hưởng thanh bình dù phải bắt đầu từ một đống đổ nát của chiến tranh.

Nhưng một cuộc chiến khác lại bắt đầu.

Lần này cuộc chiến còn bi thảm khủng khiếp hơn nữa khi đứa con tàn sát chính mẹ thiên nhiên đã ngàn năm nuôi nấng, bảo bọc mình.

Nhớ lại cái nghèo của chúng tôi thuở ấy sao mà đẹp quá.

Đó là thuở không ai tưới hóa chất lên ruộng đồng

Dòng sông thuở ấy không bị tấn công bởi bao ny lông, trong vắt lượn lờ giữa hai bờ tre xanh.

Bãi biển ngày đó hoang vu, tuyệt đẹp với trùng điệp những động cát trắng tinh tồn tại từ hàng triệu năm trước không bị san bằng chia lô làm resort, xây biệt thự nghỉ dưỡng, xây nhà cao tầng cao vút.

Rừng già quê tôi thuở ấy hùng vĩ, kỳ bí, thâm u hào phóng ban phát oxy cho người và là nơi ẩn náu của hàng triệu thú rừng.

“Ăn của rừng rung rung nước mắt”

Người dân thuở ấy trân trọng và biết ơn rừng chỉ dám làm “tiêu phu” xin rừng ít củi khô về đun nấu chứ không dám làm “lâm tặc” trắng trợn thâm sát hàng triệu thân gỗ quý ngàn năm tuổi.

Rừng xanh cũng biết ơn người, giữ gìn cho mưa nguồn thấm sâu vào từng gốc cây, bụi cỏ rồi từ tốn gom nước để dành cho những cánh đồng thân yêu.

Và hạt lúa thuở ấy đã ban tặng người dân nghèo những bát cơm thanh sạch dù chỉ ăn với muối.

Thương cái nghèo đã giữ cho quê hương chúng tôi còn nguyên vẹn.

Tôi nhớ “*Nắng lên Xóm Nghèo*”(1), Tôi yêu “*quê tôi, yêu mãi bây giờ còn yêu*”(2).

Những “*Mẹ quê vất vả trăm chiều nuôi một đàn con chắt chiu*”(3) nay còn đâu nữa.

Tôi ước gì người dân quê tôi được sống giản dị, yên lành, nghèo một chút như xưa nhưng giữ nguyên núi, rừng, sông biển cho con cháu mai sau.

Tháng 1/2017

Chú Thích:

(1)*Nắng Lên Xóm Nghèo –Phạm Thế Mỹ*

(2)*Tôi Yêu –Trịnh Hưng*

(3)*Bà mẹ Quê- Phạm Duy.*

ANH CHO EM MÙA XUÂN



Mùa Xuân – Tranh: Huyền Chiêu

Viết về nhạc sĩ Nguyễn Hiền khó quá!

Khó vì ông quá hoàn hảo.

Khó vì ông quá nổi tiếng.

Khó vì ông quá được yêu mến.

Người ta thường bảo “người có tài hay có tật”. Nhạc sĩ Nguyễn Hiền tìm mãi không ra tật nào.

Vì vậy viết về ông như khen phò mã tốt áo.

Nhưng tôi vẫn muốn viết, cũng như chưa bao giờ chán nghe nhạc của ông.

Sinh ra ở Hà Nội và dù không gắn bó với nơi mình đã lớn lên, Nguyễn Hiền luôn mang nét đẹp lịch lãm của người Tràng An.

Di cư vào Sài Gòn, ông là một công chức mẫn cán với chức vụ chủ sự phòng chương trình đài phát thanh Sài Gòn, là phụ tá giám đốc đài truyền hình Việt Nam.

Ông giao du với hầu hết giới nghệ sĩ nổi tiếng, những ca sĩ tài sắc nhất thời đó.

Nhưng ông không sa ngã như Phạm Duy, không gây phản ứng trái chiều như Trịnh Công Sơn, không ồn ào, rộn ràng như Hoàng Thi Thơ...

Không có tật thì...nhạc làm sao hay được?

Không bị vợ bỏ, tình phụ, bạn bè phản trắc, không phải sống đói nghèo thì làm sao có những tác phẩm xé lòng?

Với tôi, nhạc sĩ Nguyễn Hiền vượt lên khỏi những cái “tật” ấy.

Tâm hồn ông chan chứa một mùa xuân yêu thương và những khúc nhạc của ông là khúc nhạc hướng về một thế giới rạng rỡ có người biết yêu người.

Ông thường giao cảm với thi nhân để cùng nhau cho ra đời những ca khúc đẹp.

Tác phẩm đầu tay ông phổ thơ Thiệu Giang để chúng ta có ca khúc “Người Em Nhỏ”.

Nghe “Người Em Nhỏ” ta hình dung được tình yêu của các chàng trai Việt thuở ấy nhẹ nhàng, thấm thiết và trong sáng đến như thế nào.

“Chiều nay buồn viễn xứ

Nhớ người em gái xưa

Tôi thấy chân trời cũ

Giăng giăng một hàng mưa”

“Lá Thư Gửi Mẹ”, phổ thơ của Thái Thủy, người miền Nam sống qua thập niên 1960 làm sao quên được:

“Mẹ ơi thôi đừng khóc nữa

Cho lòng già nặng sầu thương

Con đi xây tình viễn xứ

Đâu có quên tình cố hương.”

Trong ca khúc của Nguyễn Hiền không có tiếng kêu gào hung hăng theo kiểu:

“Giết người đi, giết người đi, giết người trong mộng đã bội thề”(1)

không khổ cực, vất vả vì yêu như:

“Ta lần mò leo mãi

Không qua được vách sâu

Ta tìm một tiếng yêu

Thấy toàn là sầu đau” (2)

Tình yêu, niềm thương nhớ trong nhạc Nguyễn Hiền lãng đãng như mây trời, nhẹ nhàng như khói sóng:

“Nhớ nhau, khi mây vương vương màu tím

Dư âm câu ca trù mền

Mang một lời thề nguyện

Ngàn kiếp mây bay mang theo niềm nhớ

Thu sang lòng thấy bơ vơ

Giờ chỉ còn mộng mơ” (3)

Bài thơ “Nụ Hoa Vàng Mới Nở” của Kim Tuấn khi được Nguyễn Hiền viết thành ca khúc “Anh Cho Em Mùa Xuân” đã cứ hồi sinh như cánh nẩy lộc mỗi độ xuân về, dù có thời gian bị xếp vào loại nhạc vàng cấm kỵ,

“Đất Mẹ gầy có lúa,

Đòng xa xanh mấy mùa,

Ngoài đê điều căng gió

Thoảng câu hò đôi lúa”

Những hình ảnh rất thân quen, đầy xúc cảm ấy làm sao phai nhạt được trong lòng người dân Việt?

Ngoài tình yêu dành cho mẹ, cho em, tình yêu quê hương của Nguyễn Hiền ngọt ngào như một khúc hoan ca mơ về một đất nước thanh bình, chưa bao giờ có thực nhưng đẹp như tranh vẽ.

Bạn đã bao giờ nghe Thái Thanh hát “Thanh Bình Ca” của Nguyễn Hiền do Thanh Nam viết lời?

Thật bất ngờ khi Thanh Nam viết được những câu ca hay đến vậy.

Và sự kết hợp tuyệt vời của Thái Thanh, Nguyễn Hiền, Thanh Nam đã làm tôi tiếc nuối một thế hệ tài hoa của đất nước bây giờ ngày một vắng xa.

Thanh Bình Ca làm lay động lòng người bằng những ngôn từ giản dị nhất :

“Về nơi đây chung xây đắp quê hương

Và nơi nơi vui câu hát yêu thương

Lúa reo mừng mùa về ngát thôn làng

Đời vui tươi như muôn sóng trùng dương”

Giản dị nhưng phải thật, không phỉnh gạt dối trá thì lời ca, tiếng hát ấy sẽ mãi mãi lắng đọng trong hồn người.

Một chút riêng tư, “Tìm Đâu” là ca khúc của Nguyễn Hiền mà tôi cảm thấy tâm hồn mình phảng phất đâu đó.

Đó là một ca khúc không phổ biến lắm và cũng ít ca sĩ nào chọn hát.

Nhưng “Tìm Đâu” có giai điệu đẹp quá. Nỗi buồn rất nhẹ trong “Tìm Đâu” sao cứ làm lòng mình vương vấn.

Chẳng phải mỗi ngày, mỗi tháng, mỗi năm ta đã trôi tuột biết bao điều, cả cuộc đời ta cứ nhớ hoài, tìm hoài.

Chẳng phải những hoài vọng tưởng như mơ hồ ấy cứ luôn làm trái tim ta rạn vỡ:

“Niềm thương dù cho xa cách muôn trùng không phai mờ

Ngày tháng vẫn vương theo áng mây trôi, đi bơ vơ

Tìm lúc chiều về những phút say mơ

Tìm về lối cũ nên thơ

Hàng cây in bóng ven hồ”

Tôi gọi những ca khúc của Nguyễn Hiền là “Khúc Nhạc Thanh Bình”, vì chúng được viết bởi một tâm hồn tràn ngập tình yêu người, yêu đời, yêu hòa bình.

Đất nước chúng ta đã từng có một lớp người tài năng, nhân hậu và tư cách.

Tiếc!

Đáng lẽ lớp người ấy đã phải được cùng nhau:

“Ôi mừng sao khi sông núi thanh bình

Lau nước mắt xóa tan mùa chiến chinh” (4)

Xuân Đinh Dậu 2017

Chú Thích:

(1) *Giết Người trong Mộng (Phạm Duy)*

(2) *Đời Đá Vàng (Vũ Thành An)*

(3) *Ngàn Năm Mây Bay (Nguyễn Hiền)*

(4) *Thanh Bình Ca (Nguyễn Hiền)*

THUỞ ẤY
THƠ CÒN NON MÙI SỮA (1)



Tranh: Huyền Chiêu

Một hôm ông anh rể của tôi bẽn lễn mang đến nhà tặng tôi một tập thơ. Nếu anh đem tặng một lượng vàng chắc tôi còn ít ngạc nhiên hơn. Ông anh của tôi là một người chồng, người cha hiền lành chất phác. Ngoài công việc bận bịu ở xưởng sửa xe hơi, anh không đọc sách, không nghe nhạc, không xem TV. Vậy anh làm thơ lúc nào và anh làm thơ để làm gì khi cuộc sống khá ấm êm, việc làm vất vả nhưng thu nhập khá?

Trân trọng và tò mò tôi đọc hết tập thơ.

Thơ anh cũng giống như các tập thơ tôi được tặng. Nhiều nhất là thơ về bốn mùa, thơ trời nắng, trời mưa, thơ nhớ mẹ, nhớ một bóng người xưa, thương đưa con gái đi lấy chồng xa, thương một người bạn vừa mới chết... Hai hôm sau anh thợ may trong xóm cũng mang đến tặng tôi một tập thơ và tôi rất cảm động khi đọc thơ anh:

*“Chút tình thơ ca vương vấn
Sợ mai cách trở nước mây
Một đóa quỳnh hoa nở muộn
Ta ngồi ngắm bóng trăng suông*

*Buồn tình lên non tìm nhớ
Bỏ quên dưới phố vẫn thương
Buồn ngắm trăng sao vời vợi
Ngàn năm bóng nguyệt vô thường” (2)*

Cảm động vì có lẽ chỉ có tôi mới hiểu tại sao tác giả lại “lên non tìm nhớ”

Sau năm 1975, không còn ai thuê may áo, anh thợ may phải lên rừng hái củi và anh đã lang thang vừa tìm củi khô vừa bí mật làm thơ.

Không biết ở các nước Pháp, Đức, Ái Nhĩ Lan, Na Uy, Đan Mạch, Canada, Mỹ ... người dân có say mê làm thơ như ở nước tôi? Có lẽ họ có sức khỏe nên họ dùng thời gian rảnh để leo núi, trượt tuyết, lướt ván, cỡi ngựa, bay dù lượn, đi du lịch... Còn người dân quê tôi suốt năm suốt tháng quanh quẩn trong xóm, trong làng, trong khu phố, bên cái loa phường nên họ chỉ biết bay bổng bằng thơ? Cứ nhìn cách di chuyển thì biết. Người nước ngoài khi đi bộ trên phố họ sải bước cực kỳ nhanh. Tổng thống Obama khi sang thăm Việt Nam đã chạy rất đẹp, rất nhanh nhẹn lên cầu thang chiếc máy bay Air Force One, rồi xoay người nhẹ nhàng, lịch lãm đưa tay vẫy chào tạm biệt. Còn người Việt thường bước đi rất chậm như đang tìm ý thơ. Tôi chưa thấy quan chức nào chạy lên khán đài, chạy lên cầu thang.

Dân tộc tôi vốn yêu thơ. Các bà, các mẹ ngày xưa không biết đọc biết viết nhưng thuộc rất nhiều câu ca dao. Và bọn

trẻ từ thuở sơ sinh đã được ngủ ngon trong tiếng à ơi ngọt ngào:

*Tóc mai sợi vấn sợi dài
Lấy nhau chẳng đặng thương hoài ngàn năm.”*

Trẻ em chúng tôi ngày đó được lớn lên trong nhạc điệu quen thuộc của ca dao.

Nhưng thuở ấy thi sĩ rất hiếm, người viết được thơ phải là người giỏi chữ, học rộng, tài cao.

Chắc ít có nước nào mà nhà thơ được trọng vọng như ở nước tôi.

Để được thi đậu ra làm quan, học trò không cần giỏi toán, lý, hóa, không cần có phát minh khoa học, không cần chế tạo ra máy móc mà chỉ cần... làm thơ hay:

*“Tước hữu ngũ sĩ cư kỳ liệt
Dân hữu tứ sĩ vi chi tiên” (3)*

Thực ra bọn học trò chúng tôi thuở ấy đã rất đau khổ vì phải học thơ chữ Hán.

*“Cầm chính đạo để tịch tà cự bí
Hồi cuồng lan nhi chương bách xuyên” (3)*

Khó hiểu quá, và dù thầy có giảng cho hiểu thì chúng tôi cũng không cảm nổi những câu thơ ấy.

May có ông thầy dạy văn mê thơ mới. Thầy bắt mỗi đứa sắm một quyển sổ nho nhỏ. Khi rảnh, thầy đọc thơ mới cho chúng tôi chép.

Trời! Thế giới thơ sao mà huyền ảo đến vậy. Tâm hồn ngây thơ, trong sáng của chúng tôi đã bị choáng váng bởi những câu thơ đầy nhạc điệu mới mẻ của Xuân Diệu, Huy Cận, Hồ Dzếnh, Lưu Trọng Lư, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính...

Cám ơn thầy, cám ơn thầy rất nhiều. Nhờ thầy, nhờ dòng thơ mới mà chúng tôi đã biết yêu tiếng Việt, yêu thi ca và bắt đầu làm quen với hai chữ “lãng mạn” mà thầy giảng là “sóng tràn bờ”:

*“Tai nương nước giọt mái nhà
Nghe trời nặng nặng, nghe ta buồn buồn”*
(Huy Cận)

Thơ giản dị như vậy mà sao chúng tôi không làm được nhỉ? Miền Nam thuở ấy tự do là thế nhưng nhà văn vẫn nhiều hơn nhà thơ. Ở mỗi số “Văn Nghệ Tiền Phong”, “Phụ Nữ Diễn Đàn”, “Văn”, “Văn Học”, “Bách Khoa”, “Mai”, “Nghệ Thuật” “Ý Thức”... chỉ xuất hiện một vài bài thơ. Thơ hiếm nhưng hay:

*“Tôi đứng bên này bờ dĩ vãng
Trông về con nước ngậm ngùi xuôi”*

*Những người con gái bên kia ấy
Ai biết chiều nay có nhớ tôi”*
(Hoàng Trúc Ly)

Sau năm 1975, ở miền Nam, thơ lãng mạn ngủ yên một thời gian dài như gấu ngủ suốt mùa đông. Rồi đến một ngày dòng thơ ấy bỗng thức dậy và từ đó thơ len lỏi vào đời sống, mọc rễ, lớn nhanh, xanh tốt và dường như mọi người ai cũng muốn nói lên một điều gì bằng thơ. Bạn tôi làm việc ở ngành thông tin văn hóa, cho tôi biết ở tỉnh tôi mỗi năm sở cấp phép cho hàng trăm tập thơ, chỉ để in tặng, không bán.

Làm thơ rất mất thời gian.
In Thơ rất tốn tiền.

Nhưng phong trào làm thơ, in thơ ở quê tôi vẫn đang tràn đầy sức sống và có dấu hiệu không chịu ngừng lại.

Nhà nhà làm thơ, người người làm thơ nên vào ngày rằm tháng giêng mỗi năm, nước Việt Xã Hội Chủ Nghĩa lại phát sinh thêm một lễ hội mang tên “Ngày Thơ Việt Nam”. Năm nay Hà Nội tổ chức “Ngày Thơ Việt Nam” ở Văn Miếu thu hút đông đảo khách du xuân.

Những nhà thơ nổi tiếng được in hình lên pano kèm theo hai câu thơ tiêu biểu.



*Tấm pano thơ Hàn Mặc Tử nhưng ảnh chân dung Yên Lan.
Ảnh: FB nhà báo Kiều Mai Sơn.*

Và mặc dù có nhiều câu thơ in sai bản gốc, thơ Hàn Mặc Tử thì in hình Yên Lan, mọi người vẫn lũ lượt trẩy hội đến nỗi khách mời, nhà văn, dịch giả Igor Britov phát biểu cảm tưởng:

“Tôi rất bất ngờ trước lòng yêu thơ của người Việt Nam vì đất nước chúng tôi không có sự kiện nào như ‘Ngày Thơ’ cả” (4)

Có lẽ thơ là cách để người ta thoát ra khỏi cuộc sống tù túng, giống như người lên đồng.

“Không có cánh nhưng vẫn thềm bay bổng
Đi trong sân mà nhớ chuyện trên gò
Trút thời gian trong một phút chơi vơi
Ngắm phong cảnh giữa hai bờ lá cỏ

.....

“Là thi sĩ nghĩa là ru với gió
Mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây” (5)

Cũng có thể thơ hiện nay ở nước tôi là một bệnh dịch. Chẳng phải vậy mà tôi, một người trước đây chưa bao giờ nghĩ rằng mình sẽ viết nổi một câu thơ mà bây giờ đôi khi cũng ... làm thơ.

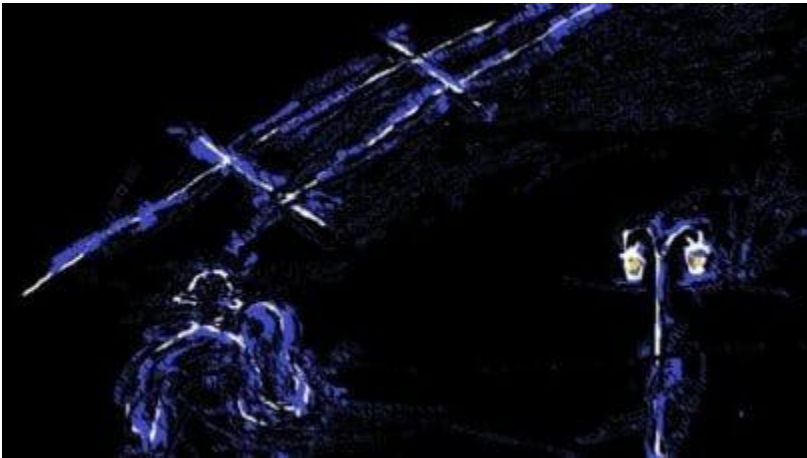
Lạ thật!

Tháng giêng Đinh Dậu 2017

Chú Thích:

- (1) Câu hát trong Tóc Mai Sợi Vắn Sợi Dài – Phạm Duy
- (2) Trích Bài Thơ Lỡ Vận – Tường Hoài.
- (3) Trích Kè Sĩ – Nguyễn Công Trứ.
- (4) Theo bài viết [“Ngày Thơ Việt Nam, May Mà Không Có Chuyện Cướp Thơ”](#) – Báo Thể Thao Và Văn Hóa.
- (5) Trích Cảm Xúc – Xuân Diệu.

SAO LẠI LÀ BOLERO?



Tàu Đêm Năm Cũ- Tranh (minh họa): Huyền Chiêu

Hồi tôi còn đi học, tan trường về đôi khi có vài chàng lính đi theo sau lưng.

Có một chàng trông cũng hiền lành, nho nhã, đóng quân ở Dục Mỹ. Chàng làm quen với em trai tôi. Mỗi lần xuống phố, chàng nhờ thằng em trao cho tôi một bản nhạc.

Và cũng bởi những bản nhạc này mà chàng không còn cơ hội làm quen với tôi.

Những bản nhạc chàng tặng nói cho tôi biết chàng mê nhạc Bolero!

Và chàng không hề biết rằng cô học trò nhỏ rất không thích dòng nhạc này.

Cuộc đời của mỗi người đều có nhiều khúc quanh. Những năm đi học, tôi không quan tâm đến Lính, đến tâm trạng của những “Kẻ Ở Miền Xa”, của mấy người đàn ông:

“quán nửa khuya đèn mờ theo hơi khói

Trút tâm tư vào đêm vắng canh dài” (1).

Thời gian ấy, tôi say mê đọc Camus, Saint Ex, Yukio Mishima, Tagore, Gibran.

Chữ nghĩa cuốn tôi vào một thế giới cách biệt, xa rời hiện tình của đất nước.

Ngoài nhạc Pháp, tôi chỉ thích nghe Thái Thanh và Lệ Thu, mà hai ca sĩ này không hát nhạc Bolero.

Anh Linh ấy bây giờ ở đâu rồi? Có thể anh đã tử trận, có thể anh sống sót như một thương binh, có thể anh đã chết già ở một nơi xa xôi nào đó không phải là Việt Nam. Nhưng tôi biết từng có lúc, anh đã một mình đếm bước trên đường khuya và lầm nhảm hát:

“Thôi nhắc nhở để mà chi

Quay về xưa làm gì

Giờ hai lối mộng hai hướng đi

Niềm ưu tư tôi đếm

Từng bước trên phố nhỏ đau gót mềm.

Sao rụng nửa đường đêm”(2)

Cuộc bẻ dâu 1975 như một trận động đất kinh hoàng đã đưa Miền Nam vào cảnh sụp đổ, tan hoang, chia lìa, nghi kỵ.

Chúng tôi bị phá sản.

Chúng tôi sống như người mộng du.

Tất cả người dân miền Nam như sống trong một nhà tù bao la. Những người tù ấy, mỗi năm được mua 4m vải thô để may quần áo, mỗi ngày phải ăn cơm độn bo bo để ra đồng theo tiếng keng, muốn đi đâu phải có giấy phép.

Âm nhạc, sách báo trước 1975 đều bị cấm phổ biến. Chúng tôi chỉ được nghe nhạc, nghe tin tức từ chiếc loa phường.

Đầu óc trống rỗng, chúng tôi đã già đi, biến thành những cây khô vô tri và không hề biết chuyện gì đã xảy ra bên ngoài nước Việt.

Một hôm có một xe bán kẹo kéo đậu ở góc phố.

Xưa bán thuốc dạo phải “Son Đông Mãi Võ”.

Nay bán kẹo kéo thì phải hát nhạc Bolero.

Từ đó ngọn lửa Bolero bùng phát trở lại.

Thật ngạc nhiên khi người dân miền Bắc mấy mươi năm chìm đắm trong Chủ Nghĩa Cộng Sản lại vô cùng say mê những ca khúc viết theo điệu Bolero do các nhạc sĩ miền Nam sáng tác trước 1975!

Có phải tiếng lòng chân thật thì dễ ở lại với lòng người?
Và có phải vì người ta đã quá chán ngán phải nghe những
câu ca là những lời giả trá?

Khi Việt Nam bắt đầu thực hiện nền kinh tế gọi là Thị Trường Định Hướng Xã Hội Chủ Nghĩa, mọi người đều cảm thấy bất ổn với cái đuôi “Định Hướng”. Kinh tế thì chưa ra sao nhưng thị trường âm nhạc thật nhộn nhịp khi rầm rộ mang về sân khấu, màn hình những Chế Linh, Phương Dung, Giao Linh, Hương Lan, Trường Vũ... bất chấp họ đã trở thành ông nội, bà ngoại, bất chấp cả “Định Hướng Xã Hội Chủ Nghĩa”.

Những cánh chim rời xa quê nhà hơn 30 năm đã quay về trên đôi cánh mỏi mệt. Nhưng không sao, khán giả vẫn nồng nhiệt chào đón họ, khao khát được nghe lại giọng ca gọi nhớ một thời dĩ vãng trong điệu bolero pha phách giữa điệu nhạc bập bùng của Nam Mỹ với điệu xàng xê mang tính tự sự đặc trưng của miền sông nước.

Và tôi cũng bắt đầu cảm mến cuộc quay về ngoạn mục của dòng nhạc Bolero.

Bolero đã chứng minh rằng nền văn hóa chơn chất có gì nói nấy của miền Nam không chết mà đang trở dậy một cách âm thầm, lặng lẽ.

Tìm nghe qua internet những ca khúc của Trúc Phương, tôi tự trách mình trước đây đã bỏ qua giọng ca Thanh Thúy.

Thật là một ca sĩ kỳ lạ khi bà có thể hát “Giọt Mưa Thu”, “Đêm Tàn Bến Ngự” một cách chững chạc khi còn rất trẻ rồi bước qua “Phố Buồn” theo điệu Tango nhịp nhàng thanh thoát và tiếng hát của bà cũng là con thuyền chở nổi những ca khúc Bolero trầm uất của Trúc Phương

Không ai qua được Thái Thanh trong các ca khúc của Phạm Duy nhưng tôi tin rằng bà đã phải chịu thua và nhường “Ngày Em Hai Mươi Tuổi” cho Thanh Thúy.

Dòng nhạc Bolero đã cho tôi sống lại cuộc sống tội nghiệp của một lớp người trẻ hoang mang và cô đơn trong cuộc chiến mà tôi cho là phi lý.

“Nhiều đêm trong giấc mộng mờ hôi kêu tên em

Kêu chỉ một tên” (3)

Tôi cũng nhớ đến chàng lính trẻ tặng nhạc Bolero cho tôi năm nào. Hồi đó, chàng khoảng bằng tuổi con trai út của tôi hiện giờ nhưng chàng đã phải sống qua một tuổi trẻ đầy gian truân nghiệt ngã:

“mây mù che núi cao

Rừng sương che lối vào

Đông ruộng mênh mông nước

Đêm đêm nằm đường ngăn bước thù

Áo nhà binh thương lính, lính thương quê.

.....

Gio Linh khói bom đạn về làm rìng cây thối xanh lá.

Pleime gió mưa mùa.

*Tây Ninh nắng nung người mà trận địa thì loang máu
tươi.” (4)*

*Nếu chàng đã chết, xin thấp chàng nén hương lòng, nếu
chàng còn sống, mong chàng cứ hãy vui cùng Bolero.*

Tháng giêng 2017

Chú Thích:

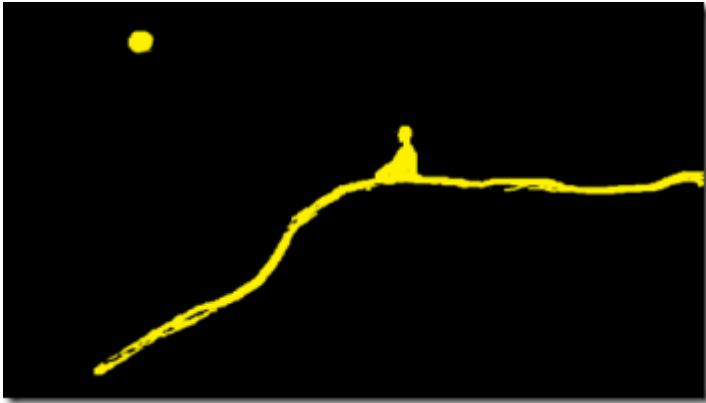
(1) Quán Nửa Khuya – Tuấn Khanh-Hoài Linh

(2) Hai Lối Mộng-Trúc Phương

(3) Bông Cỏ May-Trúc Phương

(4) Trên Bốn Vùng Chiến Thuật-Trúc Phương.

**CHUÔNG CHÙA LÀNG XA,
CHIỀU LẠI VANG (1)**



Ánh trăng (tranh minh họa của Huyền Chiêu)

Nhắc đến nhạc sĩ Nhật Ngân, tôi chỉ nhớ tình khúc “*Tôi Đưa Em Sang Sông*”.

Khó có chàng trai 18 tuổi nào khác viết được một ca khúc làm xao xuyến người nghe đến vậy. Những ca khúc viết về chiến tranh của ông không khắc khoải, ám ảnh tôi bằng dòng nhạc Trúc Phương. Những “*Xuân Này Con Không Về*”, “*Thư Xuân Trên Rừng Cao*“, “*Lính Xa Nhà*” ...” của ông nhẹ nhàng quá.

Cho đến khi clip “*Một Mai Giã Từ Vũ Khí*” hát bởi hai thầy chùa trẻ được tung lên mạng tôi mới có dịp nghe hết bài hát đã được Nhật Ngân sáng tác cách đây gần nửa thế kỷ.

Xin lan man một chút về chuyện vì sao tôi dùng chữ “thầy chùa” ở đây.

“Thầy chùa” đối với tôi gần gũi, thân thiện hơn cách gọi khác như “*su thầy*”, “*nhà su*” “*đại đức*”...

Thuở bé, tôi sống trong một ngôi làng nhỏ nhưng lại có đủ các cơ sở tôn giáo. Đi ngang chùa, thấy bóng ông già áo nâu hiền lành, lụm cùm quét sân, mẹ tôi nói “ông già đó là thầy chùa”. Người mặc áo dòng đen được mọi người gọi là

“Cha Nhà Thờ”, vị Mục sư Tin Lành thuở ấy được gọi là “Thầy Giảng”, nhà thờ Tin Lành được gọi là “nhà giảng”.

Dù được gọi bởi những cái tên rất dân dã, người dân quê tôi rất kính trọng các bậc tu hành.

Thời nay ở đất nước tôi chính tà lẫn lộn, chùa chiền lắm khi là chốn thị phi.

Không biết hai thầy chùa trẻ trong clip là thật hay giả, ngu ở chùa nào nhưng tôi cũng xin cảm ơn hai thầy đã nhắc cho tôi nhớ lại một ca khúc mà đáng lẽ tôi không nên quên.

Đã hơn bốn mươi năm trôi qua, những nắm xương trong “*Một bia kín trong nghĩa địa buồn*” (1) đã hóa thành tro bụi và những đồng đội còn sống sót “*Qua Con Mẹ*” cũng đã lần lượt rời xa cõi trần luân.

Nhưng những âm thanh khắc khoải từ những tâm trạng bi thương của người lính miền Nam sao vẫn còn đây...

Những lời ca ấy đã từng bị nhốt vào ngục tối, rồi bị quên lãng bởi một thế hệ sinh ra không có ý niệm gì về chiến tranh. Cho nên sao khỏi ngạc nhiên khi “*Một Mai Giã Từ Vũ Khí*” bỗng dung trở về trên đôi môi của những người chưa bao giờ cầm vũ khí.

Nghe ca khúc ấy, tôi ngâm ngùi cho một thế hệ thanh niên miền Nam quá ngây thơ về cuộc chiến, quá tin tưởng vào tình người.

Được biết nhạc sĩ Nhật Ngân viết hai ca khúc *Qua Con Mê* và *Một Mai Giã Từ Vũ Khí* sau khi có hiệp định Paris kết thúc chiến tranh Việt Nam năm 1972. Giác mơ hòa bình của người lính Nhật Ngân thật trong sáng:

*“Tình người sau con mê vẫn xanh
Dù bao tháng năm đau thương dập vùi
Trường quen vắng bóng mai ta lại về
Cùng theo lũ em học hành như xưa” (2)*

Hạnh phúc biết bao khi quê hương không còn lửa đạn để người lính buông súng, cùng người yêu làm một chuyến viễn du trong hân hoan và nước mắt mừng vui.

*“Cùng nhau ta sẽ đi
Sẽ thăm bao nơi xưa
Vui một thuở lênh đênh
Ta sẽ thăm từng người
Sẽ đi thăm từng đường
Sẽ vô thăm từng nhà” (2)*

Chuyến đi cũng có khi làm trái tim nặng trĩu:

*“Rời anh sẽ dìu em tìm thăm
Mộ bia kín trong nghĩa địa buồn*

*Bạn anh đó đang say ngủ yên
Xin cảm ơn! Xin cảm ơn! Người nằm xuống” (1)*

Chiến tranh gây đau thương chết chóc, ai mà chẳng ghét. Hòa bình đến ai mà chẳng mừng.

Sau cuộc chiến Nam Bắc ở Mỹ, những tướng lĩnh hai chiến tuyến đã bắt tay nhau trong tinh thần thượng võ và tất cả các binh sĩ hai miền đều được đối xử bình đẳng trở về với cuộc sống đời thường. Người văn minh đều hiểu rằng khi chiến tranh xảy ra cả hai phía đều thua.

Những điều tốt đẹp ấy đã không đến với đất nước Việt Nam bất hạnh.

Anh lính miền Nam từng ôm giấc mơ đẹp:

*“Trường quen vắng bóng mai ta lại về
Cùng theo lũ em học hành như xưa” (2)*

Không ngờ rằng sau chiến tranh, anh cũng được đi học, nhưng học ở một nhà tù dạy bài học người là kẻ thù của người.

Một Mai Giã Từ Vũ Khí của Nhật Ngân đã được hát lại nhiều lần trên những sân khấu lộng lẫy ở hải ngoại. Nhưng trong không khí ngột ngạt của Việt Nam, bài hát trong clip của hai thầy chùa trẻ đã làm tôi vô cùng xúc động. Bởi từ lâu lắm rồi thanh niên nước tôi đã không còn biết tự hỏi vì

sao mà trên khắp đất nước này “*Mộ bia kín trong nghĩa địa buồn*”.

Và tôi tin rằng hai nhà sư trẻ – bây giờ tôi mong hai vị là những nhà sư chân chính – đã hát bài hát này thay lời kinh, cầu cho khổ nạn đất nước sẽ qua đi và những oan hồn, uổng tử cũng sẽ siêu thoát theo tiếng chuông chùa.

*“Chuông chùa làng xa, chiều lại vang
Bếp ai lên khói ấm tình thương
Bát cơm rau khói ấm tình quê
Có con trâu
Có nương dâu
Thiên đường này mơ ước bao lâu. (1)*

Tôi cũng tin rằng linh hồn nhạc sĩ Nhật Ngân đang mỉm cười khi biết rằng lời nguyện cầu hòa bình của ông đang vang xa tận chốn thiền môn.

Tháng ba 2017

Chú Thích:

(1) *Một Mai Giã Từ Vũ Khí* – Nhật Ngân

(2) *Qua Con Mê* – Nhật Ngân

ĐƯA BẠN VỀ THĂM DỐC LẾT



Ảnh: Dốc Lết (Nguồn: Internet)

Lần trước khi rời Ninh Hòa anh Thân Trọng Minh nói: “ra giêng, đi Úc về Hằng và tôi sẽ trở lại Ninh Hòa”.

Ở tuổi của chúng tôi nếu thất hứa cũng là chuyện bình thường. Nhưng vợ chồng anh Thân Trọng Minh về Ninh Hòa thật.

Chuyến tàu lửa Sài Gòn Quy Nhơn ngừng lại ga Ninh Hòa lúc 4 giờ sáng.

Lần này ngoài bó đuốt được làm quà mua tận Cà Mau, anh Thân Trọng Minh mang đến cho chúng tôi một món quà còn quý hơn nữa. Đó là nhà văn Kiệt Tấn.

Xuống xe taxi, anh Kiệt Tấn chậm rãi bước vào thềm nhà vai mang ba lô, tay cầm một...chai rượu.

Anh Kiệt Tấn không khác với hình dung của tôi khi đọc văn anh.

Vượt gần 500km để đến một nơi chốn xa lạ ở miền trung, anh Kiệt Tấn làm chúng tôi vô cùng cảm động.

-Anh Minh ơi, anh Kiệt chắc lâu lắm rồi mới có dịp đi xe lửa. Xe lửa của mình cổ lỗ sĩ, chạy lắc lư, chắc mọi người không ngủ được?

-Đang nằm lơ mơ, nửa đêm bỗng anh Kiệt biến mất. Chờ cả tiếng không thấy anh quay lại phòng, tụi tôi lo sợ huy động cả trưởng toa, trưởng tàu, công an đi tìm. Mãi sau mới tìm thấy anh ấy đứng trong một góc ở đầu toa.

“anh đứng làm gì ở đây?”

Anh Kiệt nói “Tôi đứng thien”.

_Mình lo quá trời, còn anh ấy tỉnh rụi.

Sau khi uống cà phê do anh Khuất Đầu pha, ăn bánh canh cua do anh Khuất Đầu nấu, mọi người lên xe đi rong ruổi đó đây trước khi check in vào khách sạn ở biển Dốc Lết.

Xe chạy về hướng Hòn Hèo.

Sau khi chạy qua những làng chài rợp bóng dừa xe bắt đầu leo dốc núi Hòn Hèo. Con đường vắng ngắt không một bóng người, bên núi dựng đứng, bên biển xanh ngắt đẹp như tranh.

Làng chài Ninh Vân kia rồi.



Làng Chài Ninh Vân (Nguồn: Internet)

Tôi là người Ninh Hòa nhưng đây là lần đầu được nhìn thấy ngôi làng xinh đẹp này.

Trước đây không có đường bộ, ngôi làng bị bao vây bởi núi rừng và biển khơi. Muốn vào đất liền người dân Ninh Vân phải đi nửa ngày bằng thuyền.

Xe từ từ vào làng. Đây là ngôi làng ven biển sạch sẽ nhất mà tôi từng thấy. Bãi biển không một cọng rác, một ngôi chợ nhỏ nhỏ, một ngôi trường xinh xinh, những thuyền thúng nằm trên bãi cát.

Tạm biệt Ninh Vân, chúng tôi về Ninh Diêm ăn cơm trưa ở một quán ăn nổi trên đầm Thủy Triều.

Khách sạn mới xây, nhỏ nhưng tiện nghi và chỉ cách biển 5 phút đi bộ.

Ai cũng mỗi một nên đến 4 giờ chiều mới ra biển tắm.

Anh Thân Trọng Minh nói “Tôi đi nhiều nước, thăm nhiều bãi biển, chưa thấy ở đâu có bãi tắm tốt như Dốc Lết”.

Tắm xong mọi người lên ngòi nhâm nhi bên mấy đĩa hải sản trong một quán nhỏ bên bờ biển.

Khi đèn câu sáng rực ngoài khơi mọi người mới về khách sạn.

Anh Thân Trọng Minh rủ mọi người tập trung ở phòng của chúng tôi để hát hò, trò chuyện.

Anh Minh giới thiệu: “Mời anh Kiệt nghe tiếng hát của chị Huyền Chiêu”.

Tôi nói: “Dạ, anh Kiệt có biết đàn không?” (Tôi tính mượn đàn của Khách Sạn cho anh đàn).

Anh Kiệt chậm rãi đáp: “Tôi chỉ biết “đàn bà” chứ không biết đàn”.

-“Nhưng chắc anh biết hát, mời anh hát”.

-“tôi xin hát bài Kia Con Bướm Vàng:

Anh Kiệt hóp một ngum rượu rồi hát:

“kia con bướm vàng

Kìa con bướm vàng

Phè đôi cánh

Phè đôi cánh”

Mọi người vỗ tay.

“Anh Kiệt hát hay quá, anh thích rượu, tôi xin hát tặng bài”
Buồn như ly rượu đây, không có ai cùng cạn”.

Khách sạn đứng giữa một đồi cát nên đêm về không có tiếng ếch nhái nhưng tiếng gió thổi qua hàng dương nghe hun hút.

Mọi người chúc ngủ ngon, hẹn mai dậy sớm đi thăm vịnh Vân Phong.

Vịnh Vân Phong ngày trước cũng hoang vắng cô lập, không bước chân người.

Vân Phong chỉ được biết đến cách đây không lâu. Nước biển ở vịnh Vân Phong có màu xanh tuyệt đẹp. Tôi sẽ tiếc nuối vô cùng nếu sau này khi khai thác Vân Phong, người

ta ủi sập, san bằng những đồi cát trắng tinh, cao ngất, lôm đóm những vạt cây xanh ngàn năm.

Sau buổi cơm chiều, quý ông ngồi quán uống rượu nói chuyện gì tôi không biết vì các quý bà quá mệt mỗi xin phép về khách sạn ngủ sớm.

Sáng hôm sau bên ly cà phê pha đậm tôi nêu thắc mắc với Kiệt Tấn: “Trước đây, khi đọc Đêm Cổ Tuyết, tôi không thích nhân vật xưng Tôi. Anh ta rất ác với cả hai nhân vật nữ. Cô Tuyết bán nước mía yêu anh ta, dù biết không bao giờ anh cưới cô ta làm vợ nhưng cô vẫn dâng hiến tất cả cho anh ta. Cô ta đến với anh ta bằng tình yêu, còn anh ta chỉ vô tư tận hưởng. Rồi anh dối gạt cô gái trong trắng tên Ánh mà anh sắp cưới làm vợ. Anh chẳng thật tình với ai cả. Sau cùng tôi nghĩ chẳng lẽ tác giả kể lại “chuyện ba người” một cách chi li để các nữ độc giả ghét mình? Nhưng rồi nghĩ lại, biết bao đàn ông cũng xấu giống như ông này nhưng họ dấu bay, dấu biến. Ông này chắc hối hận lắm nên tự kê tội mình như một cách tạ lỗi với cô Tuyết tội nghiệp?”

Anh Kiệt Tấn đáp tỉnh bơ: “Tui đâu có hối hận, tui sống giống con thú hoang vậy thôi!”.

Tôi tính kể thêm nhiều tội lỗi với đàn bà của Kiệt Tấn nhưng thấy anh “thật thà” quá nên chịu thua.

Bảy giờ tối, chuyến tàu từ Quy Nhơn ghé lại Ninh Hòa để đưa phái đoàn về lại Sài Gòn. Anh Khuất Đầu đi theo để dự buổi ra mắt sách của Kiệt Tấn được tổ chức sáng chủ nhật 26 tháng ba 2017.

Tôi nay, ở nhà một mình, tôi lần dở tập thơ “Lục Bát Diên” anh Kiệt Tấn tặng mới hay mình vừa gặp một “Dị Nhân”.

Anh Thân Trọng Minh chụp rất nhiều hình cho chuyến đi nhưng tiếc quá, máy của anh không gửi hình được qua email. Anh đã rửa và sẽ gửi ra 50 tấm ảnh. Bạn nào muốn xem hình ra Ninh Hòa xem nhé. Nghe nói hình đẹp lắm.

Tháng 3/2017

Đọc một bài thơ của Kiệt Tấn:

EM VỀ

Kiệt Tấn

Hạ vàng hạ vàng nắng

Chiều qua chiều qua mau

Đường quanh đường quanh vắng

Ngõ đón ngõ đón chào

Tà áo tà áo trắng

Vờn lao vờn lao xao

trời im trời im ắng

Én vù én vù cao

Đường hiu đường hiu gió

Lá xạc lá xạc xào

Gót son gót son nhỏ

Bước về bước về mau

Sông tĩnh sông tĩnh lặng

Dòng nao dòng nao nao

Chuông chùa chuông chùa vắng

Mưa rạt mưa rạt rào

Trúc thưa trúc thưa vắng

Gió thổi gió thổi ào

Đường không đường không nắng

Chiều nôn chiều nôn nao

Mây chìm mây chìm lặng

Trời mưa trời mưa rào

Giọt trĩu giọt trĩu nặng

Em về em về mau

Ngày phai ngày phai màu

Chiều xanh chiều xanh xao

Trời mưa trời mưa nặng

Em về em về mau

Trời mưa trời mưa nặng

Em về em về mau

Em về em về mau

Bagnolet, đầu xuân 2009

CHỢ QUÊ



Bên rổ rau muống – Tranh: Trần Thanh Châu

Mỗi lần vào Sài Gòn thăm cháu nội, tôi lại được cô con dâu đưa đi siêu thị.

Siêu thị nào cũng như nhau. Hàng hóa ê hề được bày biện ngăn nắp, sáng sủa, người mua hàng không phải cò kè bớt một thêm hai. Siêu thị sạch sẽ, không bùn lầy nên đi siêu thị mọi người có thể khoác lên bộ y phục thời trang nhất.

Tôi vui để khỏi phụ lòng con nhưng lòng nặng trĩu.

Tôi lo một ngày nào siêu thị mọc lên và giết chết cái chợ quê luộm thuộm ồn ào ở quê tôi. Tôi thật sự không muốn việc đi chợ đơn giản chỉ là đi gom một mớ đồ dùng, thực phẩm rồi đứng sắp hàng chờ tính tiền trước những cô nhân viên mặt mỉm cười và mặt lạnh... như tiền.

Sẽ chán biết bao khi tuần nào cũng đến siêu thị với cùng một cầu thang ấy, tủ kính ấy với hàng hóa bày cố định ngày này qua ngày khác.

Và ông bà chủ siêu thị đang ở đâu vậy? Chắc họ đang ngồi trong một căn phòng máy lạnh trên tầng cao chót vót trước một dãy màn hình, theo dõi mãi lực qua dòng người nuốm nượp đẩy những chiếc xe ngập tràn hàng hóa như một bày kiến đang tải thực phẩm về tổ. Chắc họ đang du lịch ở một nước tư bản nào đó, đang lái các siêu xe về nghỉ mát ở một siêu biệt thự ở Hạ Long, Sapa, Mộc Châu, Vũng Tàu...

Chợ quê thì khác.

Chợ quê luôn nhộn nhúa. Mẹ hay mắng con “bày bừa dơ như cái chợ”. Thầy hay mắng học trò “ồn như cái chợ”. Nhưng đi chợ đối với tôi là niềm vui khó tả.

Chợ không phải sở hữu của một ông chủ hay một tập đoàn nào đó. Mỗi cái thúng là một cửa hàng, mỗi người bán hàng là một bà chủ. Chợ hôm nay không giống hôm qua và khác với ngày mai.

Sáng nay trong thúng của Bà Hai có một trái bắp chuối, mấy trái cà dĩa, vài lọn rau răm, mười quả trứng gà, ngày mai hàng hóa của bà là con gà mái, mấy củ khoai mỡ, vài bó hành lá. Chỉ có vậy nhưng cũng đủ cho bà mua về vài khúc cá, chai nước mắm, gói trà cho ông và gói kẹo cau cho mấy đứa cháu nội.

Chợ là nơi người dân quê bán và mua hạnh phúc.

Chợ là nơi tôi không chán để nhìn thấy bao điều hỷ, nộ.

Ngày nào chợ cũng có chuyện.

Sáng hôm qua có hai bà bán thịt heo xách dao rượt nhau chạy nháo nhào.

Sáng nay mấy bà, mấy cô bỏ bán hàng xúm lại kể chuyện con Tám bán cháo lòng bị vợ lớn đánh ghen phải nằm bệnh viện.

Hàng hóa ở chợ thay đổi theo mùa. Trời có gió Nam, chợ xuất hiện những thùng sứa nhắc nhở món bún sứa, gỏi sứa ăn kèm với rau tía tô.

Trời gió Nồm, cá nục rẻ và tươi rói.

Tháng tư ruốc đồ chợ, tháng chạp rau tần ô, rau cải tươi xanh báo hiệu Tết đến gần.

Chợ toàn người quen nhưng đôi khi cũng có khách lạ.

Họ là những người bán quảng cáo từ Sài Gòn ra.

Họ rất khác với thanh niên miền Trung,

Đàn ông miền Trung hiếm khi đi chợ, đừng nói chi đến việc họ đứng giữa đám đông hò hét, hát ca để dụ các bà, các chị mua hàng.

Họ là những người ăn mày lang thang mà mỗi số phận có thể viết thành tiểu thuyết.

Có lần tôi nhìn thấy một người ăn mày đặc biệt. Đó là một ông lão tướng mạo sang trọng trong bộ quần áo bạc thếp nhưng rất sạch sẽ. Ông không hát mấy bài bolero sầu

thắm. Trên tay cây đàn mandolin, bài “Bắc Sơn” của Văn Cao được ông hát thật hùng hồn:

“Ôi còn đâu đây sắc chàm pha màu gió

Đau lòng năm xưa sống làm than đây đó

Ai về châu xưa nhớ hồi máu thắm cây rừng”

Tội nghiệp. Người ăn mày này chắc chắn xưa kia cũng là bậc phong lưu học thức.

Ở tuổi của tôi, người yếu quanh quẩn trong nhà xem TV, người khỏe giao việc nhà cho con dâu, con gái, xa lánh chợ búa ồn ào để đi chùa.

Còn tôi chỉ mong được khỏe mạnh để...đi chợ.

Đối với tôi chợ có sức sống kỳ lạ.

Chợ cũng giống như mặt trời. Buổi sáng chợ rực rỡ reo vui. Buổi chiều chợ tàn dần rồi tắt lịm.

Và mờ sớm hôm sau chợ sẽ lại mọc lên, mang biết bao niềm vui sống cho mọi người.

Người bán vui vì có tiền thu vào, người đi chợ vui vì ..có tiền trong túi.

Chợ thật dễ thở vì ở đó mình không phải học tập chính trị như ở cơ quan, trường học.

Năm 1975, gia đình chúng tôi vui mừng đón người cậu đi tập kết lần đầu trở về thăm họ hàng sau hơn 20 năm xa cách.

Cậu có vẻ hoang mang khi nhìn thấy nhà nào cũng lợp ngói kang trang khác với xóm làng xơ xác lúc cậu ra đi.

Cậu hỏi “Má tụi bây làm ăn ra sao?”.

-‘Dạ má cháu buôn bán lương thiện làm ăn, bà có sạp bán đường đậu trên chợ”.

-“Buôn bán mà gọi là lương thiện sao? Đó là ngòi mát ăn bát vàng. Buôn bán là con đường đi đến tư bản. Rồi đây tất cả hàng hóa từ cân gạo đến ly chè đậu đen đều do thương nghiệp cung cấp. Sẽ không còn cảnh tụi bây gánh gánh chè đi bán dạo. Mọi người phải vào Hợp Tác Xã để lao động”.

Chúng tôi sợ hãi vô cùng trước một viễn cảnh chẳng biết sống làm sao khi cái sạp ở chợ của má tôi bị dẹp.

Ai cũng nghĩ chợ sắp chết.

Và chúng tôi cũng sắp chết.

Sau mấy lần đổi tiền, mỗi nhà chỉ còn vài chục đồng trong túi.

Không có tiền lấy gì mua với bán?

Rồi chợ vẫn lây lất sống. Nhu cầu trao đổi vẫn như dòng nước ngầm chảy qua khe núi, tràn xuống đồng bằng, len lỏi vào những con mương bé xíu âm thầm lặng lẽ, không gì ngăn cản được.

Khi các Hợp Tác Xã và các cửa hàng quốc doanh lần lượt biến mất và ông cậu của tôi quy tiên, tôi biết chợ đã chiến thắng.

Nhưng cuộc chiến với siêu thị thì gay go hơn nhiều.

Các con của cậu tôi đều đã trở thành những nhà tư bản đầy quyền lực và họ sở hữu những siêu thị khủng.

Và các con tôi đều thích mua hàng ở siêu thị.

Chỉ còn mình tôi ngày ngày đi chợ quê để băng không nhớ về những ngày không siêu thị.

tháng 4/2017

ĐỌC EM ĐIÊN XỎA TÓC CỦA KIỆT TẤN



Tóc xỏa - Tranh: Huyền Chiêu

Độc Kiệt Tấn thấy quanh quẩn hai nỗi thèm.

Thèm chết và thèm đàn bà.

Trong “Thư Cho Lộc” ông viết “*Nhiều lúc em thèm chết vô kể. Em muốn mình mất tích, không còn để lại một dấu vết nào trên quả địa cầu yêu dấu này*”.

“Quả nhiên, em đã nhiều lần trải qua dự tính tự hủy diệt. Và lần cuối cùng kéo dài liên tiếp trong bốn tháng...””.

Và giống như những con hồ ly tinh trong những câu chuyện của Bô Tùng Linh luôn khao khát có được chút tình lực của người chuyền cho để hy vọng được biến thành người, Kiệt Tấn tìm kiếm sợi dây kết nối với cuộc đời qua những mê đắm thân xác nơi đàn bà.

Nhưng tình dục có cứu rồi được Kiệt Tấn, có giải thoát ông khỏi nỗi cô đơn bệnh lý cứ mãi ám ảnh ông đến nỗi ông phải thốt lên rằng: *“Em sợ có một ngày nào đó em nổi điên bất khả phục hồi. Người ta sẽ nhốt em vĩnh viễn trong một trại điên, hoặc em tự hủy diệt đời mình trong một cơn chấn động tâm lý?”*.

Kiệt Tấn đã tự trả lời câu hỏi: *“Khốn nạn thay, em có trái tim tật nguyền. Đối với đàn bà, em chỉ biết si tình và đam mê thôi, chứ em không biết yêu. Em muốn nói yêu theo cái nghĩa yêu bằng một tấm chân tình đằm thắm và thiết tha”*.

Và tôi đã rất mừng cho Kiệt Tấn vì tôi tìm thấy “một tấm chân tình đằm thắm và thiết tha” của ông trong “Em Điên Xỏa Tóc”.

Thường, tôi rất sợ người điên. Một người hiền lành bình thường khi nổi cơn điên có thể trở nên vô cùng hung hãn. Nhưng bệnh nhân tâm thần Kiệt Tấn thì khác. Khi được đưa vào bệnh viện Paul Brousse, ông đã bay bổng trở nên thánh thiện như một thiên thần khi nhìn thấy thiên thần Evelyne.

Người điên hay ăn mặc nhớp nhúa và đầu bù tóc rối nhưng Evelyne thì không.

Khi nhìn thấy Evelyne, trái tim Kiệt Tấn trở về với tuổi mới lớn: *“Nàng đi qua nhanh, tôi trông theo mắt bị thu hút kỳ lạ bởi mái tóc dài éo lả trên lưng xuống tận dây nịt.”*

Từ đó, giống như nhân vật bầu Coq trong truyện “Tình Nghệ Sĩ” (****) của Paul Gallico, khi yêu nàng Mouche, ông bầu thô bạo, xù xì đã hóa thân thành những con rối ngây thơ vui nhộn, Kiệt Tấn quên hết những ngày tháng cô đơn, căng thẳng, quên hết những giây phút đắm chìm trong truy lạc, để cùng Evelyne bước vào một khung trời có hẹn hò, có đợi chờ nhưng nhớ như hai đứa trẻ bắt đầu biết yêu.

Và mùa xuân đã trở lại rọi những tia nắng ấm vào trái tim lạnh giá của một người vừa mất ngủ đến tám tháng:

“Trời bước vào Xuân với những ngày nắng càng lúc càng tươi tốt, rạng rỡ. Tôi đánh một vòng qua khỏi hiệu cà phê đến tiệm sách. Tôi giật mình vì từ xa đã thấy nàng đứng đó, trước cửa tiệm sách.”.

Một người đàn ông dày dạn phụ nữ như Kiệt Tấn nay thoáng thấy bóng nàng đã “giật mình” là “yêu quá đi mất rồi” (*)

Rồi những câu hỏi “vô duyên” xưa như trái đất:

-Bữa nay trời đẹp thiệt! Cô đi mua sách hả?

Nàng áp úng:

-Không, không.

-Cô đang chờ một người bạn chẳng?

Nàng lắp bắp :

-Không, tôi không chờ ai hết. Cũng chẳng có ai chờ tôi.

Sau khi rủ Evelyne vào tiệm sách và mua tặng nàng một cuốn Mickey, chàng trai Kiệt Tấn rủ nàng đi tới một vườn hoa ngòi phơi nắng.

“Tôi ngắt một bông cỏ vò nát trên đầu ngón tay rồi đưa cho nàng ngửi”.

Hai cô cậu bắt đầu kể cho nhau nghe lý do vì sao mình lại phải vào một nơi không dành cho những người bình thường.

Khi biết mình *“vô tình đã đánh thức hoài niệm thương động của người con gái tóc xõa”*, con người tuyệt vọng, cạn kiệt sinh lực *“như hết pile”* (**) Kiệt Tấn bỗng trở nên mạnh mẽ và muốn che chở cho cô gái tội nghiệp:

“Mặt nàng nhợt nhạt. Tôi hoảng hốt nắm vai nàng lay tỉnh. Tôi gọi nàng:

-Evelyne! Chuyện đó hết rồi! Chuyện đó hết rồi! Chúng ta đang ngồi trong vườn. Nhớ đi! Nhớ đi! Chúng ta đang ngồi trong vườn hoa.”.

Và căn bệnh của ông có vẻ bắt đầu thuyên giảm:

“Tôi ghé tiệm cà phê và gọi chai bia. Đã lâu lắm rồi tôi không uống rượu vì chẳng thấy thú vị. Muốn trốn thực tại, sau cơn say, tỉnh dậy các khó khăn vẫn còn nguyên vẹn, và càng thêm ngao ngán mệt mỏi. Hôm nay uống bia thấy ngon”.

Bia ngon đã dành, Kiệt Tấn còn thấy cà rem cũng thật tuyệt vời :

-Evelyne khát nước không?

Tôi nay anh mua cà rem ăn cho đỡ khát.

Nàng hớn hở mắt sáng trưng. Nàng lựa cà rem mùi dâu, tôi mùi chanh. Hai đĩa liếm láp như con nít, cười giòn ngoén.”.

Lúc này Kiệt Tấn hạnh phúc như chàng Pilot “đánh giặc về hơi khật khùng” (***) cuối tuần đến đón cô bé Cybèle bị bỏ rơi ở khu nội trú, đi chơi lang thang trong phim “Les Dimanches De Ville D’ Avray”.

Nhưng hạnh phúc như con chim không bao giờ đậu mãi nơi một cành cây.

Khi Evelyne được chuyển đến một bệnh viện khác để chạy điện, trái tim Kiệt Tấn tan nát:

“Evelyne ơi! Ngày nào em rời khỏi bệnh viện, ngày nào anh rời khỏi bệnh viện, ngày nào anh và em hết khật khùng, anh hứa sẽ mua cho em cây cà rem và dắt em đi coi hát bóng. Sẽ không coi phim thẳng khùng ăn cắp con gà đồng mà sẽ coi phim Thăng Người Gỗ như em vùi vĩnh”.

Bây giờ thì tôi đã hiểu vì sao những ai yêu mến Kiệt Tấn đều thích truyện ngắn “Em Điên Xõa Tóc”. Câu chuyện trong sáng và đẹp đẽ đến nỗi chúng ta có thể tin rằng chính Evelyne yêu đuối mong manh chứ không phải những cô gái khô gợt, quỵến rũ đã chữa lành căn bệnh “thèm chết” của ông điên Kiệt Tấn.

Tháng 4/2017

Chú Thích:

() Thơ Nguyễn Bình*

*(**) Chữ dùng của Kiệt Tấn trong Thư Cho Lộc.*

*(***) chữ trong Em Điên Xõa Tóc.*

*(****) Tên bản dịch Love of The Seven Dolls – Dịch Giả: Hoàng Ứng*

CHIẾN TRƯỜNG NÀO ANH BƯỚC ĐI?



Tranh: Trần Thanh Châu

Vậy là đã 42 mùa 30 tháng tư đã trôi qua! Vậy là người dân miền Nam đã sống với “Cách Mạng” gấp đôi lần sống với Việt Nam Cộng Hòa.

Những đứa trẻ sinh năm 1975 nay tròn 42 tuổi.

Và chúng chẳng hiểu gì về cái thuở Nam Bắc là hai nhà.

Hai nhà có một cái hàng rào là sông Bến Hải.

Chúng không biết gì, không hiểu gì nhưng ông bà cha mẹ chúng thì vẫn cứ nhớ hoài cái thuở nhà Nam chưa thấm mùi “thống nhất”.

Nhớ, nhưng chẳng biết phải làm gì ngoài việc nghe lại, hát lại những ca khúc được sáng tác trước 1975 như một cách phản kháng thầm lặng.

Tôi có ông cậu út học giỏi, đàn hay, các cháu và các cô gái trong làng rất ngưỡng mộ.

Đang làm thư ký tòa tỉnh, ông bị gọi đi lính.

Mỗi lần về phép, ông thường ôm đàn hát nghêu ngao:

*“Mình ba đứa hôm nay gặp nhau
Nâng ly cà phê ngát mùi hương ngọt ngào*

*Chiều thu về gió lạnh dịu hiu
Thấy tâm tư dạt dào, thấy buồn buồn làm sao (1)*

Qua những ca khúc cậu tôi thường hát, qua những câu chuyện ông kể cho các cháu nghe, chúng tôi chẳng hiểu ông ôm súng ra chiến trường mục đích để chiến đấu vì cái gì, kẻ thù của ông là ai.

Ở trường, phần lịch sử cận đại, không ai dạy cho chúng tôi vì sao nước Việt phải bị chia đôi. Môn triết không dạy về Marxism cùng mối nguy của nó.

Chiến tranh nổ ra, miền Nam của chúng tôi phải chiến đấu với một kẻ thù diện mạo rất mù mờ. Người dân miền Nam hiểu rất ít về chủ nghĩa Cộng Sản.

Một hôm mọi người ngỡ ngác thấy lính Mỹ ào ạt đổ bộ vào miền Nam như những con Robot cầm súng.

Trong khi người dân miền Bắc gọi Liên Xô, Trung Quốc một cách thân thiết là “Người anh em”.

Mỹ vào miền Nam chỉ có quán Bar là thân thiết.

Hàng triệu người miền Nam, hàng trăm ngàn lính Mỹ đã chết.

Tình hình nước mình mà người dân chẳng hiểu tại sao mình lại phải chịu đựng những điều khủng khiếp đến vậy.

Một hôm, đột nhiên những chiếc xe MP biến mất trên phố xá, các quán bar đóng cửa, bộ đội xuất hiện và cậu tôi phải đi cải tạo tận miền Bắc.

Xin khôi kể lại những thay đổi, những đau thương của miền Nam mùa “giải phóng”.

Sau 5 năm cải tạo, cậu tôi trở về ngồi quán mô tơ cho mợ đi buôn quạt máy cũ bán cho bộ đội.

Sau khi sang Mỹ diện HO, thỉnh thoảng cậu tôi viết báo kể lại một quá trình chống cộng lòng lầy thời trước 75.

Tôi ngờ ngờ nghĩ rằng cậu tôi là người chống Cộng sau 1975.

Ra chiến trường cậu bắn giết vì không muốn chết. Thế thôi, chẳng có lý tưởng gì.

So với người lính miền Bắc luôn mang “Đôi mắt hình viên đạn”, luôn được kêu gọi “Nhắm quân thù mà bắn”, cậu tôi luôn hoang mang tuyệt vọng:

“Đường hành quân nắng cháy da người

Tuổi vui thiếu vui

Vẫn thương mình thương đời

Nhiều khi trong giấc mộng mờ hôi kêu tên em, kêu chỉ một tên”. (2)

42 năm đã qua. Cậu tôi đã qua đời. Các nhạc sĩ Trúc Phương, Nhật Trường, Châu Kỳ, Nhật Ngân... cũng đều theo nhau khuất núi.

Điều kỳ lạ là những ca khúc cách mạng đã góp phần vào cuộc “Giải phóng miền Nam” không biết từ lúc nào đã biến mất trong tâm tưởng của người dân Việt. Người ta không còn hát “Bác Cùng Chúng Cháu Hành Quân”, “Cô Gái Vót Chông”, “Chiếc Gậy Trường Sơn”...

Trong khi những ca khúc buồn bã, không hề mang tính chiến đấu mà cậu tôi thường hát dù từng bị nhỏ bỏ, vẫn cứ len lỏi vào đời sống, kỳ diệu như những cây bồ đề mảnh mai trong khe hở của vách tường.

Cậu ơi, ước gì cậu còn sống để trở về mái nhà xưa ôm đàn hát lại bài hát năm nào:

*“Nhớ gì từ ngày anh xa mái trường
Nhớ gì từ ngày anh vui lên đường
Lối gầy về nhà anh hoa phượng thắm
Màu xanh áo người thương
Nắng chiều đẹp quê hương
Hay nhạc buồn đêm sương ” (3)*

30 tháng 4/2017

Chú Thích:

(1) *Ly Cà Phê Cuối Cùng* - Minh Kỳ

(2) *Bông Cỏ May* – Trúc Phương

(3) *Trăng tàn trên hè phố* - Phạm Thế Mỹ.

BẾP LỬA CHIỀU



Ấm trà quê – Tranh: Thanh Châu

Quê nhà xa lắc xa lơ đó

Ngoảnh lại tha hồ mây trắng bay

(Nguyễn Bính)

Có phải buổi chiều làm người ta nhớ nhà hơn buổi sáng?

Có phải làn khói cơm chiều tỏa lên từ mái tranh nghèo làm mình nhớ quá ngày còn thơ bên dáng mẹ hiền.

Có phải vì “*lúc chiều về là lúc yên vui*”*, khi mình nhìn thấy xa xa bóng mục đồng dẫn trâu về chuồng.

Có phải vì ngôi sao hôm mọc trên nền trời xanh thẫm đang nhìn xuống, mang đến cho mình một nỗi buồn sao quá dịu ngọt.

Không đèn điện, không radio, không TV, chỉ có ngọn đèn dầu leo lét đặt trên bàn mà sao những buổi tối chỉ có tiếng ếch nhái kêu cứ còn hoài trong ký ức?

Hồi nhỏ, nhớ có vở cải lương tên “Bếp Lửa Chiều Ly Biệt”.

Nhớ chiếc xe lam rao tuồng chạy qua xóm phát tờ rơi. Không được xem tuồng nhưng hai chữ “Ly Biệt” đã làm cho lòng mình rung rung lo sợ.

Có phải rồi có lúc mình phải rời xa “Bếp Lửa Chiều” của mẹ?

Từ thuở nhỏ mình đã yêu lửa. Chẳng phải lửa là phản ứng hóa học tuyệt vời, huyền ảo nhất, gân gỏi nhất với mình sao? Nhớ lắm hình ảnh của đồng củi khô mẹ chất bên chái bếp, nhớ lắm dáng mẹ cầm rựa chẻ làm ba, làm tư thanh củi cong queo.

Mẹ kể “Hồi mẹ còn nhỏ vẫn thường theo người lớn lên rừng hái củi. Người lớn chặt cây to, mẹ gom những cành nhỏ gánh về cho bà ngoại nấu cơm. Rừng đẹp lắm, có suối chảy, có trái dâu, trái đỏ, trái xay tha hồ hái”. Mình nghe mà ước gì được đi hái củi.

Nhóm lửa là điều thú vị nhất đối với mình thuở đó nên mình hay xin mẹ được làm công việc này.

Cho đến bây giờ mình vẫn nhớ cái cảm giác mắt cay xè khi thổi hoài lửa không bùng lên và chỉ có khói bay đầy gian bếp.

Và đẹp làm sao khi bếp lửa hồng rực sáng.

Thuở ấy mẹ nấu cơm trong nồi bằng đồng. Nấu canh, kho cá trong niêu bằng đất.

“Lọ nghe” là chữ trẻ nhỏ bây giờ không hiểu nhưng đối với mình thật quen thuộc khi vào bếp.

Buổi chiều đi làm đồng về, cha xỏ từ trong “đọt” (***) ra một mớ cá. Mẹ chạy ra vườn hái nắm lá me, vài trái khế. Mẹ sai mình ra bụi tre bẻ vài đọt măng vùi. Đi ngang qua nương nước mình không quên nhớ một tàu môn.

Mấy con cá lóc nhỏ mẹ nấu canh chua, còn lại mớ cá sặc, cá rô mẹ kho với ớt bột nêm lá lốt xắt nhỏ.

Mâm cơm chiều được dọn ra giữa sân. Cả nhà bên nhau trong màu trời xám xám tối.

Tô canh chua ấy không có bột ngọt. Ớt bột kho cá thuở ấy không trộn phẩm màu công nghiệp.

Cơm nóng hôi, cá kho béo ngậy cay cay hăng mùi lá lốt.

Nhớ quá đi thôi, bếp lửa chiều quê cũ.

Nhớ câu thơ của Phạm Hữu Quang trong bài “Giang Hồ”

“Giang hồ ta chỉ giang hồ vặt

Nghe tiếng cơm sôi cũng nhớ nhà”

Tôi tin rằng tiếng cơm sôi trong câu thơ của Phạm Hữu Quang là từ một nồi cơm nấu trên bếp lửa củi chứ không phải nấu từ lò ga.

Chao ôi, còn đâu nữa những bóng mẹ hiền ngồi chẻ củi.

Còn đâu nữa làn khói lam chiều trên mái nhà tranh.

Có lần, trên TV người ta khoe khoang rằng đã đưa bộ tộc người Rục ở vùng núi cao về đồng bằng làm quen với đời sống văn minh. Bộ tộc này sắp tuyệt chủng, chỉ còn một nhóm người sống trong rừng sâu. Họ không có nhà cửa và ngủ trong hang đá.

Người ta cất cho bộ tộc này những ngôi nhà gạch nhỏ và tập cho họ bỏ những thói quen hoang dã.

Nhưng sau đó, nhóm người này lại bỏ trốn lên núi, trở về hang đá cũ.

Làm sao họ quên được tiếng chim kêu, vượn hú. Làm sao họ quên được ngọn lửa rừng đêm rực sáng. Hàng triệu hecta rừng đã bị phá. Người miền núi tuyệt chủng vì không

còn rừng chứ không phải vì họ không biết cách sống văn minh.

Bếp lửa củi bây giờ đã dần đi vào ly biệt!

Bây giờ không còn ai đi hái củi. Nông thôn bây giờ cũng chỉ dùng lò ga.

Nồi đồng đã tuyệt chủng. Trẻ em bây giờ chỉ nhìn thấy nồi cơm điện.

Nếu đi lạc trong rừng không biết chúng có biết cách nhóm lên một ngọn lửa để mưu sinh?

Ngọn lửa ám cúng ngày nào bị lãng quên nhưng ngọn lửa hung bạo của thời văn minh đang tấn công đất nước tôi. Ngày nào trên báo cũng có đăng tin những vụ cháy nhà, cháy xưởng, cháy rừng, cháy xe đồ, xe máy. Ngay cả tàu đang chạy trên biển cũng cháy.

Tiếc quá đi ngọn lửa ám cúng, yêu dấu ngày nào.

Tuổi thơ của tôi không bao giờ có ngọn lửa làm cháy nhà, cháy rừng...

Chỉ có ngọn lửa dịu dịu đủ làm nồi đồng cho mình những miếng cơm cháy ngọt bù.

Hè này cháu nội tôi về thăm, tôi sẽ dẫn cháu vào chơi trong rừng, dạy cháu gom củi tự nấu một nồi cơm bằng ngọn lửa do chính mình nhen nhóm.

Tháng 5/2017

Chú Thích:

() Trong Nương Chiều. Phạm Duy.*

*(**) dụng cụ đan bằng tre để đựng cá.*

NỖI BUỒN TRONG THƠ TRẦN TẾ XƯƠNG



Ảnh (http://hoainguyen_53.violet.vn)

Cuối năm học lớp đệ tứ, thầy giáo dạy Việt văn tổ chức một buổi tổng kết về các tác giả. Thầy đặt câu hỏi cho cả lớp “Trong chương trình Việt văn chúng ta vừa học, em thích nhà thơ nào nhất?”.

Câu trả của đa số là Nguyễn Du với Truyện Kiều. Một vài bạn nói thích Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, chỉ mình tôi trả lời là Trần Tế Xương.

Tôi chọn Trần Tế Xương không phải vì hiểu thơ của ông mà vì tôi thương ông ấy. Trần Tế Xương gọi tôi nhớ đến hình ảnh người cậu quá cố của tôi.

Cậu tôi biết chữ nho, lúc nào cũng vui vẻ hài hước và lúc nào cũng nghèo.

Mẹ tôi nói “người vợ đầu bỏ ông vì ông ...lười biếng”.

Người vợ thứ hai chán ngán cảnh nghèo túng, bỏ đi làm ăn xa, cậu tôi sống một mình trong ngôi nhà bà ngoại tôi để lại.

Cậu tôi chẳng có nghề nghiệp gì. Ông lại vụng về, không sửa được cái hàng rào, không lợp được cái mái nhà, không cầm được cái cuốc. Lạ thay, những ngón tay vụng về của ông lại thoăn thoắt trên phím cây đàn nguyệt, nhấn nhá uyển chuyển trên cây đàn cò.

Mọi người trong xóm thương ông, đến chơi với ông để đánh cờ, nghe ông đàn và nghe ông kể chuyện tiếu lâm.

Cậu tôi thỉnh thoảng kiếm được vài đồng nhờ xem ngày, giờ cho người ta chôn cất hay xây nhà. Lâu lâu ông đi thổi kèn đám ma.

Mặc cho lời than phiền của mẹ, tôi rất thương cậu tôi.

Đôi lúc tôi thấy ông ngồi yên lặng, mắt nhìn xa xăm tôi biết ông đang... đói và tôi không ngần ngại xúc trộm vài lon gạo của mẹ mang sang cho ông.

Nhà thơ Trần Tế Xương cũng nghèo và hài hước. Trẻ con rất thích những người hài hước. Chẳng phải đi xem hát chúng thích nhất là vai anh hề.

Hãy nghe Trần Tế Xương mô tả chân dung của chính ông:

“Ở phố Hàng Nâu có phổng sành

Mặt thì lơ láo mắt thì nhanh

Vuốt râu nịnh vợ con bu nó

Quắc mắt khinh đời cái bộ anh” (1)

Ông tú ậy sống trong một thời đại nho học đã suy vi:

“Cái học ngày nay đã hỏng rồi

Mười người đi học chín người thôi” (2)

Chung quanh ông xã hội dường như không còn nề nếp:

Nhà kia lối đạo con khinh bố

Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng” (3)

Đó là thời điểm các giá trị văn hóa Nho giáo đang tan rã, triều đình ươn hèn, người dân đang bị khép lại trong kiếp sống của một đất nước bị trị bởi ngoại bang.

Còn ông tú tài Trần Tế Xương thì biến thành một người đàn ông vô dụng, ăn chơi, trụy lạc:

“Thua bạc đi ra với mẹ nhà

Bệnh gì không bệnh, bệnh tiêm la

Vui quá đến nổi ra người dại

Lỡ bước cho nên nhắm mắt qua” (4)

Có quá nhiều bài viết mô tả Trần Tế Xương dựa theo những câu thơ ông tự trào.

Nào ông là kẻ trác táng:

“Một trà, một rượu, một đàn bà

Ba cái lãng nhãng nó quấy ta

Chừa được thứ nào hay thứ đó

Có chǎng chừa rượu với chừa trà” (5)

Rồi ông chỉ là một kẻ vô dụng, vô tình trút hết gánh nặng gia đình cho vợ:

“Quanh năm buôn bán ở mom sông

Nuôi được năm con với một chồng” (6)

Còn có loại người nào xấu xa hơn ông:

“Cao lâu thường ăn quýt

Thỏ dĩ lại chơi lường”

Nhưng tôi không tin những điều ông nói.

Là người khôn khéo, ông đã tự cười mình trước khi cười người.

Hãy nghe một người bạn học, ông Lương Ngọc Tùng vẽ lại chân dung Trần Tế Xương:

Cùng làng, cùng phố, học cùng trường

Nhớ rõ hình dung cụ Tú Xương,

Trán rộng, tai dày, da tựa tuyết,

Mồm tươi, mũi thẳng, mắt như gương.

Tiếng vàng sang sảng ngâm thơ phú,

Gót ngọc khoan khoan dạo phố phường.

Mấy chục năm trời đà vắng bóng,

Nghìn năm còn rạng dấu thư hương

Với tôi, Trần Tế Xương không chỉ là nhà thơ tiêu biểu cho thể văn thơ trào phúng làm su tử một văn đàn có những môn sinh như Tú Mỡ, Tú Sụn, Tú Kếu, Cử Nạc, Tú Poanh, Đồ Phồn, Đồ Bì...

Hơn thế nữa, ông là một nhà thơ với những nỗi lòng bi ai, trần trọc cho số phận của đất nước đang suy vi, cho thân phận vô dụng của một kẻ sĩ trước thời cuộc quá gay go.

Và khi trở về với tâm trạng này, giọng văn của ông vô cùng cảm động:

“Trời không chớp bể với mưa nguồn

Đêm nào đêm nao tớ cũng buồn” (7)

Nằm nghe tiếng ếch kêu, ông nhớ tiếc một thời đất nước còn có tam cương ngũ thường, người dân biết trọng Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, kẻ biết chữ Nho còn được trọng vọng:

“Sông kia rày đã lên đồng

Chỗ làm nhà cửa chỗ trồng ngô khoai

Đêm nghe tiếng ếch bên tai

Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đờ” (8)

Khác hẳn với những giọng thơ bông phèn một cách thô lỗ, tận đáy lòng Trần Tế Xương là một người rất thanh cao, dịu dàng và trân trọng tình bạn:

“Ai ơi có nhớ ai không?

Trời mưa, một mảnh áo bông che đầu.

Nào ai có tiếc ai đâu?

Áo bông ai ướt khăn đầu ai khô.

Người đi Tam Đảo, Ngũ Hồ

Kẻ về khóc trúc, than ngô một mình

Non non, nước nước, tình tình

Vì ai lận đận cho mình ngẩn ngơ”(9)

Một người đàn ông nhớ một người đàn ông ít ai viết được những câu “âu yếm” như thế này:

“Ta nhớ người xa cách núi sông

Người xa xa lắm nhớ ta không” (10)

Nói về tình cảm của Trần Tế Xương dành cho vợ, nhiều người nhắc đến bài “Thương Vợ”.

Tôi thích bài Văn Tế Sóng Vợ hơn. Bài phú có những ý tưởng rất mới, câu văn đáng yêu còn hơn bài thơ mới “Tình Già” của Phan Khôi.

“Thế mà

Mình bỏ mình đi không than không thở

Hay mình thấy tờ nay hàng Thao, mai phố Giấy mà bụng mình ghen?

Hay mình thấy tờ sáng Tràng Lạc, tối Viễn Lai mà lòng mình sợ?

Thôi thì

Chết quách yên mô

Sống càng nặng nợ

.....”

Trần Tế Xương là một nho sinh lận đận, thi mãi không đậu cử nhân.

Cùng thời với ông, khoa thi năm Canh Tý 1900 Phan Bội Châu đậu thủ khoa trường Nghệ, Phan Chu Trinh đậu cử nhân thứ ba trường Thừa Thiên, Huỳnh Thúc Kháng đậu giải nguyên trường Quảng Nam.

Sau đó Phan Bội Châu đi Nhật tìm đường cứu nước, Phan Chu Trinh sang Pháp tìm cơ hội mở mang dân trí, Huỳnh Thúc Kháng trong nước là nhà cải cách văn hóa tích cực.

Còn Tú Xương? Hãy nghe tâm sự buồn bã của ông:

“Một mình đứng giữa quãng chợ vơ

Có gặp ai không để đợi chờ

Nước biếc non xanh trông vắng vẻ

Kẻ đi người lại dáng bơ bơ

Hỏi trời chỉ thấy mây xanh biếc

Dội nước càng thêm tóc bạc phơ

Đường đất xa khơi ai mách bảo

Biết đâu mà ngóng đến bao giờ?” (11)

Đối với riêng tôi, trong cảnh đất nước tan tành, dân tộc lầm than, một người được gọi là kẻ sĩ, dù không làm được gì cũng còn biết ngòi buồn hỏi trời, hỏi đất, khóc vì ngóng chờ một tương lai mù mịt là đáng quý lắm rồi.

Tháng 7/2017

Chú Thích:

1. *Phổng Sành*
2. *Cái Học Ngày Nay*
3. *Đất Vị Hoàng*
4. *Bệnh*
5. *Ba Cái Lãng Nhãng*
6. *Thương Vợ*
7. *Đêm Buồn*
8. *Sông Lấp*
9. *Áo Bông Che Bạt*
10. *Nhớ Bạn Phương Trời*
11. *Lạc Đường*

CON CHỒN BÔNG LAU



Con Chồn Bông Lau – Tranh: Huyền Chiêu

Sau “giải phóng” một năm, Tí đi học mẫu giáo. Tí vui lắm vì nó là đứa bé ham khám phá, say mê những điều mới lạ xảy ra hàng ngày trong đôi mắt trong veo của nó.

Đi học về Tí hát nghêu ngao:

“Em yêu trường em

Với bao bạn thân

Và cô giáo hiền như yêu quê hương

Cặp sách đến trường con bướm vàng yêu thương.

.....

Có lá cờ sao

Trong nắng thu vàng

Yêu sao yêu thế

Trường của chúng em”

Khen cho các nhạc sĩ miền Bắc. Họ phải yêu Xã Hội Chủ Nghĩa lắm mới viết được những ca khúc khéo đến thế cho trẻ con hát. Hình ảnh nhà trường, bạn bè, hoa, bướm, nắng thu vàng được tỏa sáng dưới lá cờ sao.

Từ đó hình ảnh lá cờ sao ăn sâu vào tâm hồn của bọn trẻ như biểu tượng của những điều đẹp đẽ nhất.

Nhưng lá cờ sao không cho Tí đủ cơm trắng để ăn.

Mẹ nấu cơm độn bắp nghệ Tí nói “cơm đẹp nhưng không ngon”. Mẹ thay bữa, độn cơm với chuối già. Nhìn bát cơm lẫn với những miếng chuối khô khốc đen thui Tí khóc “Cơm này xấu quá, chắc có trộn thuốc độc”.

Cái đói nghèo không chừa nhà nào nên dần dần Tí cũng không đòi hỏi gì thêm.

Nhà bà Còi hàng xóm còn nghèo hơn nữa. Bà Còi làm một cái nghề rất lạ. Hàng ngày bà được thuê lấy gòn từ những trái gòn khô. Người chủ thuê họ bán gói trên chợ. Tiền công không đủ mua gạo, bà và thằng Bằng, cháu ngoại bà chỉ có thể ăn...bột mì thay cơm.

Đó là thứ cây khoai mì là cứu tinh của người dân nước Việt thống nhất. Mì được trồng khắp mọi nơi như một dấu hiệu của tăng gia sản xuất. Nhiều đợt phong trào lao động được tổ chức để đi khai hoang trồng mì. Vào dịp hè, các thầy cô giáo sau khi học chính trị một tháng lại hâm hờ

thực hành bài học lao động trong các đợt đi phá rừng trồng mì. Sức mạnh của tinh thần thực khùng khiếp. Các thầy cô giáo ôm và đói đến vậy mà chỉ bằng những cây rựa phát hàng rào, họ đã thay phiên nhau hạ gục những thân cây hai người ôm.

Mì mọc lên khắp mọi nơi. Mì là niềm tin vào một tương lai tươi sáng.

Khoai mì xắt lát phơi khô xay ra lọc thành bột mì. Bột mì trắng trắng bánh trắng, làm bánh chuối. Bột mì xấu hơn bán rẻ cho người ta nuôi heo.

Cũng nhờ có bột mì, nhà bà Còi sống sót qua những ngày không có hạt gạo nào.

Mỗi buổi chiều, đi học về Tí hay sang nhà bà Còi chơi với thằng Bằng và xem nhà bà Còi ăn... bột mì.

Bột mì pha với nước lã được bà Còi khuấy đều trong một cái xoong đen thui trên bếp lửa lá dừa khô khói bay đen kịt. Bột chín được múc ra chén. Hai bà cháu chan nước mắm vào chén bột nuốt ngon lành khỏi phải nhai. Tí nhìn chén bột thèm lắm. Có lần bà Còi múc cho Tí một chén nhưng Tí nuốt không trôi .

Trẻ nhỏ vốn mau quên và không biết khổ vì nghèo đói. Chờ thằng Bằng ăn xong chén bột, hai đứa rủ nhau ra đường chờ những xe củi từ vùng kinh tế mới về bán cho xóm bánh

tráng. Sau “giải phóng”, những dân “nguy quân, nguy quyền” không được cấp hộ khẩu thành phố. Họ phải bỏ lại nhà cửa, bán hết đồ đạc trong nhà gom chút tiền đi về vùng kinh tế mới. Nhà nước nói bây giờ hết chiến tranh rồi, ở thành phố không có đất sản xuất, lý lịch xấu không xin được việc đâu nên mọi người phải tìm cuộc sống mới, phải khai hoang phá rừng làm rẫy để có lương thực mà sống.

Tí thích nhìn những cộ chở củi vì nó không được kéo bằng bò mà do người kéo.

Mẹ Tí nói vùng kinh tế mới cách xóm của Tí hơn hai mươi cây số.

Nhìn những con người đen đúa, gầy còm, quần áo rách rưới, phải kéo xe củi nặng kinh khủng xa đến vậy Tí thấy thương quá.

Rồi Tí cũng không còn để ý đến mấy cái xe củi khi sắp có biểu diễn văn nghệ.

Một không khí hào hứng tin yêu vào cách mạng, vào một ngày mai tươi sáng làm người ta quên cả đói nghèo. Các chị gái và các anh trai háo hức đi tập hát.

“Tay anh phá đá. Tay em đào sỏi

Ngồi trong xe ủi anh nhớ những ngày hè”. (*)

Rồi:

“Giữa Mạc Tư Khoa nghe câu hò Nghệ Tĩnh” ()*

Trong xóm có thằng Út mặt mũi khôi ngô được chọn đóng vai Kim Đồng.

Ông Ba Hưng có râu quai nón được vào vai lính Tây.

Cả xóm rộn ràng chờ ngày biểu diễn.

Cuộc sống cứ thế trôi đi đều đặn như nhạc hiệu của chiếc loa phát thanh lúc 5 giờ chiều:

*“Năm xưa anh phá núi, em mở đường trên dãy trường Sơn
đòi núi chập chùng.”*

Năm Tí học lớp 4, một biến cố làm rung chuyển tâm hồn của Tí.

Espana 1982.

Lâu nay Tí cứ tưởng trái đất này chỉ có bốn nước là Liên Xô, Việt Nam, Trung Quốc và Cuba. Khi ba Tí mua về một tạp chí bóng đá in hình màu, số đặc biệt về Cúp bóng đá thế giới diễn ra tại Tây Ban Nha, Tí ngây ngất vì một thế giới diệu kỳ bày ra trước mắt. Thì ra trái đất này còn có nhiều nước khác nữa. Mà sao người dân các nước ấy khác với mấy chú kéo cộ chờ củi quá vậy. Tí say mê nhìn những

tâm ảnh chụp mấy mươi đội bóng. Trời ơi, sao họ cao to, vạm vỡ và nụ cười của họ tươi vui đến như vậy.

Mỗi đội bóng một bộ đồng phục thể thao khác nhau. Ôi họ giàu quá, áo quần họ đẹp quá.

Tí mê say các đội bóng đến nỗi Tí thuộc lòng những cái tên rất xa lạ như Brazil, Italy, Belgium, Scotland, New Zealand...

Rồi Tí thuộc lá cờ nào của đội nào, thuộc hết tên của các huấn luyện viên...

Ba của Tí không bao giờ ngờ rằng cái tạp chí ông đọc qua một lần rồi bỏ ấy là cả một thế giới lộng lẫy cho đứa con của mình.

May quá, loa phường có phát thanh kết quả bóng đá Espana 1982.

Mỗi chiều Tí theo bố ra đầu ngõ nghe tin tức từ chiếc loa rè.

Sau sự kiện bóng đá, Tí không còn thích nghe mấy bài hát cách mạng nữa.

Tí bắt đầu hát theo nhạc chế:

Espana một chín tám hai

Đội Ý thành Công...

Em có biết không Maradona là vua phá lưới

Từ xa sút vào

Thằng gôn té nhào

.....

Mấy hôm nay có một sự kiện khác xảy ra trong chính ngôi nhà của Tí.

Một con chồn thỉnh thoảng xuất hiện trong bếp .

Con chồn xám đuôi xù lạnh quá chừng, cứ vừa nhìn thấy người nó chạy mất, nhanh như một bóng ma. Mẹ Tí nói nó sống trong bụi tre sau nhà và khó ai bắt được nó.

Tí thích con chồn lắm. Cứ vài ngày Tí nhìn thấy nó một lần. Ước gì con chồn về sống bên cạnh Tí như con chó Cún nhà bên cạnh.

Chiều hôm ấy đất trời như sụp đổ khi Tí nhìn thấy cái đuôi chồn nằm trên đồng rác sau nhà bà Còi. Trong bếp có tiếng nói cười tíu tít của thằng Bằng, mùi thơm của thịt nướng bay ra ngậy ngất.

Tí nghe như có ai bóp vỡ trái tim mình. Tí khóc ngất như hôm ông ngoại chết.

Đó là năm Espana 1982.

Tháng 8/2017

Chú Thích:

() Nhạc cách mạng, người viết nghe từ loa phường, không biết tên tác giả.*

Ở ĐÂY ÊM VẮNG THƯA NGƯỜI CÒN TA VỚI TRỜI (*)



Tôi thích nhìn ngắm các pho tượng. Chúng dạy tôi vẻ đẹp của sự im lặng. Thuở bé, tôi không có con búp bê nào. Nhà chỉ có một pho tượng ông lão đi câu bằng gỗ. Pho tượng đã gãy một chân, nón sứt, bị bỏ nằm lẫn lóc trong xó nhà. Tôi thường ôm pho tượng trên tay, nhìn ngắm đôi mắt không chớp của ông lão, lòng thương cảm như khi nhìn thấy một người ăn mày què cụt. Lớn hơn tôi vẫn thường nhìn ngắm tượng đức mẹ, tượng phật bà với đôi bàn tay chắp lại, dịu dàng, độ lượng.

Tôi cũng kính phục những nhà điêu khắc. Khi tạc một pho tượng, chắc hẳn họ bỏ ra nhiều tháng, nhiều ngày, nhiều đêm, lặng yên một mình, miệt mài với tình cảm yêu thương dành cho một khối đá, một thân gỗ vô tri, một phác thảo tượng đài nào đó.

Tượng được đặt khắp mọi nơi trên thế giới. Tượng ghi lại một dấu ấn lịch sử, thể hiện tình cảm của người dân với quê hương mình.

Không ai bỏ công tạc tượng kẻ thù. Tượng luôn thể hiện khát vọng thanh bình và tình yêu cái đẹp.

Từ các pho tượng cổ xưa bí hiểm nhất ở đảo Phục Sinh đến pho tượng Nàng Tiên Cá lý lịch rõ ràng ở Đan Mạch, từ pho tượng Nữ Thần Tự Do cao lớn ở New York đến pho tượng cậu bé đứng tè bé bỏng ở Bỉ, tất cả đều được nhân loại yêu mến, giữ gìn.

Tháng 8 năm 1945, khi tin tức Phát Xít Nhật đầu hàng Đồng minh, kết thúc thế chiến thứ hai, bức ảnh chụp một lính thủy Mỹ bất ngờ ôm hôn một nữ y tá không quen biết vì quá hưng phấn trước sự kiện chiến tranh chấm dứt đã trở thành một tác phẩm nghệ thuật mang tính lịch sử được yêu mến, gìn giữ.



Ảnh (Quang Đăng)

Một pho tượng tuyệt đẹp dựa vào tấm ảnh mang tên Nụ Hôn ấy đã được dựng lên ở hải cảng San Diego năm 2007 biểu tượng của niềm hạnh phúc khi nhân loại không còn chiến tranh.

Tôi chạnh lòng nhớ đến ngày chấm dứt chiến tranh ở đất nước tôi, phe thắng cuộc đã kéo sập pho tượng Thương Tiếc. Pho tượng mang hình dáng người lính đang bông súng, không phải để bắn giết kẻ thù, mà đang ngồi yên lặng canh giấc ngủ ngàn thu cho mấy mươi ngàn đồng đội ở nghĩa trang Biên Hòa.

Không có dịp được nhìn pho tượng nhưng qua hình ảnh còn lưu lại, pho tượng buồn bã ngồi tiếc thương đồng đội có lẽ là pho tượng đẹp nhất của miền Nam Việt Nam.

Lần nào về Sài Gòn, con trai tôi cũng dẫn mẹ đến “Một nơi nên đến thăm”.

Lần này con tôi đưa mẹ đến uống cà phê ở quán Tượng Đá.

Quán cà phê Tượng Đá nằm ở đường Nguyễn Thượng Hiền, là ngôi nhà của điêu khắc gia Nguyễn Thanh Thu, tác giả bức tượng Thương Tiếc. Nghe nói Thiếu Tá Nguyễn Thanh Thu sau 8 năm cải tạo đã qua Mỹ Sống 15 năm và hiện giờ đã trở về ngôi vườn tượng năm xưa.

Quán vắng, nằm rợp dưới bóng những cây me cổ thụ. Những phiến bản tượng còn dang dở nằm ẩn mình sau những lùm cây.

Từ cuối sân vườn, một ông lão lần dò chăm sóc mấy chậu cây cảnh. Con trai tôi cho biết đó chính là điêu khắc gia Nguyễn Thanh Thu. “Mẹ may mắn đó, ít khi ông xuất hiện lắm”. Ông lão gầy gò, lặng lẽ quanh quẩn xới từng gốc cây trong khu vườn riu rít tiếng chim. Ông mang dáng vẻ của một người mang nỗi đau có đứa con mà mình yêu thương nhất đời bị sát hại thê thảm.

Tôi đưa máy định chụp lén một tấm hình nhưng con tôi ngăn lại: “mẹ hãy để ông ấy được yên”.

Qua vòm lá me, trời Sài Gòn vào thu bàng bạc mây xám .

Tháng 9/2017

Chú Thích:

() lời nhạc Trúc Phương.*

CÓ NHỮNG NGƯỜI ĐI KHÔNG VỀ*



(Đề tưởng nhớ nhạc sĩ Hoàng Giác, mất ngày 14 tháng 9-2017)

Năm 1954 Hoàng Giác không vào Nam nhưng ca khúc Quê Hương của ông đã di cư theo bước chân người viễn xứ, trở thành giọt nước mắt thương nhớ chốn quê nhà không bao giờ còn được trở lại.

“ai qua miền quê bình khói

Nhấn giúp rằng nơi xa xôi

Tôi vẫn mơ tìm tre xanh ngắt

Tim sắt se, cảnh xưa hoang tàn” (2).

Khác với Đoàn Chuẩn, không rời bỏ Hà Thành có mùa “thu quyến rũ”, có “em tôi ngập ngừng trong tấm áo nhung”, Hoàng Giác luôn quay quắt với tình quê hương đầm thắm:

“ Bao nhiêu ngày vui thơ ấu

Bao nhiêu lều tranh yêu dấu

Theo khói bình lều tan, tre nát

Theo khói bình, lòng quê héo tàn” (2)

Và “Trở Về Mái Nhà Xưa” luôn là nỗi khát khao của Hoàng Giác:

“về quê xưa để sống êm đềm giấc mơ

Về quê xưa tìm bóng những ngày đã qua”

Hoàng Giác không màng cuộc đời phú quý, quyền cao chức trọng. Ông chỉ muốn:

“Say sưa cuộc sống bên ngàn lũy tre

Xa lánh cuộc đời khát khe

Trăm ngàn đau thương” (2)

Nhưng *“cuộc đời khát khe”* và *“Trăm ngàn đau thương”* lại không muốn xa lánh ông.

Sau khi bài *“Ngày Về”* được dùng làm nhạc hiệu cho chương trình Chiêu Hồi trên đài phát thanh Sài Gòn, quê hương mà ông không nỡ rời xa đã trở thành một nơi muôn vàn bạc bẽo, *“lòng quê héo tàn” (2)*

Dường như Hoàng Giác luôn vương vấn với con đường trở về.

Thuở còn thơ tôi rất thích ca khúc *“Trên Đường Về”* và cứ tưởng nhạc và lời của Nguyễn Thiện Tư. Nay mới biết lời do Hoàng Giác viết.

Có khi nào bạn ngồi trên một chuyến xe đò để ra đi mà lòng nặng trĩu nỗi cách xa?

Có khi nào bạn nghe trái tim thổn thức theo lời ca ai oán trong “*Trên Đường Về*” mà hát lên thì mới biết là “*Đường Về*” chỉ là giấc mơ của kẻ “*Ôi kiếp tha hương cố gạt sầu vương, tiếc người ngàn phương*” (3)

Hoàng Giác viết chỉ khoảng 20 ca khúc mà đến ba ca khúc có chữ “*Sắt se*”.

Sắt se vì quê hương tan nát:

“*Tim sắt se cảnh xưa hoang tàn*” (2)

Sắt se vì đời sao lăm cuộc chia ly

“*Tim sắt se khẽ nâng chén rượu từ ly*” (4)

Và sắt se khi “*trong khói lam chiều xuống*” ta một mình bước đi “*Chìm sâu trong màn sương*” (3):

“*Trên đường xa bóng ai dần khuất*

Tim sắt se thân thờ rời bước

Bao đắng cay trên đời, trong sương chiều xóa mờ” (3)

Nếu chỉ nghe nhạc không lời của Hoàng Giác ta có cảm giác tâm hồn ông thật nhẹ nhàng trong sáng nhưng nghe kỹ phần lời, ca khúc của ông luôn chôn kín một nỗi buồn sâu thẳm:

“Nơi ấy giờ đây âm thầm

Chiều chiều mơ duyên đắm đắm

Vương khói trầm luân cay nồng

Se tơ tằm cho nát lòng” (1)

Nhạc Hoàng Giác xưa mà không cũ.

Tôi tin rằng ở tận góc bể chân trời, có những người Việt vẫn rơi nước mắt khi nghe câu hát:

“Đôi mắt vời trông xa vời

Nửa chừng xuân cung đàn lỡ

Có những người đi không về

Xa xôi rồi quên ước thề” (1)

Tháng 10/2017

Chú Thích:

1/Lỡ Cung Đàn*

2/Quê Hương

3/Trên Đường về Nhạc Nguyễn Thiện Tư lời Hoàng Giác.

4/Anh sẽ về.

NHỚ HUẾ, THÀNH PHỐ CỦA NÀNG THƠ



Nhớ Huế – Tranh: Đinh Cường

Sài Gòn thuở ấy là cái nôi của văn nghệ sĩ cả nước nhưng chỉ thấy mấy câu ca ngợi “rất nhộn nhịp” của Y Vân:

“Sài Gòn đẹp lắm Sài Gòn ơi, Sài Gòn ơi”(1)

Sau, may mắn có ông Đỗ Kim Bảng tâm tình một cách ý nhị hơn:

Đêm vẫn chưa buông nhưng chiều dần tàn

Mây tím giăng ngang trên trời Sài Gòn”(2)

Chả bù với Huế, nơi mùa nắng thì gay gắt, mưa thì dầm dề rét buốt nhưng lời thơ tiếng hát dành cho Huế thì ấm áp như nước sông Hương.

Mà Huế nào phải là thành phố nhộn nhịp “*Ngựa xe như nước trên đường vẫn qua mau”(1)*

Huế trầm mặc với những mái ngói nâu già, với tường rêu âm đạm:

nhà ai. phơi áo. ngoài hiên nắng

nắng tắt trưa qua. lạnh bên chờ

cây ố. sắc tường. vương phủ ấy

trẻ nghèo. nhật lá. ngói rơi. Hư (3)

Trong “Chiều Trên Quê Hương Tôi” không có chữ nào nhắc đến Huế nhưng người nghe vẫn biết Trịnh Công Sơn đang vẽ một bức tranh tuyệt đẹp về thành phố quê nhà:

*Chiều trên quê hương tôi
Gió đến chơi từ bờ biển xa
Núi đôi khi màu sim tím lạ
Nắng như môi hoàng hôn trên phố(4)*

Huế, nơi mà Phạm Duy gọi là “Xứ dân gầy” ấy đã sinh ra biết bao nàng thơ với dáng dấp thanh tao mà các người mẫu bây giờ rất ao ước.

Có khi nàng thấp thoáng bên “vườn ai mướt quá xanh như ngọc”(5) có khi nàng là “người áo tím qua cầu”(6) để chàng lãng tử đang lang thang bên dòng Hương Giang nghe tim mình thổn thức:

Trên bước chân em âm thầm lá đổ

Chợt hồn xanh buốt cho mình xót xa” (7)

Nhưng chưa có ai vẽ được bức tranh thiếu nữ Huế đẹp lung linh như chàng trai Bắc Kỳ Phạm Duy.*

Trong ca khúc Dạ Lai Hương “lũ chúng em” Huế riu rít “rủ nhau ra trước nhà”

Mấy cô con gái ra ngồi chơi trước hiên nhà thì có gì đặc biệt? nhưng trong màn đêm êm mượt như nhung, mùi dạ lai hương từ ngàn xa hiu hiu “bỗng quay về dạt dào trên hè” đã làm cho không gian Huế quá êm đềm đến nỗi tác giả phải cầu xin:

“Nhẹ bàn chân hương đêm ơi

Nhẹ bàn chân hương yêu ơi” (8)

“Cái đẹp đã cứu rồi thế giới”, cái đẹp đã mang đến những ước mơ đầy thiện ý.

“Đời ngon như men say tình lên phơi phơi

Đẹp duyên người sống cho người” (8)

Phạm Duy là gã đàn ông luôn lao vào những cuộc tình thực chất, say đắm kiêu:

“yêu người xong chết được ngày mai

Yêu như loài ma quái, đi theo ai cuối chân trời” (9)

Nhưng trong “Dạ Lai Hương” ông đã mô tả được hình ảnh trong sáng nhất, thánh thiện nhất của nàng thơ xứ Huế.

Chao ôi không gian Huế trong Dạ Lai Hương sao hạnh phúc, thanh bình quá đôi:

“Đời vui như ong bay, ngọt lên cây trái

Góp chung mật sống lâu dài” (8)

Đêm nay, đêm cũng êm mượt như nhung trong mùi hoa sữa đậm đặc ngây ngất, có tiếng hát của ai đó ca ngợi “Huế Cửa Ta”.

Nhưng Huế bây giờ sao xa lạ quá:

“Ôi Huế của ta

Ta có Huế tự hào

Còn vang chiến công

Huế đi lên kiên cường” (10)

Tôi viết đoạn văn này để nhớ đến Huế thuở nào, cho lòng bớt buồn đau.

“Ước cũ duyên thừa có thể thôi” (11)

Mùa thu 2017

**Người viết riêng thích “Dạ Lai Hương” của Phạm Duy vì ông tả một đêm Hè thơm tho ở Huế, và gọi lên cảnh huyền ảo tuyệt vời nhất. Ông viết ca khúc này vào năm 1953 khi ở Huế và đề tặng hai người đẹp nổi tiếng thời đó là hai chị*

em Thu Vân và Dạ Thảo. (trích Dạ Lai Hương -Quỳnh Giao-phamduy.com)

(1) Sài Gòn Đẹp Lắm – Y Vân

(2) Bước Chân Chiều Chủ Nhật – Đỗ Kim Bảng

(3) Nhịp Bước Mùa Thu – thơ Nguyễn Xuân Thiệp

(4) Chiều trên Quê Hương Tôi – Trịnh Công Sơn

(5) Dây Thôn Vỹ Dạ – Hàn Mặc Tử

(6) Tà Áo Tím – Hoàng Nguyên

(7) Điểm Xưa – Trịnh Công Sơn

(8) Dạ Lai Hương – Phạm Duy

(9) Phượng Yêu – Phạm Duy

(10) Huế Tình Yêu Của Tôi -Trương Tuyết Mai

(11) Tống Biệt -Thơ Tản Đà.

Người Thổi Khẩu Cầm Đêm Giao Thừa



Tháp Nhạn ở Tuy Hòa (Phú Yên) – Tranh: Mai Tâm

*Bạn cũ gọi về trong trí nhớ
Lá vẫn bay và ta cuối năm
Đôi mắt nhung đen, hàng lệ nhỏ
Thì thôi, lá chọn đất ân cần*

Lữ Kiều (Những Chiếc Lá Cuối Năm)

– “Khi nào cháu Ti bên Úc về dịp Giáng sinh, chúng tôi sẽ đưa cả nhà về ăn tết Tây ở Ninh Hòa”.

Nghe anh bạn Lữ Kiều nói trong điện thoại nhưng tôi chưa tin lắm. Năm 2017, anh đã vượt gần 500km trên những chuyến tàu lửa cũ kỹ để đến Ninh Hòa 3 lần rồi, không lẽ anh lại can đảm thực hiện chuyến đi lần thứ tư?

Anh Lữ Kiều là người quý bạn và thích đưa bạn “tìm đến thiên nhiên” để “sống như loài hoa hiền” (*). Biển Dốc Lết là chốn thiên nhiên anh ưa thích, hóng gió nơi ấy lại có “hoa hiền” lẫn “bạn hiền”.

Nhưng tôi nửa tin, nửa ngờ vì lần đến Ninh Hòa vừa rồi anh và “phái đoàn” đã quá vất vả đi ghé ngồi và vì tôi có linh cảm anh không được khỏe.

-“A lô, tối 29 chúng tôi lên tàu, kỳ này tôi đã mua được vé giường nằm dù phải mua ga đến là Tuy Hòa. Cả đoàn lớn bé là 9 người trong gia đình, tụi nhỏ vui lắm, có hai cô con dâu và hai đứa cháu nội nữa, 7 giờ sáng 30 tụi tôi đến ga

Ninh Hòa đó chị”. Trời Ninh Hòa se lạnh. Mưa phùn lay bay.

Tàu đến khá đúng giờ.

Tôi ái ngại và vui mừng gặp lại Thanh Hằng, người vợ “đồng cam cộng khổ” với chồng trong những chuyến đi vất vả về một nơi không là quê nội, không là quê ngoại, trên những chuyến tàu xập xình chạy trên đường ray có từ thời Pháp thuộc.

Tôi xúc động lần đầu nhìn thấy Némo, đứa cháu nội mồ côi cha của anh Lữ Kiều. Cháu sắp 13 tuổi, mảnh khảnh, trầm tĩnh và quá yên lặng nhưng không có vẻ yếu đuối như những đứa bé từ thuở sơ sinh chỉ biết có mẹ.

Tôi hiểu chuyến đi này ý nghĩa biết bao với anh Lữ Kiều. Némo sắp bước vào tuổi biết suy nghĩ, nhiều mộng mơ và cần lắm những kỷ niệm dịu êm làm đầy nỗi trống vắng trong tâm hồn đứa trẻ thiếu bóng một người cha.

Sau cốc cà phê nóng do anh Khuất Đầu pha chế, xe đưa cả nhà đi ăn bánh ướt.

Bánh ướt xong đi chơi Suối Nước Nóng ở Dục Mỹ.

Hai đứa trẻ thích thú với dòng nước 70 độ bốc khói có thể luộc chín trứng gà.

– “Sáng mai mình đi Tuy Hòa, mình sẽ thăm Tháp Nhạn, tôi chưa đến đây lần nào, thăm anh chị Nguyễn Lệ Uyên, thăm đập Đồng Cam nơi ông nội các cháu từng làm việc ở đó.”

Nghe nói sẽ đi Tuy Hòa tôi rất thích. Tuy Hòa là nơi tôi luôn muốn trở lại.

Buổi sáng ngày cuối cùng của năm, chúng tôi lên xe làm một chuyến du hành qua đèo Cả, nơi đón ánh mặt trời đầu tiên của đất nước hình chữ S.

Gần đến Tuy Hòa trời lâm râm mưa phùn...

Tháp Nhạn thấp thoáng sau màn sương mù.

Cách đây nửa thế kỷ, tôi từng nhiều lần trèo lên hàng trăm bậc cấp để lên thăm núi Nhạn nhưng lần này có đường cho xe chạy đến tận nơi.

– Không ngờ tháp Nhạn đẹp đến như vậy!”

Anh Lữ Kiều trầm ngâm ngược nhìn tòa tháp kỳ vĩ và đẹp đến nao lòng.

Mấy trăm năm rồi mà tòa tháp vẫn đỏ au như vừa được lấy ra từ lò nung.

Vài mảng rêu phong bất chợt mang mang nỗi buồn u uẩn. Chụp hình, chụp hình và chụp hình.

May mà trời đã hửng nắng.

Tôi đã đến nhà anh Nguyễn Lệ Uyên nhiều lần mà lần nào cũng đi lạc.

-“A lô, xe đi đến đâu rồi, tui đang nấu cháo gà, bao nhiêu người? Nếu đông tôi thêm nước vào nồi cháo?”

Mừng vì anh Nguyễn Lệ Uyên vẫn vui vẻ, hài hước với tiếng cười sang sảng như mọi khi.

Vui thật là vui gặp lại chị Hoa.

Ngon thật là ngon được ăn cơm trưa trong ngôi nhà vang tiếng cười, giữa khu vườn ngát mùi hoa cỏ.

Nhớ anh Phạm Ngọc Lưu. Chúng tôi từng gặp anh hai lần trong ngôi nhà này.

Không quên được dáng anh gầy gò nhưng vô cùng trịnh trọng, thơm tất đứng đợi ở cổng nhà. Như còn vang vọng đâu đây giọng anh ngâm bài Biên Cương Hành làm trái tim mọi người rướm máu. Mới đó mà anh đã đi về phía những người muôn năm cũ.

Mặt trời xế bóng.

Chúc lành năm mới.

Tạm biệt nhé anh Nguyễn Lê Uyên và chị Hoa.

Xe đưa đoàn về hướng đập Đồng Cam.

Mùa nước lũ, đập Đồng Cam càng thêm hùng vĩ.

“Năm ba bằng tuổi Nemo, ông Nội từng đưa ba và chú Mẫn đến đây.” – Anh Lữ Kiều có vẻ hài lòng khi con anh, cháu anh đến được nơi sơn cùng thủy tận này.

Tôi.

Hội hộp chờ giờ phút chào năm mới.

Khu du lịch có tổ chức gala mừng xuân nhưng quá ồn và không hợp “khẩu vị” nên chúng tôi kéo nhau về một sảnh đường yên tĩnh, nơi chỉ có tiếng sóng vỗ rì rào.

Trăng 14 đang treo ngoài khơi xa.

Trong ánh đèn vàng êm dịu, anh Lữ Kiều lấy từ trong xách tay một cây Harmonica.

“Cây kèn này Ti mang về làm quà cho bố đây.”

Rồi anh đưa kèn lên môi.

Tiếng kèn cầm vang lên diu dặt.

“One day, when we were young, that wonderful morning in May.

You told me you loved me, when we were young one day.”

Rồi Serenata, rồi Plasir D’ Amour, rồi Chiều của Hồ Dzếnh...

Đêm thật yên tĩnh, mọi người ngồi im lặng.

Có lẽ đây là lần đầu các con anh, cháu anh, vợ anh nghe tiếng kèn của người lâu nay chỉ quen cầm bút, cầm cọ.

Trăng đã lên cao.

Trời trong vắt.

Tiếng anh Lữ Kiều nhẹ như tiếng sóng ngoài khơi xa:

“Gia đình tôi mười một người đã nằm yên dưới lòng biển sâu... Tôi không thể quên được.”.

Bây giờ chúng tôi đã hiểu vì sao anh luôn muốn về với biển và vì sao tiếng kèn của anh buồn đến vậy.

Good night!

Happy New Year!

Sáng. Một ngày mới tinh khôi. Nắng xuân ngập tràn bãi biển.

Những chú còng vô tư tằn tảo với công việc không hề biết hôm nay là ngày được nghỉ lễ...

Cám ơn Mùa Xuân

Tạm biệt Dốc Lết.

Lại trở về quán cà phê Déjà Vu.

Quán cà phê có đến mười chú mèo xinh đẹp làm hai đứa cháu nội Nemo và Tin Tin thích thú. Các cô con gái và con dâu của anh Lữ Kiều thì bất ngờ phát hiện trong quán còn có một shop áo dài cách tân với những đường thêu tay với phong cách rất riêng do cô chủ quán thiết kế.

Ríu rít chọn áo, ríu rít chụp hình.

Một ngày đầu năm mới thật nhiều niềm vui.

Chuyến tàu Quy Nhơn – Sài Gòn dừng lại ga Ninh Hòa để đón đoàn khách thân quen.

Trăng rằm soi sáng sân ga và người đưa tiễn có thể nhìn thấy đoàn tàu từ từ tan vào bóng đêm.

Chào anh Lữ Kiều, chào Thanh Hằng, chào những người bạn nhỏ.

Bỗng nhớ mấy câu thơ của Lữ Kiều viết tại Huế vào mùa xuân Mậu Thân đau thương cách đây tròn 50 năm:

*Còn gặp mặt, thôi yên tâm còn sống
Kẻ vắng tin? Đành chép miệng thở dài
Trên da thịt còn xanh xao đói lạnh
Ta mời nhau một miếng nắng ngày xuân (**)*

Tháng giêng/2018

Chú Thích:

(*) Câu hát trong “*Tôi Muốn*” của Lê Hựu Hà.

(**) Trích từ bài thơ *Mậu Thân* Lữ Kiều viết năm 1968
(Trong tập *Lãng Ca*)

MẬU THÂN

*Cất tiếng cười ròn vui mừng tuổi
Tay giơ cao chào bạn hữu thân tình
Ta đã sống qua những ngày biển lửa
Có chút vui nào không đượm nỗi đao binh?*

*Còn gặp mặt, thôi yên tâm còn sống
Kẻ vắng tin? Đành chép miệng thờ dài
Trên da thịt còn xanh xao đói lạnh
Ta mời nhau một miếng nắng ngày xuân*

*Bởi đã sống rất gần kề cái chết
Tôi xin em một phút cảm ơn đời
Có bàn tay nào khoan dung bằng tay Phật
Dẫn ta đi qua những lối ma trời!*

*Những người chết đã đầy trong trí nhớ
Sớm hôm nay soi mặt bên sông này
Ta bỗng thấy viên đạn chì đầu đỏ
Nằm bình yên bên cạnh lũ đá đen*

Lữ Kiều

1968

CON ĐƯỜNG KỶ LẠ



Ảnh (báo Pháp Luật VN)

Đường ta ta cứ đi

Nhà ta ta cứ xây

(Phạm Duy)

Hai năm nay, ở đất nước khốn khổ của tôi, con đường được nhắc tới nhiều nhất không phải là những xa lộ thênh thang, không phải là những cao tốc đắt tiền và tốn tiền vì muốn đi phải đóng phí mà là một con đường cực kỳ nhỏ bé, chỉ dài 144 mét, rộng 8 mét. Đó là đường sách Nguyễn Văn Bình ở quận 1 Sài Gòn.

Thông tin mới nhất từ báo Thể Thao và Văn Hóa cho biết Đường Sách Nguyễn Văn Bình sau 2 năm thành lập đã bán được 1,2 triệu quyển sách, doanh thu 67 tỷ đồng, thu hút hơn 4 triệu lượt khách.

Thật là những con số trong mơ trong tình hình văn hóa đọc sách in đang lụi tàn dưới cơn bão nghe nhìn qua màn hình TV, qua internet.

Thành công của đường sách Nguyễn Văn Bình khiến cho người làm trong ngành văn hóa ở Việt Nam lên cơn sốt.

Người ta cho rằng sự thất bại của ngành xuất bản, sự thờ ơ của độc giả là do bởi không có đường sách.

Hà Nội là nơi đầu tiên hào hứng thực hiện một đường sách theo mô hình đường Sách Nguyễn Văn Bình của Sài Gòn.

Và ngày 1 tháng 5, 2017, một đường sách dài 200 mét thật rộng rãi sang trọng được khai trương với thành công vang dội như tít các bài trên báo Kenh14.vn:

Bãi Đổ Xe Ô Tô Một Thời “Lộ Xác” Thành Phố Sách Đầu Tiên Tuyệt Đẹp Giữa Hà Nội.

Cũng đọc được trên kenh14.vn, trong bài:

Có Gì Ở Phố Sách Mới Mở Siêu Đẹp Đang Khiến Giới Trẻ “Sốt Xình Xịch”?

“Phố sách Hà Nội chính thức khai trương vào ngày 1/5 vừa qua đã trở thành một điểm đến check in mới của giới trẻ và là không gian giao lưu giữa những người yêu sách. Tuy chỉ dài gần 200m nhưng con phố vô cùng thoáng đãng, rộng rãi với 16 “căn nhà” riêng của 16 nhà xuất bản được thiết kế, xây dựng hài hoà với cảnh quan trong khu vực.

Tông màu nâu chủ đạo khiến người đến tham quan cảm nhận được sự dễ chịu và gần gũi. Con đường lát đá sạch sẽ, thoáng rộng, và có lẽ sẽ chỉ hơi ùn tắc một chút vào cuối tuần hoặc dịp giảm giá sách khi lượng người đổ về đây quá đông.”

Nhưng ngày vui chẳng bằng gang tay.

Chỉ một thời gian ngắn mọi người đọc được trên báo Tuổi Trẻ:

“Phố Sách Hà Nội: Thừa vãng Khách, Các Gian Hàng Kêu Cứu”

...

Trước tình hình kinh doanh của các gian hàng đang đi xuống, các đơn vị xuất bản cùng kiến nghị đến ban quản lý phố sách Hà Nội, đề nghị thành phố hỗ trợ chi phí chăm sóc cây xanh, thậm chí vì đây là cảnh quan chung của thành phố; cắt giảm các lực lượng như vệ sĩ, vệ sinh... để đảm bảo mức thu phí mặt bằng không quá 200.000 đồng/m².

Thành phố cần hỗ trợ phố sách hệ thống âm thanh, loa đài và sân khấu tại quảng trường trung tâm để làm tốt hơn công tác truyền thông và tổ chức sự kiện của phố sách. Mùi hôi thối từ cống thoát nước và các hộ dân xả thải sang phố sách cần được khắc phục...”

Vậy là Phố Sách Hà Nội lại đang van xin nhà nước bao cấp!!!

Theo tôi, sự thất bại của Phố sách Hà Nội do bởi Hà Nội chưa hiểu gì về người Sài Gòn. Họ cứ tưởng Đường Sách là...hội chợ sách. Cứ lập ra một dãy tiệm sách, bày biện

cho sang trọng, có quán cà phê, giải khát, có cảnh đẹp cho nam thanh nữ tú đến chụp hình tức thì mọi người sẽ ào ào kéo nhau đến mua sách và bao nhiêu sách ế của các nhà xuất bản sẽ nhờ đó tiêu thụ hết giống như thành công của đường sách Nguyễn Văn Bình.

Sau thất bại của đường sách Hà Nội, người ta lý giải rằng Đường Sách nằm ở vị trí không thuận tiện, rằng tại gần Hồ Gươm có nhiều tiệm sách tư nhân bán sách rẻ hơn, rằng ban quản lý ít hiểu biết về văn chương...

Còn với trực giác của tôi đường sách Nguyễn Văn Bình được mọi người tìm đến không phải vì người ta ...yêu sách, khao khát đọc sách, dư tiền để mua sách.

Người Sài Gòn thích tìm đến đường sách, hẹn gặp nhau ở Đường Sách vì họ yêu Sài Gòn ngày tháng cũ. Sài Gòn ấy có Nhà Thờ Đức Bà, có Bru Điện, có vòm lá me bay bay trong nắng sớm, có tên Nguyễn Văn Bình rất gần gũi, thân quen.

Tác Giả Ngô Thế Vinh có một nhận xét rất tinh tế :

“Đường Sách Nguyễn Văn Bình ngày nay là hình ảnh một mini-đường sách Lê Lợi của hơn 40 năm trước”

Vậy, người Sài Gòn vì yêu đường Nguyễn Văn Bình mà đến với Đường Sách chứ không phải vì yêu sách mà đến với đường Nguyễn Văn Bình.

Nếu Đường Sách chiếm một khúc trên đường Cách Mạng Tháng Tám, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, hay đường 2 Tháng Tư thì không chắc người Sài Gòn tìm đến.”

Ngồi ở đường sách Nguyễn Văn Bình nhìn nhà thờ Đức Bà, nhìn Bru Điện, dưới vòm lá me xanh, chúng ta có thể trong thoáng chốc quên đi những tháng ngày mất mát.

Thôi nhé đừng hoài âm xưa

Giọt mưa đã reo bên thềm nhà

Người ngồi im bóng

Lắng nghe tháng ngày qua ()*

Tháng 2/2018

() Come Back To Sorriento lời Việt Phạm Duy.*

CHIỀU NAY THẤY HOA CƯỜI CHỢT NHỚ MỘT NGƯỜI (*)



(Ảnh: Đồng Hương KonTum)

Sau Tết, lòng người miền Nam chùng xuống khi nghe tin nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông qua đời tại Sài Gòn (11 tháng giêng âm lịch).

Nguyễn Văn Đông là nhạc sĩ được yêu mến, ít tai tiếng và thân quen vô cùng với người dân miền Nam thuở ấy qua tiếng hát Trần Văn Trạch với bài “Chiều Mưa Biên Giới”

Thuở ấy là thuở 20 năm chinh chiến, bất an của miền Nam nước Việt. Thuở ấy là thuở những tác phẩm thơ văn, âm nhạc mang hơi thở của người lính, cho đến muôn thu vẫn sống mãi trong tâm hồn người miền Nam mất nước .

Thật không thể tưởng tượng được chỉ trong 20 năm, những nhạc sĩ miền Nam đã để lại hàng ngàn ca khúc tuyệt đẹp, trong đó hầu hết chứa đựng cảm xúc về thân phận người trai thời chiến. Những cảm xúc ấy không đồng phục như bộ đồ lính mà họ mang trên người, không bị trói buộc bởi một thể lực chính trị nào, không làm nô dịch cho một định hướng của chủ nghĩa nào.

Hãy nghe tiếng sóng dạt dào trong tâm hồn chàng trai Minh Kỳ trước giờ ra lính:

“Bạn ơi quan hà xin cạm chén ly bôi

Ngày mai tôi đã đi xa rồi”

Trần Thiện Thanh đi lính nhưng không “*Nhắm thẳng quân thù mà bắn*” mà chỉ nhìn đâu đâu:

*Từ máy thu thanh cô nàng vừa ca
“Trọn kiếp yêu anh lính khổ xa nhà”
Giữa rừng già vang tiếng hát thật cao
Nhưng giữa già tôi có thấy gì đâu?*

(Trần Thiện Thanh – Rừng Lá Thấp)

Người lính của Trúc Phương tả thực và vô cùng tuyệt vọng:

“Đơn vị thường khi nằm trên đất giặc

Thèm trong hũ hừng

Tiếng hát môi em tiếng hát ngọt mềm”

(Trúc Phương – Kẻ Ở Miền Xa)

Nguyễn Văn Đông cũng mô tả tâm trạng cô đơn của người lính đêm giao thừa ngồi gác một mình nơi tiền đồn xa xôi, nhớ nhà, nhớ mẹ, nhớ em, nhưng ca khúc của ông đối với cảm nhận của riêng tôi không mang vẻ sầu thảm.

Có lẽ vì nhạc của ông luôn có giai điệu hướng về vắn trác. Câu hát của ông lúc nào cũng lên cao phơi phới như cánh diều trong gió.

“Chiều mưa biên GIỚI anh đi về đâu?

Sao còn đứng NGÓNG nơi giang đầu

Kìa rùng chiều âm u RÉT MUỐT

Chờ người về vui trong GIÁ BUỐT

Người về bơ vơ”

(Nguyễn Văn Đông – Chiều Mưa Biên Giới)

Trong Về Mái Nhà Xưa chúng ta nghe tiếng ca cứ vút dần lên cao:

“Về đây NGO NGÁC chim bay tìm đàn

Về đây HOANG VẮNG LẠNH BUỐT cung đàn”

(Nguyễn Văn Đông – Về Mái Nhà Xưa)

Thật dễ hiểu khi chất giọng soprano rất trong trẻo, rất nhẹ nhàng nhưng vô cùng đầy đặn của Hà Thanh như sinh ra để hát nhạc Nguyễn Văn Đông.

Ngay cả tựa đề của ông cũng ít khi thiếu dấu sắc:

“Sắc Hoa Màu Nhớ”, “Phiên Gác Đêm Xuân”, “Mấy Dặm Sơn Khê”

“Khúc Tình Ca Hàng Hàng Lốp Lốp” ...

Trong một bài phỏng vấn trước 1975,, nhạc sĩ cho biết ông rất thích nhạc Pháp và yêu mến ca khúc “La Vie En Rose”

Và Mùa Xuân hiện diện rất nhiều trong nhạc Nguyễn Văn Đông :

“Nhớ Một Chiều Xuân” “Phiên Gác Đêm Xuân” “Dáng Xuân Xưa”, “Khúc Xuân Ca” cho chúng ta biết nhạc sĩ là người lạc quan, yêu người, yêu đời và yêu...nước.

Ta không tìm thấy hận thù trong người lính Nguyễn Văn Đông chỉ thấy ước mơ của ông thật cảm động:

“Mong sao nước Việt đời đời

Anh đừng oai hùng chen chân thế giới”

(Nguyễn Văn Đông – Hải Ngoại Thương Ca)

Nhưng đời không là màu hồng.

Một tâm hồn đẹp đẽ như thế, một con người đáng yêu, đáng sống như thế sau 1975 đã bị khổ sai mười năm trong tù.

Sau ngày ông qua đời chúng ta bàng hoàng đọc được lời ông Chu Tất Tiến, người bạn tù của Nguyễn Văn Đông

mô tả hình ảnh nhạc sĩ lừng danh Nguyễn Văn Đông trong những ngày tù đầy, ốm đau, bệnh tật và đói rét:

*. . . anh chỉ có thể nằm trên một miếng ván nhỏ có gắn bánh xe do anh em cùng tù làm cho anh, để anh lấy tay đẩy miếng ván trôi đi, y như một người bị què cụt sắp chết. Nhìn hình ảnh đó, anh em đều sa lệ. Còn đâu người hùng năm xưa? Còn đâu hình dáng người nhạc sĩ với cây đàn và những bản nhạc tuyệt vời, hát mãi không chán? ”(**).*

Chúng ta cũng đau xót đọc được trong bài viết “Viếng Tang Lễ Giản Dị Của Nhạc Sĩ Nguyễn Văn Đông” của Trần Tiến Dũng trên báo Người Việt:

“Hầu chuyện phu nhân của nhạc sĩ, bà cho biết: Lúc ông từ nhà tù của chế độ Hà Nội về, bệnh tật khiến ông không đi, đứng được, ông chỉ nằm đó như một cái xác, không người thân nào tin ông có thể sống. Hàng xóm ai cũng thương cảm. Nhưng rồi bằng nghị lực phi thường và sự chăm sóc của gia đình ông vượt qua tình trạng bạo bệnh mắc phải trong thời gian 10 năm chịu lao tù”.

Nguyễn Văn Đông cũng như nhiều thanh niên miền Nam đi lính như một bôn phận vì:

“Đi quân dịch là thương nòi giống”

(Bức tâm Thư-Lam Phương)

Khi trận chiến trở nên khốc liệt, phi lý, họ chịu đựng như tai trời ách nước, không oán thù, trách móc, chỉ biết:

“Người đi khu chiến thương người hậu phương”

(Nguyễn Văn Đông – Chiều Mưa Biên Giới)

Tâm hồn trong sáng, trái tim nhân hậu của Đại Tá, nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông xứng đáng để chúng ta đưa tay lên chào vĩnh biệt.

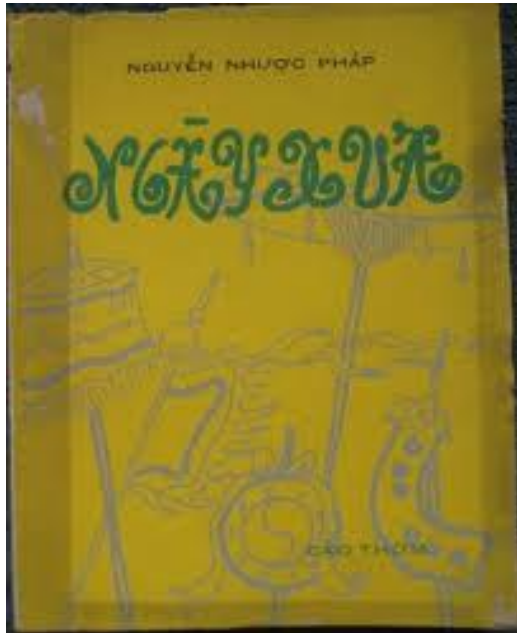
Tháng 3/2018

Chú Thích:

() Trong Nhớ Một Chiều Xuân – Nguyễn Văn Đông.*

*(**) Trích trong bài [“Nguyễn Văn Đông Và Những Điều Chưa Nói Hết”](#) tác giả Trịnh Thanh Thủy – Việt Báo online*

NGUYỄN NHƯỘC PHÁP, CHÀNG HOÀNG TỬ NGŨ TRONG RỪNG



“Ngày xưa” của Nguyễn Nhược Pháp

do Cảo Thơm ấn hành năm 1966

(Tuởng nhớ Nguyễn Nhược Pháp, 80 năm ngày mất 1938-2018)

Năm 1916, tại Hà Nội có một người đàn bà dùng súng lục bắn vào đầu tự sát bỏ lại đứa con trai mới lên hai. Đứa bé đó tên Nguyễn Nhược Pháp.

Lớn lên, đứa bé trở thành nhà thơ với những bài thơ hồn nhiên, tươi tắn không nhuốm chút bi lụy của cuộc đời. Nhà phê bình Hoài Thanh viết về thơ Nguyễn Nhược Pháp: “... lúc nào hình như cũng thoáng thấy bóng một người đương khúc khích cười.”

Tuổi thơ tôi không có truyện trẻ em, không truyện tranh, không phim hoạt hình. Thuở ấy, không có một nền văn học dành cho trẻ em và với tôi thơ Nguyễn Nhược Pháp lộng lẫy, sinh động không thua phim hoạt hình của Walt Disney.

Hình ảnh của My Nương có gì đó rất giống với công chúa Bạch Tuyết:

*Ngày xưa, khi rừng mây u ám
Sông núi còn vang um tiếng thần,
Con vua Hùng Vương thứ mười tám,
My Nương xinh như tiên trên trần...
Tóc xanh viền má hây hây đỏ,
Miệng nàng bé thắm như san hô,
Tay ngài trắng nõn, hai chân nhỏ:
Mé nàng, bao nhiêu người làm thơ*

Làm sao các bé gái không mơ mộng và ước gì mình được xinh đẹp như ... một công chúa theo cách mà Nguyễn Nhược Pháp vẽ ra.

Nguyễn Nhược Pháp chịu ảnh hưởng Tây học từ người cha lừng danh Nguyễn Văn Vĩnh.

Chàng học ở Albert Sarraut, sinh viên trường Luật, viết kịch, viết văn, làm báo hoạt động như một hướng đạo sinh trên mọi lĩnh vực.

Lạ thay thơ chàng luôn có hình bóng của người con trai dịu dàng nho nhã rất Việt Nam của “Ngày Xưa”:

*“Hôm đó buổi chiều xuân
Trông mây hồng bay vân
Liền gập pho kinh sử*

Lững thững khỏi lầu văn”

(Một Chiêu Xuân)

“Khi qua chùa Giải Oan

Trông thấy bức tường ngang

Chàng đưa tay lẹ bút

Thảo bài thơ liên hoàn”

(Chùa Hương)

Tập Ngày Xưa của Nguyễn Nhược Pháp làm ta tưởng chừng cuộc đời này đối với chàng là những ngày hội vui. Vậy có khi nào chàng đau vì cái chết oan nghiệt của mẹ mình?

Bà Phan Thị Lựu, mẹ chàng, một giai nhân con nhà giàu xứ Lạng, lịch lãm và nói giỏi tiếng Pháp nhưng số phận đưa đẩy bà yêu một người đàn ông đã có vợ con. Chịu thân phận làm vợ lẽ đã là cay đắng vậy mà người đàn ông ấy vẫn nhẫn tâm chà đạp lên trái tim chân thành, say đắm của bà.

Có người bảo tận đáy lòng chắc Nguyễn Nhược Pháp oán hận người mẹ đã bỏ mình ra đi khi chàng chưa kịp nhận rõ mặt mẹ.

Tôi thì nghĩ ngược lại. Nếu có đau khổ, Nguyễn Nhược Pháp chỉ quay quắt thương mình quá nhỏ, không cứu được mẹ. Nếu biết nói, Nguyễn Nhược Pháp sẽ ôm mẹ thôn thức:

“Mẹ ơi còn con đây mà!”

Những người đang đứng bên bờ vực thẳm, trong tích tắc, luôn cần một bàn tay níu giữ.

Nguyễn Nhược Pháp là một người con hiếu thảo. Chàng sống vui tươi để nói với người mẹ nông nổi nơi chín suối rằng: “Mẹ yên tâm, con vẫn ổn”

Chàng cũng muốn nói với người mẹ Cả bao dung đã mang chàng về nuôi nấng rằng: “Cám ơn Mẹ, nhờ Mẹ mà con đã lớn lên bình yên”.

Không giống người cha đa tình và bạc tình, Nguyễn Nhược Pháp chưa từng làm đau một trái tim thiếu nữ. Thơ của chàng luôn là những lời tụng ca dành cho người nữ. Trời hỡi! Sao một con người sống đẹp như thế mà bà phù thủy số phận lại bắt chàng phải nằm ngủ giấc nghìn thu trong khu rừng định mệnh ở tuổi hai mươi tư. Hay chàng sợ mẹ mình cô đơn nơi chín suối? Trong bài thơ “Mây”, Nguyễn Nhược Pháp có những câu thơ buồn hiếm hoi:

*Khi thấy hồn người thân
— Nhìn mây lệ khôn cầm! —
Trên bầy xe tứ mã,
Tiếng bánh lăn âm thầm;*

Để tưởng nhớ Nguyễn Nhược Pháp, chàng hoàng tử trong sáng nhất trong thi ca Việt, xin được ghi lại bài thơ khóc bạn của Nguyễn Bính:

*“Buồn xao xuyên quá sương mù
Buồn xao xuyên quá, mùa thu vừa tàn
Ai đem bút hết lá vàng
Dệt làm khăn liệm đám tang muôn đời
Thương anh, nói chẳng hết lời
Giờ đây, anh đã ra người ngàn xưa!
Vị dù còn một đường tơ
Cũng xin rút nốt thành thơ khóc người
Ngài xanh cái kén bay rồi
Nhà tơ xây tổ trên đời bao năm
Kéo dài kiếp số trăm năm
Cũng mang tiếng một con tằm mà thôi
Thương anh nói chẳng hết lời
Giờ đây anh đã ra người ngàn xưa!
(Khóc anh Nguyễn Nhược Pháp)*

Tháng 6/2018

VÀI CẢM NGHĨ KHI XEM PHIM MÊ THẢO – THỜI VANG BÓNG



Phim Mê Thảo – Thời Vang Bóng phỏng theo tiểu thuyết Chùa Đàn của Nguyễn Tuân, biên kịch Việt Linh, Phạm Thùy Nhân, do Việt Linh đạo diễn thực hiện xong năm 2002 nhưng mãi đến nay tôi mới được xem do tò mò sau khi đọc hai bài viết: “Chùa Đàn và Mê Thảo Thế Giới Của Hồn Oan”, “Lời Yêu Ngôn” tác giả Nguyễn Xuân Thiệp đăng trên Phố Văn Blog.

Tiệc nuôi đầu tiên là phim không mang tên “Chùa Đàn”. Bởi theo tôi nhân vật chính của cuốn phim phải là cây đàn và câu chuyện về một cái chùa không thờ Phật mà thờ một cây đàn là một câu chuyện lạ kỳ gây ấn tượng. Nếu tôi là đạo diễn thì phim sẽ không mở đầu bằng một chiếc xe lửa của thời hiện đại đưa khán giả đi lui về bối cảnh nước Việt năm 1920 mà là hình ảnh của một cái chùa và cô Tơ ni cô ngồi tụng niệm trầm mặc trước bàn thờ có cây đàn gợi mở trí tò mò của khán giả.

Hãy nhìn Nguyễn Tuân cho kỹ. Ông là nhà văn rất lạ. Đó là một nhà văn hiếm hoi chuyên về tĩnh vật. Ông luôn bắt độc giả nhìn thấu linh hồn của những món đồ vô tri vô giác. Những “Chiếc Lư Đồng Mất Cua”, “Những Chiếc Âm Đất”, một “Ngôi Mả cũ”, “Một chén Trà Trong Sương Sớm”, một cây “Đèn Dầu Lạc” qua tay ông bỗng trở nên biết nhảy múa, hát ca như trong phim của Walt Disney. Người tử tù đối với Nguyễn Tuân không quan trọng bằng “Chữ Của Người Tử Tù”, Chị Hoài không làm ông say đắm bằng “Tóc Chị Hoài”

Cho nên hình ảnh Chùa Đàn không hiện diện trong bộ phim đối với tôi là một điều không thể được. Và tất nhiên, Chùa Đàn phải có người xây nó. Cho nên ông chủ ấp Mê Thảo phải sống, sống trong đau đớn dần vật, sống trong chiêm nghiệm lẽ đời, sống trùng tu bản ngã ích kỷ để cái chết bi tráng của Tam, người “tử vì đàn” có ý nghĩa.

Tôi cũng dị ứng với cảnh để mua vui cho ông chủ Mê thảo, đám hát được mời về có màn ông lão công vợ trẻ đi chơi. Màn này đã vô cùng nhảm chán trên sân khấu nước Việt.

Và nó chỉ có thể mua vui cho đám dân quê. Trước nỗi đau khổ của một ông chủ cao sang như ông Nguyễn, người sâu sắc như Tam không thể giải khuây cho chủ mình bằng một trò kịch cớm như thế. Trong vở kịch Hamlet của Shakespear, để thử dò xét trạng thái của người chú đã giết vua cha, Hamlet cho mời một đoàn kịch có cảnh đôi gian phu dâm phụ âm mưu giết vua về diễn trong cung. Kịch tính này thật đắt.

Chi tiết Tam và Tơ có tình ý với nhau là thừa. Đối với hai nhân vật này, tình yêu âm nhạc là giá trị của họ. Ngoài ra họ cũng là những người nghĩa khí. Tam là người trọng ơn cứu mạng. Tơ vì yêu chồng mà không hát cho ai nghe từ ngày vắng tiếng đàn của chồng.

Dù sao phim cũng được dựng bởi những người hết lòng mê say ngôn ngữ điện ảnh.

Tôi khâm phục một người miền Nam như Việt Linh lại có thể tốn rất nhiều thời gian và công sức cho bộ phim có bối cảnh ở miền Bắc thời cô chưa sinh ra. Việt Linh rất dũng cảm khi chọn một tiểu thuyết không rõ ràng về tính tư tưởng cho đến nỗi Nguyễn Tuân, tác giả của nó, phải viết những lời phân bua ở lời Dựng dẫn đầu và Mưỡu Cuối khi tái bản Chùa Đàn với tên “Câu Chuyện của Nước Độc” . Và cô đã phải tốn 10 năm để xin phép, để tìm kinh phí, để chuẩn bị một núi công việc cho bộ phim ra đời. Chưa hết khổ. Phim xong năm 2002, đến 2004 phim mới được ra rạp bởi diễn viên chính Đơn Dương trốn ra nước ngoài.

Ngoài phần dựng cảnh, phục trang rất có hồn. Việt Linh khá cao tay khi chọn các diễn viên nữ không phải là những giai nhân có nét đẹp búp bê. Cô Tơ, cô Cam đều mang nét mặt nặng nề, khắc khổ nhưng góc cạnh rất xi nê.

Rất mong một ngày nào các nhà làm phim Việt thực hiện được những phim có vóc dáng như Đèn Lồng Đỏ Treo Cao (The Red Lantern) của Trương Nghệ Mưu hay Bá Vương Biệt Cơ (Farewell my concubine) của Trần Khải Ca.

Trong thời đại sách in bị các trò vui trên internet lấn lướt, phim ảnh vẫn không bị xuống ngôi và vẫn là những bí ẩn quyền rũ .

Đầu đông 2018

NHỮNG MÙA XUÂN MUỘN



Hương Xuân – Ảnh (Luu Na)

Thời gian tựa cánh chim bay

Qua dân những tháng cùng ngày

(Cung Tiến)

Chỉ mới đây thôi, treo tấm lịch có in hình chú chó dễ thương lên vách rồi ngồi đếm từng ngày chờ con cháu về ăn tết, vậy mà bây giờ lại vớt chó đi rục rịch treo lợn lên.

Mau quá.

Ôi. Mình đã đi gần hết cuộc hành trình không có vé khứ hồi.

Mình được nhìn thấy nhiều lắm những ga lớn, ga xép, nhưng chỉ một lần duy nhất trong đời.

Không bao giờ trở lại.

Hỏi nhỏ trên chuyến tàu, có chàng trai hỏi “bé xuống ga nào?”

Năm sau gặp lại, chàng hỏi “Cô xuống ga nào?”

Lần đầu được gọi “cô” mình sửng sốt, vội thu mình ôm cặp vào lòng, yên lặng làm nghiêm. Từ đó mình đi đứng nói cười khép nép.

1975. bắt ngờ chuyến tàu bị nổ mìn tê liệt.

Mình mới qua tuổi 25 nhưng đã quên thời gian, quên tuổi trẻ, quên mất mình là ai. Mình như người lạc trong sa mạc, cần một giọt nước để uống chứ bao nhiêu tuổi đâu có nghĩa lý gì. Và từ đó mình không tính tháng tính ngày.

Mình như kẻ vô hồn ngồi tiếp trên chuyến tàu bây giờ quá là bệ rạc, lê lét đi vào nơi vô định.

Một hôm cậu soát vé hỏi “Bác xuống ga nào?”. Mình ngẩn người biết mình đã qua giờ ngủ.

Mình quên thời gian nhưng thời gian không quên mình. Thời gian ân cần tặng thêm cho mình mỗi năm vài sợi tóc trắng.

Và tặng thêm cho mình một đôi kính lão.

Thời gian bảo “từ nay mi có thể xa chồng, xa con chứ không được ly thân với cặp kính này”. Cặp kính từ đó gắn liền với cuộc đời mình như cái niền kim cô trên đầu Tôn Hành Giả.

Khi cha mẹ lần lượt qua đời, mình như bị bỏ rơi trên con đường vạn dặm.

Mùa xuân cứ vô tư trở lại chẳng cần biết mình không còn mừng khi được tặng thêm một tuổi.

Tết. Lại ngậm ngùi nhớ cô Tám, dì Ba, chú Sáu, bác Hai, những hàng xóm thân quen đã lần lượt đi theo ông bà.

Nhớ lắm thuở bé, sáng mừng một chò xem các cậu các chú áo quần, cà vạt tinh tươm, trịnh trọng đến từng nhà chúc tết. Những con người bình thường lam lũ suốt năm không mặc vào chiếc áo sơ mi, hôm nay sáng trưng, tươi vui, lịch sự như những nhà quý tộc.

Nhớ như in giọng nói, tiếng cười, dáng đi của từng người trong xóm. Nhớ cậu Năm xe ngựa mỗi buổi chiều đội nước chải bờm cho chú ngựa yêu. Nhớ dì Hai với gánh chè đậu ván đúng hai giờ chiều là đi ngang nhà mình.

Các cậu các dì đi đâu hết cả rồi.

Rồi những bệnh tật của tuổi già cũng bắt đầu lãng vãng.

Một hôm mình thảng thốt nghe tin người bạn cùng lớp xóm nhà thờ đã về nước chúa. Những đứa trẻ đến nhà vòng tay “Cháu chào bà”.

Nhớ “Khúc Hát Thanh Xuân”:

*Từ đó khi xuân tái hồi
Cho bụi ngùi thương nhớ tới xa xôi.
Nhớ tới câu thương yêu người
Một ngày tuổi mới đôi mươi.*

(Phạm Duy)

Thật may mắn khi “bà” đã có chung thể kỷ với những nhạc sĩ của 20 năm miền Nam tự do. Những Phạm Duy, Trúc Phương, Hoàng Trọng, Trịnh Công Sơn, Hoàng Thi Thơ, Lam Phương, Nhật Ngân...nhiều lắm những con người tài hoa, lãng mạn mà bà từng ngưỡng mộ đi đâu cả rồi...

Lá đã rụng đầy. Lòng mình như cành khô trơ trụi.

*“Xa nhau chưa mà lòng nghe quạnh vắng
Đường thênh thang gió lộng một mình ta
Rượu cạn ly uống say lòng còn giá
Lá trên cành một chiếc cuối bay xa”*

(Tuấn Khanh)

Chuyến tàu đời mình vẫn mãi mê lao về phía trước. Ngoài kia, khu rừng mùa xuân vẫn thơm ngát hương đời mà sao người lữ khách bồi hồi thấy lòng se sắt...

Xuân 2019.

ÔI TA BUỒN TA ĐI LANG THANG BỞI VÌ ĐÂU *



Tranh (Ngungon.com)

Cho đến khi chết bà tôi chưa từng nhìn thấy một thỏi son môi.

Nhưng trong ký ức của tôi, bà cũng như các phụ nữ trong làng đều rất đẹp với làn môi đỏ tươi nhờ họ đều ăn trà.

Đàn ông nông nổi giéng khơi

Đàn bà sâu sắc như coi đưng trà

Ngày nay, các bạn trẻ có lẽ chưa bao giờ nhìn thấy cái coi đưng trà.

Coi đưng trà là đồ vật ưa thích nhất của tôi thuở ấu thơ. Suốt ngày tôi quanh quẩn bên bà tôi, ngắm nghía không chán những vật dụng linh kính trong chiếc khay vuông mà bà tôi gọi là coi trà.

Trong coi luôn có một xấp lá trà xanh, vài trái cau tươi, một bó giún.

Giún là một loại vỏ cây rừng phơi khô. Khi được nhai, giún làm miếng trà thêm dẻo và tất nhiên không thể thiếu cái bình sành đưng vôi, bên trong có cắm một con dao kỳ lạ. Con dao ấy có một đầu nhọn để quệt vôi, một lưỡi dao để bỏ cau và một cái đỉnh nhọn để xoi một lỗ trên miếng trà tằm trước khi cắm cuống trà, giữ cho miếng trà khỏi bung ra.

Coi trà được đặt trên bộ ván thấp, nơi bà tôi thường ngồi và dưới chân bộ ván luôn có cái ống nhỏ đựng bã trà. Nhưng đồ vật mà tôi thích nhất trong cái coi trà là cái ống ngoáy bằng đồng.

Trước khi quệt một chút vôi lên lá trà bà tôi ngắt bỏ phần đuôi nhọn của lá trà. Bà kể:

“ngày xưa có một người con trai và một người con gái thường hẹn gặp nhau bên một vườn trà. Hai người thường trò chuyện và ngắt lá trà thơm nhai. Một lần sau cuộc hẹn trở về, người con trai ngã ra chết. Quan bắt cô gái để xét tội. Nhìn thấy cô gái thùy my, đoan trang, quan không thể bắt tội cô nhưng quyết tìm ra nguyên nhân. Quan cho lính đào hết gốc trà nơi hai người thường hò hẹn. Và mọi người kinh hãi khi thấy dưới gốc trà là ổ của một con rắn độc. Buổi tối rắn bò lên ngọn trà và nọc độc của rắn đã rơi trên vài lá trà. Từ đó người ăn trà bao giờ cũng ngắt bỏ phần chót của lá trà để tránh chất độc.”

Vừa kể chuyện bà tôi vừa bỏ một miếng cau, một miếng giấm nhỏ vào lá trà và khéo léo gói miếng trà lại tròn trịa, gọn gàng vừa đủ bỏ vào ống ngoáy. Tôi luôn xin bà được lãnh phần ngoáy trà. Dùng một cái chìa bằng đồng có đầu nhọn, tôi giã trà cho bà, trong khi bà ngâm nga:

“Thương nhau cau sáu bỏ ba

Ghét nhau cau sáu bỏ ra làm mười”

Bài toán chia trái cau thương ghét từ đó in vào trí óc non nớt của tôi.

Khi cối trầu đã nát, tôi sung sướng trao cho bà và ngắm nhìn bà móm mém nhai miếng trầu từ từ tươm quết trầu đỏ thắm lên viền môi .

Đây là giờ phút tôi trông chờ nhất. Sau khi nhỏ chút quết trầu vào cái ống nhỏ có mùi thơm rất lạ, bà bắt đầu kể chuyện cho tôi nghe.

“Ngày xưa có hai anh em giống nhau như đúc. Cha mẹ mất sớm, hai anh em thương yêu đùm bọc nhau sống chung trong ngôi nhà cha mẹ để lại. Khi lớn lên cả hai đều thầm yêu một cô gái trong làng. Thương hai anh em con nhà nề nếp, tướng mạo đỉnh đạc, cha cô gái đồng ý gả nàng cho người anh.

Một hôm nhìn thấy người em đi làm đồng về sớm, người vợ chạy ra ôm lấy vì tưởng nhầm là chồng mình. Từ đó người em cảm thấy không thể sống chung trong ngôi nhà này nữa, chàng âm thầm bỏ nhà ra đi. Đi mãi không biết về đâu, lòng buồn rầu không ăn không uống, chàng kiệt sức ngã quy biến thành tảng đá vôi bên vệ đường. Người anh chờ hoài không thấy em về, lòng buồn vô hạn, chàng quyết ra đi tìm em, đến bên tảng đá, chàng chết và hóa thành cây cau. Bỏ nhà đi tìm chồng, người vợ đến bên cây cau hóa thành dây trầu quấn quýt bên thân cau.

Câu chuyện trâu cau trẻ em cùng thế hệ với tôi ai cũng thuộc lòng nhưng khi bà tôi đã mất và khi tuổi của tôi đã gần bằng tuổi của bà, nhớ bà, nhớ câu chuyện bà kể tôi mới ngạc nhiên hiểu ra đây là một câu chuyện nói lên nhân cách quá đẹp của người Việt thuở xưa.

Thuở xưa ấy người Việt không có thư viện với hàng đống sách dạy sống đẹp, dạy học làm người, không có những buổi thuyết giảng về luân lý đạo đức trên TV trên internet của các tiến sĩ, thạc sĩ nhưng con người sống rất coi trọng luân thường đạo lý. Chuyện anh thương em, vợ thương chồng là lẽ thường nhưng tôi muốn nói đến lý do người em phải bỏ nhà ra đi.

Tại sao chàng phải rời bỏ ngôi nhà êm ấm, rời bỏ mảnh ruộng trăm năm của ông bà, cha mẹ để lại, rời bỏ người anh mà chàng thương nhất trên đời cùng người chị dâu mà chàng vừa yêu vừa kính. Theo tôi chàng phải ra đi vì chàng sợ không thể thắng được lòng mình, chuyện loạn luân có thể xảy ra một cách dễ dàng vì người chị dâu không phân biệt được chồng và em chồng.

Câu chuyện quá đẹp nói lên không chỉ tình nghĩa mà là lẽ nghĩa của người Việt xưa.

Và tôi vô cùng xúc động khi hiểu ra nỗi lòng của người:

“Ôi ta buồn ta đi lang thang bởi vì đâu”

Thật oan nghiệt cho chàng và chàng đáng yêu, đáng kính xiết bao. Cho nên trời đã cho chất vôi bạc của chàng trở thành màu đỏ tươi đầm thắm khi đoàn tụ với vong hồn người anh, người chị chàng yêu quý mà không thể sống cùng nhau trên dương thế bao la sâu.

Bà tôi không còn trên cõi đời này, coi trâu không còn hiện diện trong cuộc sống thường ngày. Đáng thương cho các em bé ngày nay không còn có bà bên cạnh để kể chuyện đời xưa, chúng được tập trung trong các nhà trẻ có những bảo mẫu không biết ăn trâu.

Tiếc một thế hệ người Việt hàng mấy ngàn năm gắn bó với miếng trâu đã biến mất.

Tháng 1/2019

Chú Thích:

() Trong ca khúc Trâu Cau- Phan Huỳnh Điểu*

BIỆT MINH KỶ



“Rồi đây mai này ai hỏi đến tên tôi

Bạn ơi hãy nói...”

Nhạc sĩ Minh Kỳ có lẽ là người tù cải tạo chết sớm nhất, một cách đau đớn, khi chỉ mới bị tập trung chứ chưa được chở ra Bắc.

Ông mất ngày 31 tháng 8 năm 1975 tại trại An Dưỡng Biên Hòa cùng mười sĩ quan y bác sĩ vì một trái lựu đạn ai đó quăng vào trại.

Ôi! Bảo rằng hòa bình đã đến mà mạng người rẻ đến thế sao?

Nhưng sao gọi là Trại An Dưỡng.

“Trại An Dưỡng này, trước là một khu quân sự, về sau được chỉnh trang lại để tiếp nhận những quân nhân tù binh của ta được miền Bắc trao trả theo hiệp định Paris. Họ được nghỉ ngơi, bồi dưỡng cả sức khỏe lẫn tinh thần ở trại An Dưỡng này trước khi trở về đơn vị cũ và gia đình.” ()*

Năm đó ông 45 tuổi .

Thật bàng hoàng thương xót cho người nhạc sĩ rất thân quen với người dân Nha Trang.

“Nha Trang là miền quê hương cát trắng

Có những đêm mơ vọng lại

âm âm tiếng sóng xa khơi”

Nghe bài hát, cứ tưởng tác giả là người Nha Trang, nhưng Minh Kỳ gốc Huế, một hoàng thân ngang vai với vua Bảo Đại Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy. Tên ông là Nguyễn Phúc Vĩnh Mỹ, cháu năm đời của vua Minh Mạng.

Ca khúc Nha Trang được viết từ thập niên 50, cho đến nay người Nha Trang lưu lạc khắp bốn phương trời vẫn thấy lòng bồi hồi khi nghe câu hát:

*“Còn đâu những chiều vui xưa
Còn đâu những chiều say sưa
Ngôi nơi biển buồn trông ra khơi mênh mông.
Còn đâu Tháp Bà êm mơ
Còn đâu đá Chông bơ vơ
Còn đâu bến Cầu Đá nên thơ”.*

(Nha Trang Minh Kỳ- Hồ Đình Phương)

Miền Nam chỉ được yên bình một thời gian ngắn, rồi tất cả đều bị lôi cuốn vào cuộc chiến mới tàn khốc hơn, phi lý hơn.

Tội nghiệp cho chàng học trò chân yếu tay mềm của Minh Kỳ lần đầu đi cầm súng.

*“Bạn ơi! quan hà xin cạn chén ly bôi
Ngày mai tôi đã đã đi xa rồi.
Thành đô lưu luyến chẵn bước chân tôi
trước giờ chia phôi mấy ai không bùi ngùi
kỷ niệm buồn vui mãi ghi trong hồn tôi”*

(Biệt Kinh Kỳ- Minh Kỳ)

Khác với tâm trạng người lính bi quan, đau khổ của Trúc Phương, người lính của Minh Kỳ luôn lạc quan yêu đời và tin vào một ngày mai tươi đẹp .

Tâm hồn chàng thư sinh ấy còn chưa phai hình ảnh lãng mạn của người chinh phu trong giờ Việt vãn ở trường:

“Chàng từ đi vào nơi gió cát

Đêm trăng này nghĩ mát nơi nao”

(Chinh Phụ Ngâm)

Và chàng mơ mộng một ngày về hát khúc hoan ca.

*“Người thư sinh ấy đã xếp bút nghiên
giã từ trường yêu với bao nhiêu bạn hiền
có về là khi nước non vui bình yên.”*

(Biệt Kinh Kỳ)

Chàng lính thư sinh ấy tất nhiên cũng vương vấn trong hồn hình ảnh một nàng áo xanh, áo trắng nào đó:

*“Thuở ấy không gian chìm lắng trong mơ
Tà áo em xanh màu mắt ngậy thơ
Nụ cười hồn nhiên không vương sầu nhớ
Lời ca vang bên gác nhỏ
Tiếng tơ êm đềm trong ngõ”*

(Tà áo học trò- Minh Kỳ -Nguyễn Hiền)

Các nhân vật trong nhạc Minh Kỳ sao quá đáng yêu.

Cảnh sắc chung quanh Minh Kỳ sao quá rộn ràng, bừng bừng sức sống.

Minh Kỳ viết rất nhiều ca khúc về mùa xuân.

Không thể quên “Cánh Thiệp Đầu Xuân” “Đón Xuân Hòa Bình” “Xuân Đã Về” “Hạnh Phúc Đầu Xuân”... nhạc xuân của Minh Kỳ là riêng reo ca của một đất nước thanh bình, tươi đẹp ...

Mùa thu của Minh Kỳ không u buồn như những “ mùa thu chết.”

Khác với “Giọt Mưa Thu” nãy nê của Đặng Thế Phong, “Mây Độ Thu Về “ của Minh Kỳ tươi thắm, xinh đẹp, ngập tràn hy vọng:

*“Chiến tuyến người trai ôm súng ước mơ
Rũ chinh y trọn ước với câu thơ
Theo lối về thôn cũ đường thăm hoa
Gió trắng lạnh tình không phai niềm nhớ*

*Quê cũ mùa trăng thu ngát ý thơ
Bên sông xưa rộn rã tiếng khoan hò
Cô lái đò đôi má hồng ước mơ
Đón Anh về ghi chép nốt vần thơ”*

Trời hỡi ! vì sao một tâm hồn tràn ngập niềm yêu đời, yêu người đã phải chết một cách đau đớn, oan nghiệt .

Tưởng nhớ nhạc sĩ Minh Kỳ

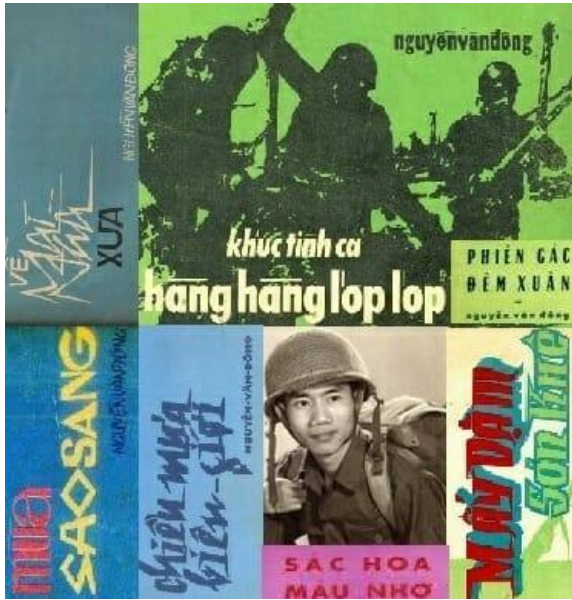
Vĩnh Biệt hoàng thân Vĩnh Mỹ, người bạn thân thiết của Nha Trang

Tháng tư buồn thảm, xin thấp ông nén hương và xin ông hãy tin rằng những ca khúc của Minh Kỳ sẽ luôn được yêu mến, sẽ vĩnh cửu cùng năm tháng.

Tháng 4/2019

() trích trong “Cái Chết Oan Khuất Của Nhạc Sĩ Minh Kỳ” Phạm Tín An Ninh.*

VỀ ĐÂY MÂY NƯỚC ĐÊM THÂU LẠNH LÒNG *



Hình (T.Vấn)

Tưởng nhớ nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông (1932-2018)

Nguyễn Văn Đông, người nhạc sĩ có nhiều ca khúc viết về mùa Xuân, đã qua đời tại Sài Gòn, vào mùa xuân năm 2018. Gần đến ngày 26 tháng 2, tôi mong kỷ niệm hai năm ngày mất, nhạc sĩ sẽ được nhắc nhở và những ca khúc của ông sẽ được hát lại ở đâu đó. Nhưng thời thế thay đổi, dịch Cô Vy bùng phát, không khí lo âu bao trùm, mọi người bị cách ly, các chương trình biểu diễn bị cấm, phải mang khẩu trang, chẳng ai còn tha thiết hát ca.

Nguyễn Văn Đông đã lặng lẽ đi vào muôn năm cũ. Riêng tôi, tôi vẫn không quên người nhạc sĩ đã đi vào ký ức tuổi thơ của tôi.

Năm đó tôi chưa đọc thông viết thạo nhưng tôi biết nước tôi lần đầu có Tổng Thống.

Miền Nam khi ấy hào hứng xây dựng cuộc sống mới. Trong làng, những ngôi nhà tranh bị Tây đốt được xây lại, lợp ngói dù vách vẫn là vách đất. Mỗi nhà được phát treo trên vách một tấm ảnh Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Tôi vẫn ấn tượng với hình ảnh một vị tổng thống vừa uy nghi vừa hiền hậu, mặc áo vest, trên mặt có một nốt ruồi. Không khí thanh bình làm mọi người yên tâm trông chờ vào một ngày mai tốt đẹp.

Trung thu năm ấy, Quận có mở một cuộc thi hát cho học sinh tiểu học. Tôi được trường chọn làm thí sinh tham gia cuộc thi. Cậu tôi mà cũng là ông bầu của tôi tập cho tôi hát bài Chiều Mưa Biên Giới của nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông.

Tôi chưa hiểu lắm về lời ca. Những chữ như “*khu chiến, hậu phương, sa trường, khanh tướng...*” lần đầu trong đời tôi được biết. Nhưng với sự kiên trì của cậu và “tài năng” của cháu, tôi đã thuộc lòng bài hát và đoạt giải ba. Thực ra hồi đó trẻ em rất nhút nhát đâu biết hát hò gì và đâu phải nhà nào cũng có ông cậu biết đàn mandolin như cậu tôi, nên tôi đã ăn may.

Nhưng cũng từ đó tôi rất thích những ca khúc của Nguyễn Văn Đông. Ở miền Nam thuở ấy, nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông rất nổi tiếng. Tuy nhiên người ta ngưỡng mộ ông vì ông là tác giả ca khúc Chiều Mưa Biên Giới chứ ít ai biết ông là Đại Tá trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Có lẽ vì người ta chưa bao giờ nhìn thấy hình ảnh ông mang lon đại tá, ngồi xe jeep, mà chỉ thấy hình ông ngồi bên ba lô nón sắt như một anh lính bình thường. Chắc ông chẳng cao sang gì vì nhạc ông hay nhắc tới “nhà tranh”:

“Ngồi ngắm mấy nóc chòi canh

Mơ rằng đây mái nhà tranh”

(Phiên Gác Đêm Xuân)

“Nơi xưa quê nghèo

Nhà tranh nát tiêu điều

Tình xưa khôn hàn gắn”

(Về Mái Nhà Xưa).

Một hôm, bọn học trò chúng tôi kinh hoàng nghe tin vị Tổng Thống mà chúng tôi thường suy tôn là “Ngô tổng Thống, Ngô Tổng Thống muôn năm” đã bị bắn chết. Mẹ tôi khóc. Mẹ tôi rất kính trọng Tổng Thống.

Sau một thời gian ngắn ngủi yên bình, miền Nam Việt Nam lại bước vào một giai đoạn bất ổn và đối mặt với một cuộc chiến tàn khốc. Một lớp nhà văn nhà thơ trẻ sôi nổi, thao thức với thời cuộc thay thế cho các văn thi sĩ của thế hệ trước như Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương, Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc, Võ Phiến... viết lên những bi kịch nóng hổi của chiến tranh.

Những ca khúc êm ái như Chiều Tím, Ngàn Năm Mây Bay, Hoa Xoan Bên Thềm Cũ, Phố Chiều... bị lực lượng các nhạc sĩ trẻ lấn át bằng những ca khúc rất gần với súng đạn. Nổi đau đớn về chết chóc, chia lìa, tuyệt vọng trong ca khúc của Trúc Phương, Nhật Ngân, Trần Tử Thiêng, Trịnh Công Sơn... hiện diện khắp nơi.

*“Tôi có người yêu chết trận Pleime
Tôi có người yêu ở chiến khu Đ
chết trận Đồng Xoài
chết ngoài Hà Nội
chết vội vàng dọc theo biên giới*

*Tôi có người yêu chết trận Chu-Prông
Tôi có người yêu bỏ xác trôi sông
chết ngoài ruộng đồng
chết rừng mịt mù
chết lạnh lùng mình cháy như than”*

(Trịnh Công Sơn)

Có một nhạc sĩ lớn tuổi nhưng không chịu thua bọn trẻ.

Đang làm mọi người mơ mộng với những ca khúc êm ái như Cỏ Hồng, Nghìn Trùng Xa Cách, Ngày Đó Chúng Mình... Phạm Duy đã bắt kịp rất nhanh với thời cuộc khi phổ thơ Linh Phương cho ra đời Kỷ Vật Cho Em:

*“Em hỏi anh, em hỏi anh bao giờ trở lại
Xin trả lời, xin trả lời mai một anh về.
Anh trở lại có thể bằng chiến thắng Pleime,
Hay Đức Cơ, Đồng Xoài, Bình Giã,
Anh trở về anh trở về hàng cây nghiêng ngả
Anh trở về, có khi là hòm gỗ cài hoa,
Anh trở về trên chiếc băng ca
Trên trục thặng sơn màu tang trắng.”*

Lạ thay, nhạc sĩ đại tá Nguyễn Văn Đông trước sao, sau vậy. Ca khúc của ông luôn chan chứa tình yêu nước nhưng không bi lụy mà rất bình tĩnh, hy vọng vào một ngày mai tươi sáng.

“Còn đây đêm cuối cùng
Nhìn em muốn nói chuyện người Kinh Kha
Ngại khơi nước mắt, nhạt nhòa môi em
Người đi giúp núi sông...
Hàng hàng lớp lớp chưa về
Người người nối tiếp câu thơ
Giành lấy quê hương.”

(Khúc Tình Ca Hàng Hàng Lớp Lớp)

Có lẽ chính vì nét hiền lành, giản dị trong ý nhạc mà người hát hay nhất nhạc của Nguyễn Văn Đông là giọng ca trong sáng Hà Thanh. Tuy nhiên không phải dễ để hát ca khúc Nguyễn Văn Đông, bởi nhạc của ông rất đặc biệt khi luôn đẩy lên các nốt cao. Khánh Ly, Lê Thu, Lê Uyên giọng trầm không hợp chút nào. Thái Thanh giọng cao nhưng lạnh lốt, điều luyện quá, không xong. Thanh Tuyền, Hoàng Oanh, theo ý riêng của tôi quá mộc mạc. Mà nhạc Nguyễn Văn Đông tuy giản dị nhưng... sang. (Thời đó không ai gọi nhạc Nguyễn Văn Đông là nhạc Sến)

Chỉ có giọng Hà Thanh vừa dịu dàng, hiền hậu lại cao và... sang rất hợp với tâm tình của tác giả, một người vừa lãng mạn vừa... nghiêm chỉnh:

*Bao ước mơ giữa khung trời phiêu lãng,
Chờ mùa Xuân tươi sáng, nhưng mùa thắm chưa sang
Anh đến đây, rồi anh như bóng mây,
Chốn phương trời ấm lạnh hòa chung mái nhà tranh*

(Mấy Dặm Sơn Khê)

Là một đại tá nhưng Nguyễn Văn Đông chưa một lời hô hào

“nhắm thẳng quân thù mà bắn”.

Thật cảm động khi nghe ông trần trở:

“Mong sao nước Việt đời đời

Anh dũng oai hùng chen chân thế giới”

(Hải Ngoại Thương Ca)

Vậy mà ông đã bị “quân thù” cầm tù mười năm. Ông chỉ được ra tù khi xác thân tàn tạ, chờ chết.

Ông từng kể lại, trên bước đường lê lết trở về mái nhà xưa,, không ai nhìn ra ông già rách rưới tiều tụy kia chính là nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông.

Có lẽ vì nghĩ mình không còn sống được lâu, ông muốn được chết ở quê nhà và không làm thủ tục ra đi theo diện HO.

Hôm đưa tang ông, có một người nào đó mang kèn đến thổi *“Chiều mưa biên giới anh đi về đâu....”* và trong dòng người tiễn đưa, các đồng đội, các cựu binh xuất thân từ

trường Thiếu Sinh Quân nghiêm chỉnh đưa tay lên trán chào vĩnh biệt cố đại tá.

Nguyễn Văn Đông, người hiền của miền Nam Việt Nam đã ra đi, vĩnh biệt mọi người, vĩnh biệt người vợ hiền và ngôi nhà cũ kỹ có treo tấm bảng “Tiệm Bánh Mì Nhiên Hương”.

“Chiều nay thấy hoa cười chợt nhớ một người

Chạnh lòng tôi khơi bao niềm nhớ”

Mong ông yên nghỉ nơi *“xa xăm phương trời ấy”*

Tháng 6/2020

Chú Thích:

() lời trong Trở Về Mái Nhà Xưa (NVD)*

**KIM TUẤN,
CHÀNG THI SĨ CỦA MÙA XUÂN**



Tranh (Huyền Chiêu)

(kỷ niệm 60 năm ca khúc Anh Cho Em Mùa Xuân,

Thơ Kim Tuấn, Nguyễn Hiền phổ nhạc)

Kim Tuấn tên thật Nguyễn Phước Vĩnh Khuê, cái tên làm liên tưởng đến hình ảnh một chàng trai thanh mảnh, nho nhã dù bạn thân của ông, họa sĩ Đinh Cường mô tả “*Kim Tuấn hiền lành mập mạp, da hơi ngăm đen với nụ cười híp mắt*”.(*)

Kim Tuấn viết bài thơ *Nụ Hoa Vàng Ngày Xuân* năm 1961, khi tác giả mới ngoài 20.

Năm 1962 nhạc sĩ Nguyễn Hiền phổ nhạc bài thơ. Từ đó hàng năm, sau khi ông Táo về trời, hoa mai, hoa đào bắt đầu hé nụ, mọi người lại chờ đón văng vẳng đâu đó khúc nhạc *Anh Cho Em Mùa Xuân*.

Cũng như bánh chưng bánh tét, ly rượu mừng, câu đối đỏ, *Anh Cho Em Mùa Xuân* quá đỗi thân thương. không thân thương sao được khi mùa xuân về *anh cho em tất cả*.

Mỗi năm có bốn mùa nhưng hình như các thi sĩ, nhạc sĩ thiên vị nhiều cho mùa thu.

Riêng Kim Tuấn, mùa xuân được ông nhắc tới nhiều nhất dù thi sĩ sinh ra trong bối cảnh lịch sử đen tối và cũng như tất cả các thanh niên thuở ấy ông luôn mang nặng nỗi đau thân phận là người con của “nước Việt buồn”

“*Khi về núi đứng trông theo
con sông nước cạn bên đèo khói mây
đỉnh cao chiều gió ngang mây
lênh đênh sương phủ vòm cây nhớ rừng
mắt buồn giọt nhỏ rung rung
mưa bay xuống thấp lưng chèo lững sâu
cỏ xanh màu lá hoa sâu
đá xanh màu nhớ đêm sâu ngút ngàn”*

(Biên Giới Với Ta Và Rừng)

Trong “*Với Tuổi Ba Mươi*” chúng ta nghe được tiếng thở dài của người đàn ông không có tương lai:

“*Ba mươi tuổi đã hồng trần
đôi hoang vó ngựa bao lần xót xa
tuổi mòn chinh chiến can qua
áo thấm máu lửa đem ra sa trường”*

Buồn thì buồn, đau thì đau, nhưng Kim Tuấn chỉ muốn mang niềm hạnh phúc và hy vọng đến cho mọi người. Ông đã dành người yêu:

“anh cho em mùa xuân

bàn tay thơm sữa ngọt

dãi đất hiền chim hót

người yêu nhau trọn đời

mái nhà ai mới lợp

trẻ đùa vui nơi nơi

hết buồn mưa phố nhỏ

hẹn cho nhau cuộc đời

khi hoa vàng sắp nở

trời sắp sang mùa xuân”

(Nụ Hoa Vàng Ngày Xuân)

Ông nén đau thương, “dạy cho con tiếng nói thật thà”:

“Sau chiến tranh con nhớ về quê

tay cuốc tay cày

thế tay cầm súng

bỏ những ngày cơ cực gian nan

bỏ phố xưa trở lại xóm làng

cày sâu cuốc bẫm

làm lấy mà ăn

đừng xin ai đồng bạc

đừng thêm làm tôi tớ cho ai

con hãy nhớ yêu núi rộng sông dài

nhớ ta là người không là loài vật”

(Dặn Con)

Là con trai duy nhất trong gia đình, ông hiểu trong chiến tranh trái tim người mẹ dễ tan vỡ đến như thế nào. Mẹ ơi, tết con không về nhưng con trai của mẹ vẫn còn đây:

“Tết này thêm chút tiền lương lính

có dăm trăm bạc gửi quê nhà

mẹ mua thêm gạo ăn qua Tết

con ở rừng cam khổ cũng qua”

(Gửi Mẹ Mùa Xuân)

khi lộc non trảy lá, khi tiếng chuông chùa ngân vang trong chiều xuân êm ả, Kim Tuấn mơ một ngày về bao xiết thanh bình.

“Khi tôi trở về mẹ vừa tóc bạc. Đôi mắt nhìn vào tương lai và quên bao nỗi ưu phiền. Con còn lại bay trong đồng ruộng xanh. Lũy tre cúi xuống ưu tư cùng mùi khói un quen thuộc.

Khi tôi trở về tôi sẽ đi thăm bờ sông tuổi nhỏ, tôi sẽ buồn thăm những chuyện ngày xưa và sẽ khóc một mình – vì quê hương tôi bao lần đau khổ, bao lần đắng cay, bao nhiêu tủi hờn. Quê hương tôi ở đó. Quê hương tôi khi còn tuổi nhỏ, khi tôi lớn lên bằng tiếng ru hời. Quê hương tôi bao lần đau khổ, bao lần đắng cay, bao nhiêu tủi hờn.”

(Những Điều Ghi Được Trong Giác Ngủ)

60 năm, kể từ mùa xuân ấy, ông nhạc sĩ tài hoa và ông thi sĩ hiền lành mơ mộng đã qua đời nhưng Anh Cho Em Mùa Xuân vẫn còn đó, vẫn vang vọng trong niềm mơ ước một mùa xuân “Đất mẹ gầy có lúa, đồng ta xanh mấy mùa, ngoài đê điều căng gió, thoảng câu hò đôi lứa”.

Và mơ ước vẫn mãi là mơ ước.

Nhớ câu thơ buồn như một lời trăng trối:

“Khi tôi trở về, khi tôi trở về cuộc đời xuôi chảy. Có bóng trăng xưa soi trên lối vườn, có rừng cây ồm vì nhiều thương nhớ, và khi thức dậy tôi tìm thấy tôi.”

(Những Điều Ghi Được Trong Giác Ngủ)

Xin cảm ơn và chào vĩnh biệt chàng thi sĩ của mùa Xuân.

Tháng 1/2021

Chú Thích:

() trích trong “Kim Tuấn: Chiều Đông Nào Nhung Nhớ-Đình Cường)*

LÊ TRỌNG NGUYỄN
MÂY CHE KHUẤT MỘT NIỀM ĐAU



Bến xưa (Xóm Bàu – La Hai, Phú Yên) – Tranh: Mai Tâm

“Chờ qua năm tháng rũ áo trần gian”

{Sao Đêm- Lê Trọng Nguyễn}

Lê Trọng Nguyễn sáng tác không nhiều nhưng ca khúc của ông luôn gây ấn tượng. Nhạc Lê Trọng Nguyễn lạ, có khi mang niềm yêu dấu rất nhẹ nhàng có khi lại chất chứa một nỗi đau nặng nề...khó hiểu.

Nắng Chiều là bài hát thuộc xóm nhẹ nhàng.

Ai mà không nhớ mãi thuở thanh xuân, thuở mà người ta cảm thấy *“tìm tòi tề”* theo Lê Trọng Nguyễn khi một dáng em gầy gầy bây giờ *“biết đâu mà tìm”*.

Chuyện tình trong Nắng Chiều cứ vương vấn mãi trong lòng người 20 cho đến bây giờ đã 80 vì đó là một chuyện tình *“phổ biến”*. Một chuyện tình có *“xót xa dưới tre lá ngà”*. Ôi làm sao quên được những buổi chiều *“mây lướt thướt trôi khi nắng vương đời”* có em *“dịu dàng nhìn anh em nói mến anh”*.

Lạ sao, cũng là Lê Trọng Nguyễn, cũng là một “bến nước xưa” nhưng “Bến Giang Đầu” lại mang một nỗi đau vô cùng khúc mắc.

“Bước nặng nề qua thềm nhà vắng vương xác hoa

Khi nắng chiều nghiêng, ghé bên vai, úp vào má”

Không gian thì hoang vắng tiêu điều, không khí thì rờn rợn một nỗi buồn liêu trai.

“Lách cỏ vườn xưa, tìm lại chốn ta vẫn đùa”

“ngắt hoa anh cười, nhưng em trách rồi lệ ứa”

“Bước” “Lách”, Ngắt, “trách” “lệ ứa”....

Bến Giang Đầu là một bài thơ lạ nằm ở vắn trắc.

Có khi nào các bạn nghe “Cát Biển” của Lê Trọng Nguyễn?

Khi nàng tiên cá 15 tuổi lần đầu được phép lên khỏi mặt nước để ngắm nhìn thế giới loài người, nàng đã choáng ngợp khi nhìn thấy một sinh vật đẹp đến nỗi trái tim nàng như bị ai bóp nghẹn. Nàng đã nhìn thấy một vị hoàng tử đang đứng trên du thuyền ngắm nhìn mặt biển. Từ đó nàng đã hy sinh cả sinh mạng, hy sinh cả tiếng nói, giọng hát

chỉ mong có được đôi chân để có thể một lần đi dạo cùng hoàng tử trên bờ biển vắng.

“Rời một chiều vàng bóng

Nàng là áng mây ngàn

Chẳng hẹn mà cùng đến

Bên bờ cát hoang”

“Cát biển” lời giản dị nhưng đẹp:

“Thành xưa xây đắp đở một nụ cười

Bàn chân trên cát thủy triều dập vùi”

Người đã vẽ được một bức tranh nhẹ nhàng, thơ mộng như trong “Cát biển” không hiểu sao có lúc lại tuôn ra được những lời lẽ đau xé da, xé thịt như trong “Sao Đêm”.

“Còn gì nữa? Bầu trời rạn nứt rồi

Mà ôi tâm tư đen tối chơi vơi

Đâm nát phím ngà người yêu tàn phá

Chờ qua năm tháng rũ áo trần gian”

.....
“Còn gì nữa, tuổi vàng qua mắt rồi

Mà ôi thương đau theo mãi không thôi

Thân xác héo mòn đời ta lạnh trống

Đôi mắt tiên nâu chờ ta giữa trời sao”

Lê Trọng Nguyễn, với tôi luôn là một tâm hồn bí ẩn.

“Có phải vì anh bệnh bông mãi trong gió sương

Trong lúc đời em dưới hiên tranh, khói lạc hương ?”

Giờ này ông đã “rũ áo trần gian” mong sao ông đã trở thành một ngôi sao bình yên.

(Viết tháng 5/2016 – Sửa lại tháng 7/2021)

PHẠM THẾ MỸ VÀ TÂM TÌNH HIẾN DÂNG



Cứ tưởng tôi đã quên Phạm Thế Mỹ.

Với tôi, nhạc của ông không có gì để nhớ, không đa dạng như Phạm Duy, không sang trọng như Cung Tiến, không vừa thơ mộng vừa triết lý như Trịnh Công Sơn, nhạc Phạm Thế Mỹ chỉ vui vui như “Nắng Lên Xóm Nghèo”. Nhưng trong một buổi hoàng hôn, ngâm ngùi trông ngày tháng dần qua, đọc lại tiểu sử Phạm Thế Mỹ, tôi bỗng thấy tội, thấy “thương”cho một nghệ sĩ yêu quê hương, yêu đất nước nhưng yêu nhầm lý tưởng.

Phạm Thế Mỹ sinh 1930 ở An Nhơn, Bình Định. Vậy ông đã sống 9 năm kháng chiến (1945-1954) ở liên khu 5 (Nam Ngãi Bình Phú). Ông đã trải qua tuổi thơ trong một nền giáo dục thấm đẫm màu hồng cách mạng. Năm 20 tuổi (1950) ông là cán bộ tuyên huấn, là phóng viên báo Quân Đội Nhân Dân và có sáng tác đầu tiên Nắng Lên Xóm Nghèo:

*“Bên luống cày đời vui đang nở hoa
ôi áo màu nâu tươi sao đẹp quá
Chân bước về tìm vui đan mái lá và
Nghe tiếng hò hát đưa duyên mặn mà”*

Lời bài hát thật dễ thương, không chút sắt máu, không mang màu đấu tranh giai cấp.

Năm 1954, hai ông anh của Phạm Thế Mỹ được tập kết ra bắc nhưng Phạm Thế Mỹ được “cài cắm” ở lại miền Nam để hoạt động nội thành.

Năm 1959 ông vào Sài Gòn học ở Quốc Gia âm nhạc và sau đó dạy Việt Văn, âm nhạc ở Sài Gòn.

Ông tiếp tục sáng tác và những ca khúc Trăng Tàn Trên Hè Phố, Những Ngày Xưa Thân Ái, Thương quá Việt Nam... của ông rất được yêu thích.

Vào khoảng năm 1965-1966 ông bị đi tù vì có tham gia đấu tranh trong phong trào Phật Giáo.

Ra tù trái tim ông vẫn ngưỡng vọng về miền bắc thân yêu có các thầy giáo, các anh trai, các bạn thân của ông, những người con ưu tú của quê hương Bình Định ông mà ông hết lòng thương mến, kính trọng.

Trong bài Thương Quá Việt Nam. ông có năm lần nhắc đến chữ “Hồng” với tất cả tin yêu.

“Hót cho mặt trời hồng quê ta”

“Hoa nắng hồng trên quê anh ”

“Nắng lên hồng ruộng mạ lên xanh”

“Nắng lên hồng nụ cười quê em”

“Nắng thêm hồng ruộng mạ xanh thêm”

Ông mơ một ngày “Rạng Đông Trên Quê Hương Việt Nam”. Và trong ca khúc Dựng Lại Quê Hương Phạm Thế Mỹ cũng không quên chữ “Hồng”:

*“hát cho tổ quốc trăm năm tôn thờ
Hát cho mặt trời hồng lên giấc mơ”*

Ngày miền nam được “giải phóng” trong số những người vui mừng nhất chắc chắn có Phạm Thế Mỹ. Ông được làm việc tại phòng văn Hóa Thông Tin Quận 4, Sài Gòn, giờ là thành phố Hồ Chí Minh.

Vẫn một lòng một dạ tin tưởng về “mặt trời hồng trên quê ta” ông cặm cụi sáng tác hàng trăm ca khúc cách mạng trong đó có “Nhớ Ông Bác, Nhớ Ông Đảng”, “Thắm Đuộm Quê Hương”, “Lê Na Belicova”...

Nhưng dường như tâm lòng trung thành của ông không được ưu ái, những nhạc phẩm cách mạng lộ diện hoàn toàn của ông không được đón nhận.

Bọn trẻ Trần Long Ân, Nguyễn Văn Sanh, Nguyễn Văn Hiên, Tôn Thất Lập, Phạm Trọng Cầu... lập ra nhóm nhạc sĩ “Những Người Bạn” không có tên bạn Phạm Thế Mỹ.

Trần Long Ân được nhận chức Ủy Viên Thường Vụ Hội Nhạc Sĩ Việt Nam, Chủ tịch Hội Âm Nhạc Thành Phố Hồ Chí Minh oai quyền một cõi.

Còn Phạm Thế Mỹ vẫn là nhân viên bình thường của một phòng văn hóa quận.

Sao vậy nhỉ?

Nghĩ một hồi, tôi tự có câu trả lời ...cho tôi.

Phạm Thế Mỹ một lòng son sắt yêu “Cách mạng” nhưng ông có vẻ hiền lành, không có quan điểm sắt máu, phê phán miền Nam. Chẳng những thế tội to nhất của ông là người miền Nam cũng không ghét ông. Những ca khúc “Trăng Tàn Trên Hè Phố”, “Những Ngày Xưa Thân Ái” là những bài hát quen thuộc với người dân miền Nam qua giọng ca rất mùi của Chế Linh, Duy Khánh...

Đọc lại lời hai bài hát trên bây giờ cũng chẳng biết đó là tâm tình của ông với người bạn cùng quê thuở nhỏ đi tập

kết, giờ là bộ đội giải phóng miền nam, hay là tình cảm dành cho anh bạn lính cộng hòa? mù mờ quan điểm cũng là một cái tội!!!

Riêng bài Đan Áo Mùa Xuân, một ca khúc đắm thắm thật cảm động, theo tôi, rõ ràng Phạm Thế Mỹ muốn nói đến nỗi chờ mong của một thiếu phụ luôn thương nhớ người chồng đi tập kết ra bắc, gần 20 năm rồi chẳng thấy về.

“Cứ mỗi lần hoa mai vàng trước ngõ

Là thôi em mong nhớ xuân này chàng có về

Hỏi hoa hoa chẳng nói

hỏi mây mây lặng đứng

Hỏi gió gió ngập ngừng

hỏi nắng nắng ngại ngừng” ...

Nếu có chồng là lính Cộng Hòa thì năm nào anh cũng được một số ngày phép về thăm gia đình.

“Xuân này anh có về” là nỗi khắc khoải chờ mong trong vô vọng người chồng không biết bao giờ gặp lại:

“Nhớ xuân xuân năm nào

Bên bếp lửa vui,

ngồi đan áo cho anh

Đôi mắt anh dịu buồn

nói anh sẽ về

khi máu xương ngừng rơi”

Anh sẽ về khi nào hết chiến tranh? Ông chồng này chắc chắn đang ở bên kia chiến tuyến mới phải chờ lâu đến thế. Còn người chồng hy sinh cả tuổi thanh xuân, hy sinh cả hạnh phúc gia đình để đi theo cách mạng thì sao?

Chúng ta hãy nghe Phạm Thế Mỹ gửi gắm tâm tình trong vai một chàng chinh phu hoang mang mất phương hướng trong ca khúc “Vó Ngựa Trên Đồi Cỏ Non”:

“Em đâu yêu ơi

anh đang quay về mười năm xa vắng

*Anh đã đưa em, đưa em đi tìm một giấc mơ đời
Mười năm lạc loài phải không em?*

*Mười năm hận thù trĩu trong tim
Ta trót vong thân, ta trót vong ân*

Mang tuổi hoa niên, làm kiếp phong trần”

Sau 1975 ông trở về nương thân với bên thắng cuộc.

Trước khi mất năm 2009, nằm trên giường bệnh, trong căn chung cư nhỏ hẹp ở quận 4, Phạm Thế Mỹ cố hết sức tàn hoàn tất hai trường ca lớn “Con Đường Thế Kỷ” (Đường Hồ Chí Minh) và “Gió Củ Chi”.

Những tác phẩm đầy tâm huyết ấy không biết bao giờ mới được phổ biến, được trình diễn, được lắng nghe và yêu thích như “Những Ngày Xưa Thân Ái”.

Tháng 6/2022

NHỮNG CHUYỆ XƯA CỦA LÒNG, tập tản văn của
Huyền Chiêu, là tác phẩm thứ 61 trong Tủ Sách Điện
Tử T.Vấn & Bạn Hữu. Bản điện tử được phát hành
miễn phí trên hệ thống toàn cầu của trang mạng văn
học:

T.Vấn & Bạn Hữu
(T-Van.Net).

*Bản Quyền thuộc về Tác giả
và Tủ Sách T.Vấn & Bạn Hữu*



